



# LEVEL UP 2025

ANNUAL REPORT | 2025

# Mục lục

|              |                                    |                                               |     |
|--------------|------------------------------------|-----------------------------------------------|-----|
| CHƯƠNG<br>01 | THƯ NGỎ<br>CỦA CHỦ TỊCH            | Thư ngỏ của Chủ tịch .....                    | 6   |
| CHƯƠNG<br>02 | TỔNG QUAN<br>DOANH NGHIỆP          | Về doanh nghiệp .....                         | 10  |
|              |                                    | Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi .....    | 14  |
|              |                                    | Sơ đồ tổ chức .....                           | 16  |
| CHƯƠNG<br>03 | ẤN TƯỢNG<br>2025                   | Thành tựu nổi bật .....                       | 24  |
|              |                                    | Giải thưởng nổi bật .....                     | 26  |
| CHƯƠNG<br>04 | BÁO CÁO KẾT QUẢ<br>KINH DOANH 2025 | Đánh giá thị trường 2025 .....                | 30  |
|              |                                    | Kết quả kinh doanh 2025 .....                 | 52  |
|              |                                    | Hoạt động môi giới chứng khoán .....          | 56  |
|              |                                    | Chứng khoán phái sinh .....                   | 62  |
|              |                                    | Hoạt động kinh doanh nguồn vốn .....          | 66  |
|              |                                    | Hoạt động sản phẩm tài chính .....            | 70  |
|              |                                    | Hoạt động công nghệ .....                     | 72  |
|              |                                    | Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB) ..... | 74  |
|              |                                    | Hoạt động phát triển đối tác B2B2C .....      | 82  |
|              |                                    | Hoạt động phát triển sản phẩm .....           | 86  |
|              |                                    | Truyền thông và tiếp thị .....                | 100 |

|              |                               |                                                                 |     |
|--------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----|
| CHƯƠNG<br>05 | CHIẾN LƯỢC<br>PHÁT TRIỂN 2026 | Triển vọng kinh tế và thị trường 2026 .....                     | 106 |
|              |                               | Tầm nhìn phát triển .....                                       | 114 |
|              |                               | Kế hoạch hành động .....                                        | 116 |
| CHƯƠNG<br>06 | QUẢN TRỊ<br>DOANH NGHIỆP      | Quản trị doanh nghiệp .....                                     | 122 |
|              |                               | Hoạt động Quản trị rủi ro .....                                 | 134 |
|              |                               | Thông tin Cổ phiếu DSE &<br>Cơ cấu Cổ đông tại 31/12/2025 ..... | 146 |
| CHƯƠNG<br>07 | PHÁT TRIỂN<br>BỀN VỮNG        | Phát triển nhân lực .....                                       | 150 |
|              |                               | Trách nhiệm đối với xã hội, nhà nước và cổ đông .....           | 158 |
| CHƯƠNG<br>08 | BÁO CÁO<br>TÀI CHÍNH          | Thông tin về Công ty .....                                      | 0   |
|              |                               | Báo cáo kiểm toán độc lập .....                                 | 0   |
|              |                               | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc .....                             | 0   |
|              |                               | Báo cáo tình hình tài chính .....                               | 0   |
|              |                               | Báo cáo kết quả hoạt động .....                                 | 0   |
|              |                               | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .....                                | 0   |
|              |                               | Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu .....                | 0   |
|              |                               | Thuyết minh báo cáo tài chính .....                             | 0   |

# Chương 01

## THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH





# Thư ngỏ của Chủ tịch



Các sản phẩm ứng dụng Open API và AI sẽ trở thành công cụ đón đầu xu hướng trong kỷ nguyên giao dịch “không độ trễ”, tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững cho DNSE trên hành trình “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt”.



Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
**Nguyễn Hoàng Giang**

**Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác của DNSE,**

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế, tài chính quốc tế nhiều biến động, vượt qua những thách thức, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã ghi nhận nhiều điểm nhấn bất phá. Thanh khoản, giá trị vốn hóa và số lượng nhà đầu tư đạt kỷ lục, phản ánh quy mô, chiều sâu và sức hấp dẫn ngày càng tăng của thị trường.

Với hai dấu mốc quan trọng - hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động và sự kiện FTSE Russell công bố nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi, TTCK Việt Nam đã chứng tỏ năng lực hội nhập toàn cầu và tiềm năng phát triển mạnh mẽ.

Song hành và nắm bắt những cơ hội của thị trường, DNSE đã có những nỗ lực chuyển mình mạnh mẽ trong năm qua.

**Với tinh thần dám làm, dám dẫn đầu, chúng tôi đã chạm tới những đỉnh cao mới trong kết quả kinh doanh, vững vàng củng cố vị thế trên thị trường.**

Doanh thu năm 2025 đạt 1.467 tỷ đồng, tăng 77% so với 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 340 tỷ đồng, tăng 50% so với 2024, dư nợ cho vay margin và ứng trước tiền bán đạt 5.832 tỷ đồng, mức kỷ lục trong lịch sử hoạt động.

DNSE hiện đã cán mốc trên 1,5 triệu khách hàng, tức 13% tổng số tài khoản chứng khoán toàn thị trường. Nỗ lực

tiếp cận khách hàng đa kênh giúp DNSE tiếp tục dẫn đầu về thị phần tài khoản chứng khoán mở mới với 20% thị phần, đồng thời củng cố mạnh mẽ vị trí Top 2 thị phần chứng khoán phái sinh với thị phần tăng lên 21,47%.

Bước sang 2026, chúng tôi giữ vững niềm tin vào triển vọng tích cực của thị trường. Nền tảng vĩ mô ổn định hơn, mặt bằng dòng tiền duy trì ở mức cao và đặc biệt, tác động lan tỏa từ quá trình nâng hạng thị trường sẽ tạo thêm dư địa phát triển cho thị trường chứng khoán, mở rộng cơ hội thu hút dòng vốn ngoại. Cùng với đó, các chuẩn mực vận hành và hệ thống giao dịch mới sẽ thúc đẩy sự đa dạng hóa sản phẩm, nâng cấp trải nghiệm và năng lực cạnh tranh của toàn thị trường.

**Đón vận hội mới, DNSE đã xây dựng một chiến lược linh hoạt, năng động để sẵn sàng “vươn tầm”.**

Trên nền tảng vững chắc từ hệ sinh thái sản phẩm công nghệ tiên phong đã được DNSE dày công xây dựng trong nhiều năm, trong 2026, chúng tôi chú trọng đầu tư, củng cố hạ tầng, trung tâm dữ liệu, phát triển thêm các tính năng phục vụ nhóm khách hàng giao dịch chủ động, tần suất cao.

Trong đó, các sản phẩm Open API và các tính năng ứng dụng AI được đẩy mạnh, hướng tới tối ưu tốc độ, độ ổn định và khả năng cá nhân hóa trải nghiệm. Đây là nhóm khách hàng giàu tiềm năng, đòi hỏi sản phẩm có chất lượng vận hành cao, đồng thời là thước đo năng lực công nghệ của công ty chứng khoán trong giai đoạn mới.

**Tôi tin rằng đây sẽ là những công cụ đón đầu trào lưu trong kỷ nguyên giao dịch “không độ trễ”, làm nên lợi thế cạnh tranh vững chắc cho DNSE trên hành trình “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt”.**

Thay mặt DNSE, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác cùng toàn thể đội ngũ nhân viên DNSE đã luôn tin tưởng, đồng hành và góp sức trong hành trình phát triển của DNSE.

Với tôn chỉ minh bạch, trách nhiệm, tận tâm, cùng một đội ngũ năng động mang tinh thần “Luôn làm tốt hơn”, tôi tin tưởng rằng DNSE đang ở giai đoạn “chín muồi”, sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao mới, mang đến những giá trị bền vững cho Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và đầu tư hiệu quả!

*Trân trọng,*

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
**Nguyễn Hoàng Giang**



# Chương 02

## TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

10

Về doanh nghiệp

14

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

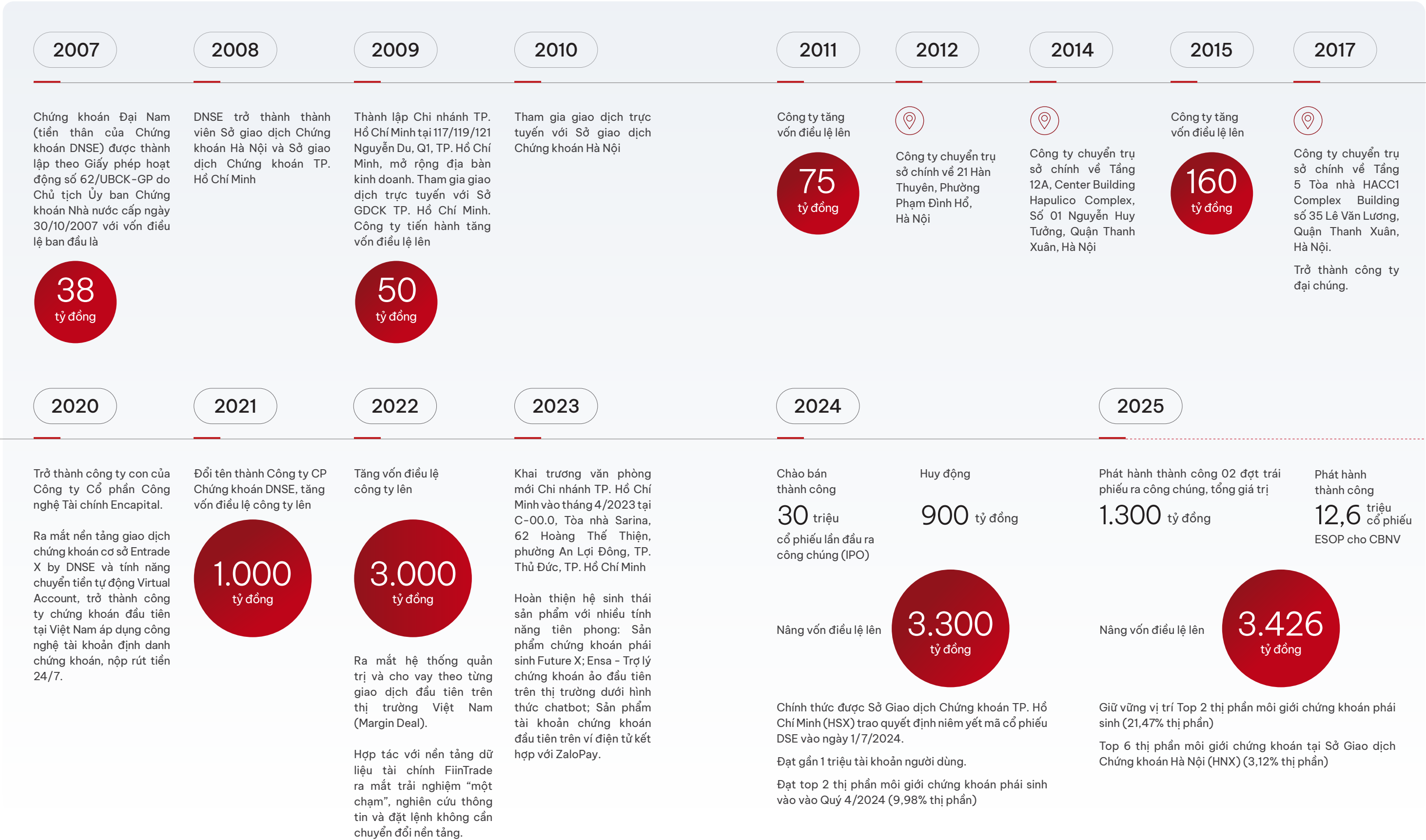
16

Sơ đồ tổ chức



# Về doanh nghiệp

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



# Về doanh nghiệp

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Tư vấn đầu tư chứng khoán

Môi giới chứng khoán

Lưu ký chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Hà Nội

Tầng 6 - Tòa nhà Pax Sky  
Số 63 - 65 Ngõ Thị Nhậm,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### TP. Hồ Chí Minh

C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1,  
Khu nhà thấp tầng khu III  
(Khu chung cư Sarina)  
Số 62 đường Hoàng Thế Thiện,  
Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh.



# Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

## TẦM NHÌN – SỨ MỆNH

### Tầm nhìn

DNSE là công ty đầu tư, kinh doanh, môi giới chứng khoán; đặt trọng tâm vào việc kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ, với mục tiêu tiên phong dẫn dắt thị trường chứng khoán số tại Việt Nam.



### Sứ mệnh

“Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm tài chính, nâng tầm trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.



## TÍNH CÁCH THƯƠNG HIỆU



Tiên phong

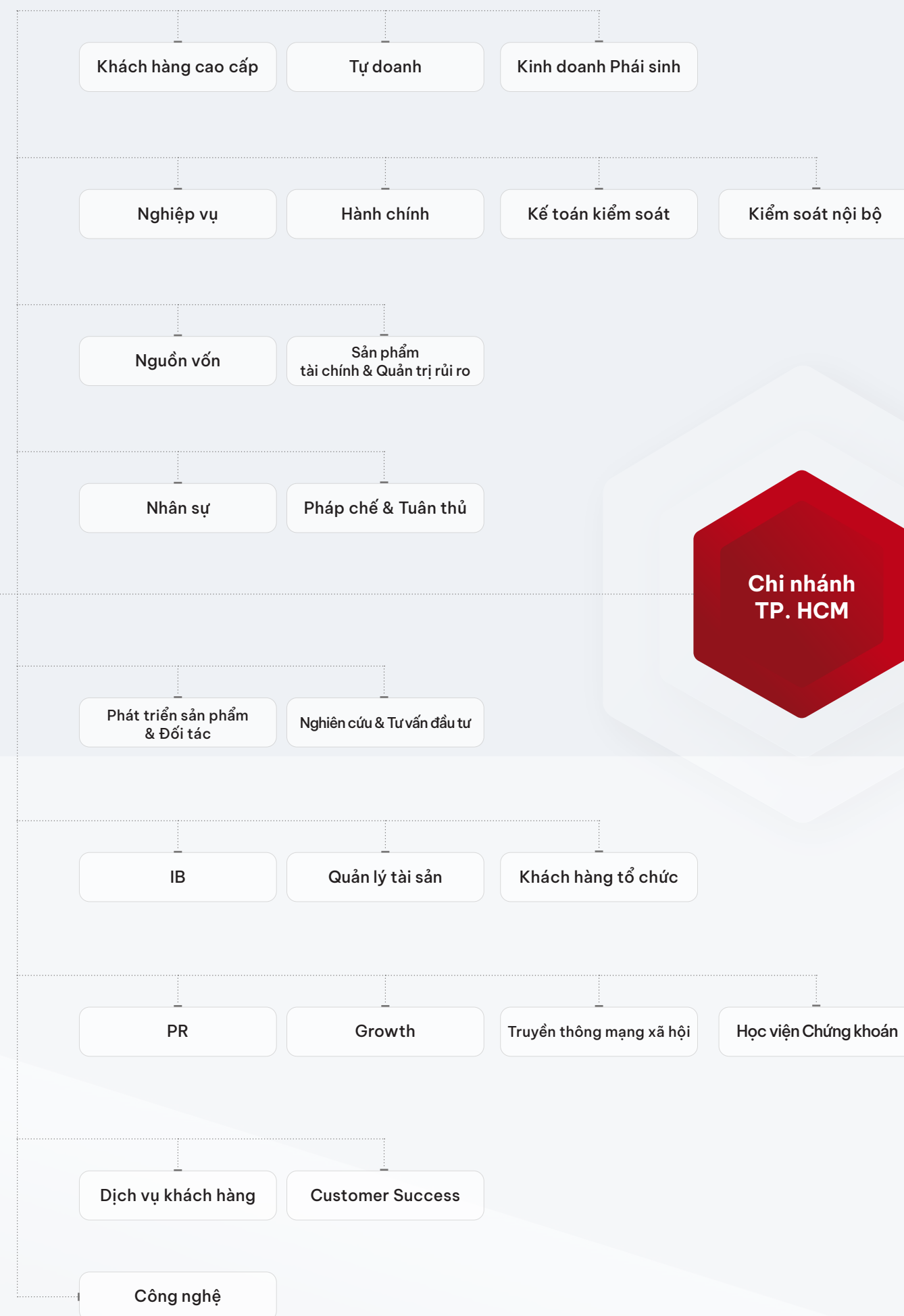
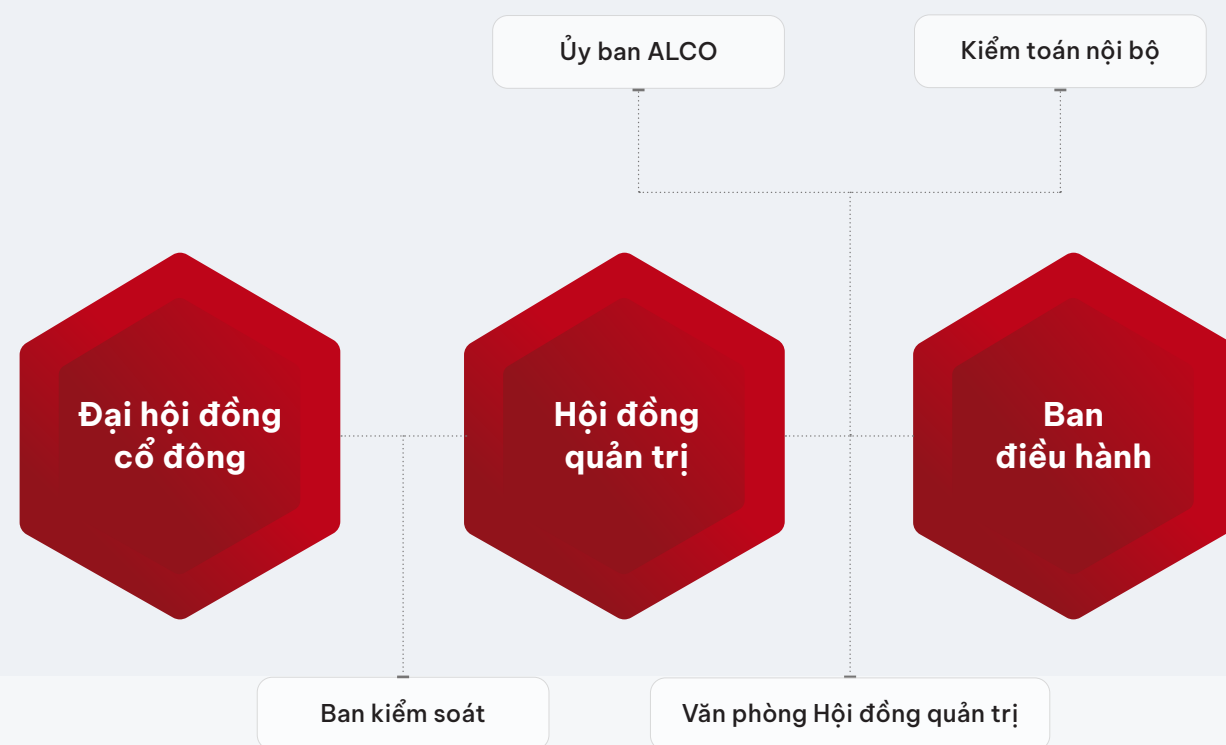


Trẻ trung



Tinh giản

# Sơ đồ tổ chức



# Sơ đồ tổ chức

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kinh nghiệm**

- Từ năm 2019 đến nay: Phó Chủ tịch – Thành viên HĐQT tại các công ty niêm yết quy mô lớn trên thị trường (YEG, TNG, PGS...)
- 10 năm giữ vị trí Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT tại CTCP Chứng khoán VNDirect

**Chứng chỉ/Học vấn**

- Top 30 under 30 (Top 30 nhân vật dưới 30 tuổi xuất sắc nổi bật) vinh danh bởi Tạp chí Forbes năm 2016
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Chicago, Mỹ
- Cử nhân Toán Kinh tế – Khoa học máy tính Đại học Nebraska, Mỹ

**Ông LÊ ANH TUẤN**  
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kinh nghiệm**

- 6 năm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân – CTCP Chứng khoán VNDirect
- Nhiều năm kinh nghiệm vị trí Chuyên gia cao cấp tại KPMG Việt Nam và CTCP Chứng khoán SSI

**Chứng chỉ/Học vấn**

- Cử nhân Quản trị Kinh doanh – Đại học Khoa học Ứng dụng Saxion, Hà Lan

**Bà PHẠM THỊ THANH HOA**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kinh nghiệm**

- 2020 – 2025: Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán DNSE
- Giám đốc vận hành CTCP Công nghệ Tài chính Encapital giai đoạn 2019 – 2020
- 12 năm giữ vị trí quản lý và chuyên gia cao cấp tại CTCP Chứng khoán VNDirect, CTCP Chứng khoán SSI, Công ty TNHH KPMG Việt Nam

**Chứng chỉ/Học vấn**

- Thạc sỹ Ngân hàng – Tài chính – Đại học Paris Dauphine và ESCP Business School, Pháp
- Cử nhân Kế toán Tổng hợp – Đại học Kinh tế Quốc dân

**Bà NGUYỄN THỊ HÀ NINH**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kinh nghiệm**

- Từ năm 2013 – nay: Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát tại các công ty niêm yết (VCP, PTL...)
- Hơn 20 năm kinh nghiệm tại các cương vị Kế toán trưởng – Giám đốc tài chính trong các tổ chức, trong đó hơn 13 năm giữ vị trí Kế toán trưởng tại CTCP Chứng khoán VNDirect; 2 năm đảm nhiệm vai trò Giám đốc Tài chính CTCP VSD Holdings

**Chứng chỉ/Học vấn**

- Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại Đại học Toulon, Pháp

**Ông BUI ANH DŨNG**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kinh nghiệm**

- Sáng lập và Giám đốc Aha Slides Việt Nam
- 4 năm Kỹ sư công nghệ tại Isobar Australia và Isobar UK
- Hơn 4 năm giữ các vị trí Giám đốc Công nghệ sáng tạo, Giám đốc Công nghệ mảng Mobile và Marketing tại CTCP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, Vicare, CTCP Chứng khoán VNDirect và CTCP VNP Group

**Chứng chỉ/Học vấn**

- Cử nhân Khoa học máy tính, Cử nhân Công nghệ thông tin tại Đại học Công nghệ Swinburne, Úc



# Sơ đồ tổ chức

## BAN ĐIỀU HÀNH



**Bà NGUYỄN NGỌC LINH**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

### Kinh nghiệm

- Từ năm 2020 – 2025: Giám đốc Chứng khoán Cơ sở tại CTCP Chứng khoán DNSE
- Hơn 7 năm kinh nghiệm tại các cương vị Trưởng phòng Quản lý tài sản và Danh mục đầu tư tại CTCP Chứng khoán VNDirect
- 6 năm giữ vai trò Phó Phòng Nghiên cứu tại CTCP Chứng khoán Phú Hưng

### Chứng chỉ/Học vấn

- Cử nhân Kinh doanh tại Trường Đại học La Trobe, Úc

**Ông NGUYỄN HOÀNG VIỆT**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

### Kinh nghiệm

- 14 năm giữ vị trí Giám đốc Ngân hàng đầu tư tại CTCP Chứng khoán VNDirect, CTCP Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, CTCP Chứng khoán SSI
- Nhiều năm kinh nghiệm với vai trò Chuyên gia cao cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

### Chứng chỉ/Học vấn

- Thạc sỹ Tài chính và Đầu tư tại Đại học Exeter, Anh Quốc
- Cử nhân Kinh doanh Quốc tế tại Trường Đại học Thương mại

**Bà NGUYỄN THỊ HÀ NINH**  
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

### Kinh nghiệm

- Từ năm 2013 – nay: Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát tại các công ty niêm yết (VCP, PTI...)
- Hơn 20 năm kinh nghiệm tại các cương vị Kế toán trưởng – Giám đốc tài chính trong các tổ chức, trong đó hơn 13 năm giữ vị trí Kế toán trưởng tại CTCP Chứng khoán VNDirect; 2 năm đảm nhiệm vai trò Giám đốc Tài chính CTCP VSD Holdings

### Chứng chỉ/Học vấn

- Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại Đại học Toulon, Pháp

**Ông PHAN NGUYỄN HỮU PHƯƠNG**  
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

### Kinh nghiệm

- Hơn 3 năm kinh nghiệm với vai trò Môi giới chứng khoán tại Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn và Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt
- Từ 2012 – 5/2023: Giữ vai trò Giám đốc Chi nhánh Sala tại Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect

### Chứng chỉ/Học vấn

- Cử nhân chuyên ngành Tài Chính – Ngân Hàng tại Đại Học Kinh Tế TP.HCM
- Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại CVFG – MEBF

# Chương 03

## ẤN TƯỢNG 2025

24

Thành tựu nổi bật

26

Giải thưởng nổi bật



## Thành tựu nổi bật



Sở hữu trên **1,5 triệu** tài khoản khách hàng  
Chiếm **13%** tổng số tài khoản chứng khoán toàn thị trường

Mở mới **518.514** tài khoản khách hàng  
Chiếm **20%** thị phần mở mới toàn thị trường

Quản lý **>2,1 tỷ** cổ phiếu  
Tăng **25%** so với 2024

Dư nợ margin và UTTB **5.832** tỷ đồng  
Tăng **50%** so với 2024

Doanh thu **1.467** tỷ đồng  
Tăng **77%** so với 2024

Lợi nhuận **340** tỷ đồng  
Tăng **50%** so với 2024

Tổng tài sản **15.139** tỷ đồng  
Tăng **42%** so với 2024

**Top 6** Thị phần chứng khoán cơ sở HNX  
với **3,12%** thị phần

**Top 2** Thị phần chứng khoán phái sinh  
với **21,47%** thị phần

Tổ chức thành công sự kiện công nghệ

**DNSE Future  
Tech Summit  
2025**



# Giải thưởng nổi bật



01

**“SẢN PHẨM  
ĐẦU TƯ ĐỘT PHÁ  
CỦA NĂM” & “NỀN TẢNG  
CHỨNG KHOÁN CỦA NĂM”**

Asian Banking & Finance  
2025

02

**TOP 10  
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN  
CÓ DỊCH VỤ BÁN LẺ  
TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM**

Best Retail Brokers 2025  
tại Diễn đàn Đầu tư Việt Nam  
(VIF) 2026

03

**TOP 10  
THƯƠNG HIỆU MẠNH  
TIỀN PHONG ĐỔI MỚI  
SÁNG TẠO**

Chương trình Thương hiệu mạnh  
Việt Nam 2025

04

**GREAT PLACE  
TO WORK® VIETNAM  
2025 - 2026**

05

**FORTUNE 100  
BEST COMPANIES TO WORK  
FOR™ SOUTHEAST ASIA**

# Chương 04

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2025

30  
Đánh giá  
thị trường 2025

66  
Hoạt động  
kinh doanh nguồn vốn

82  
Hoạt động phát triển  
đối tác B2B2C

52  
Kết quả  
kinh doanh 2025

70  
Hoạt động  
sản phẩm tài chính

86  
Hoạt động  
phát triển sản phẩm

56  
Hoạt động  
môi giới chứng khoán

72  
Hoạt động  
công nghệ

100  
Truyền thông  
và tiếp thị

62  
Hoạt động  
chứng khoán phái sinh

74  
Hoạt động dịch vụ  
Ngân hàng Đầu tư (IB)



# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VĨ MÔ 2025

### Kinh tế toàn cầu vững vàng

GDP ước tính tăng trưởng tại Mỹ

# 2%

↑ Cao hơn so với mức dự báo 1,4% của WB vào thời điểm tháng 6/2025

GDP ước tính tăng trưởng tại Trung Quốc

# 4,8%

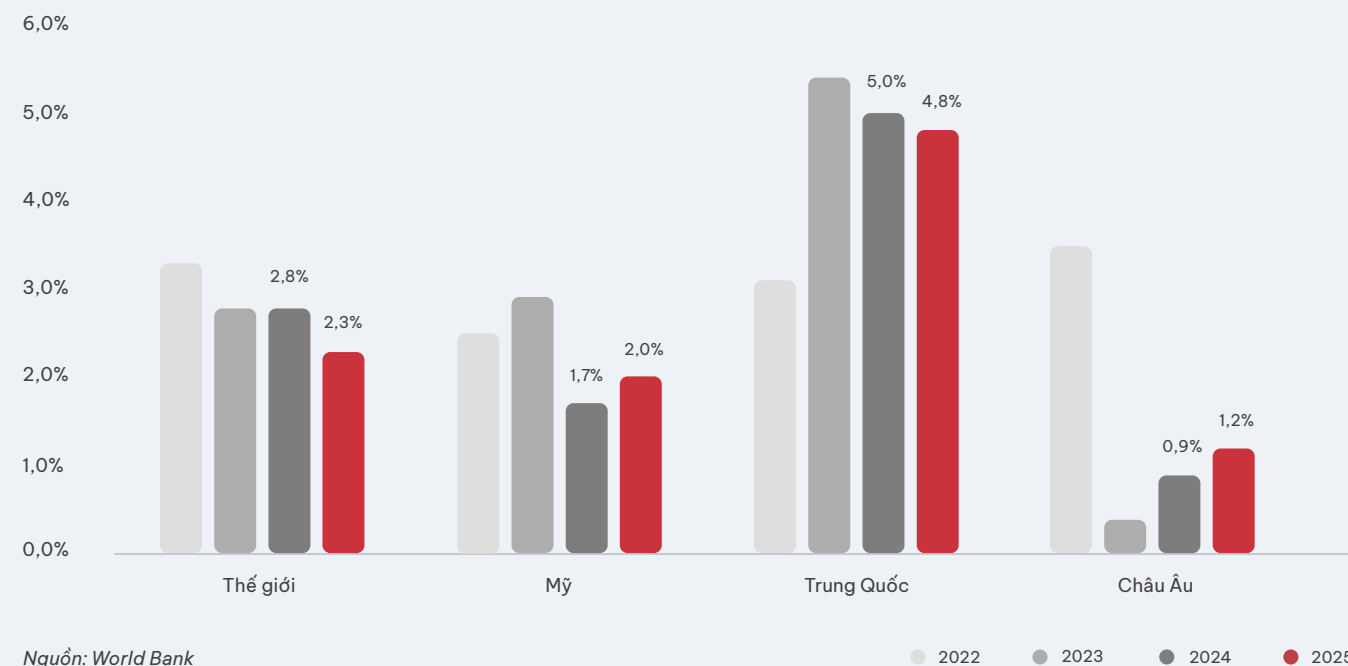
↓ Thấp hơn mức tăng trưởng 5% của 2024

Năm 2025, kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn đầy bất ổn khi các xung đột địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại của Mỹ trở thành những rào cản tăng trưởng mới. Làn sóng thuế quan không chỉ làm xáo trộn chuỗi cung ứng mà còn làm lung lay niềm tin của giới đầu tư. Trước những thách thức này, Ngân hàng Thế giới (WB) đã buộc phải điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống mức 2,3%, đây là mức thấp nhất kể từ giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

Tại Mỹ, GDP ước tính sẽ tăng trưởng 2%, cao hơn so với mức dự báo là 1,4% của WB vào thời điểm tháng 6/2025. Nền kinh tế Mỹ thể hiện sự chống chịu tốt nhờ vào làn sóng đầu tư mạnh mẽ vào trí tuệ nhân tạo (AI), nhưng các cú sốc thuế quan áp lên hàng nhập khẩu

đã gây ra sự xáo trộn lớn, làm lu mờ triển vọng tiêu dùng bền vững. Đối với Trung Quốc, GDP ước tính tăng trưởng 4,8%, thấp hơn mức tăng trưởng 5% của 2024. Dù Chính phủ liên tục tung ra các chính sách nới lỏng tài khóa và hạ lãi suất để kích cầu, nhưng áp lực từ xu hướng giảm phát và rào cản thương mại quốc tế vẫn là những bài toán chưa có lời giải triệt để. Trong khi đó, Châu Âu tiếp tục đối mặt với giai đoạn tăng trưởng thấp, ước tính đạt mức 1,2% trong năm 2025, khi phải đối với các thách thức như thuế quan của Mỹ, giá năng lượng ở mức cao khiến sụt giảm niềm tin tiêu dùng hoạt động kinh doanh.

Hình 1: Tăng trưởng GDP toàn thế giới và các nền kinh tế lớn (%yoy)

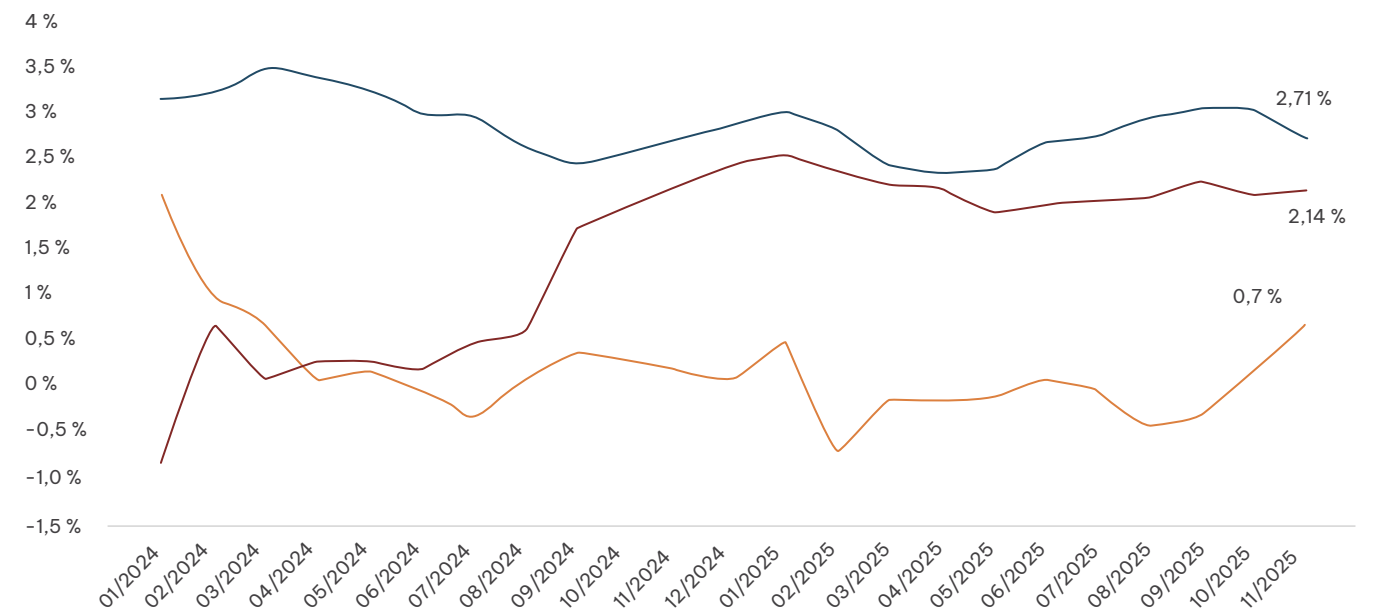


## Lạm phát trên thế giới duy trì đà giảm năm thứ 2 liên tiếp

Năm 2025 ghi nhận sự phân cực rõ rệt về lạm phát giữa các nền kinh tế lớn. Tại Mỹ, lạm phát vẫn “dai dẳng” quanh mức 2,7 - 3%, buộc Fed phải thận trọng trong việc hạ lãi suất do áp lực từ chi phí nhà ở và làn sóng thuế quan mới. Ngược lại, Châu Âu đã đưa lạm phát tiệm cận mục tiêu 2%, giúp Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) có dư địa nới lỏng tiền tệ để hỗ

trợ tăng trưởng. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục đối mặt với tình trạng giảm phát trong 3 quý đầu năm, tuy nhiên nhờ những nỗ lực kích cầu của Chính phủ đã giúp cho CPI tăng liên tiếp trong những tháng cuối năm. CPI tháng 11 đã tăng 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đây là mức cao nhất kể từ tháng 2/2024.

Hình 2: Tình hình lạm phát các nền kinh tế lớn trên thế giới (%)



Nguồn: Wichart

— Mỹ — Trung Quốc — Châu Âu





# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VĨ MÔ 2025

### Các ngân hàng Trung Ương lớn duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình đồng loạt sang xu hướng nới lỏng tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương (“NHTW”) trên thế giới nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Tại Mỹ, Fed đã thực hiện ba lần cắt giảm, đưa lãi suất về mức 3,5% - 3,75% - thấp nhất trong ba năm - nhằm hỗ trợ thị trường lao động đang yếu. Tuy nhiên, Fed vẫn tỏ ra thận trọng những rủi ro khó lường từ thuế quan. Tương tự, ngân hàng

Trung Ương Châu Âu cũng hạ lãi suất ba lần, đưa lãi suất về mức 2,15%, để giải cứu khu vực Eurozone khỏi bóng ma đình trệ thương mại, trước khi tạm dừng ở nửa cuối năm để duy trì sự ổn định. Ngược lại, Trung Quốc chọn lối đi thận trọng hơn khi chỉ giảm nhẹ lãi suất điều hành 10 điểm cơ bản, về mức 3%, thay vào đó tập trung vào các gói kích thích tài khóa trực tiếp để vực dậy nền kinh tế nội địa.

Fed đưa  
lãi suất về mức

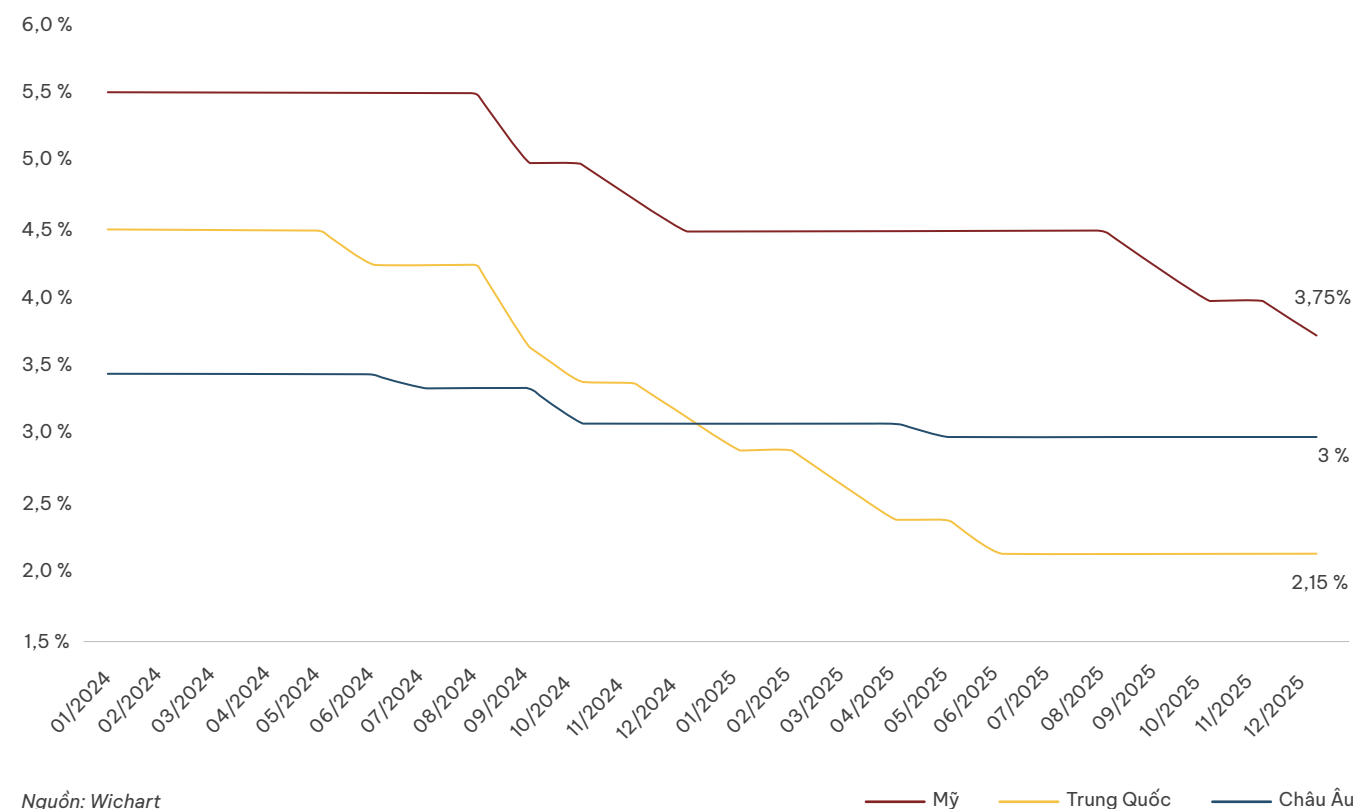
# 3,5-3,75%

Thấp nhất trong 3 năm

Ngân hàng Trung Ương Châu Âu  
đưa lãi suất về mức

# 2,15%

Hình 3: Lãi suất điều hành các nền kinh tế lớn



Nguồn: Wichart





# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VIỆT NAM 2025

GDP duy trì đà tăng trưởng cao, đạt mục tiêu 8%

GDP trong năm 2025 duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 7,05%, quý II tăng 8,19%, quý III tăng 8,23%, quý IV tăng 8,46%). Tính chung cả năm 2025, GDP tăng trưởng 8,02% so với năm 2024, là mức cao nhất kể từ 2011 (trừ giai đoạn 2022, phục hồi sau Covid) và đạt mục tiêu 8% của Chính phủ đề ra.

GDP theo cách tính phương pháp sản xuất (ngành nghề), công nghiệp chế biến, chế tạo và bán lẻ hàng hóa, dịch vụ là hai nhóm ngành đóng góp lớn vào mức tăng trưởng GDP lần lượt 37% và 45%. Lũy kế 12 tháng năm 2025, toàn ngành sản xuất công nghiệp (IIP) đạt mức tăng trưởng vững chắc 9,2%, vượt qua con số 8,4% của cùng kỳ năm trước. Động lực then chốt đến từ khu vực chế biến, chế tạo với mức tăng ấn tượng 11,8%, nổi bật là ngành sản xuất xe có động cơ bắt phá tới 22%. Bất chấp những thách thức từ thiên tai gây gián đoạn logistics, chuỗi cung ứng đã nhanh chóng hồi phục nhờ nỗ lực khắc phục hạ tầng quyết liệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, dù từng chịu

áp lực lớn từ chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ gây sụt giảm đơn hàng, nhưng những tín hiệu tích cực từ đàm phán thuế quan và sự phục hồi của nhu cầu quốc tế đã giúp sản xuất bắt tốc trở lại khi chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) đều ghi nhận trên mức 50 điểm trong 6 tháng cuối năm.

Đối với lĩnh vực bán lẻ, dịch vụ và hàng hóa, năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng danh nghĩa 9,2%, tuy nhiên mức tăng trưởng nếu loại trừ lạm phát, chỉ đạt mức 6,7%, cho thấy cầu tiêu dùng trong nước đang yếu, và chênh lệch khá lớn so với mục tiêu tăng trưởng.

Mặc dù vậy, mức tăng trưởng GDP hiện tại là một mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định và khó khăn, đồng thời phản ánh kết quả của việc quyết liệt đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng và chính sách tiền tệ linh hoạt trong năm 2025, đã tạo “cú hích” quan trọng cho nội lực, tạo bánh đà bắt tốc trong năm 2026.



### GDP trong năm 2025

Quý I/2025

7,05%

Quý II/2025

8,19%

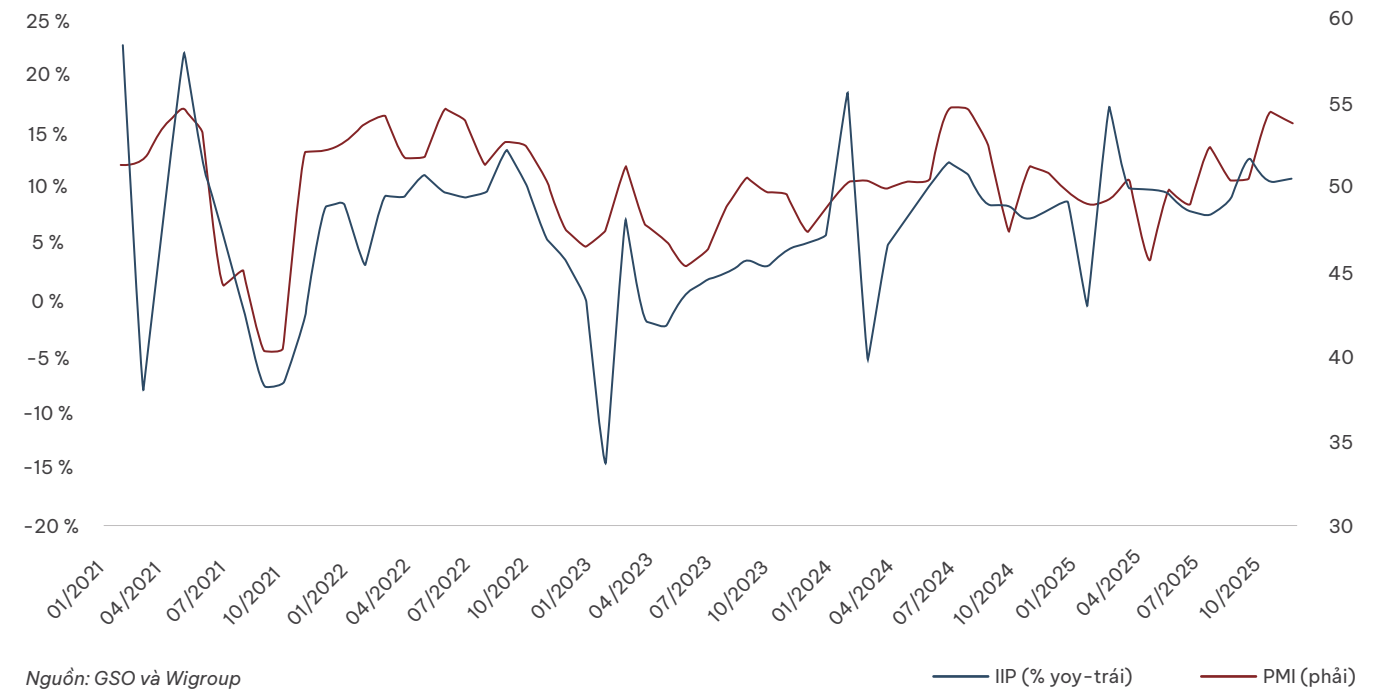
Quý III/2025

8,23%

Quý IV/2025

8,46%

Hình 4: Chỉ số PMI và sản xuất công nghiệp (IIP) Việt Nam

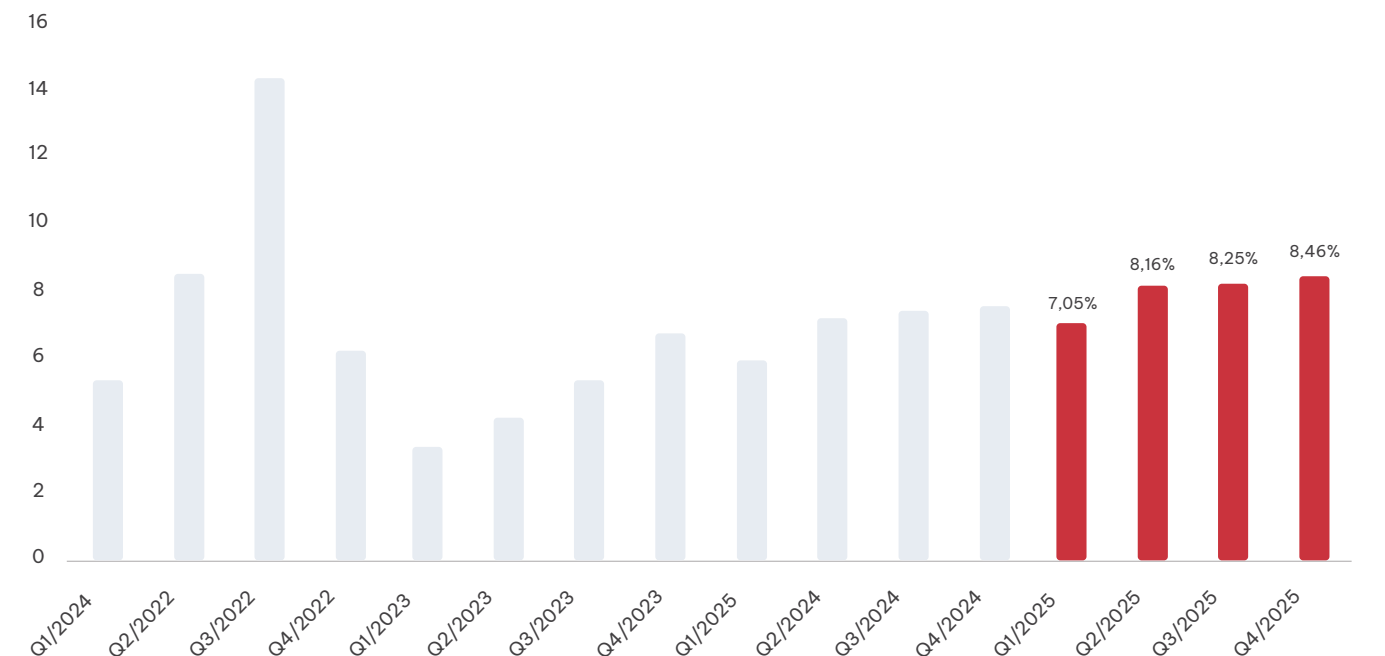


GDP trong năm 2025 tăng trưởng

8,02%

So với năm 2024, là mức cao nhất kể từ 2011.

Hình 5: Tăng trưởng GDP Việt Nam theo quý



# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VIỆT NAM 2025

**Xuất nhập khẩu:**  
Khu vực FDI đóng vai trò dẫn dắt đà tăng trưởng của xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD – tăng trưởng 18,2% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu đạt 475 tỷ USD tăng 17,0%, nhập khẩu đạt 455 tỷ USD tăng 19,4%, nâng mức thặng dư thương mại năm 2025 đạt 20,03 tỷ USD. Trong đó, mức thặng dư đến từ nhóm FDI ở mức 49,46 tỷ USD, nhóm doanh nghiệp nội địa thâm hụt 29,43 tỷ USD.



Hình 6: Xuất nhập khẩu Việt Nam 2025

|              | 2025    | Xuất khẩu | Nhập khẩu | Cán cân TM |
|--------------|---------|-----------|-----------|------------|
| Kim ngạch    | Tổng    | 475,04    | 455,01    |            |
|              | FDI     | 367,09    | 317,63    | 20,03      |
|              | Nội địa | 107,95    | 137,38    | 49,46      |
| Yoy (luỹ kế) | FDI     | 26,14%    | 31,93%    | -29,43     |
|              | Nội địa | -6,06%    | -2,04%    |            |
| Tỷ trọng FDI |         | 77%       | 70%       |            |

Nguồn: WiGroup, đơn vị: Triệu USD

Kim ngạch xuất khẩu tới Mỹ



Kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc

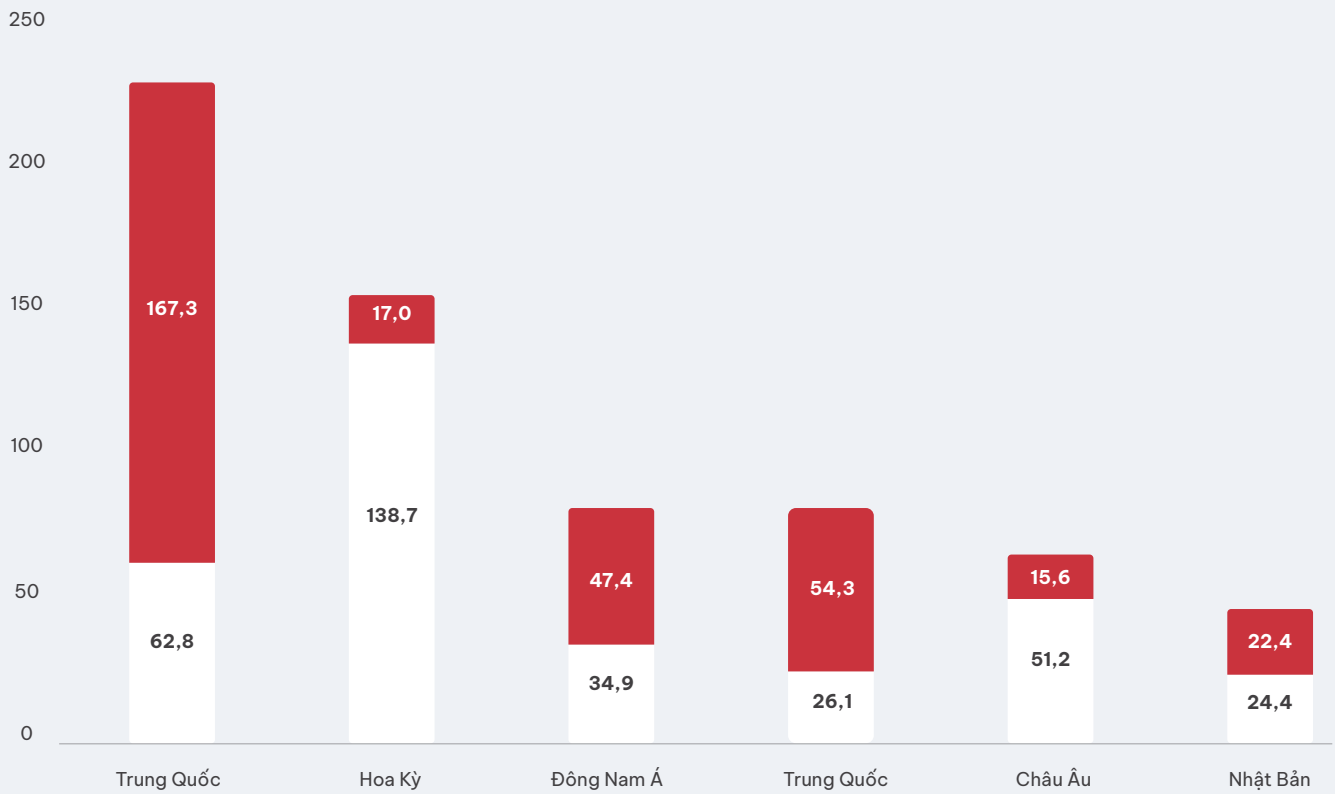


Mỹ và Trung Quốc tiếp tục là hai đối tác thương mại hàng đầu. Trong đó, Mỹ giữ vững vị thế là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch 153,6 tỷ USD (+27,2%), còn Trung Quốc là nguồn cung nhập khẩu lớn nhất đạt 186,0 tỷ USD (+28,3%).

Về cơ cấu hàng hóa, nhóm công nghiệp chế biến tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng khi đóng góp tới 88,7% tổng giá trị xuất khẩu (đạt 421,47 tỷ USD). Ở chiều ngược lại, nhóm tư liệu sản xuất chiếm tỷ trọng áp đảo 93,6% trong cơ cấu nhập khẩu, phản ánh nhu cầu đầu vào phục vụ sản xuất vẫn rất lớn.

Đáng chú ý, có sự phân hóa rõ rệt giữa hai khu vực kinh tế. Trong khi khối FDI bứt phá mạnh mẽ với mức tăng trưởng xuất khẩu 26,1%, thì khu vực trong nước lại chứng kiến sự sụt giảm 6,06%. Nguyên nhân chủ yếu do các quy định khắt khe về xuất xứ và áp lực thuế quan mới (20-40%) khiến các đơn hàng có xu hướng dịch chuyển sang nhóm FDI – vốn có lợi thế về tính minh bạch và kinh nghiệm tuân thủ quốc tế. Thực trạng này đặt ra bài toán cấp thiết về việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nội địa để có thể lấy lại đà tăng trưởng.

Hình 7: Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 11T/2025



Nguồn: Wigroup, đơn vị: tỷ USD



# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VIỆT NAM 2025

**Đầu tư công: Vẫn còn nhiều nút thắt cần tháo gỡ**

Tính đến ngày 31/12/2025, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ghi nhận những chuyển biến tích cực với giá trị thực hiện ước đạt 850.687 tỷ đồng. Kết quả này tương đương 83,6% kế hoạch mà Thủ tướng Chính phủ đề ra, cho thấy khâu giải ngân, triển khai vẫn vấp phải nhiều “nút thắt”. Các rào cản về thủ tục hành chính phức tạp, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và bồi thường tái định cư tiếp tục là những thách thức lớn đối với các chủ đầu tư. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt nguồn cung vật liệu xây dựng tại một số công trình trọng điểm, kết hợp với thiên tai, bão lũ, đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công và khả năng về đích của các dự án vào cuối năm.

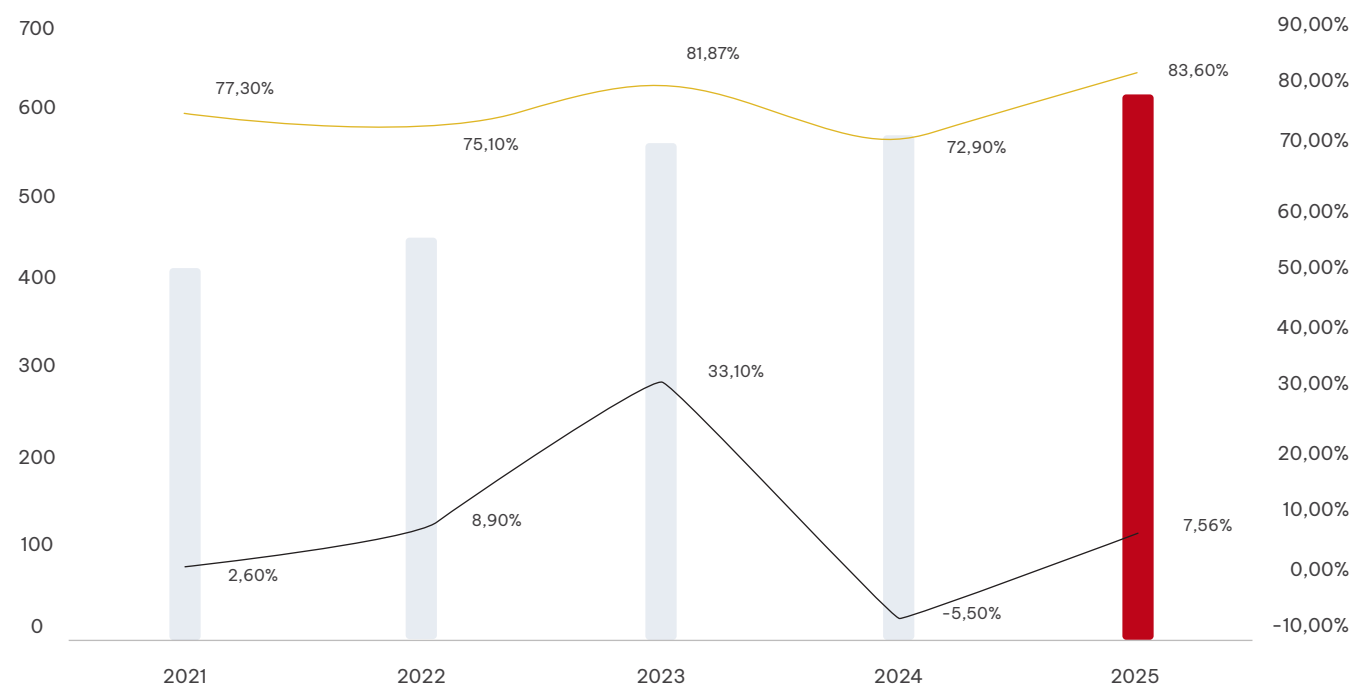
Tính đến ngày 31/12/2025, giá trị giải ngân thực hiện:

**850.687** tỷ đồng

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch

**83,6%**

Hình 8: Vốn đầu tư công thực hiện 2021 - 2025 (đơn vị tính: nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Bộ tài chính

● Vốn đầu tư công thực hiện — % tăng trưởng svck — Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch (%)

## Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng ấn tượng, những vẫn tồn tại một số lo ngại

Tổng vốn FDI đăng ký

**38,42** tỷ USD

▲ Tăng trưởng 0,5% so với cùng kỳ

Tổng vốn FDI giải ngân trong giai đoạn 2021 - 2025

**27,62** tỷ USD

▲ Tăng trưởng 9,0%

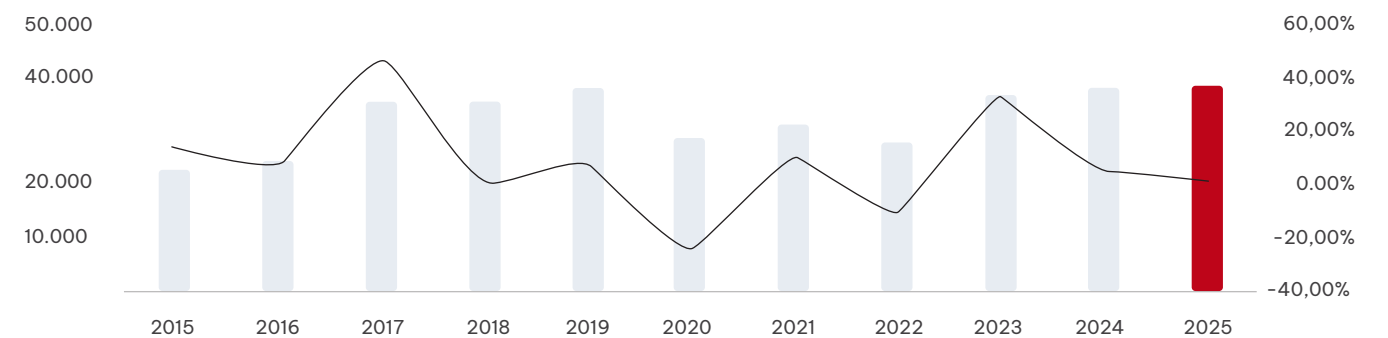
Năm 2025, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam ghi nhận tổng vốn đăng ký đạt gần 38,42 tỷ USD, tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới ghi nhận mức sụt giảm 12,21% so với năm 2024 và duy trì tăng trưởng âm trong phần lớn các tháng trong năm 2025. Điều này cho thấy nhà đầu tư nước ngoài đang lo ngại về những bất ổn thương mại mà Việt Nam đang phải gánh chịu.

Tuy nhiên, vốn FDI giải ngân xác lập kỷ lục mới trong giai đoạn 2021-2025 khi chạm mốc 27,62 tỷ USD (+9,0%). Mức kỷ lục này tương ứng với mức FDI đăng ký gia tăng đối với hoạt động góp vốn, mua cổ phần đối với các doanh nghiệp FDI hiện hữu với giá trị 7,11 tỷ USD, tăng đột biến hơn 54%, tập trung mạnh vào sản xuất và khoa học công nghệ.

Về cơ cấu ngành, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vị thế dẫn đầu khi thu hút 9,17 tỷ USD, chiếm 57,5% tổng vốn đầu tư, theo sau là lĩnh vực bất động sản. Về cơ cấu đối tác, Singapore vẫn là đối tác hàng đầu, chiếm 26,9%, kế đến là các quốc gia quen thuộc như Trung Quốc (21,3%), Hồng Kông (10,4%) và Nhật Bản (9,8%).



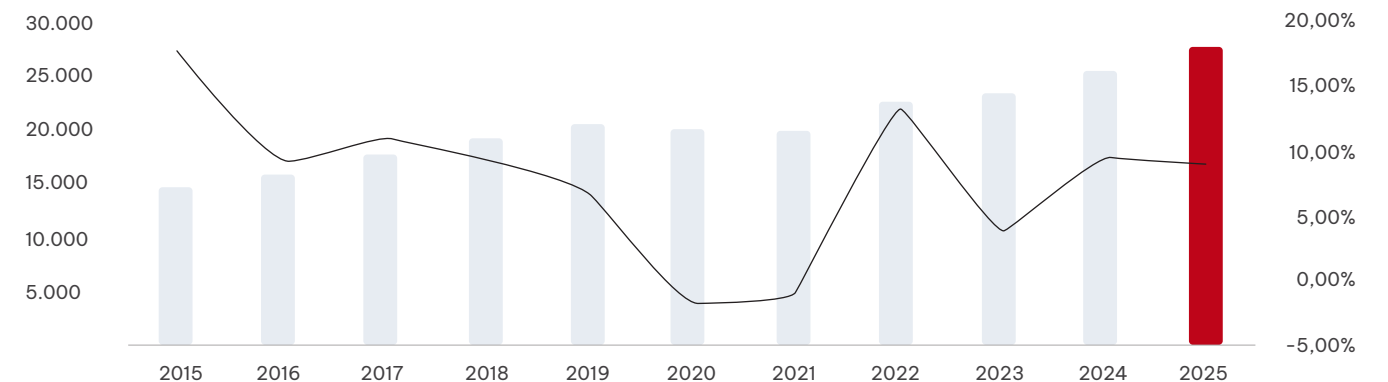
Hình 9: Vốn đăng ký và tăng trưởng hàng năm của FDI



Nguồn: GSO và Wigroup

● Vốn đăng ký ( Triệu USD-trái) — % lũy kế vốn đăng ký yoy (phải)

Hình 10: Vốn thực hiện và tăng trưởng hàng năm của FDI



Nguồn: GSO và Wigroup

● Vốn đăng ký ( Triệu USD-trái) — % lũy kế vốn đăng ký yoy (phải)

# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VIỆT NAM 2025

**Thị trường trái phiếu: duy trì đà tăng trưởng & Ngân hàng vẫn chiếm tỉ trọng lớn đối với hoạt động phát hành**

Theo dữ liệu Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (“VBMA”) tổng hợp từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”), tính đến ngày công bố thông tin 30/11/2025, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 511.262 tỷ đồng, tăng 36% so

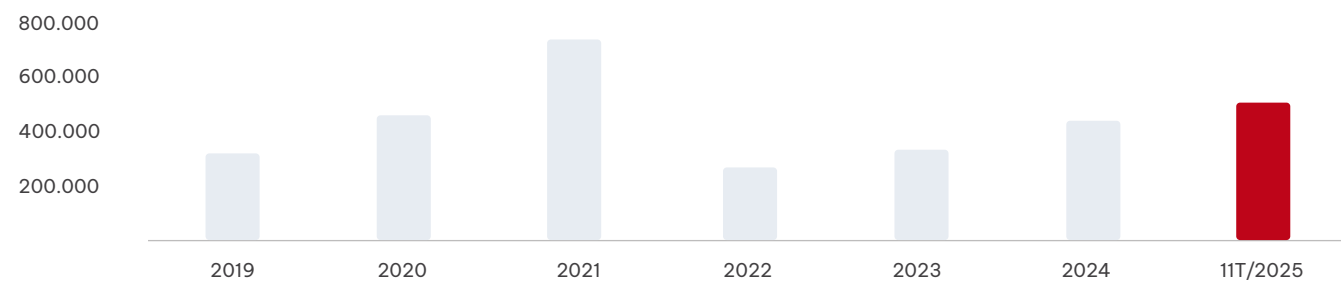
với cùng kỳ. Cho thấy, thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng sau giai đoạn khủng hoảng năm 2022. Xét về cơ cấu tổ chức phát hành, ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng chính lên đến 68%, xếp sau là bất động sản với 23% (tăng so với cùng kỳ năm trước, 17%).

Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp

**511.262** tỷ đồng

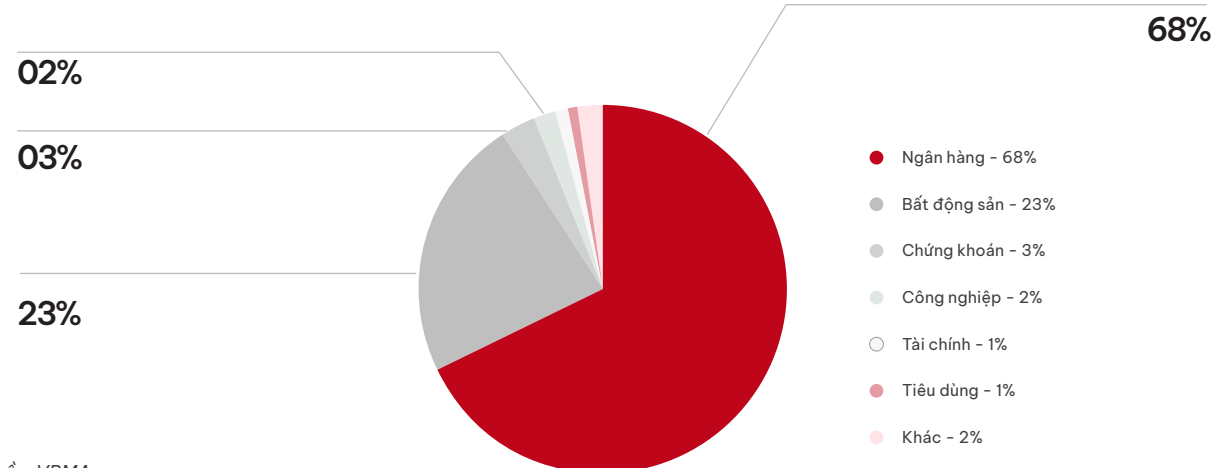
▲ Tăng 36% so với cùng kỳ

Hình 11: Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp



Nguồn: VBMA, đơn vị: tỷ đồng

Hình 12: Cơ cấu phát hành trái phiếu doanh nghiệp 2025



Nguồn: VBMA

## Tỷ giá USD/VND: mất giá khoảng 4%, bất chấp DXY sụt giảm

Mức mất giá USD/VND

**~3,1%**

▼ So với đầu năm 2025

Chênh lệch lớn giá vàng trong nước và thế giới có thời điểm lên

**20** triệu đồng/lượng

Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng mất giá khoảng 3.1% so với đầu năm 2025. Tỷ giá đã mất giá khá mạnh trong 3 quý đầu năm bất chấp việc chỉ số sức mạnh đồng USD (DXY) liên tục sụt giảm, cho thấy phần lớn nguyên nhân chủ yếu đến từ nội tại của nền kinh tế. Thứ nhất, chênh lệch lớn giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới – có thời điểm lên tới 20 triệu đồng/lượng – đã kích thích hoạt động nhập khẩu vàng qua các kênh phi chính thức nhằm tận dụng mức chênh lệch giá. Nhu cầu gia tăng đối với USD để thanh toán cho hoạt động nhập vàng này đã góp phần đẩy tỷ giá USD/VND tăng, ngay cả trong bối cảnh các điều kiện vĩ mô quốc tế tương đối thuận lợi.

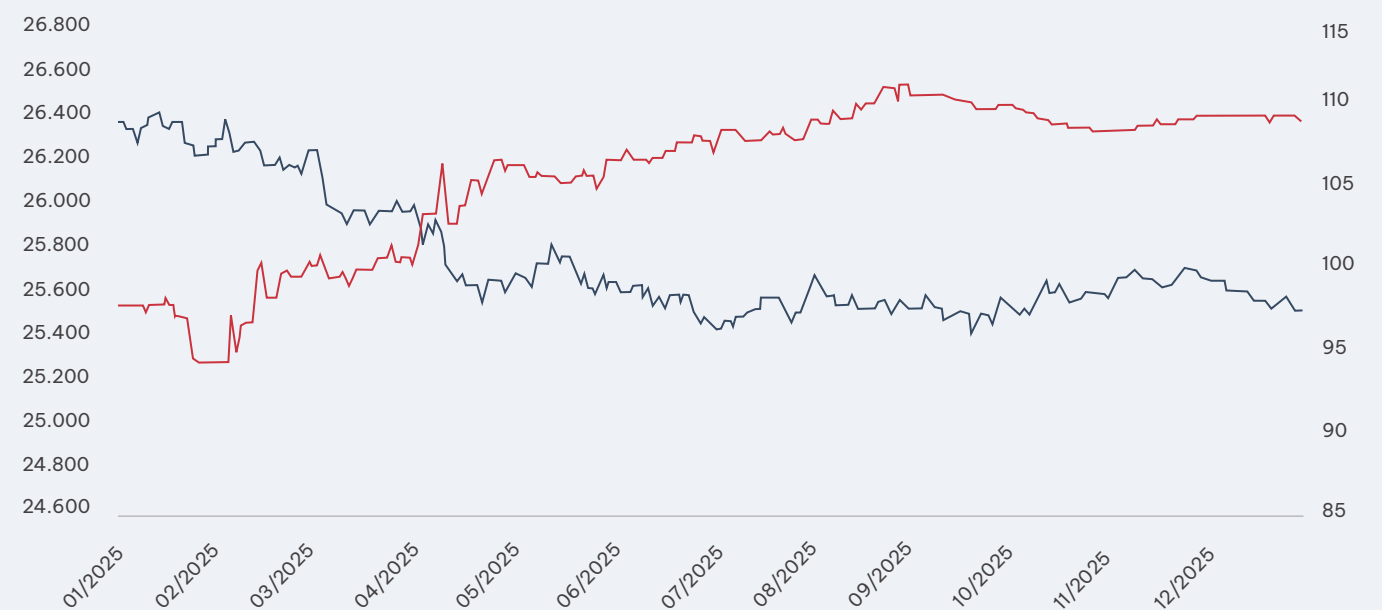
Thứ hai, vốn FDI đăng ký cấp mới ghi nhận mức tăng trưởng âm trong suốt năm 2025 (như đã đề cập), phản ánh

dòng USD chảy vào nền kinh tế suy giảm so với cùng kỳ năm trước. Điều này làm thu hẹp nguồn cung ngoại tệ, từ đó tiếp tục tạo áp lực lên tỷ giá.

Thứ ba, mặc dù có thặng dư thương mại lớn hơn 20 tỷ USD trong năm 2025, tuy nhiên có sự chênh lệch đáng kể giữa thặng dư thương mại trên sổ sách và dòng ngoại tệ thực nhận, do nhiều doanh nghiệp FDI giữ nguồn thu tại tài khoản ở nước ngoài, hoặc nhanh chóng chuyển lợi nhuận về công ty mẹ thay vì chuyển về Việt Nam.

Cuối cùng, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Kho bạc Nhà nước tiếp tục tạo áp lực lớn lên nguồn cung ngoại tệ. Dự kiến trong năm 2025 và 2026, Việt Nam cần khoảng 2–3 tỷ USD mỗi năm để trả nợ.

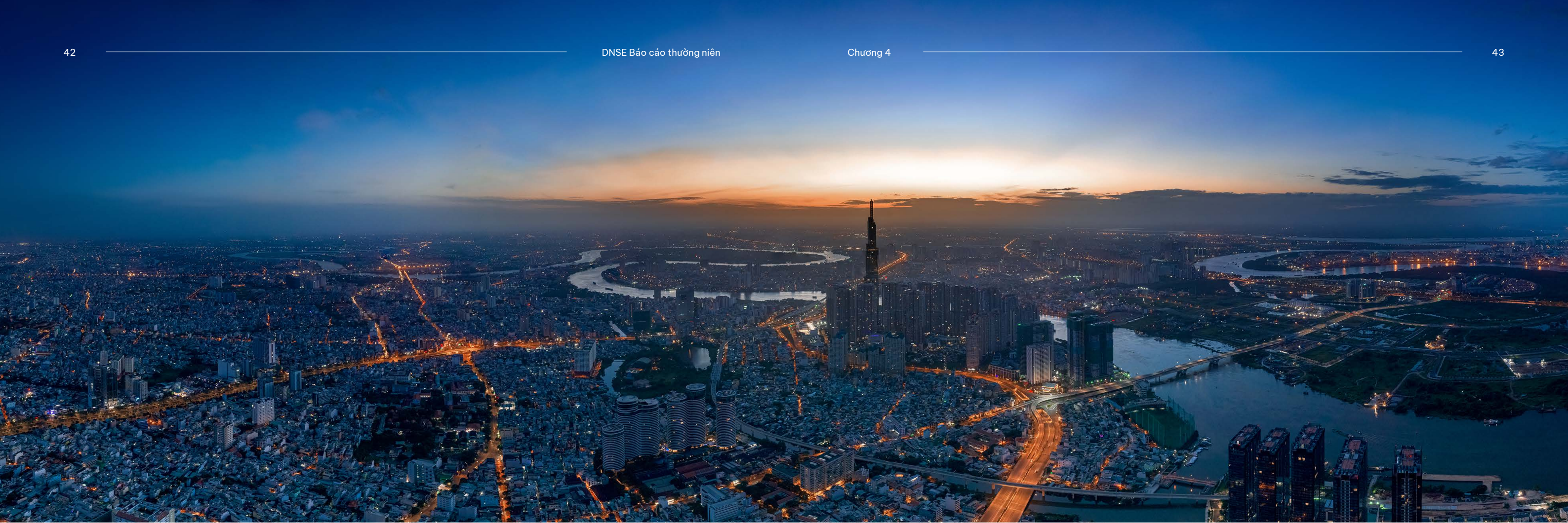
Hình 13: Tỷ giá liên ngân hàng USD/VND và DXY



Nguồn: Wigroup

— Tỷ giá USD/VND LNH (trái) — DXY (phải)





## Đánh giá thị trường 2025

### KINH TẾ VIỆT NAM 2025

**Lạm phát 2025: dưới mục tiêu của Chính phủ & tạo tiền đề tăng trưởng tín dụng trong năm sau**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với cùng kỳ, đạt được mục tiêu dưới mức 4,5 - 5% của Chính phủ, lạm phát cơ bản ghi nhận mức tăng thấp hơn (3,21% so với cùng kỳ). Áp lực tăng giá lớn nhất đến từ nhóm dịch vụ y tế (+16,97%) do điều chỉnh khung giá mới, cùng nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (+6,1%) dưới sức nóng của các dự án đầu tư công và bất động sản. Thiên tai, bão lũ cũng cục bộ đẩy giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống lên cao. Ngược lại, đà giảm

của giá xăng dầu thế giới đã trở thành yếu tố quan trọng giúp hạ nhiệt chi phí giao thông, giảm bớt gánh nặng lên CPI tổng thể.

Việc duy trì lạm phát ở mức mục tiêu trong bối cảnh kinh tế phục hồi là một tín hiệu rất tích cực. Sự ổn định về lạm phát tạo ra dư địa cho chính sách tiền tệ, cho phép Ngân hàng Nhà nước linh hoạt hơn trong việc điều hành lãi suất và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ cho năm tới.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2025 tăng

**3,31%**

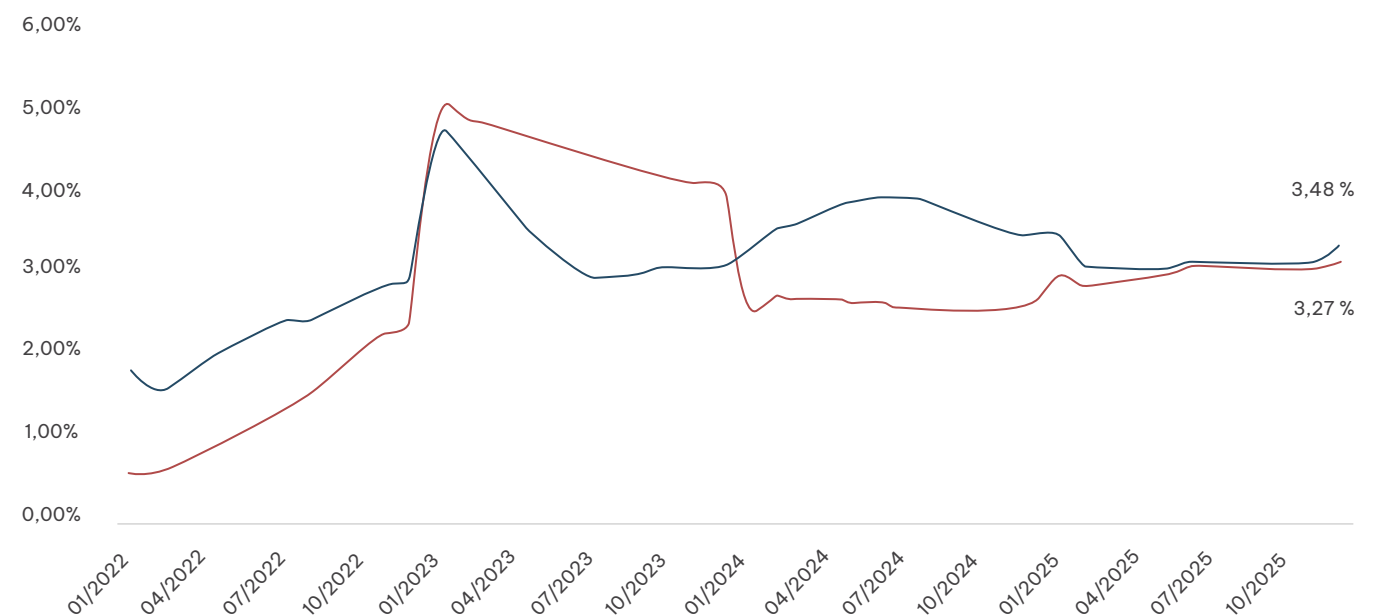
✓ Đạt được mục tiêu dưới mức 4,5 - 5% của Chính phủ

Lạm phát cơ bản ghi nhận mức tăng

**3,21%**

So với cùng kỳ

Hình 14: Lạm phát cơ bản, lạm phát tổng thể



Nguồn: GSO, SBV

— Chỉ số CPI — Lạm phát cơ bản



# Đánh giá thị trường 2025

## KINH TẾ VIỆT NAM 2025

**Lãi suất:**  
Lãi suất huy động có xu hướng tăng do thiếu hụt thanh khoản

Tính đến 29/12/2025

Tăng trưởng tín dụng

# 17,78%

So với cuối năm 2024, vượt xa so với mức tăng trưởng cùng kỳ 13,60%

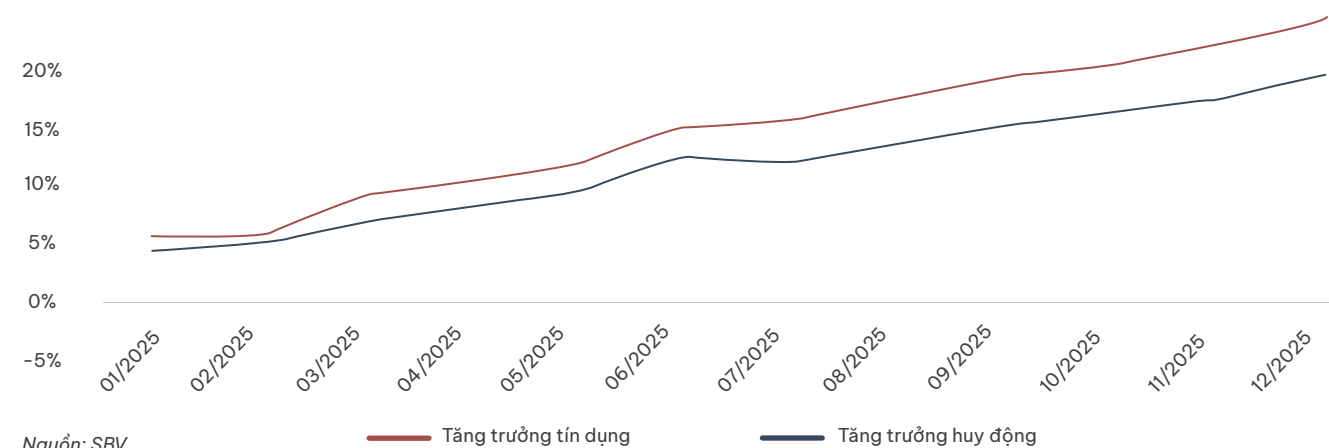
Tính đến tháng 29/12/2025, tăng trưởng tín dụng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ đạt 17,78% so với cuối năm 2024, vượt xa so với mức tăng trưởng cùng kỳ 13,60%. Năm 2025 ghi dấu ấn bằng những chương trình tín dụng quy mô lớn, giải quyết trực tiếp các bài toán cấp bách như triển khai gói 500.000 tỷ đồng cho đầu tư hạ tầng điện, giao thông và công nghệ chiến lược với lãi suất ưu đãi thấp hơn từ 1-1,5% so với bình quân. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng huy động lại không theo kịp khi chỉ đạt 14,1%, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng. Sự chênh lệch lớn này đã gây ra tình trạng thiếu hụt thanh khoản, tác động đến việc mặt bằng

lãi suất gia tăng trên cả thị trường liên ngân hàng cũng như lãi suất huy động và lãi suất cho vay

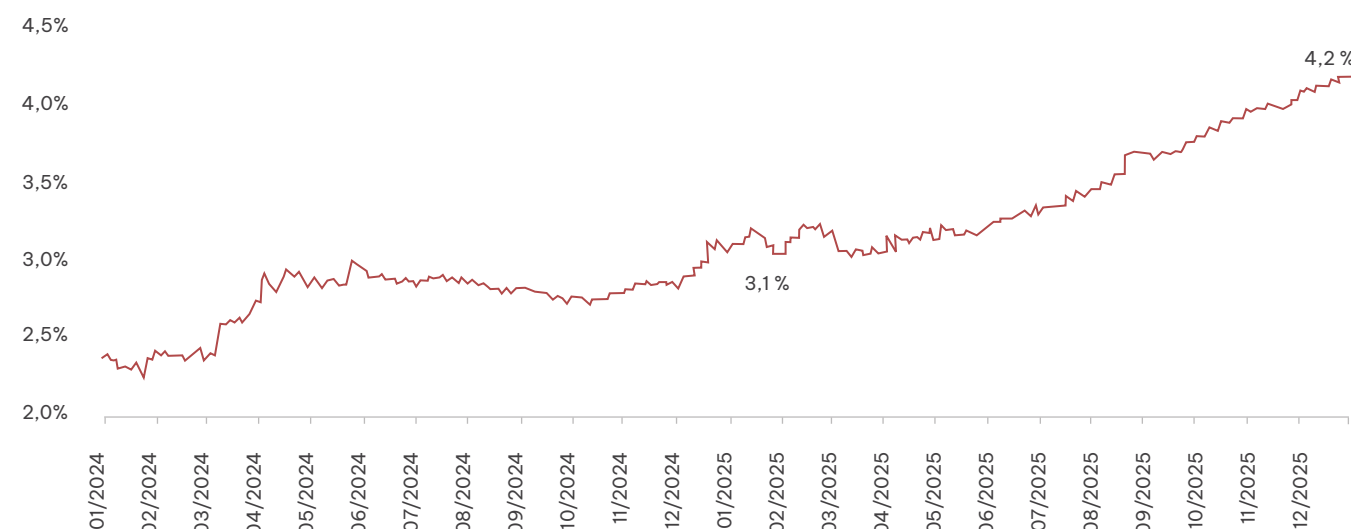
Ngoài ra, nhu cầu huy động vốn từ Trái phiếu Chính phủ tăng mạnh trong thời gian gần đây, tăng từ khoảng 200 nghìn tỷ (năm 2016) lên 700 nghìn tỷ/năm (năm 2025), nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư công và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhu cầu vay vốn tăng đột biến đã đẩy lợi suất trái phiếu tăng từ từ 3% lên 4,2% trong suốt năm 2025, từ đó nâng mặt bằng lãi suất của nền kinh tế lên theo.



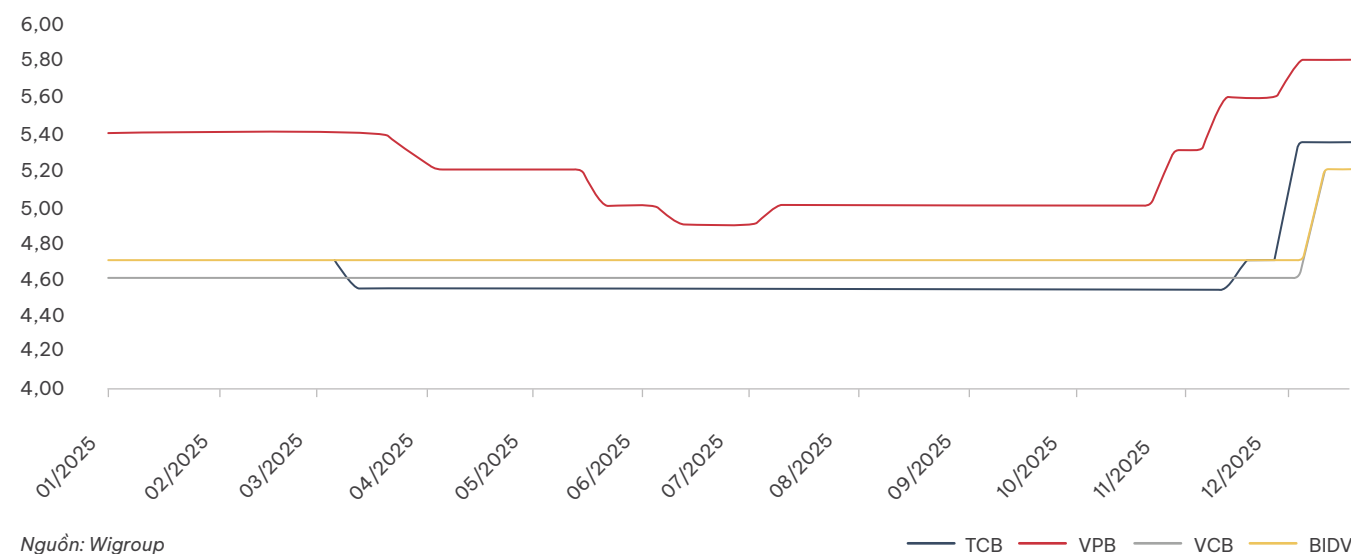
Hình 15: Tăng trưởng tín dụng và huy động trong năm 2025 (%)



Hình 16: Lợi suất Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm từ 2024 - 2025



Hình 17: Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng các ngân hàng trong năm 2025 (%)



# Đánh giá thị trường 2025

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2025

### Nhận định chung

VN-Index kết thúc năm 2025 ở mức

**1.784,49** điểm

▲ Tăng 40,87% so với đầu năm

Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên HSX đạt

**26.497** tỷ đồng

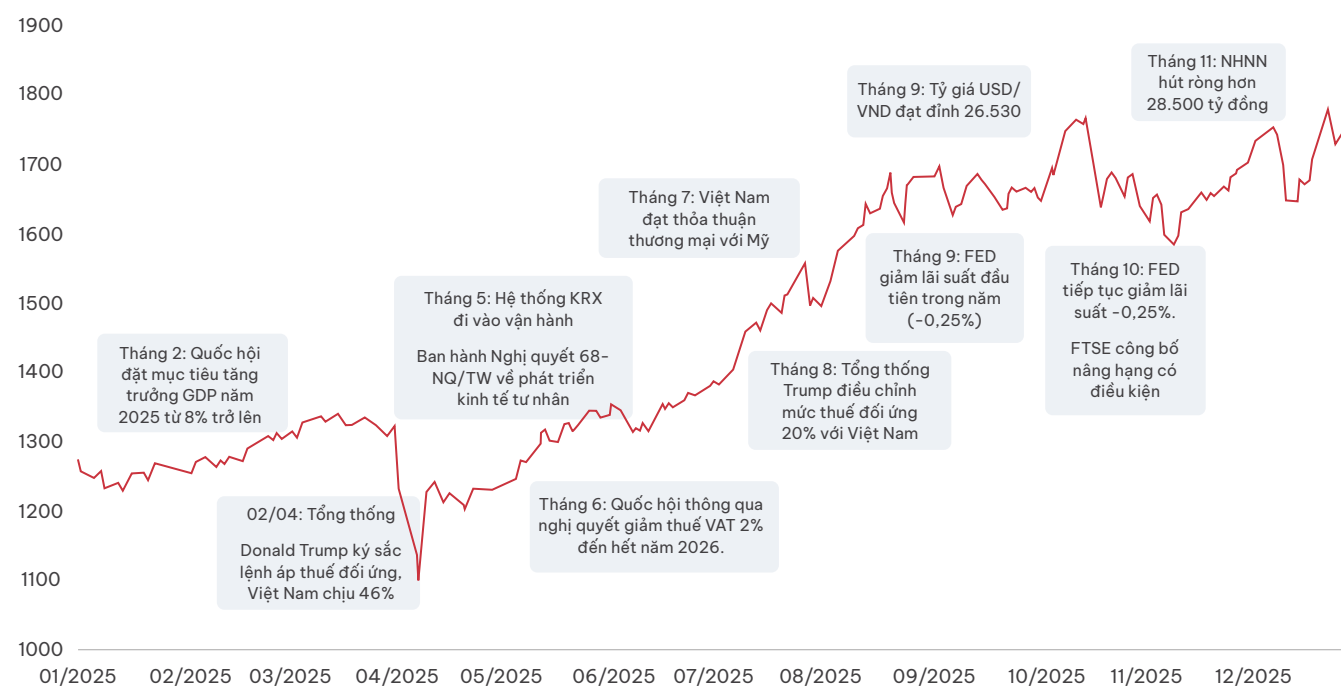
▲ Tăng 42,1% so với cùng kỳ năm trước

Năm 2025 là một năm đầy biến động. Giai đoạn quý 1, thị trường giao dịch đầy hứng khởi khi VNINDEX vượt qua được kháng cự dài hạn 1.300 điểm, nhờ vào mục tiêu tăng trưởng GDP 8% của chính phủ. Bước sang tháng 4, thị trường đã trải qua 1 nhịp điều chỉnh mạnh khi hứng chịu cơn sốc thuế quan từ Tổng thống Donald Trump. Những ngày sau đó thị trường đã hồi phục mạnh mẽ trong giai đoạn quý 2 và quý 3, nhờ quyết tâm của chính phủ trong việc thúc đẩy kinh tế như kích thích tăng trưởng tín dụng, tháo gỡ các vướng mắc tại thị trường bất động sản, đưa hệ thống KRX vào vận hành và nỗ lực đàm phán đưa mức thuế về 20%. Thị trường giai đoạn này được dẫn dắt chủ yếu bởi nhóm ngân hàng và chứng khoán. Đến quý 4, sự phân hóa bắt đầu xuất hiện khi nhóm cổ phiếu Vingroup liên tục chinh phục

các đỉnh cao mới, gồng gánh chỉ số chung trong khi phần lớn các nhóm ngành khác phải đối mặt với áp lực chốt lời gia tăng.

VN-Index kết thúc năm 2025 ở mức 1.784,49 điểm (tăng 40,87% so với đầu năm). Giá trị giao dịch thị trường tăng tốc trong giai đoạn quý 3 theo đà tăng của chỉ số, lên mức 39.567 nghìn tỷ đồng/phiên, nhưng sau đó giảm xuống còn khoảng 26.861 tỷ đồng mỗi phiên giao dịch trong giai đoạn tháng 10 – tháng 12. Tính cho cả năm, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (“HSX”) đạt 26.497 tỷ đồng (tăng khoảng 42,1% so với cùng kỳ năm trước).

Hình 18: Biến động VN-Index trong năm 2025



Nguồn: DNSE tổng hợp

## Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong năm 2025

Nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn

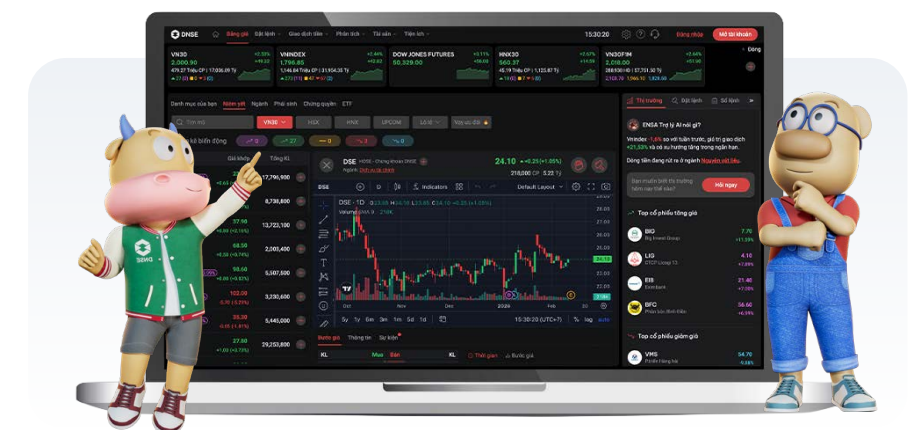
**175.387** tỷ đồng

Tương đương hơn

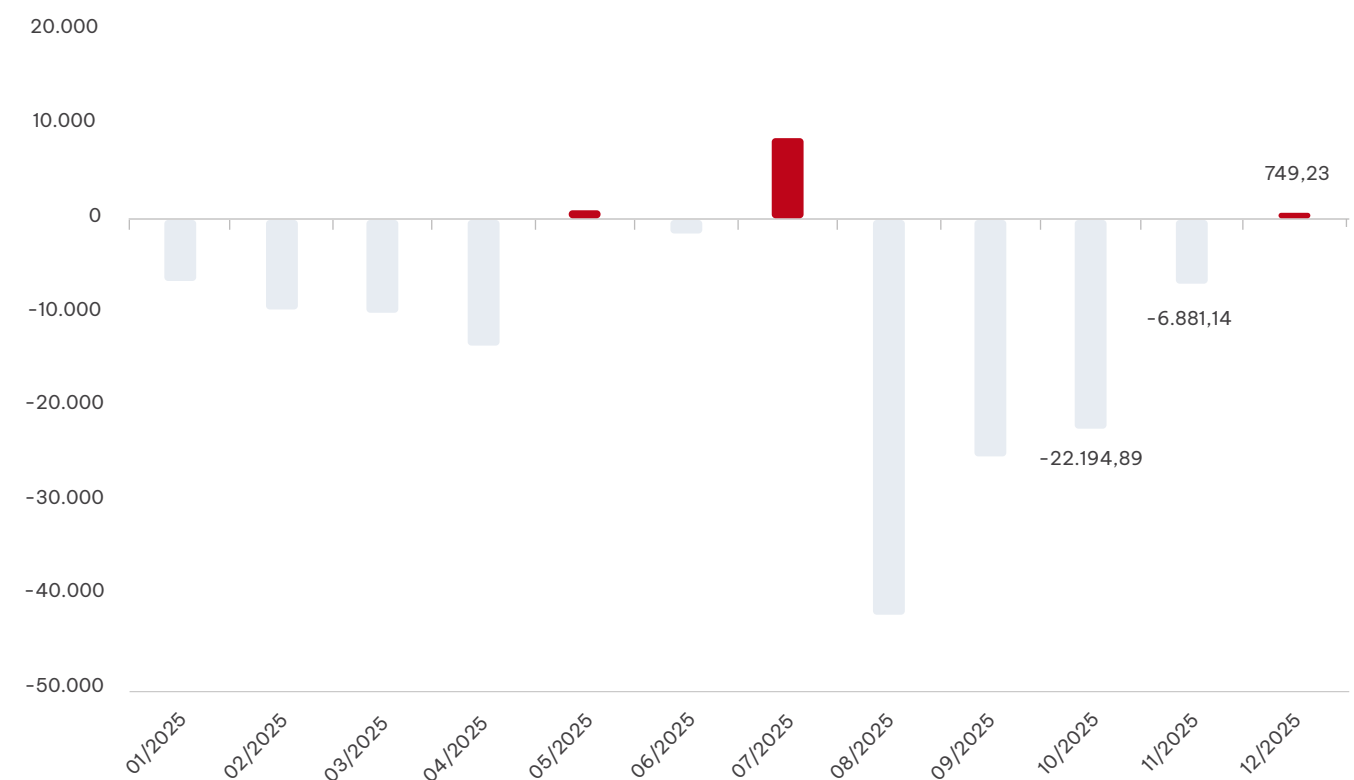
**6,67** tỷ USD

Theo thống kê của Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HSX), tính đến ngày 28/12/2025 nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 175.387 tỷ đồng trên sàn HSX, tương đương hơn 6,67 tỷ USD. Nguyên nhân chủ yếu từ tâm lý thận trọng trước việc VND mất giá khoảng 4% so với đầu năm. Thêm vào đó, hoạt động tái cơ cấu danh mục của các quỹ đầu tư quốc tế trước thêm công bố nâng hạng thị trường vào tháng 10 cũng tạo nên áp lực thoái vốn mạnh mẽ, đặc biệt tập trung vào giai đoạn tháng 8 và tháng 9.

Tuy nhiên, điểm sáng xuất hiện vào tháng 12 khi khối ngoại bất ngờ quay trở lại mua ròng mạnh mẽ hàng nghìn tỷ đồng nhờ vào kỳ vọng nâng hạng thị trường của FTSE Russell vào năm 2026. Sự đảo chiều này không chỉ giúp VN-Index củng cố vùng đỉnh lịch sử mà còn khẳng định sức hút dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam đối với các quỹ đầu tư quốc tế.



Hình 19: Giá trị mua (bán) ròng của khối ngoại theo các tháng năm 2025



Nguồn: Fiinpro, đơn vị: tỷ đồng



# Đánh giá thị trường 2025

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2025

Bất động sản và Du lịch & giải trí là các ngành có hiệu suất tốt nhất trong năm 2025

Năm 2025 đánh dấu sự phân hóa mạnh mẽ giữa các nhóm ngành trên thị trường chứng khoán. Chiếm vị trí dẫn đầu là ngành Bất động sản với mức tăng trưởng đột biến 188,6%, tuy nhiên động lực chính chủ yếu tập trung vào “sức nóng” từ bộ đôi cổ phiếu trụ cột VIC và VHM nhờ các thông tin hỗ trợ tích cực. Theo sau là nhóm Du lịch và Giải trí với mức tăng 57%, dẫn dắt

bởi đà hồi phục mạnh mẽ của cổ phiếu VJC. Trong khi đó, nhóm Ngân hàng và Dịch vụ tài chính ghi nhận sự khởi sắc trong quý 2 nhờ các chính sách kích thích tín dụng, tuy nhiên 2 nhóm này chịu áp lực chốt lời đáng kể vào giai đoạn cuối năm.

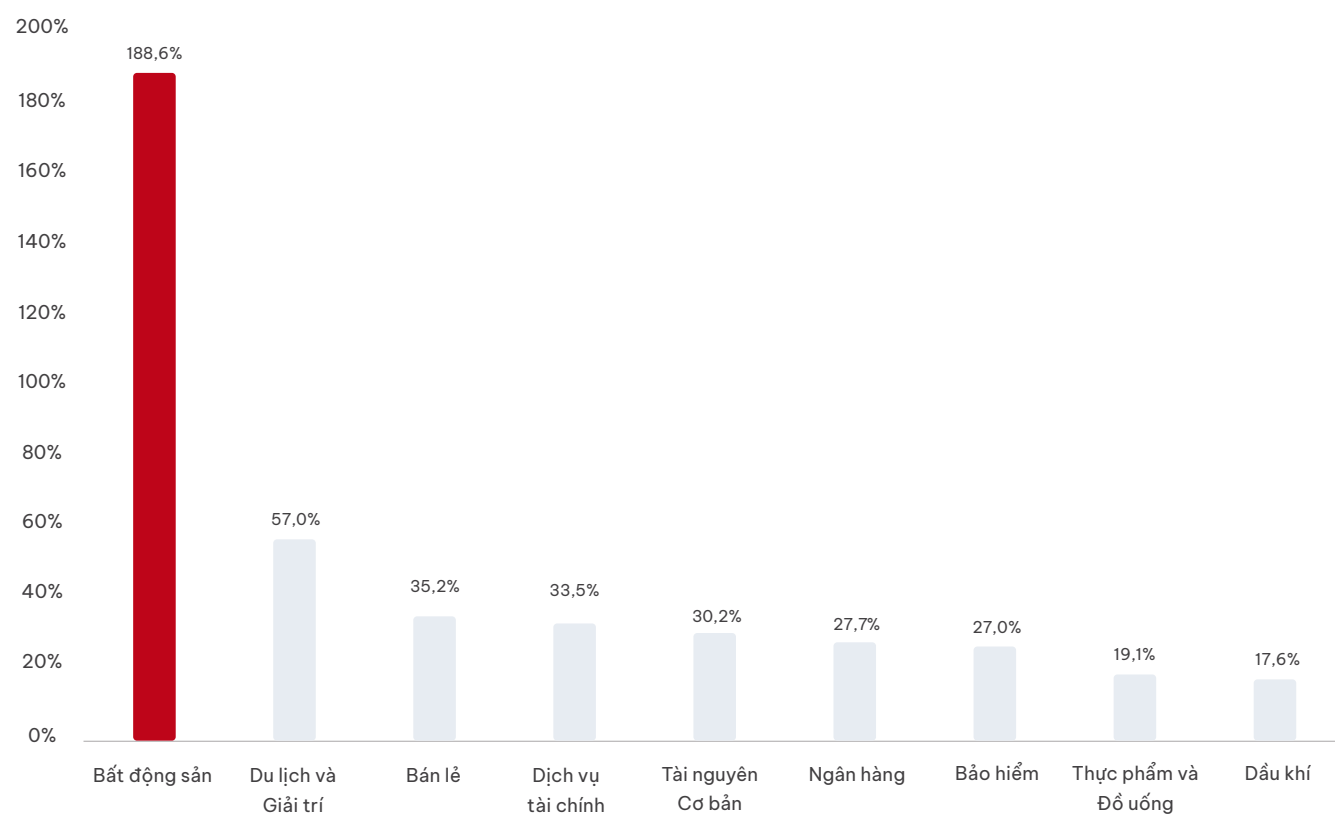
Ngành Bất động sản với mức tăng trưởng đột biến

188,6%

Nhóm Du lịch và Giải trí với mức tăng

57%

Hình 20: Mức tăng giá cổ phiếu một số ngành chính năm 2025



Nguồn: Fiinpro





# Đánh giá thị trường 2025



## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2025

**Điểm nhấn chính sách:**  
Nghị định 245/2025/NĐ-CP bước tiến quan trọng về chất lượng thị trường

Một trong những dấu ấn nổi bật nhất của năm 2025 là Nghị định 245/2025 về thi hành Luật Chứng khoán, với ba nội dung cốt lõi:

- Rút ngắn thời gian IPO – niêm yết xuống còn khoảng 30 ngày, qua đó đẩy nhanh quá trình huy động vốn và nâng cao tính linh hoạt cho doanh nghiệp.
- Sửa đổi, bổ sung các quy định về chào bán và phát hành chứng khoán ra công chúng, hướng tới tăng tính minh bạch và bảo vệ nhà đầu tư.
- Hoàn thiện hành lang pháp lý cho cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm (CCP), một cấu phần quan trọng của thị trường chứng khoán hiện đại.

Những cải cách này không chỉ giúp nhà đầu tư nước ngoài thuận lợi hơn trong giao dịch, mà còn là nền tảng then chốt để TTCK Việt Nam tiệm cận chuẩn mực quốc tế, nâng cao độ tin cậy và sức hấp dẫn trong mắt các quỹ đầu tư toàn cầu.

## Việt Nam chính thức đạt tiêu chuẩn thị trường mới nổi

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc mang tính bước ngoặt của thị trường chứng khoán Việt Nam khi FTSE Russell công bố Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Theo lộ trình, đến tháng 9/2026, Việt Nam sẽ chính thức được đưa vào rổ chỉ số FTSE Global Benchmark trong kỳ rà soát định kỳ.

Việc nâng hạng được kỳ vọng sẽ mở ra dòng vốn ngoại quy mô hàng tỷ USD, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển các sản phẩm và cơ chế giao dịch mới, bao gồm: giao dịch xuyên trư, giao dịch T0 thông qua bán chờ về, vay – cho vay chứng khoán và bán khống. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình nâng cao chiều sâu và tính chuyên nghiệp của thị trường.

## Làn sóng IPO trở lại sau nhiều năm trầm lắng

Năm 2025 cũng đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của hoạt động IPO sau giai đoạn dài trầm lắng. Đáng chú ý, trong nhóm công ty chứng khoán, ba thương vụ IPO của Techcom Securities, VPBank Securities và VPS đã trở thành tâm điểm trong những tháng cuối năm, thu hút sự quan tâm lớn từ giới đầu tư. Bên cạnh đó, thương vụ IPO của Công ty cổ phần Phát triển

Nông nghiệp Hòa Phát (HPA) – công ty con của Tập đoàn Hòa Phát – diễn ra trong tháng 12/2025 cũng ghi nhận mức độ quan tâm cao, khi đây là một trong số ít doanh nghiệp ngoài lĩnh vực tài chính gia nhập sân chơi niêm yết trong năm. Tổng cộng có hơn 60.000 Nhà đầu tư tham gia với hơn 37 ngàn tỷ đồng huy động vốn từ đợt IPO nói trên.





# Kết quả kinh doanh 2025

## THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2020-2025

Đơn vị tính: triệu đồng

| Kết quả kinh doanh                              | 2025      | 2024    | 2023    | 2022    | 2021    |
|-------------------------------------------------|-----------|---------|---------|---------|---------|
| Doanh thu                                       | 1.467.213 | 828.930 | 739.297 | 466.943 | 186.610 |
| Trong đó:<br>Doanh thu từ<br>hoạt động môi giới | 404.020   | 144.839 | 67.645  | 84.848  | 90.034  |
| Chi phí hoạt động                               | 877.229   | 419.478 | 334.004 | 304.562 | 100.603 |
| Lợi nhuận trước thuế                            | 340.225   | 227.501 | 285.636 | 94.924  | 68.126  |
| Lợi nhuận sau thuế                              | 272.530   | 181.771 | 228.984 | 77.763  | 54.470  |

| Bảng cân đối kế toán | 2025       | 2024       | 2023      | 2022      | 2021      |
|----------------------|------------|------------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng tài sản         | 15.139.227 | 10.637.252 | 7.446.063 | 6.409.145 | 2.315.226 |
| Vốn điều lệ          | 3.426.000  | 3.300.000  | 3.000.000 | 3.000.000 | 1.000.000 |
| Vốn chủ sở hữu       | 4.302.330  | 4.029.800  | 3.305.345 | 3.316.361 | 1.058.568 |

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu             | Năm 2025  |           |                              |
|----------------------|-----------|-----------|------------------------------|
|                      | Thực hiện | Kế hoạch  | Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch(%) |
| Tổng doanh thu       | 1.467.213 | 1.507.000 | 97%                          |
| Tổng chi phí         | 1.126.988 | 1.180.000 | 96%                          |
| Lợi nhuận trước thuế | 340.225   | 327.000   | 104%                         |
| Lợi nhuận sau thuế   | 272.530   | 262.000   | 104%                         |

## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2025   | Năm 2024   | %YoY |
|-----------------------------------|------------|------------|------|
| Tổng giá trị tài sản              | 15.139.227 | 10.637.252 | 42%  |
| Doanh thu thuần                   | 1.457.912  | 807.412    | 81%  |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 339.251    | 213.539    | 59%  |
| Lợi nhuận khác                    | 974        | 13.962     | -93% |
| Lợi nhuận trước thuế              | 340.225    | 227.501    | 50%  |
| Lợi nhuận sau thuế                | 272.530    | 181.771    | 50%  |



### Chi tiết Doanh thu và Lợi nhuận

Tổng doanh thu cả năm 2025  
đạt mức kỷ lục

**1.467** tỷ đồng

Tăng trưởng 77% so với  
cùng kỳ năm 2024

Lợi nhuận trước thuế đạt

**340** tỷ đồng

Tăng trưởng 50% so với  
cùng kỳ 2024

Trong năm 2025, cùng với sự tăng trưởng và phát triển của ngành, DNSE đã có một năm với hiệu quả hoạt động kinh doanh vượt trội. Tổng doanh thu cả năm 2025 đạt mức kỷ lục 1.467 tỷ đồng, tăng trưởng 77% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 97% kế hoạch đề ra. Cơ cấu doanh thu hoạt động của DNSE được đóng góp lớn nhất bởi 3 mảng chính là hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán, hoạt động môi giới và hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Mảng cho vay margin đạt doanh thu 556 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất, phản ánh nhu cầu sử dụng đòn bẩy của khách hàng duy trì ở mức cao. Doanh thu môi giới đạt 413 tỷ đồng, tỷ trọng đứng thứ 2, đóng góp bởi sự cải thiện của thanh khoản thị trường trong giai đoạn quý

3 và hiệu quả khai thác khách hàng tốt hơn. Cuối cùng là hoạt động kinh doanh nguồn vốn đạt doanh thu 304 tỷ đồng và có tỷ trọng xếp thứ 3.

Cùng với đó, cơ cấu lợi nhuận của công ty đã có sự dịch chuyển tạo ra sự cân bằng hơn giữa các mảng kinh doanh cốt lõi của công ty, trong đó doanh thu dịch chuyển một phần sang hoạt động môi giới và tự doanh. Lũy kế năm 2025, lợi nhuận trước thuế đạt 340 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 273 tỷ đồng, cùng tăng trưởng 50% so với năm trước và hoàn thành 104% kế hoạch đề ra. Những con số này phản ánh nỗ lực của DNSE trong việc duy trì và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong môi trường thị trường biến động.



CÁC CHỈ TIÊU  
TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu                                          | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/giảm |
|---------------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                   |          |          |             |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | 1,40     | 1,24     | 13%         |
| Hệ số thanh toán nhanh                            | 1,40     | 1,24     | 13%         |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                            |          |          |             |
| Hệ số nợ/tổng tài sản                             | 0,72     | 0,62     | 15%         |
| Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu                           | 2,52     | 1,64     | 54%         |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                    |          |          |             |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân   | 0,13     | 0,11     | 30%         |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                     |          |          |             |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | 18,69%   | 22,51%   | -17%        |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 6,48%    | 4,39%    | 47%         |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân   | 2,09%    | 1,86%    | 12%         |

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                            | 31/12/2025 | 1/1/2025   |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn                    | 13.285.836 | 8.172.043  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 510.579    | 1.093.162  |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 6.647.221  | 2.941.835  |
| Các khoản cho vay                   | 5.832.191  | 3.881.585  |
| Các khoản phải thu                  | 310.048    | 279.409    |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 10.254     | 6.508      |
| Tài sản dài hạn                     | 1.853.390  | 2.465.209  |
| Tài sản tài chính dài hạn           | 1.704.736  | 2.328.606  |
| Tài sản cố định                     | 105.801    | 96.210     |
| Tài sản dài hạn khác                | 42.853     | 39.881     |
| Tổng cộng tài sản                   | 15.139.227 | 10.637.252 |

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                 | 31/12/2025 | 1/1/2025  |
|------------------------------------------|------------|-----------|
| Nợ ngắn hạn                              | 9.511.869  | 6.589.050 |
| Vay ngắn hạn                             | 9.321.821  | 6.505.929 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 21.777     | 7.136     |
| Phải trả người bán ngắn hạn              | 3.891      | 1.797     |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      | 34.318     | 25.652    |
| Phải trả người lao động                  | 39.202     | 18.553    |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                | 88.397     | 24.102    |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác         | 2.463      | 5.881     |
| Nợ dài hạn                               | 1.325.027  | 18.402    |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn         | 27.044     | 18.343    |
| Trái phiếu phát hành dài hạn             | 1.297.853  | 0         |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả          | 130        | 60        |
| Tổng nợ phải trả                         | 10.836.897 | 6.607.452 |



# Hoạt động môi giới chứng khoán

## KHÁCH HÀNG MỞ MỚI VÀ TĂNG TRƯỞNG KHÁCH HÀNG MỞ MỚI

DNSE chính thức cán mốc 1,5 triệu khách hàng, tiếp tục giữ vững vị thế Top đầu về thị phần mở mới

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử phát triển khi DNSE chính thức vượt qua con số 1,5 triệu tài khoản khách hàng. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đón nhận lượng lớn nhà đầu tư mới gia nhập, DNSE vẫn kiên định với chiến lược công nghệ tiên phong, duy trì sức hút mạnh mẽ và giữ vững vị thế là một trong những đơn vị dẫn đầu thị trường.

Hình 21: Tăng trưởng về khách hàng theo quý

| Tài khoản mở mới  | Q1      | Q2      | Q3      | Q4      | Tổng      |
|-------------------|---------|---------|---------|---------|-----------|
| DNSE              | 131.122 | 104.785 | 127.344 | 155.263 | 518.514   |
| Toàn thị trường   | 388.089 | 583.849 | 773.999 | 828.008 | 2.573.945 |
| Thị phần DNSE (%) | 34%     | 18%     | 16%     | 19%     | 20%       |

Kết thúc năm 2025

Tổng số tài khoản mở mới đạt

518.514 tài khoản

So với tổng lượng mở mới toàn thị trường là hơn 2,57 triệu tài khoản, DNSE chiếm lĩnh 20% thị phần

Kết thúc năm 2025, DNSE ghi nhận tổng số tài khoản mở mới đạt 518.514 tài khoản. So với tổng lượng mở mới toàn thị trường là hơn 2,57 triệu tài khoản, DNSE chiếm lĩnh 20% thị phần. Điều này đồng nghĩa, cứ 5 nhà đầu tư mới gia nhập thị trường trong năm qua sẽ có 1 nhà đầu tư lựa chọn bắt đầu hành trình tài chính tại DNSE.

Đặc biệt, ngay trong quý 1/2025, DNSE đã tạo ra cú hích lớn khi chiếm tới 34% thị phần mở mới toàn thị trường, với đỉnh điểm là tháng 1/2025 đóng góp

50% lượng tài khoản mới. Mặc dù áp lực cạnh tranh gia tăng trong các quý giữa năm, DNSE đã nhanh chóng lấy lại đà tăng trưởng trong quý 4, kết thúc năm với thị phần ổn định ở mức 20%.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lượng tài khoản lũy kế mà DNSE đang quản lý đạt 1.512.920 tài khoản, tăng trưởng 52% so với năm 2024. Đây là minh chứng rõ nét cho niềm tin của nhà đầu tư vào hệ sinh thái tài chính – chứng khoán mà DNSE đang xây dựng.

Hình 22: Tăng trưởng về khách hàng theo năm

|                                     | 2020  | 2021   | 2022    | 2023    | 2024    | 2025      |
|-------------------------------------|-------|--------|---------|---------|---------|-----------|
| Số tài khoản khách hàng             | 5.548 | 44.727 | 189.845 | 561.279 | 994.811 | 1.512.920 |
| Số tài khoản mở mới                 | 992   | 39.179 | 145.118 | 371.434 | 433.532 | 518.514   |
| Tăng trưởng số tài khoản khách hàng | 22%   | 706%   | 324%    | 196%    | 77%     | 52%       |

## TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN QUẢN LÝ, AUM VÀ CASA CỦA KHÁCH HÀNG



| Quý     | Số lượng chứng khoán quản lý | AUM (Đvt: tỷ đồng) | Casa (Đvt: tỷ đồng) |
|---------|------------------------------|--------------------|---------------------|
| Q1/2025 | 1.794.824.195                | 39.393             | 2.464               |
| Q2/2025 | 1.820.953.098                | 41.590             | 2.602               |
| Q3/2025 | 2.133.740.138                | 57.603             | 3.192               |
| Q4/2025 | 2.125.730.399                | 53.471             | 3.157               |

Năm 2025, DNSE tiếp tục khẳng định định hướng phát triển theo mô hình fintech – lấy công nghệ và trải nghiệm người dùng làm trọng tâm. Trên hành trình Tuổi 18 đầy năng lượng và sẵn sàng dẫn thân để tạo sự khác biệt, DNSE không ngừng tối ưu trải nghiệm khách hàng tại từng điểm chạm trên ứng dụng: từ giao diện, tốc độ xử lý lệnh đến hệ sinh thái sản phẩm ngày càng đa dạng, linh hoạt, dẫn đầu xu hướng thị trường

Một trong những điểm nhấn nổi bật của năm 2025 là định hướng tập trung phát triển hệ thống Open API in-house để đảm bảo tốc độ triển khai, bảo mật và khả năng tùy biến linh hoạt cho từng đối tác, cho phép đối tác tích hợp và triển khai các dịch vụ đầu tư một cách linh hoạt, góp phần mở rộng quy mô và khả năng tiếp cận của hệ sinh thái DNSE. Open API không chỉ là công cụ kỹ thuật, mà là hạ tầng chiến lược giúp

DNSE dịch chuyển vai trò từ một công ty chứng khoán thuần túy sang nền tảng công nghệ tài chính mở – nơi đầu tư được đơn giản hóa, phổ cập và tích hợp sâu vào hệ sinh thái số yêu thích của từng người dùng. Đó là hướng đi bền vững mà DNSE theo đuổi: dùng công nghệ mở để đơn giản hóa đầu tư cho người Việt.

Trong năm qua, DNSE cũng đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động giao dịch và tư vấn/khuyến nghị, với sản phẩm đột phá Ý tưởng đầu tư – công cụ cung cấp các khuyến nghị được chọn lọc và cập nhật theo diễn biến thị trường, hỗ trợ khách hàng trong quá trình ra quyết định. Công cụ Lệnh AI được phát triển để đón đầu xu hướng đầu tư thông minh, với khả năng chia nhỏ lệnh ưu việt, giúp nhà đầu tư giảm thiểu rủi ro, tiết kiệm thời gian mà vẫn tối ưu lợi nhuận.

Với những nỗ lực đổi mới – sáng tạo cùng sự tin tưởng từ Khách hàng, DNSE đã ghi nhận các thành tựu nổi bật trong năm 2025: duy trì vị thế Top 2 thị phần chứng khoán phái sinh và đạt Top 6 thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết trên HNX trong năm 2025. Số lượng chứng khoán quản lý đạt hơn 2,1 tỷ cổ phiếu, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh rõ nét sự tăng trưởng

bền vững và vị trí ngày càng rõ nét của DNSE trong hệ sinh thái đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Tổng tài sản quản lý (AUM – Assets Under Management) tính đến hết ngày 31/12/2025 đạt 53.471 tỷ đồng và tổng giá trị tiền gửi của khách hàng đạt 3.157 tỷ đồng. Đây đều là những con số thể hiện sự tăng trưởng vượt trội của DNSE trong năm 2025 vừa qua

|                                                                                                       |                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| Số lượng chứng khoán quản lý đạt hơn<br><b>2,1</b> tỷ cổ phiếu<br>Tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước | Tổng tài sản quản lý đạt<br><b>53.471</b> tỷ đồng |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|

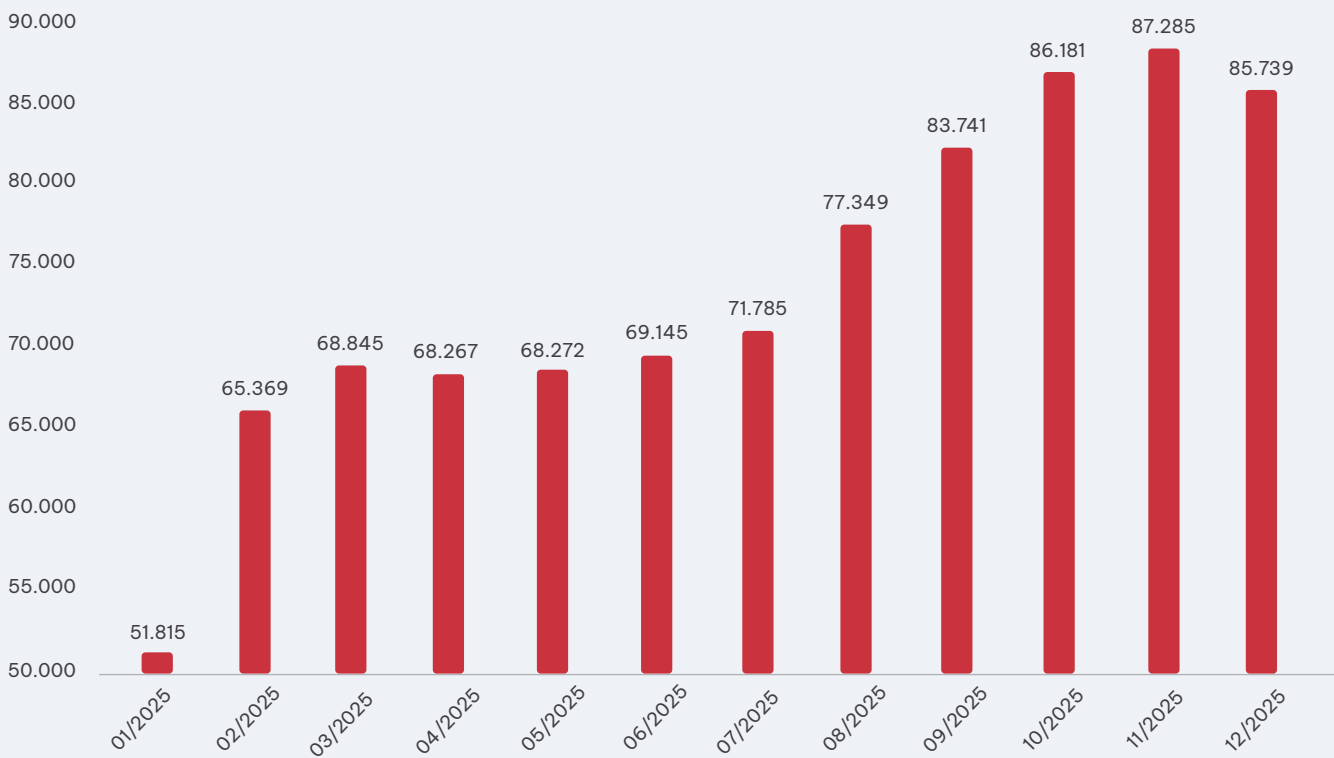
# Hoạt động môi giới chứng khoán

## TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG ACTIVE

Trong năm 2025, cùng với diễn biến sôi động của thị trường chứng khoán, DNSE từng bước chú trọng hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu và nâng cấp trải nghiệm của nhà đầu tư. Song song với đó, các chương trình thúc đẩy giao dịch được triển khai hiệu quả

theo từng giai đoạn thị trường, đóng góp tích cực tới tăng trưởng số lượng khách hàng active tại DNSE trong cả năm. Tính riêng trong tháng 12/2025, số khách hàng active giao dịch đạt 85,7 nghìn khách hàng, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2024 là 41,9 nghìn khách hàng có giao dịch.

Hình 23: Số khách hàng active theo tháng ( sử dụng tối thiểu 1 sản phẩm trong tháng)



### Tính đến hết ngày 31/12/2025

Số khách hàng có NAV từ 10 triệu đồng đạt

27,1 nghìn tài khoản

Không chỉ tăng trưởng về số lượng, chất lượng khách hàng tại DNSE cũng được nâng cấp rõ rệt thông qua các chỉ số về giá trị tài sản ròng (Net Asset Value - NAV). Trong năm 2025, số khách hàng có NAV từ 1 triệu, từ 100 triệu và từ 1 tỷ đồng tăng trưởng vượt trội qua các tháng. Tính đến hết ngày 31/12/2025, số khách hàng có NAV từ 10 triệu đồng đạt 27,1 nghìn khách

hàng và số khách hàng có NAV từ 1 tỷ đồng đã vượt 2.000 khách hàng. Thành quả này đến từ những nỗ lực không ngừng nghỉ của DNSE trong việc hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, xây dựng các chương trình, chính sách ưu đãi hấp dẫn, nhằm tạo động lực thúc đẩy giao dịch mạnh mẽ đồng thời gắn kết khách hàng với DNSE.

## LOYALTY VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỨC ĐẨY KHÁCH HÀNG

Chương trình khách hàng thân thiết DNSE Pro Club



Năm 2025 vừa qua đánh dấu nhiều bước tiến tích cực trong đổi mới chính sách và nâng cấp trải nghiệm của chương trình Khách hàng thân thiết DNSE Pro Club. Các ưu đãi và quà tặng liên tục được mở rộng để đa dạng quyền lợi dành cho thành viên. Bên cạnh đó, tính năng quy đổi Star và giao diện người dùng trên App/Web được từng bước tối ưu, mang tới trải nghiệm mượt mà và khác biệt với khách hàng.

| Tháng     | Từ 03/2025                                                                                                                                    | 01/04/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Từ 05/2025                                                                                                            | Từ 06/2025                                                                                                                                                        |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thành tựu | Khách hàng có thể đổi Star sang quà tặng hiện vật (Sách Gối lại, thú bông, móc khóa Bò & Gấu, cốc giữ nhiệt, khăn bandana độc quyền của DNSE) | Ra mắt DNSE Pro Club phiên bản vượt trội, với những thay đổi về chính sách theo hướng dễ tiếp cận hơn với khách hàng                                                                                                                                                                           | Khách hàng có thể đổi Star sang E-Voucher với đa dạng thương hiệu (mua sắm, cafe & nhà hàng, du lịch - di chuyển,...) | Sự kiện Ngày hội thành viên DNSE Pro Club với những ưu đãi đặc quyền dành cho khách hàng thân thiết (diễn ra vào thứ 6 cuối cùng của tháng 6, 7, 8, 9 và 12/2025) |
| Điểm nhấn |                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"><li>Cơ chế xét hạng mới - dễ dàng thăng hạng hơn</li><li>Tích lũy Star khi giao dịch theo đa dạng sản phẩm (Cơ sở/phái sinh/margin/Trúng Vàng có kỳ hạn/Tài khoản Không Ngủ)</li><li>Chính sách tri ân âm thầm niên gấm bó của Khách hàng với DNSE</li></ul> |                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"><li>Khung giờ Flash Deal: giảm tới 50% Star đổi quà</li><li>X2 Star khi giao dịch trong ngày hội thành viên</li></ul>           |



Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm và mục tiêu xây dựng chương trình khách hàng thân thiết tốt nhất trên thị trường chứng khoán, DNSE Pro Club sẽ tiếp tục được nâng cấp trong năm 2026 về cả quyền lợi - tính năng - trải nghiệm, nhằm mang lại các đặc quyền xứng tầm và cá nhân hóa theo từng hạng thành viên trong thời gian tới.



# Hoạt động môi giới chứng khoán

## LOYALTY VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH THÚC ĐẨY KHÁCH HÀNG

### Các chương trình thúc đẩy khách hàng

- Chương trình thúc đẩy giao dịch nhân dịp Tết Ất Tỵ 2025 - Hái lộc Thần Tài

Triển khai trong dịp Tết Nguyên đán 2025 với mục tiêu mang lại không khí giao dịch hứng khởi đầu năm mới, khai xuân - hái lộc với nhiều giải thưởng giá trị. 10 giải thưởng Lộc Kim Bảo (01 chỉ vàng SJC 9999) cùng hàng ngàn quà tặng tiền mặt, Star đã được trao tặng cho các khách hàng may mắn của chương trình.



- Marathon chứng khoán

Điểm nhấn nổi bật trong hoạt động thúc đẩy giao dịch năm 2025 vừa qua là giải đấu Marathon Chứng khoán - sân chơi chuyên biệt dành cho nhà đầu tư cơ sở, lần đầu tiên được DNSE

tổ chức trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 7/2025. Với 03 bảng đấu chia theo quy mô NAV và giải thưởng xét trên hiệu quả đầu tư, Marathon chứng khoán đã thu hút gần 5.000 Nhà đầu tư tham gia tranh tài, hơn 400 giải thưởng với tổng trị giá 274 triệu đồng đã được trao. Chương trình cũng đóng góp tích cực vào thúc đẩy tăng trưởng giao dịch của khách hàng, với mức tăng trưởng giá trị giao dịch của tệp khách hàng tham gia lên tới 60%, dư nợ margin tăng 36,9% so với mức trung bình ba tháng trước khi triển khai cuộc thi.



- Chương trình tri ân “Thổi nến, bung quà - Mừng sinh nhật DNSE 18 tuổi”

**7.000** khách hàng  
tham gia chỉ trong tháng  
10/2025

Nhằm mục tiêu tri ân khách hàng nhân cột mốc ý nghĩa 18 năm hình thành và phát triển (2007 - 2025), DNSE đã triển khai game Thổi nến, bung quà - Mừng sinh nhật DNSE 18 tuổi. Khi giao dịch cơ sở/phái sinh/vay margin/đầu tư Trúng Vàng có kỳ hạn, khách hàng có thể tích lũy lượt chơi và tham gia thổi nến ngay trên ứng dụng Entrade X by DNSE để nhận các quà tặng hấp dẫn từ chương trình.

Với hình thức sáng tạo, tính tương tác cao, giải thưởng hấp dẫn, dễ chơi - dễ trúng thưởng, chương trình đã thu hút gần 7.000 khách hàng tham gia chỉ trong tháng 10/2025 với hơn 23.000 giải thưởng đã được trao.

Bước sang năm 2026, bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ, DNSE vẫn đặt trọng tâm triển khai đa dạng các hoạt động tri ân và thúc đẩy, nhằm mang tới nhiều giá trị gia tăng và khác biệt cho Khách hàng trên hành trình đầu tư tài chính bền vững cùng DNSE.





# Hoạt động chứng khoán phái sinh

**Giữ vững Top 2 thị phần, củng cố vị thế “nền tảng mở” trong phái sinh**

Năm 2025, DNSE tiếp tục bứt tốc ở mảng chứng khoán phái sinh với công nghệ làm trực chính. Không chỉ duy trì đà tăng trưởng từ năm trước, DNSE còn giữ vững vị trí Top 2 thị phần phái sinh cả năm 2025 và đạt 21,47%, qua đó khẳng định năng lực mở rộng quy mô song hành cùng chất lượng dịch vụ

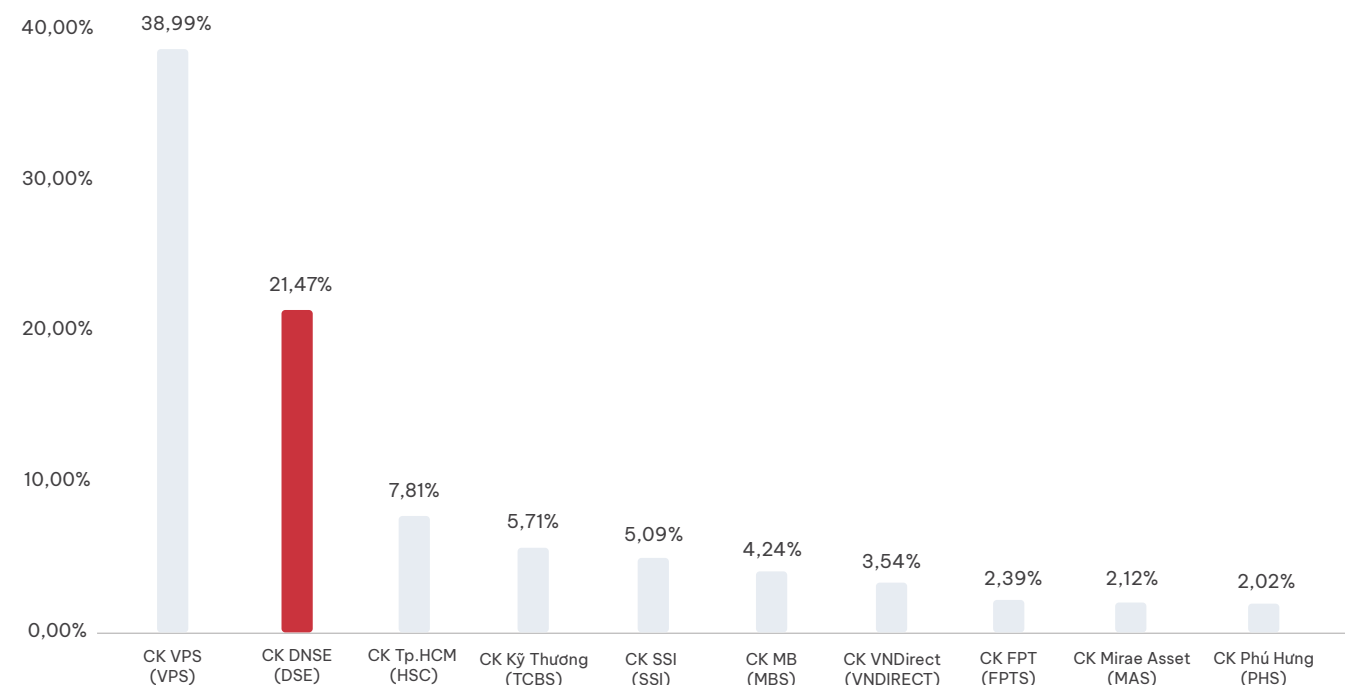
và trải nghiệm giao dịch. Với hơn 25,8 triệu hợp đồng khớp lệnh, DNSE cho thấy chiến lược phát triển phái sinh đã bước qua giai đoạn “tăng trưởng theo điểm rơi” để tiến vào giai đoạn tăng trưởng theo nền tảng: dựa trên năng lực công nghệ, vận hành, và khả năng mở rộng.

**Quy mô khách hàng  
tăng mạnh, tăng trưởng  
đi cùng “động lực tham gia”  
bền vững**

Tiếp nối xu hướng tăng trưởng 2023 - 2024, năm 2025 ghi nhận bước nhảy đáng kể về quy mô khách hàng phái sinh tại DNSE. Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh mở mới đạt 129.000 tài khoản, tăng 340% so với năm 2024.

Tăng trưởng này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư vào trải nghiệm giao dịch trên nền tảng DNSE, đồng thời cho thấy hiệu quả của các chương trình thúc đẩy cộng đồng theo hướng tạo thói quen tham gia và duy trì giao dịch, thay vì chỉ tạo “đỉnh” tăng trưởng ngắn hạn.

Hình 24: Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh năm 2025



## Thị phần ổn định, kết quả mang tính hệ thống

Thị phần môi giới phái sinh  
cả năm 2025 đạt

21,47 %

Duy trì vị thế

## TOP 2 toàn thị trường

Tổng số lượng hợp đồng khớp lệnh cả năm đạt hơn

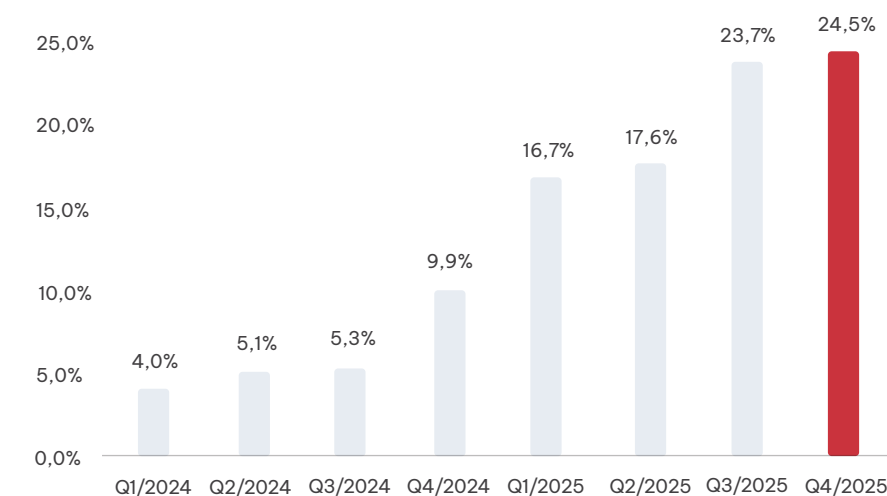
25,8 triệu hợp đồng

 Tăng 307,3% so với năm 2024

Nếu năm 2024 là dấu mốc “vươn lên nhóm dẫn đầu” thì năm 2025 là năm DNSE “đóng chốt vị thế” với thị phần môi giới phái sinh cả năm 2025 đạt 21,47% và duy trì vị thế Top 2 toàn thị trường đạt được kể từ quý 3/2024. Tổng số lượng hợp đồng khớp lệnh cả năm đạt hơn 25,8 triệu hợp đồng, tăng 307,3% so với năm 2024.

Kết quả ổn định này cho thấy DNSE không chỉ tăng trưởng nhờ thời điểm thuận lợi mà đang vận hành theo mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng: hạ tầng, quy trình vận hành, năng lực kiểm soát rủi ro và tốc độ cải tiến sản phẩm.

Hình 25: Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh của DNSE







## Hoạt động chứng khoán phái sinh

**Lướt Sóng Phái Sinh:**  
sân chơi bùng nổ,  
thúc đẩy cộng đồng  
giao dịch

“Lướt sóng Phái Sinh” là một chương trình mang tính khác biệt được DNSE triển khai từ năm 2024 như một trọng điểm để gia tăng sự tham gia, tương tác và chất lượng cộng đồng trong

phái sinh. Lấy cảm hứng từ tinh thần thi đấu, chương trình tạo ra môi trường nơi nhà đầu tư rèn luyện kỹ năng, so tài hiệu suất, và nhận ghi nhận xứng đáng.

**8.000** người mới  
tham gia trong năm 2025

Tổng số người đăng ký đạt

**20.000** người tham gia

Mục tiêu chương trình là góp phần gia tăng thị phần giao dịch phái sinh, tạo động lực để nhà đầu tư hoàn thiện chiến lược và xây dựng cộng đồng giao dịch năng động, tương tác cao, cạnh tranh lành mạnh.

Với trải nghiệm tham gia đơn giản: chỉ cần có tài khoản tại DNSE, nhà đầu tư có thể thi đấu mà không cần đăng ký phức tạp. Bảng xếp hạng tự động theo hiệu suất giao dịch thực tế: cập nhật định kỳ, minh bạch, giúp người tham gia theo dõi tiến độ và cải thiện chiến

lược. Điểm đặc biệt là giải thưởng hấp dẫn với tổng giá trị giải thưởng lên tới hàng trăm triệu đồng, trao giải hàng tuần và hàng tháng.

Kết quả, cuộc thi đã thu hút gần 8.000 người mới tham gia trong năm 2025, đưa tổng số người đăng ký lên con số gần 20.000 người tham gia từ trước tới nay. Phản hồi từ cộng đồng cho thấy chương trình không chỉ tạo sân chơi, mà còn tạo “lý do để luyện”, “lý do để tiến bộ” và “lý do để gắn kết” nhờ tính cạnh tranh lành mạnh và tương tác cao



# Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Năm 2025, thị trường tài chính – tiền tệ nói chung tiếp tục có nhiều biến động. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay duy trì ở mức thấp trong phần lớn thời gian của năm, đặc biệt tăng mạnh trong những tháng cuối năm. Thị trường chứng khoán cũng ghi nhận sự phục hồi tích cực, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.784,49 điểm vào ngày 31/12/2025. Trước bối cảnh đó, DNSE tiếp tục xác định mảng Kinh doanh Nguồn vốn là một

trụ cột chiến lược, đóng vai trò cung cấp nguồn lực tài chính ổn định cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, đồng thời là nền tảng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách hàng đa dạng hóa danh mục đầu tư. Định hướng xuyên suốt trong năm tập trung vào việc đa dạng hóa nguồn huy động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động nguồn vốn với các sản phẩm dịch vụ chứng khoán khác của DNSE.



## Phát hành trái phiếu ra công chúng và củng cố nền tảng vốn trung – dài hạn

Điểm nhấn nổi bật là việc DNSE triển khai thành công

**02** đợt phát hành trái phiếu ra công chúng

Với tổng giá trị

**1.300** tỷ đồng

Trong năm 2025, DNSE đẩy mạnh huy động vốn trung và dài hạn, giảm sự phụ thuộc vào vốn ngắn hạn và tạo dư địa cho phát triển kinh doanh bền vững. Điểm nhấn nổi bật là việc DNSE triển khai thành công 02 đợt phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 1.300 tỷ đồng, kỳ hạn 02 năm, cấu trúc lãi suất hấp dẫn và phù hợp với điều kiện thị trường.

Các đợt phát hành thu hút sự quan tâm lớn từ nhiều tổ chức tài chính, công ty quản lý quỹ, các công ty chứng khoán uy tín và nhà đầu tư cá nhân như Quỹ đầu tư trái phiếu TECHCOM (TCBF); Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (ABBF), Công ty cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB (MB Capital); Quỹ Đầu tư trái phiếu LP (LPBF); Quỹ đầu tư Dragon Capital – Vietnam Debt Fund SPC, Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (VCBF),...

cùng một số công ty chứng khoán lớn khác (Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT; Công ty cổ phần chứng khoán Pinetree; Công ty cổ phần Chứng khoán ASAM. Kết quả phát hành đợt 1 cho 7 tổ chức và 289 nhà đầu tư cá nhân, đợt 2 cho 11 tổ chức và 287 nhà đầu tư cá nhân đã phản ánh rõ nét uy tín, năng lực tài chính cũng như mức độ tin cậy của DNSE trên thị trường vốn.

Nguồn vốn huy động được từ trái phiếu được sử dụng hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi như giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán. Việc gia tăng tỷ trọng vốn trung và dài hạn giúp DNSE cải thiện cơ cấu kỳ hạn nguồn vốn, giảm áp lực thanh khoản và tối ưu chi phí vốn trong bối cảnh lãi suất biến động.



## Mở rộng quan hệ hợp tác với ngân hàng và các đối tác tài chính, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn

DNSE ghi nhận tổng tài sản đạt

**15.139** tỷ đồng

⬆ Tăng 42% so với năm 2024

Tính đến cuối năm, DNSE đã thiết lập quan hệ với hơn 30 ngân hàng trong và ngoài nước, với tổng hạn mức tín dụng được phê duyệt lên tới 16.000 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, công ty từng bước gia tăng tỷ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính một cách thận trọng, phù hợp với quy mô vốn chủ sở hữu và khẩu vị rủi ro. Việc chủ động sử dụng vốn linh hoạt giúp DNSE cải thiện chi phí vốn và tạo thêm dư địa cho việc mở rộng quy mô danh mục tài sản.

Song song với hoạt động huy động vốn, DNSE đẩy mạnh kinh doanh nguồn vốn thông qua các giao dịch giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, trái phiếu tổ chức tín dụng,...

đồng thời linh hoạt khai thác cơ hội từ kinh doanh chênh lệch kỳ hạn, chênh lệch lãi suất, qua đó nâng cao hiệu quả tổng thể của danh mục.

Năm 2025, DNSE ghi nhận tổng tài sản đạt 15.139 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2024. Trong đó, tiền và các tài sản tài chính đạt 8.863 tỷ đồng (tăng 39% so với năm 2024), phản ánh chiến lược ưu tiên thanh khoản và chủ động nguồn lực tài chính của công ty. Danh mục tài sản được mở rộng và phân bổ hợp lý giữa các tài sản an toàn và các khoản đầu tư có hiệu quả sinh lời, góp phần tối ưu cấu trúc tài sản, kiểm soát rủi ro và củng cố nền tảng tài chính trước các biến động của thị trường.



# Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

**Trứng Vàng và Tài khoản Không ngủ - Tính năng độc đáo giúp khách hàng tối ưu dòng tiền đầu tư**

**Tài khoản Không Ngủ**

Khách hàng đăng kí

**12,1** nghìn

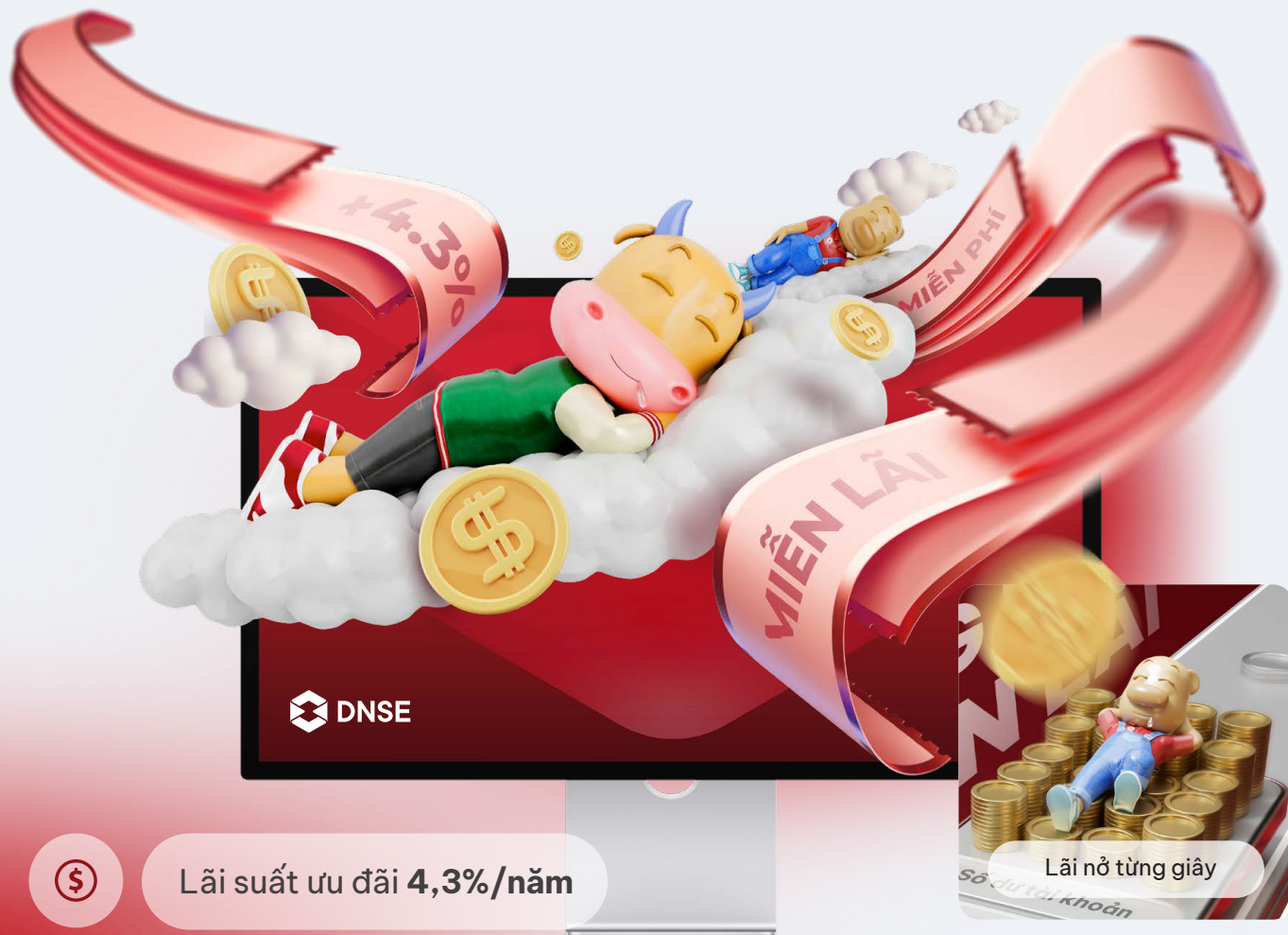
Tăng trưởng số dư

**201 %**

Năm 2025 đánh dấu bước tăng trưởng mạnh mẽ với trọng tâm là tối ưu hóa dòng tiền nhàn rỗi của khách hàng và gia tăng mức độ gắn kết giữa khách hàng và hoạt động giao dịch.

Tháng 6/2025, DNSE chính thức ra mắt **Tài khoản Không Ngủ**, cho phép tiền nhàn rỗi trên tài khoản chứng khoán của khách hàng sinh lời liên tục mà không làm gián đoạn giao dịch. Chính sách lãi suất ưu đãi lên đến **4,3%/năm** theo mức bậc thang tăng dần nhằm khuyến khích khách hàng duy trì dòng tiền trên tài khoản, thúc đẩy gia tăng giá trị giao dịch và giá trị chứng khoán lưu ký.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán tăng trưởng tích cực vào nửa cuối năm, Tài khoản Không Ngủ ghi nhận hiệu quả rõ nét với giá trị tiền của nhà đầu tư tăng gấp **02 lần** sau khi sản phẩm được đưa vào vận hành, đồng thời giá trị giao dịch của khách hàng tăng đột biến. Kết quả này cho thấy sản phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh lời ngắn hạn mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc kích hoạt dòng tiền và nâng cao hiệu quả giao dịch trên toàn hệ thống.



**Trứng Vàng**

**Trứng Vàng** tiếp tục khẳng định vị thế là tính năng hấp dẫn đối với khách hàng tại DNSE. Trong năm 2025, số dư bình quân của Trứng Vàng tăng **gấp 05 lần** so với năm 2024, đặc biệt sôi động trong nửa cuối năm nhờ việc bổ sung danh mục mã trái phiếu an toàn với lãi suất hấp dẫn, thông tin lợi suất thực nhận minh bạch cho khách hàng. Trứng Vàng được thiết kế với các kỳ hạn linh hoạt bao gồm 1, 3, 6, 9 tháng và 1 năm, phù hợp với đa dạng nhu cầu quản lý dòng tiền của nhà đầu tư. Sản phẩm được phân bổ vào các trái phiếu của DNSE, Agribank và Ngân hàng TMCP Bản Việt, mang đến nhiều lựa chọn phù hợp đối với từng cá nhân. Những tính năng này giúp Trứng Vàng trở thành giải pháp đầu tư dễ tiếp cận và phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

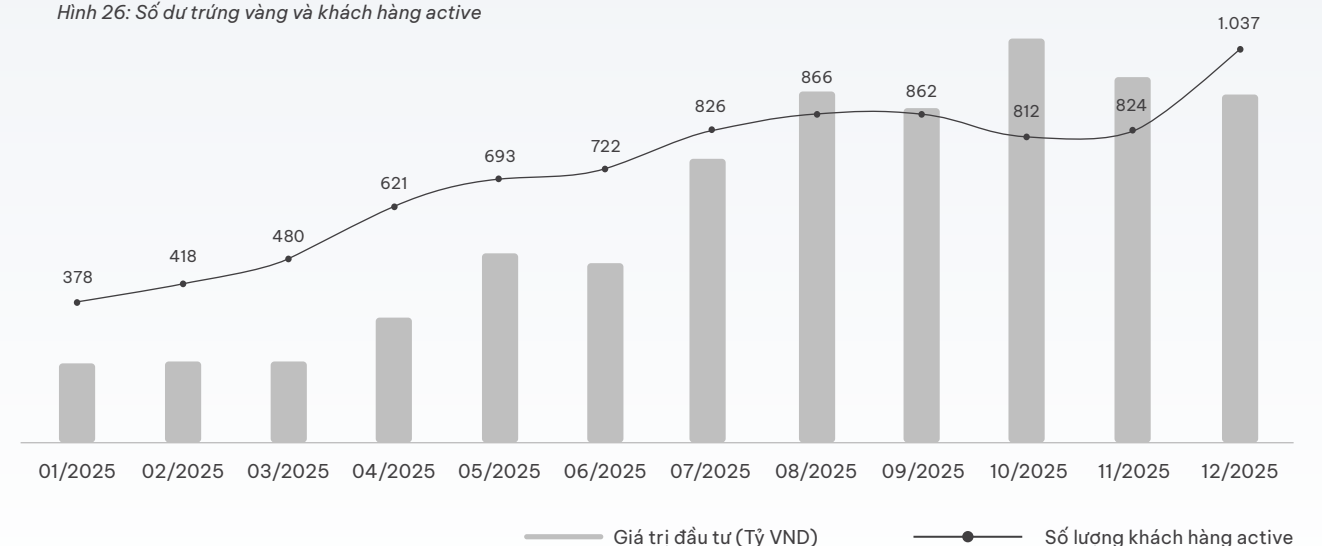
Số dư bình quân tăng gấp

**05** lần

so với năm 2024



Hình 26: Số dư trứng vàng và khách hàng active



Thông qua việc đa dạng hóa nguồn vốn huy động, mở rộng quan hệ tín dụng và phát triển các tính năng mới, DNSE đã xây dựng được nền tảng nguồn vốn vững chắc và linh hoạt trong năm 2025. Mảng Kinh doanh Nguồn vốn không chỉ đóng vai trò bệ đỡ tài chính mà còn trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng, tạo tiền đề cho chiến lược phát triển bền vững của DNSE trong giai đoạn tiếp theo.





## Hoạt động sản phẩm tài chính

Dư nợ cho vay giao dịch kí quỹ trong năm 2025

**5.248** tỷ đồng

▲ Tăng 38,69% so với năm 2024

Doanh thu từ hoạt động giao dịch kí quỹ tăng trưởng

▲ **52,87%**

Năm 2025, DNSE tiếp tục xây dựng hệ sinh thái vay toàn diện với bộ sản phẩm vay hỗ trợ mọi nhu cầu của nhà đầu tư như Bộ sản phẩm Miễn lãi R3, R5, R10, sản phẩm vay cá nhân hóa FinX và bộ danh mục vay ưu đãi 5.99, 9.99 và 5.99 Plus. Đặc biệt, danh mục Chef Portfolio – danh mục gợi ý mã cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng trong tháng đi kèm với lãi suất ưu đãi 5.99 đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà đầu tư. Về phương diện hệ thống, DNSE tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong việc vận hành mô hình quản trị vay theo từng deal, tạo nền tảng cho việc quản lý, giám sát và phân bổ nguồn vốn một cách chủ động, linh hoạt và chính

xác hơn. Cách tiếp cận này cho phép DNSE quản lý khoản vay theo từng mã cổ phiếu, qua đó hạn chế tối đa rủi ro phát sinh từ việc bán chéo các cổ phiếu có chất lượng tốt, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư bảo toàn nguồn lực và tối ưu hiệu quả đầu tư. Năng lực hệ thống vượt trội giúp DNSE đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu vay vốn phức tạp và đa dạng của khách hàng trong bối cảnh thị trường liên tục biến động. Nhờ đó, dư nợ cho vay giao dịch kí quỹ trong năm 2025 đạt con số ấn tượng 5.248 tỷ VND, tăng trưởng 38,69% so với năm 2024, đồng thời, doanh thu từ hoạt động giao dịch kí quỹ cũng ghi nhận mức tăng trưởng 52,87%.

**DNSE kiên định với nguyên tắc tuân thủ pháp lý song hành cùng việc không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, coi đây là trụ cột cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.**

**DNSE chủ động điều chỉnh chính sách và cấu trúc danh mục phù hợp với diễn biến thị trường và khẩu vị rủi ro trong từng giai đoạn.**

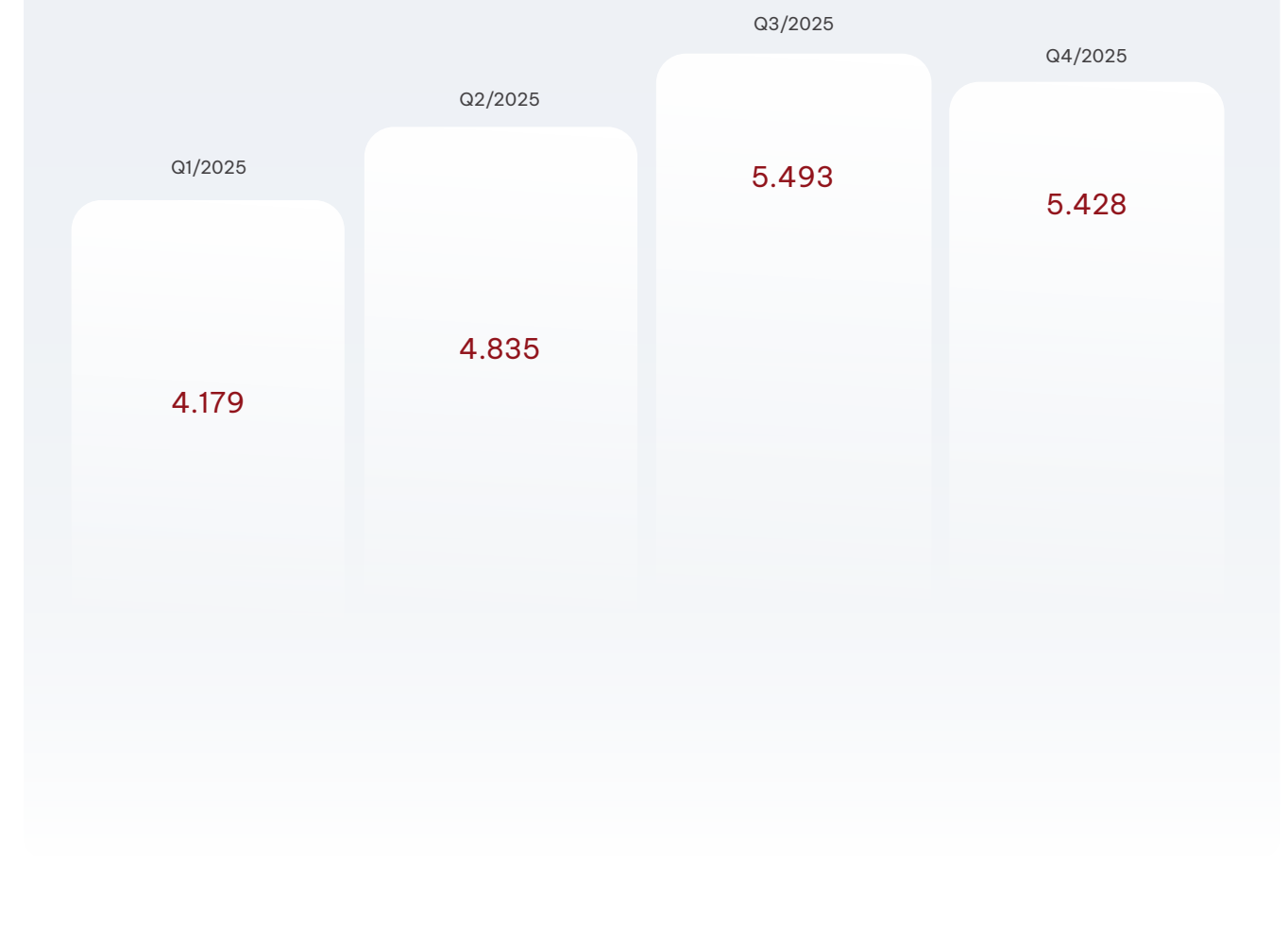
Trên nền tảng đó, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ của DNSE duy trì đà tăng trưởng tích cực, phản ánh hiệu quả của chiến lược phát triển sản phẩm gắn với quản trị rủi ro và trải nghiệm khách hàng. Hệ sinh thái margin được xây dựng theo hướng linh hoạt, minh bạch và lấy khách hàng làm trung tâm, đóng vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của công ty.

Các sản phẩm giao dịch ký quỹ tại DNSE được phát triển và vận hành dựa trên hệ thống quy chế, quy trình và bộ tiêu chí được rà soát, cập nhật thường xuyên, đảm bảo tuân thủ đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. DNSE kiên định với nguyên tắc tuân thủ pháp lý song hành cùng việc không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, coi đây là trụ cột cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Hoạt động cho vay ký quỹ được kiểm soát thông qua quy trình quản trị đa tầng, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chuyên môn và cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ từ Kiểm soát nội bộ. Nhờ đó, toàn bộ vòng đời của khoản vay – từ phê duyệt, quản lý trong quá trình sử dụng đến hậu kiểm đều được theo dõi sát sao, đảm bảo các giao dịch luôn nằm trong ngưỡng an toàn đã được thiết lập.

Bên cạnh việc quản lý chặt chẽ danh mục cho vay, DNSE chủ động điều chỉnh chính sách và cấu trúc danh mục phù hợp với diễn biến thị trường và khẩu vị rủi ro trong từng giai đoạn. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, cùng hệ thống giám sát liên tục, giúp DNSE duy trì tính minh bạch, kiểm soát hiệu quả rủi ro và củng cố niềm tin của nhà đầu tư đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ của công ty.

Hình 27: Tăng trưởng dư nợ margin năm 2025 (Đơn vị tính: tỷ đồng)





# Hoạt động công nghệ

**KRX đã chính thức vận hành từ ngày**

## 5/5/2025

DNSE đã dành phần lớn nguồn lực để phát triển, kiểm thử và nghiệm thu toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cao hơn của hệ thống KRX

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt của thị trường chứng khoán Việt Nam khi hệ thống công nghệ thông tin mới (thường gọi là hệ thống KRX) đã chính thức vận hành từ ngày 05/05/2025 sau nhiều năm chuẩn bị một cách thông suốt, ổn định và an toàn. Hệ thống mới với nhiều tính năng cải tiến và tích hợp nhiều sản phẩm phục vụ cho sự phát triển của thị trường chứng khoán theo từng lộ trình, phù hợp với mục tiêu nâng hạng thị trường. Đồng hành cùng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và

các Sở Giao dịch Chứng khoán, nửa đầu năm 2025, DNSE đã dành phần lớn nguồn lực để phát triển, kiểm thử và nghiệm thu toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cao hơn của hệ thống KRX. Qua đó, DNSE không những đã kết nối và chuyển đổi thành công khi hệ thống KRX được đưa vào vận hành, mà còn sẵn sàng cho các bước triển khai các sản phẩm mới của thị trường chứng khoán như bán chờ về, giao dịch trong ngày và nhiều sản phẩm khác.



**Ngay từ tháng 1, DNSE chính thức đưa vào vận hành hệ thống máy chủ IBM LinuxONE**

Giá trị giao dịch toàn cầu được xử lý trên nền tảng IBM LinuxONE

## 70%

Định vị là công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu, năm vừa qua DNSE tiếp tục mạnh tay đầu tư vào hạ tầng công nghệ nhằm chuẩn bị cho các bước phát triển tiếp theo của công ty và của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngay từ tháng 1, DNSE chính thức đưa vào vận hành hệ thống máy chủ IBM LinuxONE, hệ thống máy chủ độc bản dựa trên nền tảng Mainframe z15 mạnh mẽ của IBM dành riêng cho các hệ thống thiết yếu nhất của các tổ chức có yêu cầu cao nhất về tính bảo mật, hiệu năng vượt trội và khả năng mở rộng cao nhất. Trên thế giới,

các khách hàng lớn nhất của IBM bao gồm các ngân hàng hàng đầu như JP Morgan Chase, HSBC, hay các tổ chức tín dụng lớn nhất như Mastercard với khoảng 70% giá trị giao dịch toàn cầu được xử lý trên nền tảng IBM LinuxONE (theo thống kê của IBM). DNSE là công ty chứng khoán đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á, sử dụng hệ thống máy chủ này, cho các thành phần quan trọng nhất và yêu cầu hiệu năng cao nhất của hệ thống như Core chứng khoán, hệ thống quản trị và điều hướng lệnh (ORS / OMS).

**Cuối tháng 3, DNSE cũng thực hiện chuyển đổi và nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ tại trung tâm dữ liệu với bộ giải pháp và thiết bị từ Arista Networks**

## ARISTA

Arista mang đến cho DNSE hai bộ tính năng quan trọng trong việc tối ưu hiệu năng

**Ultra-low Latency**

Thiết bị mạng chuyên dụng cho độ trễ siêu thấp

**Deep Buffer**

Bộ nhớ đệm lớn chống tràn, tối ưu cho hệ thống nhiều giao tiếp Đông-Tây

**Trong quý 3, DNSE cũng đầu tư và triển khai hệ thống máy chủ LinuxONE thứ hai với cấu hình mạnh hơn hệ thống đầu tiên**



Bước đầu triển khai hệ thống máy chủ LinuxONE thứ 2 giảm thời gian chạy batch cuối ngày

## 25%



Cuối tháng 3, DNSE cũng thực hiện chuyển đổi và nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ tại trung tâm dữ liệu với bộ giải pháp và thiết bị từ Arista Networks, thương hiệu được tin dùng bởi các tập đoàn công nghệ lớn nhất trên thế giới như Amazon, Facebook, Microsoft,... cho trung tâm dữ liệu của họ. Ngoài các tính năng cũng có trên các thương hiệu khác, Arista mang đến cho DNSE hai bộ tính năng quan trọng trong việc tối ưu hiệu năng hệ thống là Ultra-low Latency (thiết bị

mạng chuyên dụng cho độ trễ siêu thấp) và Deep Buffer (bộ nhớ đệm lớn chống tràn, tối ưu cho hệ thống nhiều giao tiếp Đông-Tây (east-west traffic) như microservices). Song song với việc triển khai phần mềm phục vụ KRX, DNSE cũng triển khai hạ tầng máy chủ truyền thống x86 từ Dell Technologies, tăng 2 lần khả năng chịu tải của hệ thống đồng thời giảm thời gian xử lý 25% đến từ bộ chip xử lý thế hệ mới (CPU) EPYC Genoa từ thương hiệu AMD.

Trong quý 3, DNSE cũng đầu tư và triển khai hệ thống máy chủ LinuxONE thứ hai với cấu hình mạnh hơn hệ thống đầu tiên; qua đó tiếp tục tăng mạnh tải lý thuyết của hệ thống công nghệ và nâng cao hiệu năng hệ thống, chuẩn bị đón các thay đổi lớn của thị trường chứng khoán trong các năm tới. Bước đầu triển khai hệ thống máy chủ LinuxONE thứ 2 đã giảm thời gian chạy batch cuối ngày thêm 25%, gián tiếp tối ưu vận hành và giảm bớt thời gian gián đoạn dịch vụ đến từ nghiệp vụ batch cuối ngày. Cuối năm, DNSE tiếp tục chốt phương án đầu tư trung tâm dữ liệu số 2 đặt tại TP. Hồ Chí Minh với mục tiêu mang đến trải nghiệm giao dịch nhanh và mượt mà hơn cho các khách hàng tại khu vực phía Nam bằng việc đưa hệ thống của

DNSE đến gần hơn với khách hàng và gần hơn với Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Song song với đó, trung tâm dữ liệu số 2 cũng sẽ đóng vai trò là trung tâm dữ liệu dự phòng cho trung tâm dữ liệu hiện tại đặt tại Hà Nội, nâng cao khả năng phục hồi hệ thống và giảm tối đa thời gian gián đoạn dịch vụ trong trường hợp có thảm họa hoặc sự cố ngoài ý muốn tại Hà Nội. Ngoài ra, trung tâm dữ liệu này cũng sẽ cung cấp dịch vụ Co-location đầu tiên tại Việt Nam, giúp cho khách hàng có thể tương tác và giao dịch chứng khoán tại DNSE với độ trễ nhỏ nhất, tương đương với các hệ thống hiện tại nhất trên thế giới. Trung tâm dữ liệu mới này dự kiến sẽ được chính thức đưa vào hoạt động trong quý 2 năm 2026.



# Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam vận hành trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động và rủi ro, bao gồm căng thẳng địa chính trị kéo dài, chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, cùng với sự suy yếu của nhu cầu tiêu dùng tại các nền kinh tế lớn. Trong môi trường nhiều bất định đó, Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định kinh tế vĩ mô<sup>1</sup> và năm 2025 tiếp tục ghi nhận những bước hoàn thiện quan trọng trong khuôn khổ pháp lý, góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của thị trường chứng khoán.

2025



Hoàn thiện quan trọng  
trong khuôn khổ pháp lý

Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động  
của thị trường chứng khoán



## BONDS

Lãi suất  
**8.3%**/năm

Bền vững

An toàn

Linh hoạt

Ưu việt



## Quy mô phát hành cả năm 2025

Giá trị trái phiếu phát hành  
riêng lẻ đạt

**519.346** tỷ đồng

Giá trị trái phiếu phát hành ra  
công chúng đạt

**54.354** tỷ đồng

Các số liệu năm 2025 cho thấy đà tăng trưởng tiếp tục được duy trì, phản ánh sự cải thiện về niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành **Nghị định số 245/2025/NĐ-CP** ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP để quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật số 56/2024/QH15. Ngoài nội dung hướng dẫn thi hành Luật số 56, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 còn được xây dựng để khắc phục một số bất cập phát sinh trong thực tiễn hoạt động của thị trường chứng khoán, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bảo đảm thị trường hoạt động công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.<sup>2</sup>
- Ngày 25/11/2025, Chính phủ ban hành **Nghị định số 306/2025/NĐ-CP** sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Nghị định 306/2025/NĐ-CP là bước cải cách quan trọng, góp phần hài hòa giữa yêu cầu quản lý rủi ro và mục tiêu phát triển thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các chủ thể tham gia, đặc biệt là thị trường chứng khoán phái sinh.<sup>3</sup>
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận sự phục hồi tích cực trong năm 2025**, thể hiện qua quy mô hoạt động phát hành được cải thiện rõ rệt. Cụ thể, lũy kế cả năm 2025, giá trị phát hành riêng lẻ trái phiếu là 519.346 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 54.354 tỷ đồng. So với quy mô phát hành của cả năm 2024 khi giá trị trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt 342.716 tỷ đồng và trái phiếu phát hành ra công chúng đạt 32.114 tỷ đồng, các số liệu năm 2025 cho thấy đà tăng trưởng tiếp tục được duy trì, phản ánh sự cải thiện về niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

<sup>1</sup> <https://vneconomy.vn/kinh-te-viet-nam-10-thang-2025-on-dinh-vi-mo-vung-chac-huong-toi-tam-giac-chien-luoc-phat-trien-moi.htm>

<sup>2</sup> [https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages\\_r/I/chitit?dDocName=APPSGOVNN1620158753&dID=167723](https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/I/chitit?dDocName=APPSGOVNN1620158753&dID=167723)

<sup>3</sup> <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nang-che-tai-xu-phat-nhung-van-hai-hoa-muc-tieu-phat-trien-thi-truong-chung-khoan-189791.html>



# Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của DNSE tập trung triển khai các giải pháp tài chính phù hợp với nhu cầu của khách hàng, bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp lý, quy trình nghiệp vụ và chuẩn mực thị trường. Với phương thức tiếp cận thực tiễn, chú trọng quản trị rủi ro, Khối đã đang từng bước nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm, đồng thời khẳng định vị thế là một đơn vị tư vấn tài chính uy tín và có khả năng thích ứng hiệu quả trước những biến động của thị trường. Trong năm 2025, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư ghi nhận nhiều kết quả tích cực và dấu ấn nổi bật thông qua việc triển khai thành công các thương vụ trọng điểm, cụ thể như sau:

## NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN (ECM)

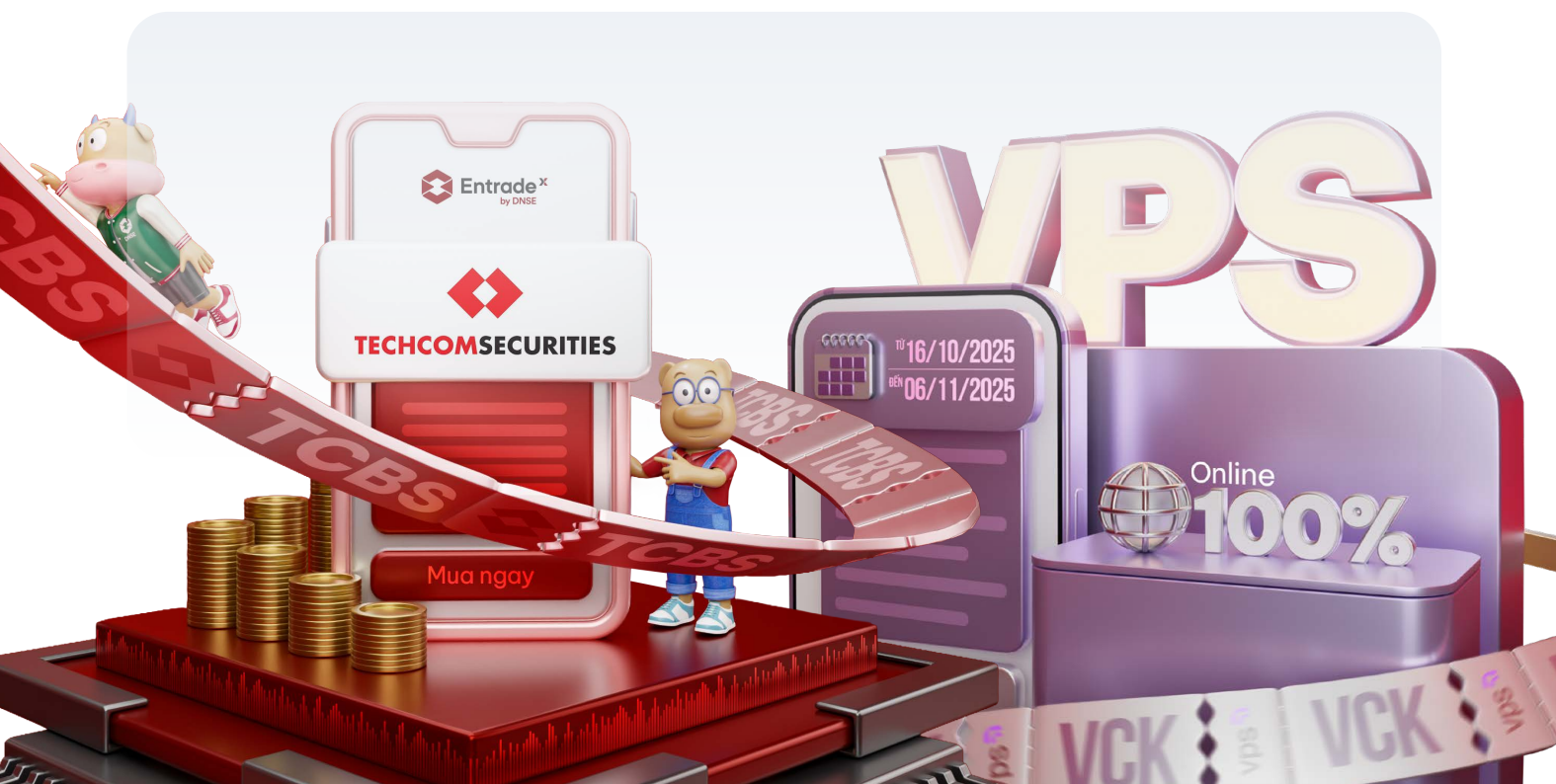
Tác động từ việc nâng hạng có thể giúp Việt Nam thu hút tới khoảng

**25** tỷ USD vốn đầu tư quốc tế đến năm 2030

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng của thị trường chứng khoán Việt Nam với vị thế mới trên bản đồ đầu tư toàn cầu. Một cột mốc mang tính lịch sử được ghi nhận khi FTSE Russell chính thức đưa Việt Nam vào danh sách thị trường mới nổi thứ cấp. Đây không đơn thuần là một danh hiệu, mà là tấm vé bước vào sân chơi rộng lớn hơn, mở cánh cửa cho dòng vốn đầu tư thụ động và chủ động từ các quỹ toàn cầu. Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới (World Bank), tác động từ việc nâng hạng có thể giúp Việt Nam thu hút tới khoảng 25 tỷ USD vốn đầu tư quốc tế đến năm 2030.

Bên cạnh đó, năm 2025 cũng ghi nhận bước tiến quan trọng về hạ tầng công nghệ khi hệ thống giao dịch KRX được đưa vào vận hành ổn định từ tháng 5/2025, mở đường cho các sản phẩm trong tương lai như giao dịch T+0, chứng khoán chờ về hay bán khống có kiểm soát.<sup>4</sup>

Trong bối cảnh thuận lợi, hoạt động IPO và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã thực sự sôi động trở lại trong năm 2025 sau nhiều năm trầm lắng, với sự xuất hiện của nhiều thương vụ có quy mô lớn như BSR, CRV và TAL thực hiện chuyển sàn; Vinpearl (VPL) chính thức quay trở lại sàn chứng khoán; cùng các đợt IPO của F88, TCX, VPX, VCK, MCH và HPA.<sup>5</sup>



Năm 2025, DNSE tiếp tục khẳng định vai trò tích cực trong hoạt động thu xếp vốn và phân phối chứng khoán.

DNSE chào bán cổ phiếu ra công chúng với tổng giá trị

**1.284,7** tỷ đồng

Vốn điều lệ mới của DSE sẽ được nâng lên mức

**4.282,5** tỷ đồng

- DNSE đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 488/GCN/UBCK ngày 15/12/2025 với tổng giá trị 1.284,7 tỷ đồng. Trong trường hợp chào bán thành công, vốn điều lệ mới của DSE sẽ được nâng lên mức 4.282,5 tỷ đồng.
- Thực hiện phân phối online thành công cho các đợt IPO của TCX, VPX, VCK và HPA, với tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối là 5.678.232 cổ phiếu.
- Tham gia bảo lãnh phát hành cho doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư với tổng giá trị chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng là 250 tỷ đồng.

<sup>4</sup> <https://cafef.vn/thoi-khac-vuon-minh-mang-ten-nang-hang-khi-thi-truong-viet-nam-buoc-ra-san-choi-lon-188251219194854241.chn>

<sup>5</sup> <https://www.dnse.com.vn/senses/tin-tuc/2025-nam-cua-nhung-thuong-vu-bom-tan-ipo-len-san-35171373>



# Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

## NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ (DCM)

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước nhiều biến động, thị trường trái phiếu năm 2025 vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng tích cực. Tổng mức vốn huy động qua thị trường trái phiếu năm 2025 đạt hơn 730 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 27% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; quy mô thị trường đến cuối năm 2025 đạt khoảng 3,83 triệu tỷ đồng, tương đương 33,3% GDP năm 2024.<sup>6</sup>

Xét riêng với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khung pháp lý được hoàn thiện, công tác quản lý, giám sát, thông tin tuyên truyền, cảnh báo rủi ro cho nhà đầu tư tiếp tục được

chú trọng. Bộ Tài chính đã chủ động báo cáo các cấp có thẩm quyền về hoạt động của thị trường, trong đó kiến nghị các giải pháp về chính sách và điều hành. Theo đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2025 có sự tăng trưởng tích cực so với năm 2024 cả về số lượng doanh nghiệp phát hành và giá trị huy động vốn trái phiếu. Theo dữ liệu tổng hợp từ VBMA, lũy kế cả năm 2025, giá trị phát hành riêng lẻ trái phiếu là 519.346 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 54.354 tỷ đồng. Trong đó, nhóm có tỷ trọng phát hành lớn nhất là các tổ chức tín dụng.<sup>7</sup>

Tổng mức vốn huy động qua thị trường trái phiếu năm 2025 đạt hơn

**730** nghìn  
tỷ đồng

Giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ đạt

**519.346** tỷ  
đồng

Giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng đạt

**54.354** tỷ  
đồng





# 1000 TỶ ĐỒNG

Trái phiếu DSE

# SOLD OUT



Lãi suất **ưu việt**

Đầu tư **an toàn**

Thanh khoản **linh hoạt**

Lợi nhuận **bền vững**

Chào bán

**03** đợt trái phiếu

Giá trị lên đến

**1.760** tỷ đồng

Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE năm qua đã thực hiện tư vấn chiến lược, phát hành và đạt được chấp thuận về việc chào bán 3 đợt trái phiếu với giá trị lên đến 1.760 tỷ đồng, cụ thể:

- Tư vấn chiến lược và triển khai phát hành thành công trái phiếu riêng lẻ cho Công ty CP Công nghệ Tài chính Encapital với giá trị 460 tỷ đồng.
- Thành công đạt được chấp thuận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trái phiếu DNSE ra công chúng với giá trị 1.000 tỷ đồng.
- Phát hành thành công trái phiếu ra công chúng của DNSE với giá trị 300 tỷ đồng.

<sup>6</sup> <https://baohinhphu.vn/thi-truong-trai-phieu-2025-on-dinh-tang-truong-va-huong-toi-xanh-hoa-nguon-von-10225111182736921.htm>

<sup>7</sup> [https://vbma.org.vn/storage/reports/December2025/VBMA\\_BAO%20CAO%20TTP%20THANG%2011%202025.pdf](https://vbma.org.vn/storage/reports/December2025/VBMA_BAO%20CAO%20TTP%20THANG%2011%202025.pdf)



# Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)



## NGHIỆP VỤ M&A

Thị trường  
M&A Việt Nam ghi nhận

**218** thương vụ

Với tổng giá trị đạt khoảng

**2,3** tỷ USD

Trong 10 tháng đầu năm 2025, thị trường M&A Việt Nam ghi nhận 218 thương vụ với tổng giá trị đạt khoảng 2,3 tỷ USD, theo số liệu của KPMG. Trong bối cảnh hoạt động M&A tại khu vực Đông Nam Á chịu nhiều thách thức như thị trường tài chính thắt chặt và rủi ro địa chính trị, thị trường Việt Nam vẫn duy trì được mức độ ổn định nhờ các thương vụ có tính chọn lọc cao. Đáng chú ý, nhóm các thương vụ có quy mô lớn đã đóng góp gần 1 tỷ USD vào tổng giá trị giao dịch, với sự tham gia chủ đạo của các nhà đầu tư quốc tế. Trong các lĩnh vực công nghệ cao như điện tử, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI), một số tập đoàn toàn cầu, bao gồm Nvidia và Qualcomm đều

đã thực hiện mua lại cổ phần tại các doanh nghiệp trong nước nhằm triển khai hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D) và mở rộng hiện diện trong lĩnh vực AI tại Việt Nam. Diễn biến này cho thấy sức hấp dẫn ngày càng gia tăng của các tài sản chất lượng cao và hoạt động ổn định tại Việt Nam.

Sau khi đạt mức đỉnh vào năm 2024, quy mô giao dịch bình quân trong năm 2025 đã điều chỉnh về mức khoảng 29,4 triệu USD, đưa thị trường M&A trở lại trạng thái cân bằng hơn, đồng thời duy trì sự sôi động ở phân khúc trung cấp.<sup>8</sup>

<sup>8</sup> <https://vneconomy.vn/viet-nam-cung-co-vi-the-la-diem-den-chien-luoc-trong-dong-chay-ma-toan-cau.htm>



Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE cũng đang tích cực đẩy mạnh hoạt động M&A cho một số doanh nghiệp lĩnh vực tài chính - công nghệ ("Fintech"), vật liệu xây dựng, bất động sản, nông nghiệp, thực phẩm, ....



# Hoạt động phát triển đối tác B2B2C

Ghi nhận

## 400.000

tài khoản chứng khoán mở mới

Về thị phần chiếm

## 15%

tổng số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường

Năm 2025, kênh hợp tác B2B2C tiếp tục ghi nhận gần 400.000 tài khoản chứng khoán mở mới, duy trì tốt tốc độ mở mới tài khoản, về thị phần chiếm 15% tổng số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường tính đến theo số liệu công bố của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trên toàn thị trường có hơn 2,57 triệu tài khoản mở mới, phần lớn của nhà đầu tư cá nhân. Với DNSE, đây là con số ấn tượng so với tốc độ trung bình về mở mới tài khoản trên thị trường và đặc biệt tốt so với các công ty chứng khoán có chung hệ sinh thái với ngân hàng.

Kết quả này đến từ việc duy trì và đẩy mạnh hiệu quả triển khai mô hình hợp tác với đối tác hiện hữu ZaloPay, đồng thời mở rộng hợp tác với các đối tác mới trong khối tài chính - ngân hàng như MBBank. Qua đó gia tăng độ phủ kênh phân phối, tối ưu hành trình mở tài khoản và nâng cao hiệu quả chuyển đổi khách hàng. Chân dung tệp khách hàng mở mới cũng được đa dạng hóa và có sự biến chuyển nhanh từ khách hàng mới sang nhóm khách hàng đầu tư thường xuyên và chuyên nghiệp hơn.



**Giai đoạn đầu năm 2026, DNSE sẽ chính thức triển khai với đối tác khác trong ngành tài chính - ngân hàng là Cake by VPBank**

Giai đoạn đầu năm 2026, DNSE sẽ chính thức triển khai mô hình này với đối tác khác trong ngành tài chính - ngân hàng là Cake by VPBank, đánh dấu bước đầu trong việc đẩy nhanh tiến độ mở rộng mô hình hợp tác với nhiều đối tác khác ngoài thị trường.

Đây là tiền đề mạnh mẽ để DNSE ngày càng nhân rộng và phát triển hơn nữa mô hình hợp tác qua kênh đối tác, mở rộng tệp khách hàng hướng đến không chỉ trong ngành tài chính - ngân hàng mà còn với các đối tác “fintech” nói chung. Thêm vào đó, DNSE hướng đến định vị và nhận diện là công ty chứng khoán có tốc độ, chất lượng tài khoản

mở mới hàng đầu thị trường đã được kiểm chứng với nền tảng công nghệ mạnh mẽ và số liệu thực tế ấn tượng.

Song song với việc phát triển tài khoản mở mới với một số đối tác, DNSE tập trung vào xây dựng và hoàn thiện bộ công cụ kết nối mã nguồn mở cho tất cả các đối tác có nhu cầu kết nối. Các tài liệu hướng dẫn, tích hợp và cấu phần kỹ thuật được chuẩn hoá theo hướng dễ tiếp cận, dễ triển khai, giúp các đối tác fintech - tài chính có thể kết nối đơn giản, nhanh chóng, mang tới cho khách hàng trải nghiệm đầu tư thuận tiện và an toàn với 02 cốt lõi giá trị chính:

### Cá nhân hóa trải nghiệm

Không chỉ dừng lại ở các cấu phần kỹ thuật sẵn có, bộ công cụ mã nguồn mở của DNSE cho phép đối tác tùy biến giao diện theo ngôn ngữ thương hiệu riêng, giúp hành trình khách hàng không bị gián đoạn khi chuyển tiếp giữa ứng dụng của đối tác và nền tảng chứng khoán.



### Tối ưu hóa doanh thu cho đối tác

Việc tích hợp bộ giải pháp tài chính toàn diện của DNSE giúp các đối tác fintech gia tăng tỷ lệ giữ chân người dùng và tạo ra nguồn thu nhập thụ động mới từ các dịch vụ tài chính gia tăng, từ đó nâng cao giá trị vốn hóa của chính hệ sinh thái đối tác.





# Hoạt động phát triển đối tác B2B2C

## Hiện thực hóa mô hình “chứng khoán nhúng”

**Chuyển từ “kết nối để mở tài khoản” sang “kết nối để cung cấp thêm giải pháp tài chính”**

Thêm vào đó, DNSE luôn ưu tiên và đảm bảo tính bảo mật tuyệt đối nhờ các tiêu chuẩn mã hóa dữ liệu tiên tiến. Đây là bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa mô hình “chứng khoán nhúng”, biến đầu tư trở thành một tiện ích sẵn có trên mọi nền tảng số, từ đó kiến tạo một hệ sinh thái tài chính bền vững nơi DNSE, đối tác và khách hàng cùng hưởng lợi.

Bên cạnh mở rộng tệp khách hàng, DNSE triển khai hợp tác với ngân hàng CIMB Việt Nam theo hướng mở rộng

hệ sinh thái tài chính ngay trên một nền tảng. Đây là một mô hình hợp tác mới, thể hiện bước chuyển từ “kết nối để mở tài khoản” sang “kết nối để cung cấp thêm giải pháp tài chính”, qua đó gia tăng lựa chọn và giá trị sử dụng cho khách hàng trong quá trình đầu tư. Có thể nói, ngoài việc đa dạng sản phẩm dịch vụ về tài chính cho khách hàng, mô hình này đồng thời là đòn bẩy tài chính rất linh hoạt và hữu ích cho cả các nhà đầu tư mới và các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Đặc biệt, giải pháp DNSE và đối tác mang đến cho khách hàng với quy trình hoàn toàn được số hóa, dễ sử dụng với tốc độ xử lý rất nhanh.



**Mô hình hợp tác cùng CIMB được DNSE xác định là một phần quan trọng trong chiến lược triển khai đối tác năm 2026**

Với tiềm năng mở rộng, khả năng nhân rộng và cải tiến liên tục sản phẩm, mô hình hợp tác cùng CIMB được DNSE xác định là một phần quan trọng trong chiến lược triển khai đối tác năm 2026, hướng tới việc đa dạng hóa dịch vụ, tối ưu trải nghiệm và nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ sinh thái. Bổ sung thêm điểm chạm hoàn hảo cho hành trình của khách hàng từ mở mới tài khoản, lắng nghe ý tưởng đầu tư, lựa chọn các sản phẩm tài chính đến thực hiện đầu tư bài bản, chuyên nghiệp.

Nhận thức được yếu tố cốt lõi trong việc thiết kế và mở rộng sản phẩm hợp tác với các đối tác là công nghệ, DNSE tiếp tục duy trì, nâng cao hơn nữa hạ tầng công nghệ thông tin. Với đội ngũ phát triển có năng lực triển khai cao, DNSE đảm bảo khả năng xây dựng, tối ưu và tự động hóa các mô hình sản phẩm chuyên biệt, giúp rút ngắn tối đa thời gian tích hợp hệ thống cho từng đối tác cụ thể.

Thêm vào đó, DNSE luôn chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin để đi đầu trong việc triển khai các giải pháp, các kết nối mới theo tiêu chuẩn và bảo mật chung. Điều này không chỉ giúp đáp ứng các yêu cầu chung của thị trường tài chính mà còn mang đến dịch vụ cá nhân hóa, an toàn và vượt trội hơn cả kỳ vọng, từ đó khẳng định vị thế dẫn đầu của DNSE trong việc kiến tạo hệ sinh thái chứng khoán số tại Việt Nam.



# Hoạt động phát triển sản phẩm

## SẢN PHẨM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

Năm 2025, DNSE khẳng định vị thế tiên phong về công nghệ trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua chiến lược đổi mới sản phẩm và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Với mục tiêu “Đầu tư thông minh, dễ dàng hơn”, DNSE tập trung phát triển các

tính năng giao dịch hiện đại, tối ưu quy trình và đảm bảo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong mọi điều kiện thị trường, sản phẩm giao dịch chứng khoán tiếp tục đóng vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển của DNSE.

**“Đầu tư thông minh, dễ dàng hơn”, DNSE tập trung phát triển các tính năng giao dịch hiện đại, tối ưu quy trình và đảm bảo sự thuận tiện cho nhà đầu tư**

➤ Hoàn tất chuyển đổi hệ thống KRX

➤ Triển khai mở tài khoản bằng NFC

DNSE liên tục thực hiện các cải tiến quan trọng đối với nền tảng giao dịch trực tuyến nhằm đảm bảo tính ổn định, mượt mà, bảo mật dữ liệu. Một dấu ấn quan trọng trong năm đó là DNSE đã hoàn tất chuyển đổi hệ thống KRX, đồng thời triển khai mở tài khoản bằng NFC – cải tiến quy trình mở tài khoản, nâng cao bảo mật

và tối ưu quy trình định danh theo tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin. Trong năm, DNSE đã triển khai thành công nhiều bản cập nhật nâng cấp hệ thống, bổ sung nhiều tính năng mới, giúp nền tảng giao dịch chứng khoán ngày càng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

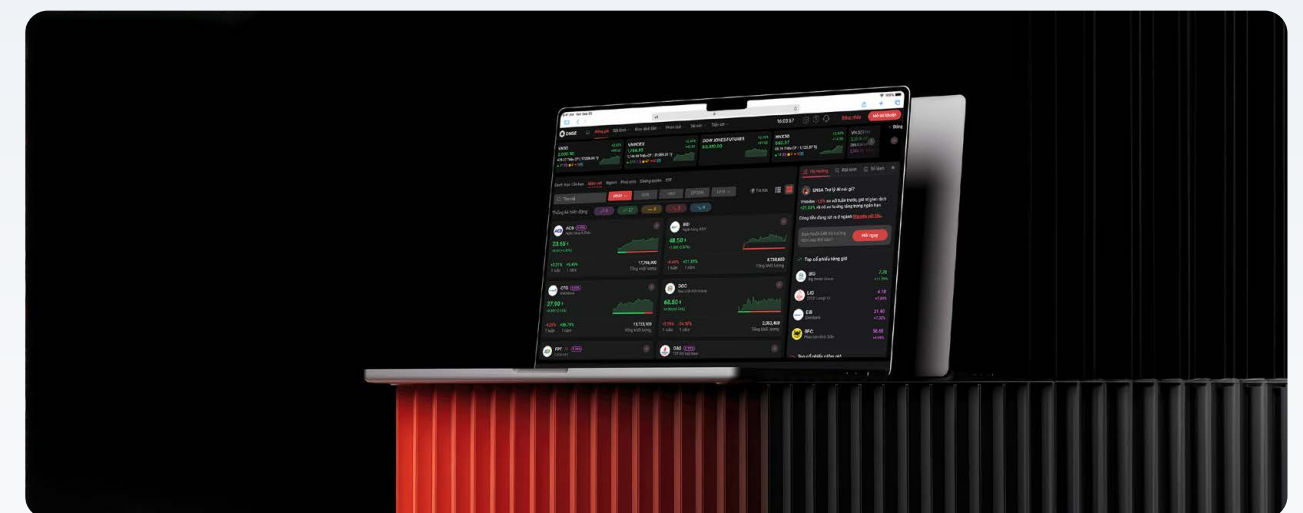


Một trong những trọng tâm trong năm 2025 là các nâng cấp cho nền tảng bảng giá. Các tính năng giao dịch quan trọng được triển khai bao gồm:



Lệnh AI trên Web trading đạt trên 8.000 lượt đăng ký

- Lệnh 247 cho phép đặt lệnh ngoài giờ giao dịch
- Cài đặt lệnh nâng cao: hỗ trợ nhà đầu tư tối ưu chiến lược
- Tính năng lệnh AI trên Web Trading cùng chức năng tự động chia nhỏ lệnh khối lượng lớn, giúp khách hàng khớp lệnh và chốt cơ hội giá tối ưu mà không cần theo dõi biểu đồ, mang lại lợi thế vượt trội cho nhà đầu tư.
- Rút tiền 24/7: tăng tính linh hoạt và tiện lợi
- Tính năng khớp giá tự động: cập nhật giá đặt lệnh theo giá thị trường liên tục, đảm bảo tốc độ và trải nghiệm mượt mà trong giao dịch.



- Bảng giá Gen Z: bảng giá chứng khoán tối giản, thân thiện, được thiết kế dành riêng cho nhà đầu tư mới, đặc biệt là thế hệ Gen Z. Với giao diện “less is more”, bảng giá này giúp loại bỏ sự “choáng ngợp” của bảng điện truyền thống, tập trung vào trải nghiệm cá nhân hóa, dễ hiểu, dễ thao tác và bảo vệ thị giác, giúp nhà đầu tư mới dễ dàng làm quen với thị trường, thao tác nhanh gọn và đầu tư từ số vốn nhỏ.
- Tính năng tra cứu lịch sử DEAL: hỗ trợ quản lý giao dịch hiệu quả
- Biểu đồ nhiệt ngành: trực quan hóa xu hướng thị trường



# Hoạt động phát triển sản phẩm



Tối giản thao tác



Tối ưu dòng tiền



Tối đa tốc độ

## SẢN PHẨM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Trong năm 2025, DNSE tiếp tục duy trì và nâng cấp hệ sinh thái phái sinh theo định hướng “tối giản thao tác, tối ưu dòng tiền, tối đa tốc độ” và tập trung vào các năng lực tạo khác biệt:



**Nộp/rút tiền ký quỹ phái sinh 24/7**

giúp nhà đầu tư chủ động dòng tiền, giảm phụ thuộc khung giờ vận hành; đồng thời hỗ trợ cài đặt tự động nộp/rút theo ngày để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.



**Tỷ lệ cọc chỉ từ 18,48% và cơ chế tối ưu vốn**

Future X tiếp tục là lựa chọn nổi bật cho khách hàng nhờ cấu trúc ký quỹ cạnh tranh, giúp nhà đầu tư linh hoạt triển khai chiến lược đầu tư.



**Giao dịch đa sản phẩm trên cùng hệ thống tài khoản**

hỗ trợ quản trị danh mục cơ sở và phái sinh liền mạch, giảm phân mảnh trải nghiệm, tăng tính nhất quán trong hành trình giao dịch.



**Hệ thống hỗ trợ khách hàng và cộng đồng**

được củng cố theo hướng nhanh, rõ, nhất quán, đồng hành xuyên suốt vòng đời sử dụng sản phẩm (từ làm quen, nộp tiền ký quỹ, giao dịch đến tối ưu chiến lược và sử dụng các phần mềm hỗ trợ giao dịch).

Tổng thể, DNSE tiếp tục theo đuổi cách làm “nền tảng mở”: mở về khả năng mở rộng, mở về trải nghiệm đa lớp, và mở về hệ sinh thái tiện ích để nhà đầu tư giao dịch hiệu quả hơn trong nhiều bối cảnh thị trường.





# Hoạt động phát triển sản phẩm

## SẢN PHẨM SACO - BẠN ĐỒNG HÀNH ĐẦU TƯ

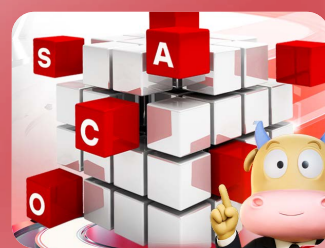
Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục mở rộng và cạnh tranh ngày càng gay gắt, các công ty chứng khoán đều đẩy mạnh mô hình cộng tác viên để gia tăng độ phủ và kết nối khách hàng, SACO ra đời như một giải pháp chiến lược của DNSE, nhằm xây dựng mạng lưới cộng

tác viên chuyên nghiệp, những người bạn đồng hành cùng khách hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại. Không chỉ là một chương trình cộng tác viên, SACO còn là cầu nối giữa nhà đầu tư và hệ sinh thái giao dịch thông minh của DNSE.

**SACO** ra đời như một giải pháp chiến lược của DNSE, nhằm xây dựng mạng lưới cộng tác viên chuyên nghiệp, những người bạn đồng hành cùng khách hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại.



Bạn đồng hành  
đầu tư cùng DNSE



Điểm khác biệt của SACO nằm ở quy trình đăng ký hoàn toàn online, giúp cộng tác viên nhanh chóng bắt đầu hành trình hợp tác, kết nối và đồng hành cùng khách hàng. Bên cạnh đó, nền tảng cung cấp các công cụ quản lý báo cáo chi tiết, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả. Chính sách hoa hồng linh hoạt và định hướng hỗ trợ xây dựng thương hiệu cá nhân giúp cộng tác viên không chỉ gia tăng thu nhập mà còn khẳng định vị thế chuyên nghiệp trên thị trường.

Thu hút SACO mới

## 3.000

↑ Tăng trưởng 170%  
so với năm trước

Giá trị giao dịch  
ghi nhận mức tăng trưởng

## 63.700

 tỷ đồng

↑ Mức tăng 140% so với  
cùng kỳ

Hoạt động giao dịch phái sinh

## 1,13

 triệu  
hợp đồng

↑ Tăng 31% so với năm trước

Năm 2025 đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của SACO với tốc độ tăng trưởng vượt bậc, khẳng định vai trò là một trong những động lực quan trọng của DNSE. Chương trình đã thu hút gần 3.000 SACO mới, tăng trưởng 170% so với năm trước. Giá trị giao dịch ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng lên tới hơn 63.700 tỷ đồng, tương đương mức tăng 140% so với cùng kỳ. Hoạt động giao dịch phái sinh cũng ghi nhận sự bứt phá với gần 1,13 triệu hợp đồng phái sinh được thực hiện, tăng 31% so với năm trước. SACO không chỉ mở rộng mạng lưới khách hàng mà còn đóng góp đáng kể vào tăng trưởng giao dịch và doanh thu của DNSE. Tỷ trọng giao dịch từ SACO trong tổng giá trị giao dịch toàn công ty ngày càng gia tăng, cùng với đóng góp vào dư nợ margin và doanh thu dịch vụ cho thấy sự hài lòng, tin tưởng của khách hàng và uy tín của mạng lưới SACO ngày càng được khẳng định.

Năm 2025 cũng là năm SACO triển khai hàng loạt cải tiến sản phẩm tính năng quan trọng. Đội ngũ phát triển sản phẩm với tinh thần đặt khách hàng làm trọng tâm đã luôn lắng nghe nhu cầu, phản hồi từ các SACO và khách hàng để thực hiện nghiên cứu, phân tích và xây dựng giải pháp hệ thống phù hợp nhất, từ đó hệ thống báo cáo SACO không ngừng được nâng cấp nhằm tối ưu các tác vụ trong quá trình chăm sóc khách hàng và theo dõi hiệu quả công việc. Các sản phẩm mới được đưa vào hoạt động còn có website SACO, luồng đăng ký trực tuyến, hệ thống email onboarding tự động giúp việc trở thành SACO đơn giản và thuận tiện hơn bao giờ hết, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng ngay từ bước đầu.





# Hoạt động phát triển sản phẩm

## SẢN PHẨM Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ - TRADING IDEAS

Ý tưởng đầu tư là sản phẩm thu phí subscription (theo dõi) đầu tiên của DNSE, sản phẩm này là công cụ đồng hành lý tưởng cho người nhà đầu tư mới gia nhập thị trường, còn ít kinh nghiệm. Sản phẩm cung cấp khuyến nghị mua/bán/theo dõi, theo dõi trực quan với hành trình gợi ý đầu tư từ khi mua đến khi bán, với mức phí 99k/tháng, sau thời gian dùng thử 30 ngày.

Tính năng khuyến nghị hành động bao gồm “chốt lời cắt lỗ, bán” được thiết kế không theo một mức cố định mà linh hoạt theo biến động thị trường.

Năm 2025 ghi nhận tổng mức doanh thu phí đạt 800 triệu và tổng số người dùng lũy kế đạt hơn 10,000 users sau 10 tháng go live.

Năm 2025, ghi nhận  
tổng mức doanh thu phí

**800** triệu

Tổng số người dùng  
lũy kế đạt hơn

**10.000**

sau 10 tháng go live

Sản phẩm duy trì tỷ lệ thắng  
(winrate)

**65,6%**

Tổng số khuyến nghị

**370**  
deals

Trong đó

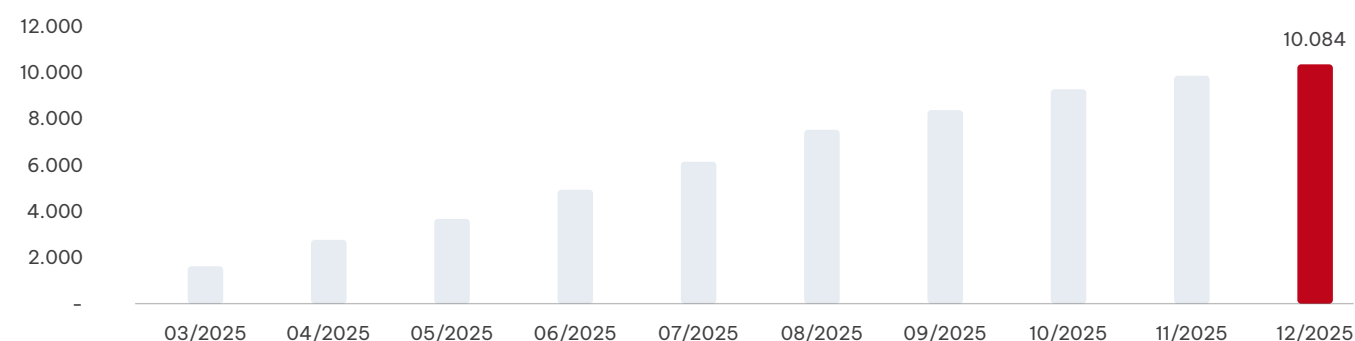
**240**  
deals có lãi

Hiệu suất đầu tư cả danh mục khuyến nghị đạt

**56%**  
kể từ năm 2024

**21%**  
Trong năm 2025

Hình 28: Số lượng users lũy kế

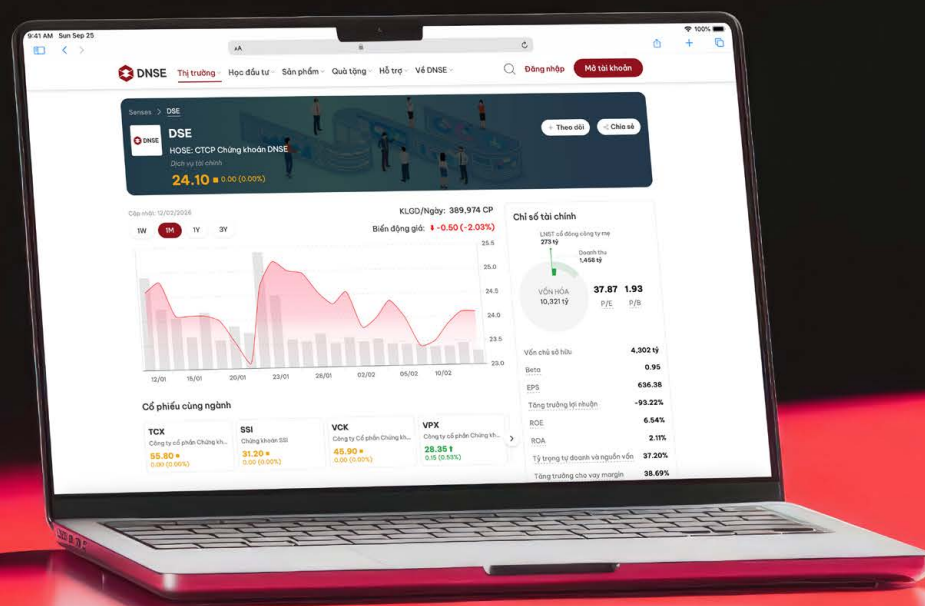


# Hoạt động phát triển sản phẩm

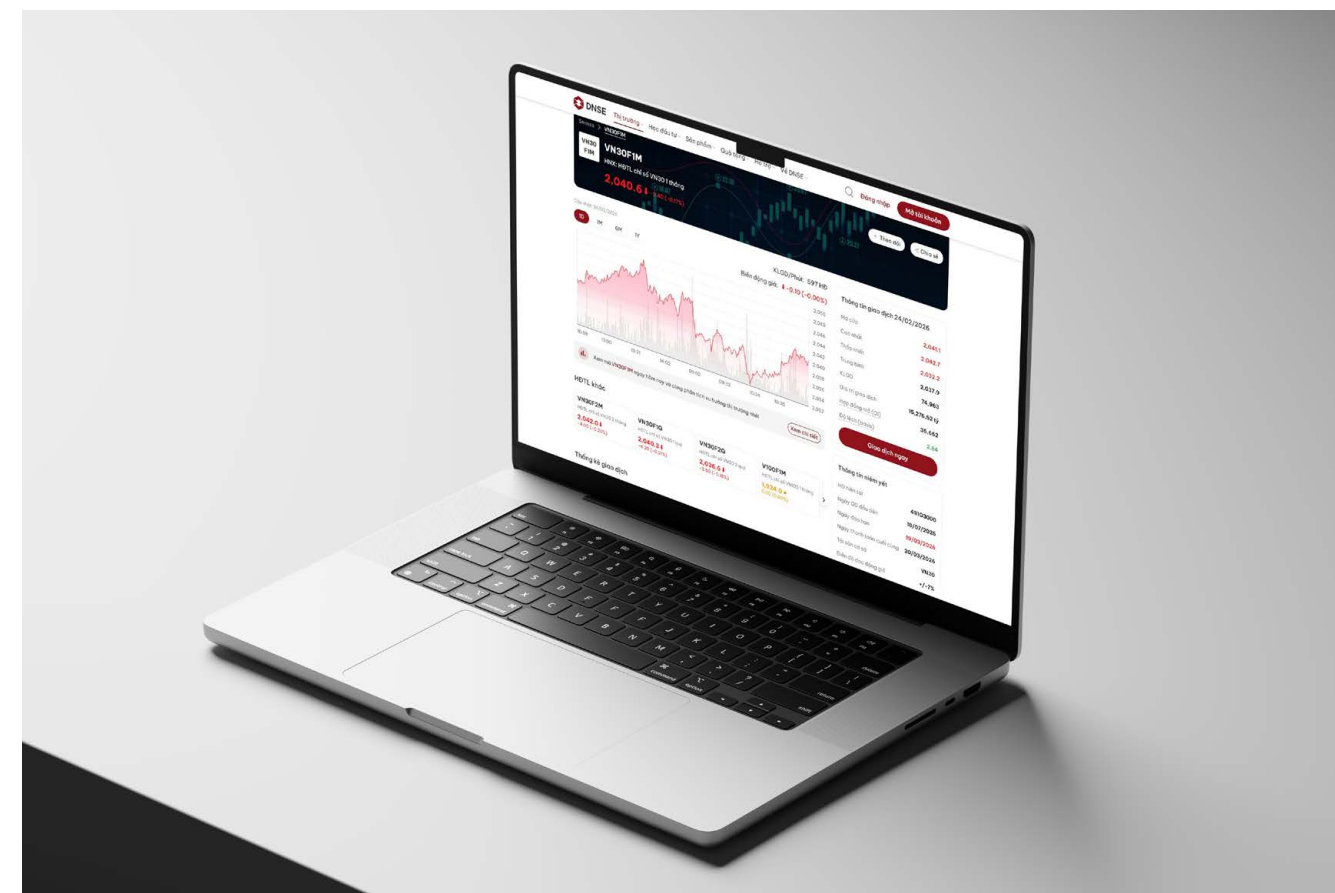
## SENSES

Senses là công cụ tra cứu cổ phiếu nhanh chóng qua các chỉ số tài chính và cung cấp số liệu thống kê đa dạng và đầy đủ cho thị trường phái sinh.

Đối với phân tích cổ phiếu, Senses cung cấp các chỉ số tài chính, báo cáo tài chính, báo cáo thu nhập được tính toán đặc trưng cho từng ngành nghề bao gồm: ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, sản xuất và bất động sản.



Đối với thị trường phái sinh, Senses phái sinh là trang website duy nhất đầy đủ dữ liệu về thị trường phái sinh trên thị trường, bao gồm dữ liệu về tổng giá trị giao dịch thị trường, hợp đồng mở (OI), số liệu về giao dịch thời điểm và tích lũy của giao dịch tự doanh và nhà đầu tư nước ngoài. Nhờ các tính năng vượt trội, sản phẩm Senses đã đạt được những kết quả ấn tượng chỉ sau 1 năm ra mắt.



Trong đó, tổng số người dùng 2025

**2.054.997** người dùng

▲ Tăng 378,15% so với năm 2024

Tổng số người dùng mới 2025

**1.908.937** người dùng

▲ Tăng 377,17% so với năm 2024



Dữ liệu về tổng giá trị  
giao dịch thị trường



Số liệu về giao dịch thời điểm và tích lũy của  
giao dịch tự doanh và nhà đầu tư nước ngoài



Hợp đồng mở  
(OI)



# Hoạt động phát triển sản phẩm

## LỆNH AI VÀ ENSA

### Lệnh AI – Tự động hóa giao dịch với công nghệ AI

Lệnh AI là tính năng mới của DNSE cho phép khách hàng đặt lệnh cơ sở áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để tự động chia lệnh khối lượng lớn thành

các lệnh nhỏ hơn, giúp tối ưu hóa quá trình thực thi giao dịch và giảm thiểu tác động đến thị trường.



Thời gian chạy lệnh tối đa

# 180

phút

⌚ Khách hàng có thể đặt giờ chạy lệnh trong khoảng thời gian của phiên khớp lệnh liên tục

Tổng khối lượng giao dịch của một lệnh phải là bội số của

# 100

#### Cách thức hoạt động

Khách hàng có thể đặt giờ chạy lệnh (thời điểm bắt đầu, kết thúc) trong khoảng thời gian của phiên khớp lệnh liên tục, với thời gian chạy lệnh tối đa 180 phút. Loại lệnh được sử dụng là LO (Limit Order), có thể cài đặt mức giá tối đa hoặc tối thiểu. Tổng khối lượng giao dịch của một lệnh phải là bội số của 100.

Sau khi đặt lệnh tổng, Lệnh AI tự động chia lệnh trong khoảng thời gian được

cài đặt. Tại mỗi thời điểm, Lệnh AI có thể quyết định đặt giá thấp hơn hoặc cao hơn so với giá khớp hiện tại tối đa 3 bước giá. Tối thiểu mỗi 1 phút có thể sinh một lệnh con, với khối lượng từng lệnh con do mô hình AI quyết định. Lệnh con có thể được tự động hủy nếu mô hình đánh giá không còn phù hợp. Khách hàng có thể chủ động hủy lệnh tổng khi lệnh chưa kích hoạt, đang chờ khớp, hoặc khớp một phần; các lệnh con tương ứng sẽ tự động hủy.



#### Lệnh AI – Hai phiên bản đáp ứng nhu cầu thị trường

Lệnh AI được phát triển với hai phiên bản để đáp ứng nhu cầu cho thị trường ổn định hoặc biến động mạnh, phù hợp với điều kiện và mục tiêu giao dịch khác nhau của nhà đầu tư.



#### Lệnh AI ưu tiên giá khớp so với VWAP

Lệnh AI ưu tiên giá/VWAP thực thi đi lệnh mỗi một phút. Mô hình này tập trung tối ưu chất lượng giá khớp theo mục tiêu giá/VWAP, phù hợp khi nhà đầu tư ưu tiên “giá tốt” là hàng đầu. Chiến lược đặt lệnh hướng tới mức

giá có lợi nhất, giảm chênh lệch so với VWAP mục tiêu. Lệnh AI 1M phù hợp với điều kiện thị trường ổn định, cho phép nhà đầu tư có thời gian để chờ giá tốt và tối ưu hóa chất lượng giá khớp.



#### Lệnh AI ưu tiên khớp nhanh

Đến tháng 11/2025, DNSE ra mắt Lệnh AI mới với khả năng đi lệnh nhanh lên tới vài giây mỗi lệnh. Mô hình này tối đa hóa khả năng khớp khối lượng trong khung thời gian đặt lệnh, đồng thời duy trì kiểm soát chất lượng giá khớp. Model này cho phép khớp lệnh

nhANH hơn và phù hợp hơn với điều kiện thị trường biến động mạnh. Mô hình đảm bảo giá khớp trung bình cuối cùng tốt hơn hoặc bằng giá đặt ban đầu, phù hợp với các mã có thanh khoản và khối lượng giao dịch đạt ngưỡng hỗ trợ.

#### Lợi ích và giá trị

Lệnh AI mang lại một số lợi ích cho nhà đầu tư:

- Giảm thiểu rủi ro do biến động giá lớn hoặc các sự kiện thị trường không mong muốn thông qua việc chia lệnh lớn thành các lệnh nhỏ hơn.
- Tối ưu hóa hiệu quả bằng cách tận dụng các cơ hội giá tốt hơn.
- Giảm thiểu tác động thị trường, tránh làm biến động giá lớn khi thực hiện lệnh khối lượng lớn.
- Tăng tính tự động hóa, giúp tiết kiệm thời gian và giảm yếu tố cảm xúc trong đầu tư.
- Tăng tính linh hoạt trong giao dịch, cho phép điều chỉnh dễ dàng theo điều kiện thị trường.
- Bảo mật chiến lược giao dịch, tránh bị lợi dụng thông tin để thực hiện chiến lược đối nghịch.

#### Kết quả và phát triển

Đến năm 2025, Lệnh AI đã thu hút hơn 9 nghìn người dùng đăng ký sử dụng và đã xử lý hơn 11 nghìn lệnh đặt. Tổng giá trị giao dịch khớp được đạt 450 tỷ đồng, chủ yếu đến từ khách hàng retail. Với việc cung cấp hai mô hình thực thi linh hoạt, Lệnh AI đã hỗ trợ nhà đầu tư tối ưu hóa quá trình giao dịch, đặc biệt là các lệnh có khối lượng lớn.

# Hoạt động phát triển sản phẩm

## LỆNH AI VÀ ENSA

**ENSA – Trợ lý đầu tư  
thế hệ mới, nâng tầm  
chiến lược giao dịch**

Trợ lý ảo Ensa tiếp tục phát triển trong việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực tài chính – đầu tư tại Việt Nam. Sau thành công của Ensa 2.0, năm 2025 đánh dấu một bước tiến quan trọng với sự ra mắt Ensa Pro – phiên bản nâng cao với khả năng phân tích chuyên sâu và đánh giá đa chiều, mang đến trải nghiệm tư vấn đầu tư toàn diện.

### ENSA PRO – Phân tích chuyên sâu và đánh giá đa chiều

Tiếp nối thành công của Ensa 2.0 được ra mắt vào tháng 8/2024, Ensa Pro được xây dựng trên nền tảng kiến trúc đa tác tử (multi-agent) đã được triển khai, với các nâng cấp về khả năng phân tích chuyên sâu và đánh giá đa chiều.



**Đánh giá mã cổ phiếu đa chiều  
– Kết hợp 5 nguồn thông tin**

Ensa Pro không chỉ dựa vào một nguồn thông tin, mà kết hợp 5 nguồn để đưa ra đánh giá toàn diện:

- 1 Tin tức từ nhiều nguồn được phân loại theo 10 nhóm thông tin quan trọng,
- 2 Phân tích kỹ thuật với các chỉ báo và xu hướng giá,
- 3 Phân tích cơ bản về sức khỏe tài chính và định giá,
- 4 Tín hiệu giao dịch từ AI với dự báo giá và mức lợi nhuận kỳ vọng,
- 5 Báo cáo phân tích từ các tổ chức tài chính và khuyến nghị của chuyên gia.

Khi nhà đầu tư hỏi “Mã XYZ có mua được không?”, Ensa Pro sẽ tổng hợp và phân tích từ tất cả 5 góc độ này để đưa ra khuyến nghị rõ ràng: Nên mua, Cân nhắc hoặc Không nên mua, kèm theo lý do chi tiết và điều kiện cụ thể.



**Phân tích tin tức chuyên sâu  
với 10 nhóm phân loại**

Ensa Pro quét và tổng hợp tin tức từ nhiều nguồn, sau đó phân loại một cách có hệ thống theo 10 nhóm thông tin quan trọng:

- Thông tin vĩ mô và xu hướng thị trường,
- Kết quả kinh doanh & vận hành,
- Hoạt động doanh nghiệp,
- Dự báo & định hướng,
- Quản trị & điều hành,
- Rủi ro & vấn đề cần quan tâm,
- Thay đổi chuỗi cung ứng & chi phí,
- Tâm lý & đồn đoán,
- Giao dịch cổ đông lớn và các nhóm khác.

Điều này giúp nhà đầu tư không chỉ nắm bắt tin tức mà còn hiểu được bức tranh tổng thể về mã cổ phiếu, ngành, và thị trường một cách có hệ thống.



**Phân tích danh mục toàn diện  
– Trợ lý cá nhân cho danh mục của bạn**

Ensa Pro không chỉ phân tích từng mã cổ phiếu, mà còn đánh giá toàn bộ danh mục đầu tư của nhà đầu tư. Khi được hỏi về danh mục, Ensa Pro sẽ phân tích: rủi ro tập trung (% tập trung vào từng mã/ngành), đa dạng hóa (mức độ và điểm số), tương quan giữa các mã, rủi ro biến động, và rủi ro thanh khoản. Đặc biệt, Ensa Pro có thể đánh giá tác động khi nhà đầu tư muốn mua/bán một mã cổ phiếu, giúp tránh rủi ro tập trung và tối ưu hóa danh mục. Tất cả phân tích đều dựa trên danh mục thực tế của từng nhà đầu tư, không phải lý thuyết chung chung.



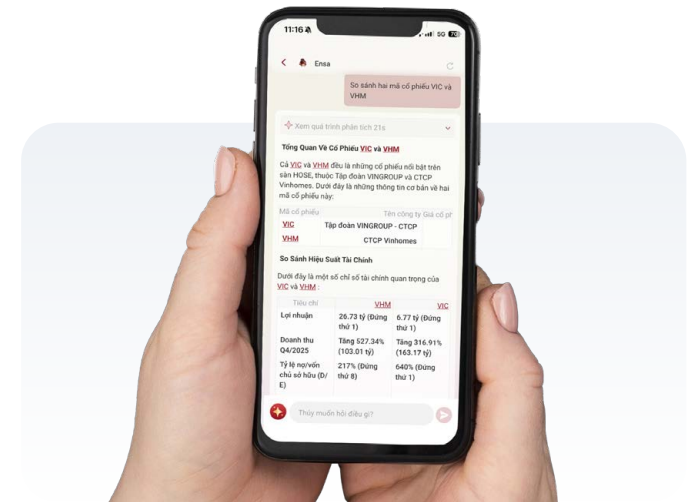
**So sánh trực tiếp  
giữa các mã cổ phiếu**

Ensa Pro có khả năng so sánh trực tiếp giữa 2 mã cổ phiếu từ 5 nguồn thông tin. Khi nhà đầu tư hỏi “So sánh hai mã cổ phiếu VIC và VHM?”, Ensa Pro sẽ phân tích cả 2 mã từ các góc độ: tin tức, kỹ thuật, cơ bản, AI và báo cáo, sau đó đưa ra khuyến nghị lựa chọn với lý do chi tiết.



**Giao diện và tương tác**

Ensa Pro hỗ trợ tương tác bằng ngôn ngữ tự nhiên. Nhà đầu tư có thể đặt câu hỏi mà không cần sử dụng câu lệnh phức tạp, và Ensa Pro sẽ trả lời với phân tích chi tiết.



ENSA PRO

### Kết quả và phát triển

Trong năm 2024, Ensa đã thu hút được hơn 30 nghìn nhà đầu tư và xử lý gần 390 nghìn câu hỏi. Đến năm 2025, số lượng người dùng đã tăng lên hơn 72 nghìn và số câu hỏi đã được xử lý vượt 1,2 triệu. Với việc ra mắt Ensa Pro, DNSE tiếp tục phát triển các tính năng phân tích đa chiều và đánh giá toàn diện để hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định đầu tư.

Số nhà đầu tư sử dụng Ensa

Năm 2024

**30.000**

Năm 2025

**72.000**

Số câu hỏi đã xử lý

Năm 2024

**390.000**

Năm 2025

**1.200.000**



# Truyền thông và tiếp thị

Bền bỉ xây dựng thương hiệu công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu với sứ mệnh “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt”, DNSE đã thực hiện chiến lược truyền thông và tiếp thị bao phủ đa kênh, với nhiều nội dung khác biệt, độc đáo nhằm tiếp cận đa dạng đối tượng khách hàng.

Trọng tâm truyền thông bao gồm xây dựng, củng cố định vị thương hiệu với nhà đầu tư, khách hàng; cập nhật, lan tỏa thông tin về hoạt động, sự kiện, sản phẩm của doanh nghiệp; truyền tải kiến thức, hiểu biết về tài chính, đầu tư chứng khoán.

## CÁC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO KIẾN THỨC CHO NHÀ ĐẦU TƯ PHỤ SÓNG MẠNG XÃ HỘI

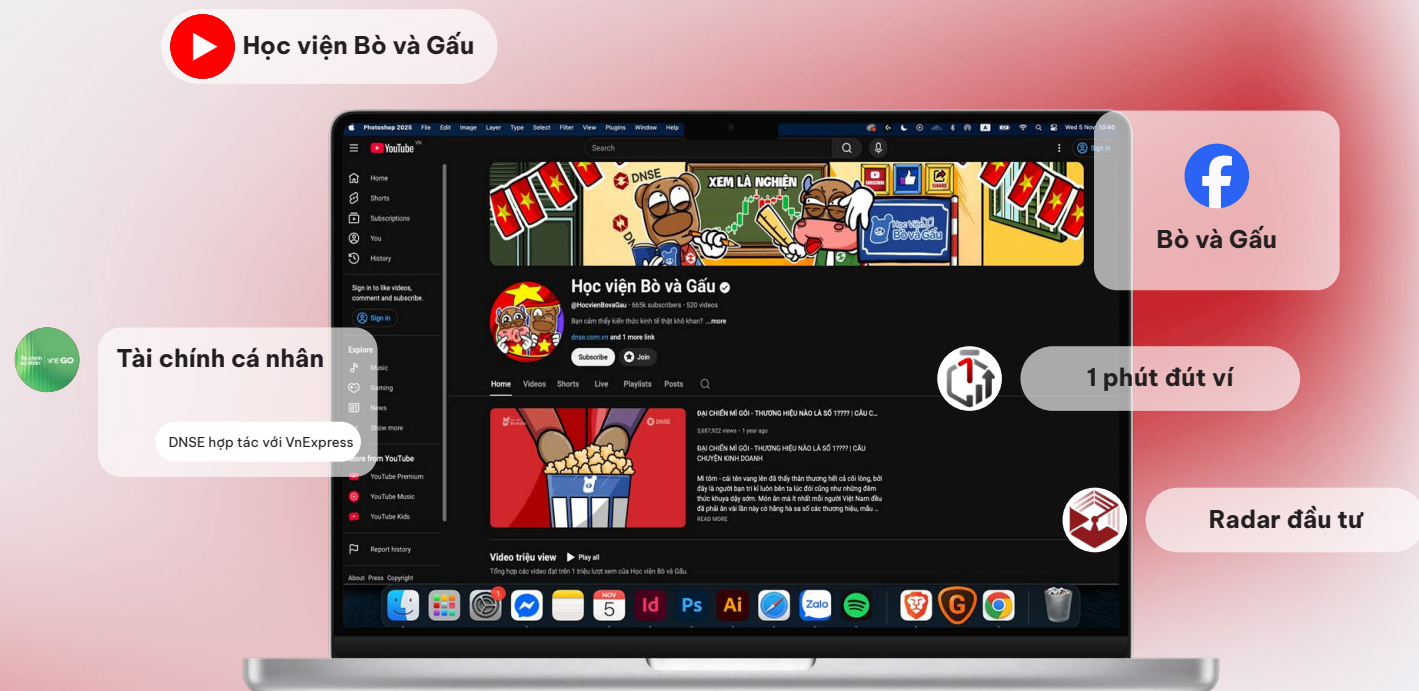
### Hệ sinh thái Bò và Gấu - kênh giải trí chứng khoán hàng đầu Việt Nam

Ngay từ những ngày đầu, DNSE đã xác định việc đào tạo, nâng cao kiến thức cho nhà đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán.

Vì vậy, DNSE đã tập trung phổ cập kiến thức đầu tư từ đơn giản tới chuyên sâu qua nhiều hình thức mới mẻ, có sức lan tỏa mạnh mẽ trên các kênh mạng xã hội YouTube, Facebook, TikTok...

Với mong muốn đưa chứng khoán - một bộ môn kiến thức khô khan tiếp cận tới mọi tầng lớp nhà đầu tư, DNSE đã tiên phong xây dựng hệ sinh thái Bò và Gấu trong những năm qua. Thông qua hình thức tranh hoạt hình (comics), video hoạt hình, video ngắn, hệ sinh thái Bò và Gấu đã tiếp

cận và ảnh hưởng hiệu quả tới cộng đồng nhà đầu tư, nhờ kiến thức và thông tin chứng khoán được chia sẻ một cách hài hước, vui nhộn, đơn giản, qua đó củng cố nhận diện thương hiệu và kết nối thông tin về các sản phẩm tài chính, chứng khoán.



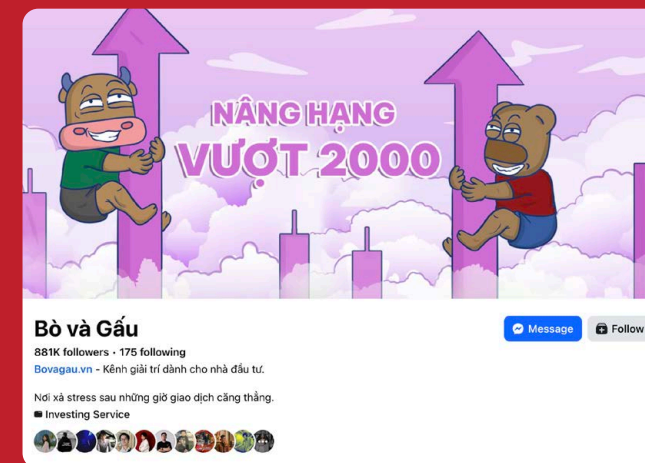
Fanpage facebook  
Bò và Gấu

881.000 lượt theo dõi

Năm 2025: tiếp cận trên  
438.000.000 người

131 video đạt trên 1 triệu lượt xem

163 video trên 500.000 lượt xem



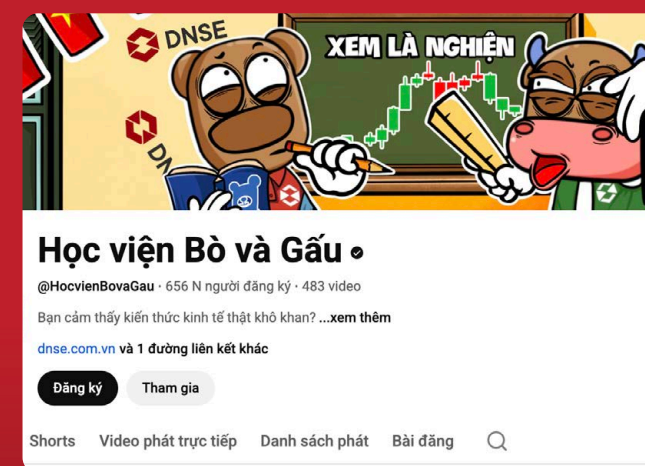
Kênh YouTube  
Học viện Bò và Gấu

656.000 lượt theo dõi

Năm 2025  
92,2 triệu lượt xem

15 video đạt trên 1 triệu view

2 video 2 triệu view



### Podcast Tài chính cá nhân DNSE hợp tác với VnExpress



Chương trình mang đến những lời khuyên hữu ích, thực tế từ chuyên gia về cách quản lý tài chính cá nhân, lên kế hoạch đầu tư. Trong năm 2025, 10 tập phát sóng của chương trình đã đạt trên 1 triệu lượt xem trên các nền tảng.

### Radar đầu tư



Với tần suất 1 tập/tuần, chương trình cung cấp nhận định từ chuyên gia xoay quanh chuyển động thị trường, phân tích chuyên sâu các yếu tố vĩ mô, các ngành hàng, mã cổ phiếu tiềm năng.

### 1 phút dứt ví



Chương trình mang đến các mẹo quản lý tài chính và đầu tư cho người trẻ, với cách tiếp cận nhanh gọn, dễ hiểu, thu hút tệp khách hàng Gen Z.



# Truyền thông và tiếp thị

## DNSE FUTURE TECH SUMMIT 2025 - SỰ KIỆN CÔNG NGHỆ CHUYÊN SÂU LẦN ĐẦU TIÊN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Diễn ra trong chiều ngày 21/11/2025, DNSE Future Tech Summit quy tụ nhiều chuyên gia tài chính - công nghệ uy tín và trên 200 nhà đầu tư. Đây là sự kiện công nghệ lần đầu tiên được DNSE tổ chức, mang đến những góc nhìn đa chiều về bài toán vận hành thị trường trong bối cảnh chuẩn bị áp dụng T+0, kéo dài thời gian giao dịch, cập nhật những tính năng mới giúp nhà đầu tư thích nghi với môi trường giao dịch “không độ trễ”.

Với các nội dung thảo luận sâu sắc từ các diễn giả uy tín và hoạt động trải nghiệm công nghệ mới ngay tại sự kiện, DNSE Future Tech Summit mang đến nhiều thông tin và cái nhìn toàn diện cho nhà đầu tư để chuẩn bị hành trang cho kỷ nguyên giao dịch tốc độ, đồng thời khẳng định nỗ lực của DNSE trong việc mang đến những diễn đàn chất lượng cao cho nhà đầu tư về công nghệ trong ngành tài chính chứng khoán.



## CHIẾN DỊCH LIÊN KẾT CHUỖI CỬA HÀNG POP UP STORE GIỮA DNSE & ZALOPAY

Chiến dịch nhằm mục tiêu quảng bá sản phẩm Tài khoản chứng khoán hợp tác giữa ZaloPay và DNSE, mang sản phẩm đến gần hơn với người dùng thông qua các hoạt động tương tác, trải nghiệm thanh toán và mở tài khoản chứng khoán trên ứng dụng ZaloPay.

Với các hoạt động ưu đãi, quà tặng hấp dẫn, hoạt động đã thu hút giới trẻ và các gia đình, với 40.500 lượt ghé thăm gian hàng và 21.300 lượt khách tiếp cận thành công.

Lượt ghé thăm gian hàng

**40.500**

Lượt khách tiếp cận thành công

**21.300**





# Chương 05

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2026

106

Triển vọng kinh tế và thị trường 2026

114

Tầm nhìn phát triển

116

Kế hoạch hành động



# Triển vọng kinh tế và thị trường 2026

## KINH TẾ 2026 ĐỐI MẶT RỦI RO TỪ LÀN SÓNG BẢO HỘ THƯƠNG MẠI VÀ GÁNH NẶNG NỢ CÔNG

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 dự báo sẽ chậm lại ở mức 3,1% so với mức ước tính của năm 2025 (3,2%), phản ánh quá trình thích nghi của các quốc gia trước các rào cản thương mại gia tăng và chi phí vay vốn vẫn neo ở mức cao. Trong khi nhóm các nền kinh tế phát triển giữ mức tăng trưởng ổn định 1,6% và Mỹ đạt 2,1%, tăng nhẹ so với mức 2,0% của năm 2025 nhờ lực đẩy tài khóa

từ đạo luật OBBBA thì đà tăng trưởng tại các thị trường mới nổi và đang phát triển ghi nhận xu hướng giảm tốc dần, dự kiến từ mức 4,2% (năm 2025) xuống còn 4,0% vào năm 2026. Đây là mức tăng trưởng thấp hơn so với các dự báo dài hạn trước đó, trong đó nhóm các quốc gia thu nhập thấp chịu ảnh hưởng tiêu cực nhất với mức điều chỉnh giảm đáng kể (Nguồn: IMF outlook tháng 12/2025).



Thâm hụt ngân sách của Hoa Kỳ dự kiến tăng thêm

**5,5** nghìn tỷ USD trong thập kỷ tới

Vốn đầu tư từ khu vực tư nhân của Hoa Kỳ vào bán dẫn đạt mức

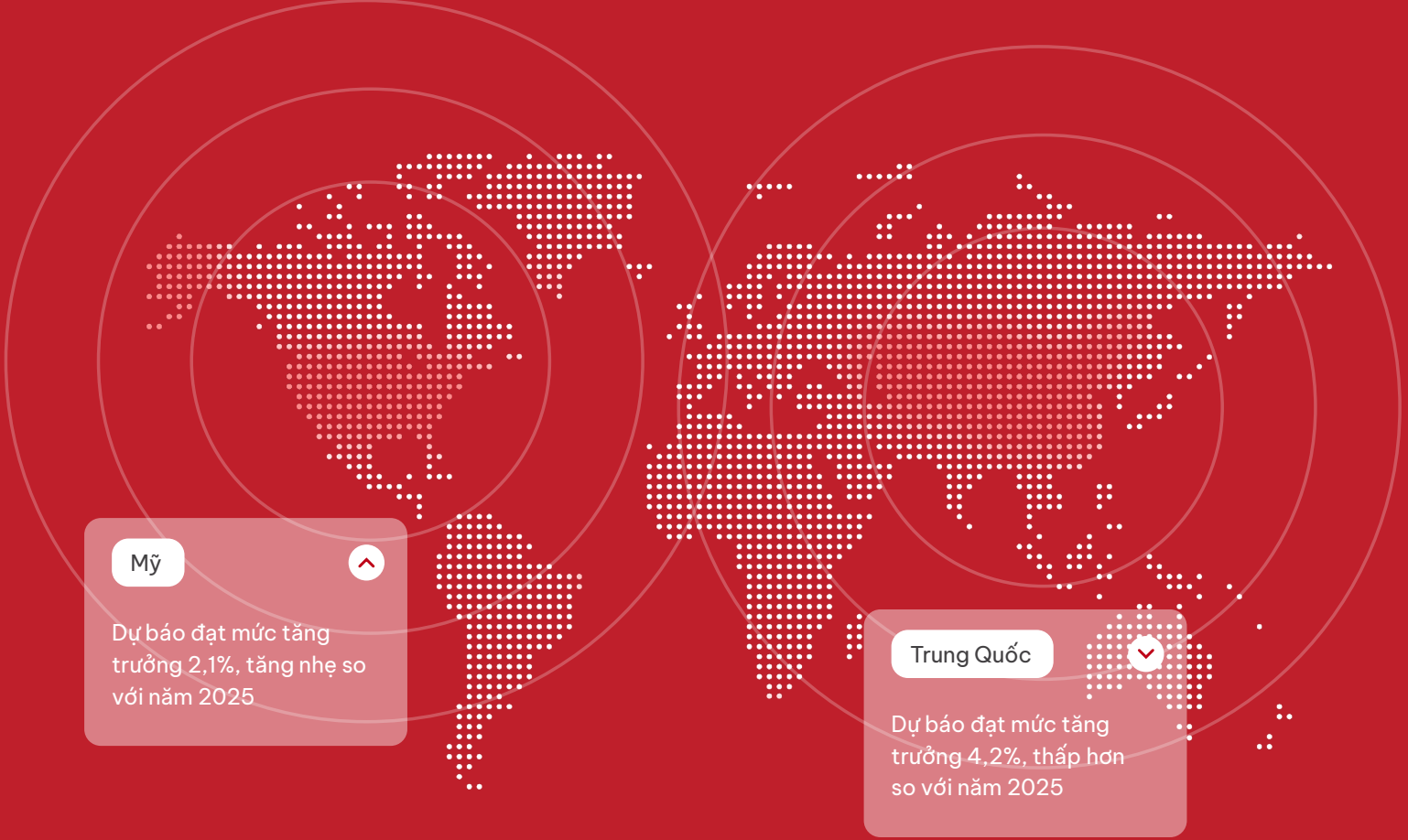
**500** tỷ USD

Cụ thể, nền kinh tế Hoa Kỳ năm 2026 vận hành trong một trạng thái chuyển đổi phức tạp, nơi những xung lực tăng trưởng từ đạo luật OBBBA đang phải đối đầu trực diện với áp lực lạm phát và tình trạng thâm hụt tài khóa kéo dài. Mặc dù các biện pháp gia hạn cắt giảm thuế đã tạo ra sức bật nhất định cho GDP trong ngắn hạn, việc dự kiến làm tăng thâm hụt ngân sách thêm 5,5 nghìn tỷ USD trong thập kỷ tới đã đặt ra bài toán hóc búa về nợ công, buộc Cục Dự trữ Liên bang (FED) phải tính toán lại việc cắt giảm lãi suất nhằm kiểm soát rủi ro lạm phát phát sinh từ các hàng rào thuế quan bảo hộ.

Đối trọng với những áp lực về mặt tài khóa là bước chuyển mình mang tính bước ngoặt của cuộc cách mạng công nghệ, nơi hệ sinh thái bán dẫn nội địa đã thu hút thành công hơn 500 tỷ USD cam kết đầu tư từ khu vực tư nhân nhờ chính sách duy trì thuế suất

doanh nghiệp ổn định ở mức 21% và nâng mức tín dụng thuế sản xuất chip lên tới 35%. Những ưu đãi đặc biệt này không chỉ thúc đẩy làn sóng đưa sản xuất trở lại nội địa mà còn tạo tiền đề cho việc triển khai AI đại diện (Agentic AI) và robot tự hành ở quy mô công nghiệp, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí vận hành và giải quyết triệt để bài toán thiếu hụt lao động lành nghề.

Song song với đà bứt phá công nghệ, Hoa Kỳ đang tích cực định hình lại dòng chảy thương mại toàn cầu bằng cách củng cố các mối liên kết song phương với các đối tác chiến lược như Việt Nam và EU nhằm đảm bảo tính bền vững cho chuỗi cung ứng, giúp nền kinh tế Mỹ duy trì tính linh hoạt và lợi thế cạnh tranh, bất chấp những biến động khó lường từ môi trường địa chính trị và chi phí nguyên liệu đầu vào leo thang.



Tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2026 dự báo ở mức

**4,2%**

Thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng ước tính năm 2025 (4,8%)

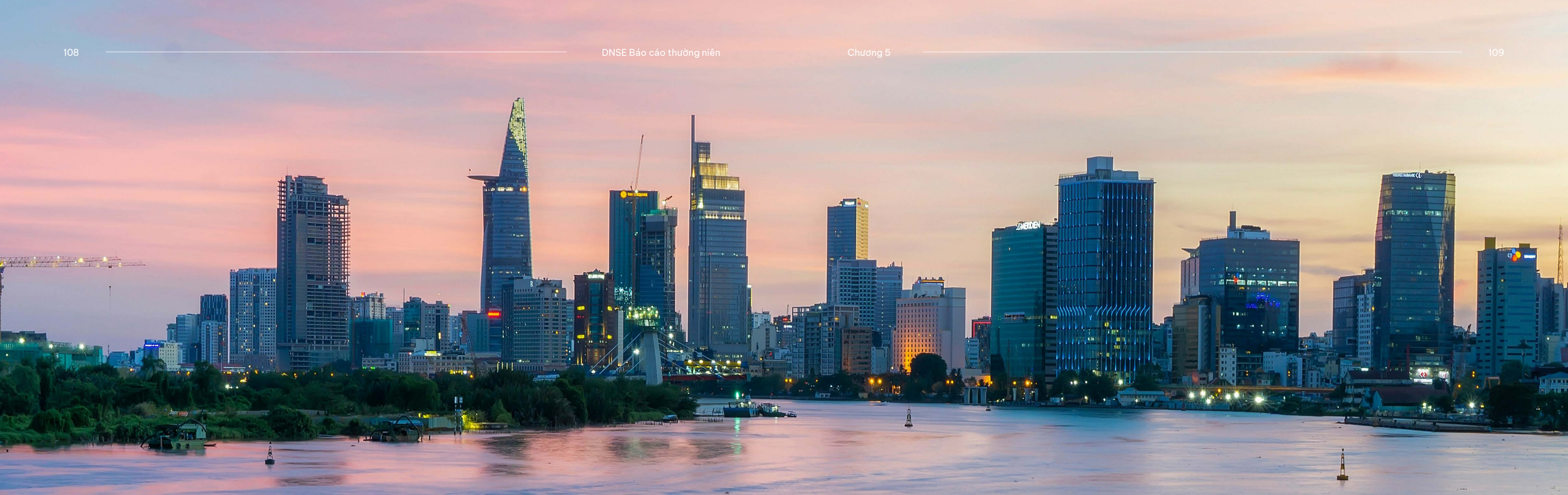
Trung Quốc, quốc gia chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách của Tổng thống Trump, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2026 dự báo chỉ đạt 4,2%, thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng ước tính năm 2025 (4,8%), tuy nhiên mức tăng này vượt xa các kỳ vọng trước đó nhờ sức mạnh nội sinh từ Kế hoạch 5 năm lần thứ 15 (2026-2030). Động lực cốt lõi không còn dựa vào bất động sản mà chuyển dịch mạnh mẽ sang chiến lược “Lực lượng sản xuất mới”, tập trung vào tự chủ công nghệ và nâng mức chi tiêu R&D lên 3,2% GDP vào năm 2030.

Điểm nhấn lớn nhất là sự trỗi dậy của “Cú sốc Trung Quốc 2.0” trong lĩnh vực xuất khẩu. Thay vì các mặt hàng thâm dụng lao động, Trung Quốc đang chiếm lĩnh thị phần toàn cầu ở các phân khúc giá trị cao như chất bán dẫn, xe điện và linh kiện điện tử. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thực tế dự kiến đạt 5-6% mỗi năm, trực tiếp tạo áp lực cạnh tranh lên các nền kinh

tế phát triển như châu Âu và Nhật Bản. Đặc biệt, căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ đã có dấu hiệu hạ nhiệt sau thỏa thuận giảm 10 điểm phần trăm thuế quan, nơi Trung Quốc lần đầu tiên sử dụng quyền kiểm soát đất hiếm như một đòn bẩy đàm phán bình đẳng.

Về mặt nội tại, lực cản từ thị trường bất động sản bắt đầu thuyên giảm đáng kể. Dù đầu tư và doanh số nhà ở vẫn sụt giảm khoảng 5 - 10%, mức độ tác động tiêu cực đến tăng trưởng GDP đã thu hẹp xuống còn dưới 1 điểm phần trăm nhờ tỷ trọng ngành này trong nền kinh tế đã giảm sâu sau 5 năm khủng hoảng. Chính phủ dự kiến duy trì nới lỏng tiền tệ với hai lần cắt giảm lãi suất cơ bản (10 điểm cơ bản mỗi lần) vào quý I và quý III năm 2026 để thúc đẩy tiêu dùng và đưa lạm phát CPI dần phục hồi lên mức 0,4%, khẳng định mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành quốc gia phát triển trung bình vào năm 2035.





# Triển vọng kinh tế và thị trường 2026

## KINH TẾ 2026 ĐỐI MẶT RỦI RO TỪ LÀN SÓNG BẢO HỘ THƯƠNG MẠI VÀ GÁNH NẶNG NỢ CÔNG

Tồn kho dầu toàn cầu  
(Quý IV/2025) tăng trung bình

**2,6** triệu thùng/ngày 

Giá dầu neo thấp kèm theo sự phân hóa lạm phát giữa các khu vực: giảm ở khu vực các quốc gia mới nổi và đang phát triển, tăng ở nhóm US, UK, Brazil và Mexico.

Thị trường dầu thô năm 2026 dự báo sẽ chịu áp lực giảm giá mạnh do tình trạng dư cung kéo dài. Theo báo cáo từ EIA (Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ), giá dầu Brent được kỳ vọng sẽ giảm sâu xuống mức trung bình 55 USD/thùng vào năm 2026, chịu tác động trực tiếp từ lượng tồn kho dầu toàn cầu dự kiến tăng trung bình 2,6 triệu thùng/ngày trong quý IV/2025 và duy trì ở mức cao xuyên suốt năm tới. Mặc dù tiêu thụ nhiên liệu lỏng toàn cầu dự kiến tăng thêm 1,1 triệu thùng/ngày chủ yếu nhờ các nước ngoài khối OECD tại châu Á, nhưng con số này vẫn không đủ để hấp thụ đà tăng trưởng nguồn cung mạnh mẽ

từ các quốc gia ngoài OPEC+, dẫn đầu là Brazil và Guyana với các tàu khai thác ngoài khơi mới đi vào hoạt động sớm hơn dự kiến.

Về phía OPEC+, mặc dù khối này dự kiến tăng sản lượng thêm 600.000 thùng/ngày vào năm 2026, EIA đánh giá sản lượng thực tế sẽ thấp hơn mục tiêu công bố, điều này giúp kìm hãm tốc độ tích lũy tồn kho và ngăn chặn giá dầu giảm quá nhanh. Dầu vậy, bức tranh giá dầu vẫn tiềm ẩn nhiều biến số từ việc liệu Trung Quốc có tiếp tục duy trì tốc độ tích lũy kho dự trữ chiến lược hay không, cùng các rủi ro địa chính trị từ xung đột Nga - Ukraine. EIA cảnh báo rằng các cuộc tấn công vào cảng dầu của Nga hoặc các lệnh trừng phạt bổ sung nhắm vào người mua dầu Nga có thể gây gián đoạn nguồn cung và làm đảo lộn các dự báo về giá trong ngắn hạn.

Lạm phát toàn cầu  
dự kiến giảm về mức

**3,7%**

 Từ mức 4,2% năm 2025

Do đó, xu hướng lạm phát toàn cầu dự kiến giảm từ mức 4.2% năm 2025 về mức 3,7% vào năm 2026, nhưng ẩn sau con số này là một sự phân cực sâu sắc giữa các nền kinh tế, xu hướng tăng lại ở nhóm US, UK, Brazil và Mexico và ngược lại ở nhóm các quốc gia đang phát triển. Cụ thể tại Mỹ, lạm phát dự báo tăng 2,7% vào năm 2025 (tăng mạnh so với mức 1,9% dự báo trước đó) do các chuỗi cung ứng ngừng hấp thụ chi phí thuế quan và bắt đầu chuyển trực tiếp áp lực giá sang người tiêu dùng, khiến lộ trình trở lại mục tiêu 2% bị kéo dài đến năm 2027. Sự kết hợp giữa tăng trưởng chậm lại (dự báo 2,0% năm 2025) và lạm phát dai dẳng tại Mỹ tạo nên sự đối lập hoàn toàn với các quốc gia mới nổi và đang phát triển đang có xu hướng giảm dần.

Trong bối cảnh đó, dư địa chính sách của các ngân hàng trung ương bị thu hẹp đáng kể: FED tiếp tục hạ lãi suất về mức trung tính 2,75% - 3,0% vào cuối chu kỳ nhưng phải đối mặt với rủi ro lạm phát tăng (upside risks), Nhật Bản nâng dần lãi suất lên 1,5% để neo giữ kỳ vọng lạm phát, còn khu vực đồng Euro giữ ổn định ở mức 2% khi các gói chi tiêu quân sự và hạ tầng (đặc biệt tại Đức) bắt đầu tạo ra áp lực tài khóa mới (theo IMF outlook 10/2025).



# Triển vọng kinh tế và thị trường 2026

## KINH TẾ VIỆT NAM 2026: TÌM KIẾM ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG GDP CHO MỤC TIÊU 10% ĐẦY THÁCH THỨC

GDP cả năm 2025 đạt

8,02%



Kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026 với kỳ vọng bứt phá dựa trên nền tảng tăng trưởng ấn tượng từ cuối năm 2025 khi GDP cả năm đạt 8,02%. Với xung lực phục hồi quý sau cao hơn quý trước, kịch bản cơ sở tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức 8% được đánh giá là khả thi, tạo tiền đề hướng tới mục tiêu khát vọng trên 10% cho giai đoạn 2026-2030 mà Chính phủ đề ra.

Động lực chính nằm ở khu vực Công nghiệp và Xây dựng khi giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã đạt mức 9,2%, tiệm cận mục tiêu tăng trưởng hai chữ số. Tuy nhiên, để đạt được kịch bản tối ưu, nền kinh tế cần sự chuyển mình mạnh mẽ hơn từ khu vực Bán lẻ Dịch vụ đang đóng góp tới 63.2% vào mức tăng trưởng chung nhưng tốc độ tăng trưởng thực chỉ đạt mức (6,7%) vẫn cần nỗ lực thêm để khớp với mục tiêu bứt phá của giai đoạn mới.

Vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu năm 2026 ghi nhận những chuyển dịch cơ cấu quan trọng, trực tiếp tác động đến định giá của các doanh nghiệp niêm yết. Dù tổng kim ngạch xuất nhập khẩu dự kiến cán mốc lịch sử 930 tỷ USD, sự phụ thuộc lớn vào khu vực FDI vẫn là một biến số rủi ro đối với tính bền vững của dòng

tiền. Số liệu thực tế cho thấy khối FDI chiếm tới 76% tỷ trọng xuất khẩu, trong khi khu vực nội địa ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu âm (-6%) và nhập siêu lên tới 29 tỷ USD. Sự phân hóa này dự báo sẽ gây áp lực lên nhóm cổ phiếu sản xuất trong nước, buộc thị trường phải tái định giá dựa trên khả năng cải thiện giá trị gia tăng thay vì chỉ phụ thuộc vào lắp ráp.

Xung lực từ dòng vốn đầu tư nước ngoài đang chuyển sang giai đoạn thách thức về mặt tăng trưởng quy mô. Vốn FDI đăng ký cấp mới ghi nhận xu hướng giảm mạnh hơn 12% so với 2024 và chủ yếu chỉ gia tăng quy mô ở các doanh nghiệp hiện hữu. Đối với nhóm Bất động sản Khu công nghiệp, đây là tín hiệu cho thấy sự phân hóa rõ rệt: ưu thế thuộc về các doanh nghiệp sở hữu quỹ đất sẵn sàng đón đầu các dự án FDI giải ngân thực tế (vốn vẫn duy trì đà tăng 9,0%). Đặc biệt, thực trạng “thặng dư thương mại lớn nhưng lợi nhuận chuyển về nước cao” và xu hướng găm giữ USD ở nước ngoài do lãi suất USD cao hơn Việt Nam sẽ tiếp tục gây áp lực lên thanh khoản ngoại tệ. Điều này có thể khiến dòng vốn ngoại (FII) trên thị trường chứng khoán trở nên thận trọng hơn khi nhìn vào cán cân thanh toán tổng thể.



Lạm phát năm 2026 được dự báo duy trì ở mức

3,5-4,5%

Thấp hơn ngưỡng mục tiêu điều hành

Tỷ lệ tín dụng/GDP của Việt Nam tại thời điểm cuối năm 2025 ước đạt

140%

Tỷ lệ tín dụng/GDP khuyến nghị của IMF

80-120%

Bên cạnh đó, áp lực từ chính sách thuế quan của Mỹ khi Tổng thống Trump áp thuế lên hàng hóa toàn cầu vừa là thách thức về phòng vệ thương mại, vừa là cơ hội để Việt Nam thu hút làn sóng đầu tư “né thuế”. Việc thặng dư thương mại với Mỹ đạt mức kỷ lục (xuất siêu sang Mỹ đạt 133,9 tỷ USD) trong khi nhập siêu từ Trung Quốc vượt 115 tỷ USD đòi hỏi các doanh nghiệp niêm yết phải tiên phong trong việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và minh bạch xuất xứ hàng hóa. Khả năng thích ứng với các tiêu chuẩn mới sẽ là yếu tố quyết định để duy trì đà bứt phá kim ngạch, hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai chữ số mà Chính phủ đề ra cho năm 2026.

Dự địa chính sách tiền tệ không còn nhiều, chính sách tài khóa mở rộng tạo động lực nội tại cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

Về ổn định vĩ mô, lạm phát năm 2026 được dự báo tiếp tục duy trì ở vùng kiểm soát, dao động khoảng 3,5% - 4,5%, thấp hơn ngưỡng mục tiêu điều hành. Xu hướng này được hỗ trợ bởi triển vọng giá dầu thế giới giảm mạnh (ước giảm hơn 9,2%, về quanh

55 USD/thùng) cùng với sự ổn định của lạm phát cơ bản - nhóm chiếm tới 63,5% rổ CPI. Nhờ đó, áp lực lạm phát tổng thể được kiểm soát tốt, tạo dư địa nhất định cho điều hành các công cụ khác của chính sách tiền tệ.

Tuy nhiên, rủi ro trung hạn vẫn hiện hữu khi đến cuối năm 2025, tỷ lệ tín dụng/GDP của Việt Nam ước đạt khoảng 140%, cao hơn đáng kể so với ngưỡng khuyến nghị 80% - 120% GDP của IMF, đặt ra thách thức trong việc cân đối giữa hỗ trợ tăng trưởng và duy trì ổn định tài chính.

Trong khi đó, Việt Nam đang có lợi thế lớn về dư địa tài khóa với tỷ lệ nợ công thấp (khoảng 34 - 37% GDP năm 2025, dưới trần 60% GDP), cho phép tăng cường đầu tư công và huy động vốn cho tăng trưởng, trong khi tỷ lệ đầu tư xã hội/GDP (~33%) và đầu tư công/GDP (~10%) đang ở mức hợp lý, tạo nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế mạnh mẽ hơn trong bối cảnh thị trường vốn đang dần được cải thiện.





# Triển vọng kinh tế và thị trường 2026

## KINH TẾ VIỆT NAM 2026: TÌM KIẾM ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG GDP CHO MỤC TIÊU 10% ĐẦY THÁCH THỨC

Bước sang năm 2026, cũng như giai đoạn 2026 - 2030, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 10%, bằng cách thúc đẩy, phát triển cơ sở hạ tầng đa ngành quy mô nhất từ trước đến nay, tạo ra một hệ sinh thái thực thể đồng bộ hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng bền vững. Riêng lĩnh vực Giao thông, sau khi vượt mục tiêu 5 năm với 3.513 km cao tốc và đưa giai đoạn 1 sân bay quốc tế Long Thành vào khai thác kỹ thuật cuối năm 2025, ngành tiếp tục là trọng tâm của kế hoạch đầu tư công trung hạn. Chỉ riêng trong năm 2025, Trung ương và địa phương đã khởi công, khánh thành 564 công trình với tổng mức đầu tư kỷ lục hơn 5,14 triệu tỷ đồng,

tạo khối lượng công việc khổng lồ cho các doanh nghiệp xây lắp và vật liệu xây dựng. Bên cạnh giao thông, các ngành Năng lượng, Y tế, Giáo dục và Dân dụng (với 698 dự án nhà ở xã hội) cũng ghi nhận sự bứt phá đồng bộ. Với dự kiến chi đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 lên tới 8,51 triệu tỷ đồng và kế hoạch phân bổ 1.120,2 nghìn tỷ đồng riêng cho năm 2026, nền kinh tế đang đứng trước cơ hội tái định giá toàn diện dựa trên thực thể tài sản quốc gia. Tuy nhiên, sự phân hóa giải ngân giữa các bộ ngành (với 20 bộ ngành hiện vẫn dưới mức bình quân) đòi hỏi nỗ lực cải thiện hiệu quả thực thi để hiện thực hóa kịch bản tăng trưởng hai con số.

Tỷ lệ nợ công năm 2025 tổng mức đầu tư kỷ lục hơn

**5,14** triệu tỷ đồng

Dự kiến chi đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 lên tới

**8,51** triệu tỷ đồng



Nền kinh tế năm 2026 được vận hành trên một "hệ điều hành" mới thông qua cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy và chuyển đổi số toàn diện. Việc quyết liệt sắp xếp lại tổ chức theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và cơ chế "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền) được kỳ vọng sẽ xóa bỏ tâm lý e ngại sai phạm, khơi thông các điểm nghẽn pháp lý cho doanh

nh nghiệp. Đặc biệt, với mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số, Chính phủ đẩy mạnh kinh tế số và AI làm động lực chính để bứt phá năng suất lao động xã hội lên mức 8,5%/năm. Đối với thị trường chứng khoán, sự minh bạch hóa và giảm chi phí tuân thủ từ quá trình cải cách này chính là chìa khóa để tái định giá biên lợi nhuận, tạo niềm tin bền vững cho các dòng vốn đầu tư chiến lược.

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2026



Năm 2026 đánh dấu bước ngoặt về vị thế của VN-Index khi thị trường đứng giữa sự giao thoa của hai lực tác động trái chiều: áp lực chi phí vốn gia tăng (lãi suất) và xung lực mạnh mẽ từ sự kiện nâng hạng. Trong bối cảnh các kênh đầu tư thay thế chưa thực sự bứt phá, dòng tiền nội dự kiến vẫn là bệ đỡ vững chắc, giúp thị trường duy trì xu hướng tăng trưởng dài hạn bất chấp những nhịp điều chỉnh trung hạn nhằm thiết lập mặt bằng giá mới.

Nền tảng định giá và động lực tăng trưởng lợi nhuận sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2026 được khẳng định qua mức định giá hợp lý khi hệ số P/E dự phóng (P/E fwd) hiện duy trì quanh mức 13.9x, nằm sát đường trung bình của giai đoạn 10 năm và thấp hơn đáng kể so với các mức đỉnh lịch sử. Động lực chính cho quá trình tái định giá (Re-rating) đến từ sự bứt phá của nội lực doanh nghiệp với mức tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường dự báo đạt từ 17,5% (kịch bản cơ sở) đến 26,7% (kịch bản tích cực).

Hệ số P/E dự phóng (P/E fwd) hiện duy trì quanh mức

**13,9x**

Nằm sát đường trung bình của giai đoạn 10 năm

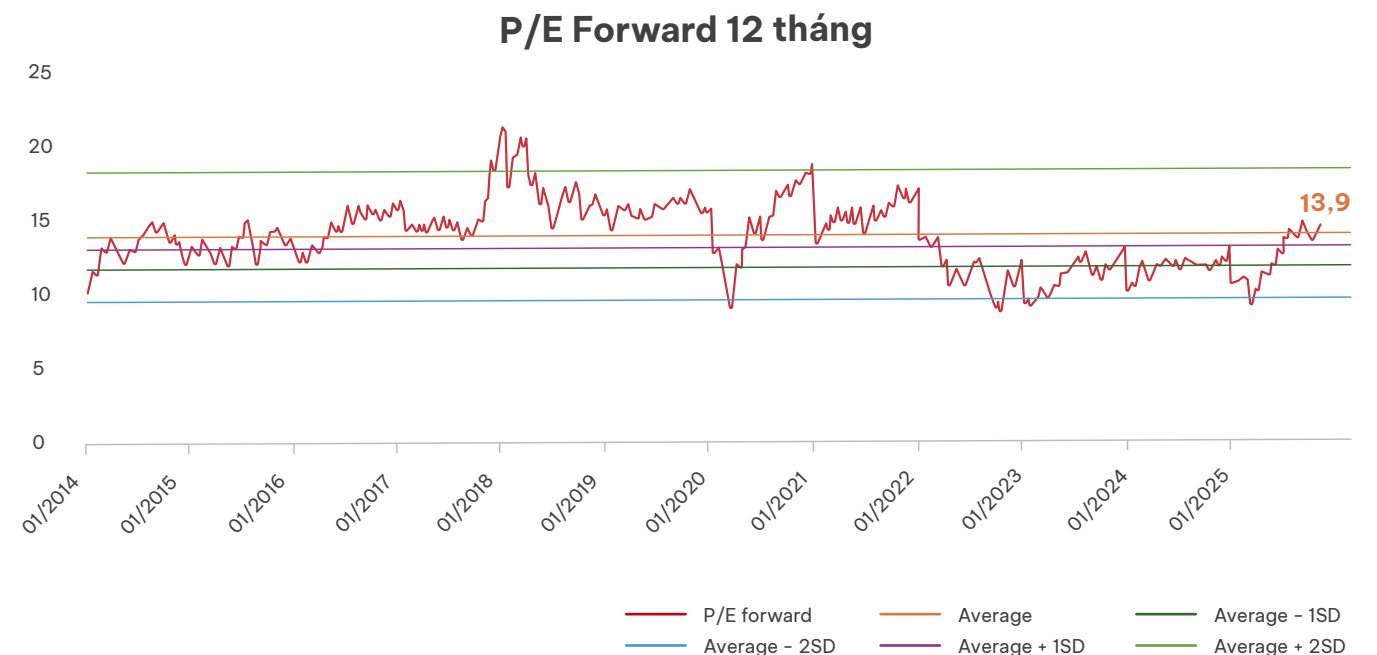
Mức tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường

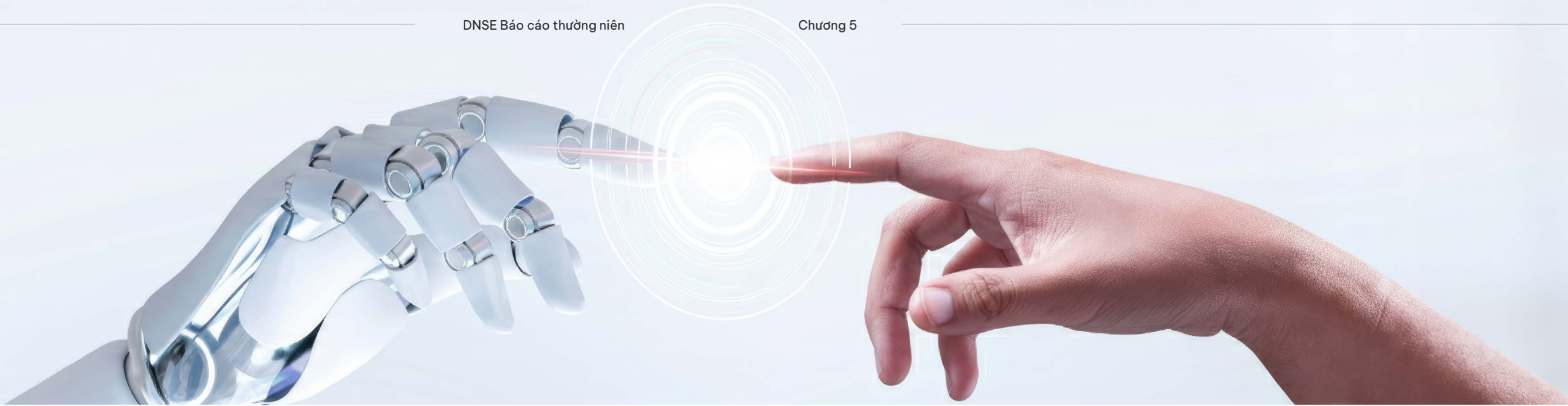
**17,5%** đến **26,7%**

Kịch bản cơ sở

Kịch bản tích cực

Hình 29: P/E 10 năm của chỉ số VN-Index





## Tầm nhìn phát triển

Kế thừa tầm nhìn từ ngày đầu thành lập, DNSE sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào nền tảng công nghệ nhằm cung cấp những giải pháp giao dịch tối ưu về tính năng, chi phí và tốc độ cho mọi đối tượng khách hàng. Chiến lược phát triển năm 2026 của HĐQT tập trung vào ba định hướng chính như sau:

### HOÀN THIỆN NỀN TẢNG GIAO DỊCH NHANH VÀ ỔN ĐỊNH

Năm 2026, DNSE tiếp tục hoàn thiện nền tảng giao dịch của mình với việc đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu tại TP. Hồ Chí Minh nhằm đưa Core lệnh vào đặt cùng với hạ tầng KRX của sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, qua đó giảm thiểu tối đa độ trễ đến từ khoảng cách vật lý giữa DNSE và hệ thống của sở. Bên cạnh đó, DNSE tiếp tục đầu tư mạnh vào các giải pháp nâng cao an ninh thông tin bằng các giải pháp hàng đầu thế giới, nhằm bảo vệ tối đa tài sản của khách hàng. Trong

năm 2026, DNSE cũng đặt mục tiêu tự động hoá gần như hoàn toàn quy trình xử lý batch cuối ngày, đưa trải nghiệm khách hàng đến gần hơn mục tiêu giao dịch xuyên suốt 24/7.

Song song với các dự án nâng cấp và đầu tư hạ tầng, DNSE sẽ tiếp tục đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ mới mang tính đột phá, mang đến nhiều sự lựa chọn hơn và giúp khách hàng đầu tư đơn giản và hiệu quả hơn tại DNSE.

### PHÁT TRIỂN KÊNH BÁN ĐA DẠNG TRÊN CÁC NỀN TẢNG

DNSE sẽ tập trung vào việc phát triển kênh bán đa dạng trên các nền tảng nhằm mở rộng thị phần và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển đa kênh, trong đó tập trung mở rộng việc tối ưu hóa nội dung số trên các nền tảng mạng xã hội, giúp tiếp cận và gắn bó với khách hàng trên các nền tảng: Facebook, website DNSE, Instagram, TikTok, website và ứng dụng Mạng xã hội Bò và Gấu.

Bên cạnh đó, DNSE không ngừng mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác công nghệ tài chính như Ví điện tử ZaloPay, các công ty fintech và các đối tác trong ngành tài chính - ngân hàng nhằm đa dạng hóa tiện ích giao dịch chứng khoán cho khách hàng, tạo ra một hệ sinh thái giao dịch toàn diện và thuận tiện. Những nỗ lực này thể hiện cam kết của DNSE trong việc không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu trở thành nền tảng giao dịch chứng khoán hàng đầu trên thị trường.

### KIẾN TẠO ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ HỖ TRỢ CHO VẬN HÀNH KINH DOANH TỐI ƯU DỰA TRÊN TỰ ĐỘNG HÓA

DNSE tập trung vào việc nâng cao hiệu quả vận hành thông qua việc ứng dụng AI và tự động hóa vào quy trình dịch vụ khách hàng và vận hành nội bộ. Công ty sẽ tối ưu hóa quy trình quản trị nội bộ bằng công nghệ số, đồng thời đẩy mạnh thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ. DNSE chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ hiện hữu để thích ứng với chuyển đổi số, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo và học tập liên tục trong toàn công ty.

Song song với các chiến lược trên, DNSE sẽ tối ưu hóa nguồn vốn thông qua đa dạng hóa kênh huy động và quản trị chi phí hiệu quả dựa trên nền tảng công nghệ. Công ty tiếp tục phát

triển các sản phẩm dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng cường quản trị rủi ro và tuân thủ, đồng thời nâng cao giá trị cho cổ đông và các bên liên quan. Với nền tảng công nghệ vượt trội cùng chiến lược phát triển toàn diện, DNSE kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong năm 2026, khẳng định vị thế công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu tại Việt Nam.

Cùng với nền tảng công nghệ tốt nhất và vận hành tối ưu, sự tăng trưởng của DNSE có thể nói là là kết quả của cả các yếu tố chiến lược - công nghệ - vận hành. Đồng thời, các yếu tố này sẽ tăng thêm sức bật để DNSE tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh hơn, mạnh mẽ hơn.

### MỤC TIÊU TÀI CHÍNH

| Chi tiêu             | Đơn vị  | 2026  |
|----------------------|---------|-------|
| Tổng doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.736 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 550   |
| Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 440   |
| ROE                  |         | 8%    |



# Kế hoạch hành động

## ĐỊNH HƯỚNG CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ 2026

Mục tiêu trọng tâm là đưa thị phần giao dịch cơ sở trên sàn HSX đạt mức

# 3%

Tổng giá trị giao dịch cơ sở hướng tới

# 500

 nghìn tỷ đồng

⬆️ gấp đôi so với năm trước

Bước sang năm 2026, DNSE đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng nhằm khẳng định vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong bối cảnh thị trường kỳ vọng được nâng hạng, cùng với triển vọng tăng trưởng kinh tế vĩ mô tích cực, DNSE định hướng chiến lược phát triển sản phẩm giao dịch chứng khoán theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu trải nghiệm khách hàng. Mục tiêu trọng tâm là đưa thị phần giao dịch cơ sở trên sàn HSX đạt mức 3%,

với tổng giá trị giao dịch cơ sở hướng tới 500 nghìn tỷ đồng, gấp đôi so với năm trước.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, DNSE sẽ tập trung vào chiến lược thúc đẩy giá trị giao dịch đa kênh. Công ty sẽ phân tích sâu nhu cầu của từng nhóm khách hàng, đặc biệt là nhóm nhà đầu tư giao dịch chủ động với tần suất cao (High-frequency traders), từ đó thiết kế các gói sản phẩm và chính sách phù hợp

- Hợp tác toàn diện với FiinQuant: ưu đãi và miễn phí gói dữ liệu thị trường, phân tích chỉ số và báo cáo tài chính cho nhu cầu giao dịch tần suất cao dựa trên xây dựng chiến lược qua phân tích dữ liệu lịch sử và dữ liệu realtime.
- Thúc đẩy giao dịch qua sản phẩm tư vấn đầu tư, thúc đẩy sử dụng sản phẩm trading ideas và sản phẩm mới sẽ triển khai trong 2026 (dự kiến sản phẩm đầu tư chủ động - active trading)

Song song, DNSE sẽ xây dựng chuỗi chương trình duy trì xuyên suốt trong năm, trong đó nổi tiếp Marathon chứng khoán cơ sở 2026 - một sân chơi vừa mang tính cạnh tranh, vừa tạo động lực để khách hàng duy trì thói quen đầu tư, gia tăng tỷ lệ active và nâng cao lợi nhuận.



## Các sản phẩm giao dịch cơ sở trọng điểm cũng được lên kế hoạch triển khai, bao gồm Mua Nhanh dự kiến vào quý 1/2026

## FinX vay margin may đo theo nhu cầu nhà đầu tư cá nhân, cùng với tính năng ứng trước tiền bán trái phiếu

## DNSE tiếp tục cải thiện và mở rộng khả năng của Lệnh AI, tập trung vào việc nâng cao hiệu quả thực thi lệnh và tối ưu hóa chất lượng giá khớp

Chiến lược 2026 cũng nhấn mạnh vào việc phát triển nhóm sản phẩm tài chính đa dạng và linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu vốn tức thời của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, DNSE sẽ tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi margin ngắn hạn, giúp khách hàng tối ưu hóa nguồn vốn trong những giai đoạn thị trường biến động. Việc kết hợp giữa sản phẩm tài chính và chính sách khuyến khích sẽ tạo ra hệ sinh thái giao dịch toàn diện, hỗ trợ nhà đầu tư quản trị rủi ro và gia tăng lợi nhuận. Các sản phẩm giao dịch cơ sở trọng điểm cũng được lên kế hoạch triển khai, bao gồm Mua Nhanh dự kiến vào quý 1/2026, FinX vay margin may đo theo nhu cầu nhà đầu tư cá nhân, cùng với tính năng ứng trước tiền bán trái phiếu. DNSE cũng sẽ tinh chỉnh hệ thống để đảm bảo khả năng tích hợp linh hoạt với các đối tác chiến lược, mở rộng mạng lưới dịch vụ và gia tăng giá trị cho khách hàng.

Về các sản phẩm AI, DNSE tiếp tục cải thiện và mở rộng khả năng của Lệnh AI, tập trung vào việc nâng cao hiệu quả thực thi lệnh và tối ưu hóa chất lượng giá khớp. Hệ thống được phát triển để đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư, từ những người ưu tiên chất lượng giá đến những người cần khớp nhanh khối lượng lớn, góp phần nâng cao trải nghiệm giao dịch và hiệu quả đầu tư cho khách hàng. Ngoài ra, DNSE cũng tập trung nâng cao năng lực phân tích báo cáo tài chính chuyên sâu của Ensa, giúp nhà đầu tư hiểu sâu hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua khả năng dịch báo cáo tài chính thành ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu. Ensa sẽ có thể giải thích ý nghĩa của từng chỉ số tài chính, phát hiện và cảnh báo các dấu hiệu bất thường, cũng như cho phép nhà đầu tư tương tác trực tiếp với báo cáo để truy vấn sâu vào các vấn đề cụ thể, từ đó hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư tự tin và chính xác hơn.

## Kế hoạch phát triển sản phẩm và tính năng cho SACO sẽ tiếp tục chú trọng nhu cầu và trải nghiệm người dùng thực tế

# SACO

Ngoài ra, trong năm 2026, DNSE sẽ ra mắt tính năng chân dung SACO cùng bảng xếp hạng vinh danh các SACO hàng đầu, mở rộng và phát triển cộng đồng SACO, triển khai các chương trình đào tạo và hỗ trợ chuyên sâu cho SACO nhằm hỗ trợ SACO xây dựng thương hiệu cá nhân gắn với hình ảnh chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và mang lại nhiều thành tựu đầu tư cho khách hàng. Kế hoạch phát triển sản phẩm và tính năng cho SACO sẽ tiếp tục chú trọng nhu cầu và trải nghiệm người dùng thực tế, dựa vào nghiên cứu người dùng để mang lại các công cụ tối ưu. Kỳ vọng trong năm 2026, DNSE sẽ triển khai các dự án nâng cấp

tính năng quản lý tài khoản, backtest dữ liệu, lọc cổ phiếu, giúp SACO chăm sóc khách hàng và quản trị công việc hiệu quả hơn trên báo cáo tự động và dữ liệu đầy đủ. DNSE cũng sẽ thiết lập cơ chế cho các sản phẩm mới như Fixed Income để SACO có thể tiếp cận và hỗ trợ khách hàng tốt hơn. Các hoạt động hỗ trợ phát triển SACO sẽ bao gồm tổ chức sự kiện offline, webinar trực tuyến, cùng việc mở rộng kênh tương tác giữa SACO và đội ngũ phát triển, nhằm phục vụ sát nhu cầu thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động.



# Kế hoạch hành động

## ĐỊNH HƯỚNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH 2026

Trên nền tảng kết quả 2025, DNSE định hướng tiếp tục mở rộng theo chiều sâu, ưu tiên tăng trưởng bền vững và nâng chuẩn trải nghiệm:

- Giữ vững vị thế Top 2 thị phần phái sinh, củng cố năng lực cạnh tranh bằng công nghệ và chất lượng vận hành.
- Mở rộng quy mô khách hàng theo hướng nâng tỷ lệ nhà đầu tư hoạt động hiệu quả, chú trọng chất lượng trải nghiệm và tính minh bạch thông tin.
- Phát triển các lớp sản phẩm và tiện ích mới xoay quanh tối ưu vốn, quản trị rủi ro và tự động hóa thao tác, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư.

Bước sang năm 2026, DNSE xác định một trọng tâm chiến lược mới: không chỉ mở rộng quy mô, mà mở rộng chất lượng năng lực giao dịch của nhà đầu tư. Theo đó, DNSE sẽ:

- Tăng cường đào tạo kiến thức và các khóa rèn luyện kỹ năng giao dịch, xây dựng lộ trình học tập theo cấp độ (từ nền tảng đến nâng cao), giúp nhà đầu tư hình thành tư duy giao dịch kỷ luật.
- Tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm với chuyên gia và cộng đồng, tạo không gian học hỏi thực chiến, chia sẻ bài học thị trường, và nâng cao năng lực quản trị rủi ro.
- Đẩy mạnh ứng dụng công cụ hỗ trợ phân tích định lượng, giúp nhà đầu tư ra quyết định dựa trên dữ liệu, tăng độ chính xác và tính nhất quán trong chiến lược, từ đó tự tin hơn khi tìm kiếm và nắm bắt cơ hội đầu tư.

Nếu 2025 là năm “giữ nhịp  
và đóng chốt vị thế”

Thì 2026 sẽ là năm DNSE  
nâng chuẩn cuộc chơi:

kết hợp nền tảng công nghệ,  
cộng đồng giao dịch, và năng  
lực nhà đầu tư để tạo ra tăng  
trưởng bền vững, có chiều  
sâu, và có chất lượng.

## ĐA DẠNG HÓA VÀ KẾT NỐI HỆ SINH THÁI TÀI CHÍNH

Hợp tác với các đối tác  
chiến lược như Ví điện tử ZaloPay

**ZaloPay**

Dự kiến trong năm 2026, DNSE  
sẽ tiếp tục mở rộng hệ sinh thái  
tài chính

DNSE không ngừng mở rộng các dịch vụ và sản phẩm của mình thông qua việc hợp tác với các đối tác chiến lược như Ví điện tử ZaloPay, nền tảng Fintech. Sự kết hợp này không chỉ giúp DNSE nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ mà còn tạo ra những sản phẩm tài chính cá nhân hóa, phù hợp với từng nhóm khách hàng khác nhau. Việc kết nối này là một yếu tố quan trọng trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư cho khách hàng, từ đó DNSE có thể cung cấp cho các nhà đầu tư nhiều lựa chọn khác nhau từ cổ phiếu, trái phiếu đến các sản phẩm phái sinh.

Dự kiến trong năm 2026, DNSE sẽ tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tài chính của mình bằng cách thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các định chế tài chính lớn ở cả trong và ngoài nước. Mục tiêu của những sự kết hợp này là đa dạng hóa danh mục sản phẩm Trứng Vàng, một sản phẩm đầu tư đa dạng bao gồm trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và chứng chỉ quỹ. Sản phẩm này được thiết kế để tối ưu hóa nguồn vốn cho nhà đầu tư thông qua lợi suất hấp dẫn và linh hoạt về kỳ hạn. Việc kết hợp này không chỉ mang lại lợi ích cho công ty mà còn giúp khách hàng tiếp cận những sản phẩm với chất lượng cao và phù hợp với nhu cầu của họ.



## GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ

DNSE hướng đến xây dựng một hệ sinh thái truyền thông gần gũi và dễ tiếp cận, thông qua nội dung đa dạng trên nhiều kênh. Các hoạt động Marketing sáng tạo giúp tăng cường sự gắn kết với cộng đồng nhà đầu tư, từ đó tạo nên một môi trường chia sẻ thông tin,

kinh nghiệm và phát triển bền vững. Việc xây dựng hệ sinh thái đa kênh – đa phương tiện – đa nền tảng, bằng những nội dung hài hước, gần gũi và đơn giản với Nhà đầu tư sẽ giúp DNSE tiếp cận được với đông đảo người dùng với chi phí tối ưu nhất.

## CON NGƯỜI LÀ NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN

Với định hướng đặt con người làm trung tâm, DNSE tạo dựng một môi trường làm việc lý tưởng, nơi mỗi cá nhân được khuyến khích phát huy năng lực, sáng tạo và phát triển. Việc được công nhận là “Great Place to Work” chính là minh chứng cho cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự gắn kết và chất lượng.

Bên cạnh việc triển khai các kế hoạch đã đề ra cho năm 2026, DNSE sẽ không ngừng mở rộng và phát triển các mảng kinh doanh mới, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, khai thác tối đa tiềm năng tài sản và nắm bắt các cơ hội thị trường, từ đó gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông.



# Chương 06

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

122

Quản trị doanh nghiệp

134

Hoạt động Quản trị rủi ro

146

Thông tin Cổ phiếu DSE &amp; Cơ cấu Cổ đông tại 31/12/2025



# Quản trị doanh nghiệp

## BÁO CÁO CỦA HĐQT 2025

Thông tin về thành viên  
Hội đồng quản trị (HĐQT)

| STT | Thành viên HĐQT        | Chức vụ<br>(thành viên HĐQT độc lập,<br>TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HĐQT/ HĐQT độc lập |                 | Tỷ lệ<br>cổ phần<br>cuối kỳ |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
|     |                        |                                                                 | Ngày bổ nhiệm                                              | Ngày miễn nhiệm |                             |
| 1   | Ông Nguyễn Hoàng Giang | Chủ tịch HĐQT<br>Thành viên HĐQT không<br>điều hành             | 19/03/2025                                                 |                 | 0,79%                       |
| 2   | Ông Lê Anh Tuấn        | Phó Chủ tịch HĐQT<br>Thành viên HĐQT không<br>điều hành         | 19/03/2025                                                 |                 | 0,79%                       |
| 3   | Bà Phạm Thị Thanh Hoa  | Thành viên HĐQT<br>không điều hành                              | 19/03/2025                                                 |                 | 0,08%                       |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Hà Ninh  | Thành viên HĐQT<br>không điều hành                              | 19/04/2022                                                 |                 | 0,11%                       |
| 5   | Ông Bùi Anh Dũng       | Thành viên độc lập<br>HĐQT                                      | 10/08/2023                                                 |                 | 0,09%                       |

### Các cuộc họp HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT        | Số buổi họp<br>HĐQT tham dự | Tỷ lệ<br>tham dự họp | Lý do không<br>tham dự họp |
|-----|------------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Hoàng Giang | 37/38                       | 97%                  | Đi công tác nước ngoài     |
| 2   | Ông Lê Anh Tuấn        | 38/38                       | 100%                 |                            |
| 3   | Bà Phạm Thị Thanh Hoa  | 38/38                       | 100%                 |                            |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Hà Ninh  | 38/38                       | 100%                 |                            |
| 5   | Ông Bùi Anh Dũng       | 38/38                       | 100%                 |                            |



### Hoạt động của HĐQT năm 2025

- Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức tổng cộng là 38 cuộc họp định kỳ, bất thường để kịp thời đưa ra các Quyết định/Nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của công ty, đồng thời, bảo đảm việc ứng phó linh hoạt với các diễn biến của thị trường, với tỷ lệ thông qua và thống nhất cao. Các quyết định này được công ty công bố tại mục 5 Phần II Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 lập ngày 27/01/2026. Các cuộc họp như sau:



# Quản trị doanh nghiệp

## Hoạt động của HĐQT năm 2025

- Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT năm 2025

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày     | Nội dung                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 01/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 02-01-25 | Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính của công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE                                                                                                               | 100%               |
| 2   | 02/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 17-01-25 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025                                                                                  | 100%               |
| 3   | 03/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 06-02-25 | Chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC và đăng ký niêm yết tại HNX                                                                           | 100%               |
| 4   | 04/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 27-02-25 | Phê duyệt nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025                                                                       | 100%               |
| 5   | 05/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 28-02-25 | Phê duyệt giao dịch với người có liên quan                                                                                                                                             | 100%               |
| 6   | 06/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 19-03-25 | Thông qua việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT                                                                                                                        | 100%               |
| 7   | 07/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 31-03-25 | Thông qua ngày giao dịch đầu tiên của Trái Phiếu DSEH2426001 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                                                                                       | 100%               |
| 8   | 08/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 08-04-25 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025                                                             | 100%               |
| 9   | 09/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 08-04-25 | Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng                         | 100%               |
| 10  | 10/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 08-04-25 | Thông qua việc chấp thuận giao dịch với các bên có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE                                                                                      | 100%               |
| 11  | 11/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 24-04-25 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 và trình tự các lần phát hành cổ phiếu trong năm 2025 của công ty | 100%               |
| 12  | 12/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 24-04-25 | Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng                         | 100%               |
| 13  | 13/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 16-05-25 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 và trình tự các lần phát hành cổ phiếu trong năm 2025 của công ty | 100%               |
| 14  | 14/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 16-05-25 | Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng                         | 100%               |
| 15  | 15/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 12-06-25 | Thông qua việc chốt danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025                                             | 100%               |
| 16  | 16/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 23-06-25 | Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 1 năm 2025 và sửa đổi Điều lệ Công ty             | 100%               |
| 17  | 17/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 25-06-25 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán                                                                                                                                                              | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày     | Nội dung                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 18  | 18/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 01-07-25 | Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật                                                                                                                                   | 100%               |
| 19  | 19/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 01-07-25 | Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật                                                                                                                                     | 100%               |
| 20  | 20/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 04-07-25 | Chấp thuận và phê duyệt việc thực hiện các công việc theo các văn bản ủy quyền của bà Phạm Thị Thanh Hoa cho các cán bộ nhân viên của DNSE                                                    | 100%               |
| 21  | 21/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 07-08-25 | Phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và các nội dung có liên quan                        | 100%               |
| 22  | 22/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 07-08-25 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng                                                                                                                                     | 100%               |
| 23  | 23/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 26-08-25 | Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty                                                                                                                                                     | 100%               |
| 24  | 24/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 29-08-25 | Thu hồi cổ phiếu thưởng phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động                                                                                                               | 100%               |
| 25  | 25/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 04-09-25 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo Chương trình lựa chọn cho người lao động lần 2 năm 2025                                                                    | 100%               |
| 26  | 26/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 04-09-25 | Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 2 năm 2025 và Danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng                                | 100%               |
| 27  | 27/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 09-09-25 | Ban hành sơ đồ tổ chức vận hành                                                                                                                                                               | 100%               |
| 28  | 28/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 09-09-25 | Thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị                                                                                                                                                         | 100%               |
| 29  | 29/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 24-09-25 | Thông qua việc chốt danh sách cán bộ nhân viên được phân phối cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho Người lao động Đợt 2 năm 2025                                                    | 100%               |
| 30  | 30/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 26-09-25 | Thông qua kết quả phát hành, việc thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động lần 2 năm 2025 và sửa đổi Điều lệ Công ty | 100%               |
| 31  | 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 10-10-25 | Phê duyệt triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương thức thực hiện quyền mua năm 2025                                                                 | 100%               |
| 32  | 32/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 10-10-25 | Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu                                                                                                              | 100%               |
| 33  | 33/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 28-10-25 | Chốt danh sách người sở hữu Trái phiếu để thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSDC và đăng ký niêm yết                                                                                          |                    |
| 34  | 34/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 03-11-25 | Thông qua điều chỉnh chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025                                     | 100%               |
| 35  | 35/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 10-11-25 | Thu hồi cổ phiếu thưởng phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025                                                                                                      | 100%               |
| 36  | 36/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 21-11-25 | Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT năm 2025                                                                                                                                                  | 100%               |
| 37  | 37/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 22-12-25 | Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và lịch thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu                                                                     | 100%               |
| 38  | 38/2025/NQ-DNSE-HĐQT         | 24-12-25 | Triển khai tạm ứng cổ tức năm 2025                                                                                                                                                            | 100%               |

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên giám sát đối với hoạt động điều hành công ty của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

# Quản trị doanh nghiệp

## BÁO CÁO CỦA HĐQT 2025

### Hoạt động của HĐQT năm 2025

- Về hoạt động chung của các thành viên HĐQT

Năm 2025, công ty duy trì số thành viên HĐQT là

**05** thành viên

trong đó bao gồm

**01** thành viên

là thành viên độc lập HĐQT

- Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị



Năm 2025, công ty duy trì số thành viên HĐQT là 05 thành viên, trong đó bao gồm 01 thành viên là thành viên độc lập HĐQT, HĐQT hoạt động và thực hiện chức năng nhiệm vụ một cách có hiệu quả, nâng cao vai trò trong việc quản trị các lĩnh vực được giao, đảm bảo mô hình quản trị tiên tiến và hiệu quả nhất. Cơ cấu HĐQT hiện tại là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính, chứng khoán và công nghệ, phù hợp cơ cấu theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính độc lập, khách quan.

Kể từ khi nhậm chức vào ngày 10/08/2023, thành viên độc lập HĐQT đã thể hiện sự tích cực trong việc tham dự đầy đủ các phiên họp, đóng góp ý kiến và đưa ra những đề xuất thiết thực nhằm thúc đẩy sự phát triển của công ty.

Qua quá trình giám sát, thành viên độc lập HĐQT ghi nhận Ban Lãnh đạo đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và người lao động. Hoạt động quản trị được thực thi đúng thẩm quyền, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tính minh bạch và công bằng đối với mọi cổ đông.

HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp để rà soát và đánh giá toàn diện các mảng hoạt động quan trọng của

HĐQT đã giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để định hướng hoạt động của công ty; đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán và các đơn vị có liên quan.

công ty, bao gồm: định hướng chiến lược, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác quản trị rủi ro, chiến lược đầu tư công nghệ, cũng như việc hoàn thiện hệ thống quy trình quản lý.

Các phiên họp HĐQT được tổ chức đúng quy trình, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ. Mọi quyết định của HĐQT đều được thông qua dựa trên sự đồng thuận của đa số thành viên, đảm bảo tính dân chủ và khách quan.

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất

Các giao dịch này đã được công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 lập ngày 27/01/2026. Nội dung các dịch vụ chủ yếu về hợp tác và cung cấp sản phẩm/dịch vụ, giao dịch mua bán chứng khoán. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty.



### Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

Tổng doanh thu năm 2025 đạt

**1.467** tỷ đồng

↑ tăng 77% so với năm 2024

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt

**340** tỷ đồng

↑ tăng 50% so với năm 2024

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt

**273** tỷ đồng

↑ tăng 50% so với năm 2024

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc thông qua các cơ chế kiểm tra và báo cáo định kỳ. Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường, Ban Điều hành đã nỗ lực duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh. Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu 1.467 tỷ đồng, tăng 77% so với năm trước và lợi nhuận trước thuế đạt 340 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 của DNSE đạt xấp xỉ 273 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2024, phù hợp với định hướng và chiến lược của công ty trong việc tập trung đầu tư vào phát triển công nghệ, con người và phát triển mở rộng thị phần. Hội đồng Quản trị đánh giá kết quả này là nỗ lực duy trì cân bằng giữa tăng trưởng doanh thu và chiến lược đầu tư dài hạn để xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho DNSE trong dài hạn.

Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghị quyết của HĐQT. Công ty tiếp tục xây dựng môi trường kinh doanh bền vững và tăng cường công tác quản trị rủi ro. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Điều hành trong việc duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đồng thời định hướng phát triển dài hạn của công ty trong bối cảnh thị trường đầy biến động.



# Quản trị doanh nghiệp

## BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

### Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| STT | Thành viên BKS       | Chức vụ        | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn           |
|-----|----------------------|----------------|-------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Quỳnh Mai  | Trưởng BKS     | 19/04/2023                                | Thạc sỹ Tài chính - Kế toán   |
| 2   | Ông Nguyễn Quang Sơn | Thành viên BKS | 19/03/2025                                | Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng |
| 3   | Ông Trần Vĩnh Cửu    | Thành viên BKS | 19/04/2023                                | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng |

### Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

- Kết quả hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát:

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực thi vai trò giám sát của mình theo đúng khuôn khổ được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động. Mỗi thành viên không chỉ hoàn thành trọng trách được giao một cách hiệu quả mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm

cao thông qua việc tham gia đầy đủ và tích cực vào các cuộc họp, bao gồm cả các phiên thường kỳ và bất thường. Các thành viên đều chủ động đóng góp ý kiến và tham gia biểu quyết về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát và kết luận, kiến nghị của BKS

| STT | Thành viên BKS       | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Quỳnh Mai  | 2/2                 | 100%              | 100%             |
| 2   | Ông Nguyễn Quang Sơn | 2/2                 | 100%              | 100%             |
| 3   | Ông Trần Vĩnh Cửu    | 2/2                 | 100%              | 100%             |

Ban Kiểm soát đã tổ chức thành công hai cuộc họp định kỳ trong năm 2025, tập trung thảo luận và đánh giá nhiều nội dung quan trọng, bao gồm: đánh giá tổng thể kết quả hoạt động năm 2025 và xây dựng chiến lược cho năm 2026; thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 và chuẩn bị nội dung báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên; rà soát kết quả hoạt động theo từng giai đoạn (quý/ 6 tháng) và hoạch định kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo; cùng các vấn đề về quản trị nhân sự.

Các phiên họp được Trưởng Ban Kiểm soát chủ trì với sự tham dự đầy đủ của

toàn bộ thành viên. Mọi nội dung họp đều được ghi chép và lưu trữ đầy đủ trong biên bản theo đúng quy định.

Dựa trên kết quả giám sát, Ban Kiểm soát đã chủ động đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc các giải pháp nhằm tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ, hạn chế rủi ro trong hoạt động. Những đề xuất này không chỉ giúp đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt với các quy định của Pháp luật, Điều lệ DNSE và các quy chế nội bộ, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

### Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp

- Về hoạt động quản trị

Công ty đã vận hành tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Việc công bố thông tin được thực hiện đúng quy định của thị trường chứng khoán.

Đặc biệt, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự năng động trong việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh và xây dựng đội ngũ nhân sự các cấp.

- Đánh giá về hệ thống kế toán

Hệ thống kế toán của công ty được vận hành chuyên nghiệp, tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập định kỳ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực và hợp pháp.

Ban Kiểm soát xác nhận độ tin cậy của các số liệu tài chính trong Báo cáo HĐQT trình ĐHĐCĐ, đã được công ty TNHH KPMG kiểm toán, Ban Kiểm soát kính đề nghị cổ đông xem xét thông qua.

- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

Ban Kiểm soát đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát bằng việc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty.

trong các hội nghị sơ kết, tổng kết nhằm nâng cao hiệu quả quản trị. Sự phối hợp giữa các bên luôn được duy trì theo đúng khuôn khổ pháp lý và các quy định của DNSE.

Các đề xuất và kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tiếp nhận nghiêm túc, triển khai thực hiện và theo dõi kết quả một cách có hệ thống. Những phát hiện và đề xuất này được chia sẻ rộng rãi

Ban Kiểm soát đã báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trước các cổ đông tại các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ DNSE. Trong năm 2024, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào yêu cầu Ban Kiểm soát về việc xem xét sổ sách kế toán, tài liệu hoặc yêu cầu kiểm tra liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của DNSE.



# Quản trị doanh nghiệp

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích cho HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc năm 2025 (nội dung này dẫn chiếu tại Báo cáo tài chính DNSE 2025 - trang 233 trong Báo cáo thường niên 2025)



## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

(Theo Báo cáo quản trị công ty lập ngày 27/01/2026)

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |        | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)                                                                                  |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ  |                                                                                                                                     |
| 1   | Nguyễn Hoàng Giang        | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 2.723.280                  | 0,79%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE và phân phối lại cổ phần do CBNV nghỉ việc |
| 2   | Lê Anh Tuấn               | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 2.715.760                  | 0,79%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE và phân phối lại cổ phần do CBNV nghỉ việc |
| 3   | Phạm Thị Thanh Hoa        | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 288.71                     | 0,08%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 4   | Nguyễn Thị Hà Ninh        | Người nội bộ             | 60.000                    | 0,02% | 372.600                    | 0,11%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 5   | Nguyễn Quỳnh Mai          | Người nội bộ             | 30.602                    | 0,01% | 107.912                    | 0,03%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 6   | Nguyễn Quang Sơn          | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 133.210                    | 0,04%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 7   | Trần Vĩnh Cửu             | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 155.570                    | 0,05%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 8   | Nguyễn Ngọc Linh          | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 186.600                    | 0,05%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 9   | Nguyễn Thị Duyên          | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 109.610                    | 0,03%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 10  | Nguyễn Hoàng Việt         | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 292.900                    | 0,09%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 11  | Phan Nguyễn Hữu Phương    | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 69.400                     | 0,02%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 12  | Nguyễn Thị Hường          | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 32.210                     | 0,01%  | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |
| 13  | Dương Thu Trang           | Người nội bộ             | 0                         | 0%    | 8.000                      | 0,001% | Nhận cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu thưởng lần 1, lần 2 năm 2025 của DNSE                                            |



# Quản trị doanh nghiệp

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch với người có liên quan, cổ đông lớn, người nội bộ

(Theo Báo cáo quản trị công ty lập ngày 27/01/2026)

| Tên tổ chức/ cá nhân                          | Mối quan hệ liên quan với công ty    | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp                                                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                 | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital | Công ty mẹ - Cổ đông lớn             | 0108400691 cấp lần đầu ngày 09/08/2018 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội | Số 46 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội                                               | 01/01/2025-31/12/2025           | 10/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 08/04/2025                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 569.975.533 VND</li><li>Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ: 1.567.079.000 VND</li><li>Chi phí lãi tiền gửi: 107.986.838 VND</li></ul>                                                                                                                                                                                                                      |
| Công ty Cổ phần Encapital Holdings            | Cổ đông lớn                          | 0109201071 cấp lần đầu ngày 29/05/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội | Số 46 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội                                               | 01/01/2025-31/12/2025           | 10/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 08/04/2025                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 270.210.892 VND</li><li>Chi phí lãi tiền gửi: 452.913.139 VND</li><li>Giá trị giao dịch trái phiếu DSE125004 (DSE2426001):<br/>Số lượng: 3.244.988 trái phiếu.<br/>Tổng giá trị giao dịch: 324.498.800.000</li><li>Giá trị giao dịch trái phiếu DSE125018:<br/>Số lượng: 4.913.592 trái phiếu.<br/>Tổng giá trị giao dịch: 491.359.200.000 VND</li></ul> |
| PYN ELITE FUND (NON-UCITS)                    | Cổ đông lớn                          | CA5604 cấp ngày 15/12/2011 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam | C/O PYN Fund Management Ltd, PL 139 00101, Helsinki, Finland                          | 01/04/2025-15/04/2025           | 10/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 08/04/2025                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 256.239.744 VND</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Công ty TNHH Thanh toán PayX                  | Công ty con của tổ chức có liên quan | 0107397069 cấp lần đầu ngày 13/4/2016 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội  | Tầng 4, Tòa nhà Pax Sky, Số 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | 01/04/2025-31/12/2025           | 05/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 28/02/2025 và 10/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 08/04/2025          | <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh thu phí dịch vụ thu chi hộ: 26.188.800 VND</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS     | Người nội bộ                         | 0107397069 cấp lần đầu ngày 13/4/2016 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội  | Tầng 4, Tòa nhà Pax Sky, Số 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | 01/04/2025-31/12/2025           | 10/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 08/04/2025                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 35.234.642 VND</li><li>Chi phí lãi tiền gửi: 286.154.013 VND</li><li>Phát hành và phân phối lại cổ phiếu thưởng ESOP: 7.009.162 cổ phiếu</li></ul>                                                                                                                                                                                                       |



# Hoạt động Quản trị rủi ro

Chỉ số VN-Index tăng

▲ **41%**

Thiết lập đỉnh cao lịch sử mới

**1.784,49** điểm



**Hệ thống quản trị rủi ro**

Dữ liệu hóa

Tự động hóa

Cá thể hóa

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025 tiếp tục ghi nhận nhiều diễn biến sôi động và dấu ấn đột phá, bất chấp bối cảnh biến động từ cả trong nước và quốc tế. Thị trường ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc với chỉ số VN-Index tăng 41% và thiết lập đỉnh cao lịch sử mới ở mức 1.784,49 điểm. Không chỉ lập kỷ lục về điểm số, thị trường năm 2025 cũng chứng kiến sự bùng nổ về thanh khoản, đặc biệt từ sau khi Hệ thống KRX đi vào vận hành

hồi tháng 5. Tổng giá trị giao dịch cả 3 sàn lập kỷ lục với gần 83.000 tỷ đồng trong phiên ngày 5/8/2025. Giá trị giao dịch bình quân trong năm đạt gần 29.000 tỷ đồng/phiên, tăng 40% so với bình quân năm trước. Trong bối cảnh này, DNSE đã chủ động ứng phó bằng các biện pháp quản trị rủi ro toàn diện và chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhằm tối ưu hóa lợi ích cho khách hàng và cổ đông, đồng thời duy trì tính ổn định trong hoạt động.

Trong năm 2025, DNSE tiếp tục tái định vị công tác quản trị rủi ro như một trụ cột chiến lược song hành cùng tăng trưởng thay vì chỉ đóng vai trò kiểm soát và tuân thủ. Trên nền tảng hệ thống đã được chuẩn hóa, công ty tập trung nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo hướng chủ động dự báo, phản ứng sớm và tích hợp sâu vào toàn bộ chuỗi hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh thị trường chứng khoán bước vào giai đoạn phân hóa mạnh và biến động nhanh hơn theo chu kỳ vĩ mô.

Hệ thống quản trị rủi ro của DNSE trong năm 2025 được phát triển theo mô hình dữ liệu hóa - tự động hóa - cá

thể hóa, cho phép theo dõi rủi ro theo từng sản phẩm, từng nhóm khách hàng và từng danh mục giao dịch. Các yếu tố rủi ro không chỉ được đánh giá tại từng thời điểm mà còn được đặt trong bối cảnh xu hướng thị trường, hành vi nhà đầu tư và mức độ chịu đựng rủi ro tổng thể của công ty.

Hệ thống quản trị rủi ro của DNSE trong năm 2025 được triển khai theo quy trình khép kín, bao gồm nhận diện - đo lường - giám sát - kiểm soát - xử lý và báo cáo rủi ro với sự tham gia đồng bộ của các đơn vị nghiệp vụ, bộ phận quản trị rủi ro và các cấp quản lý điều hành.

**Nhận diện  
rủi ro** → **Đo lường  
rủi ro** → **Giám sát  
rủi ro** → **Kiểm soát  
rủi ro** → **Báo cáo  
rủi ro** → **Xử lý  
rủi ro**





# Hoạt động Quản trị rủi ro



## Nhận diện rủi ro

DNSE chủ động mở rộng phạm vi và chiều sâu trong công tác nhận diện rủi ro, bao quát đầy đủ các nhóm rủi ro trọng yếu như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành, rủi ro pháp lý và rủi ro hệ thống công nghệ. Các công cụ phân tích dữ liệu, chỉ báo sớm và phương pháp đánh giá định tính, định lượng được áp dụng linh hoạt nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, đặc biệt trong bối cảnh thanh

khoản thị trường, biến động giá và hành vi giao dịch của khách hàng có nhiều thay đổi. Quá trình nhận diện rủi ro được thực hiện liên tục, cập nhật theo thời gian thực và gắn chặt với hoạt động kinh doanh hàng ngày. Đặc biệt, DNSE sở hữu hệ thống bán xử lý tự động ưu việt, đặt lệnh theo giá thực tế nhằm đáp ứng được các biến động của thị trường.



## Đo lường rủi ro

Trong năm 2025, DNSE tiếp tục hoàn thiện các mô hình đo lường rủi ro theo từng mảng hoạt động, từng sản phẩm và từng phân khúc khách hàng. Các chỉ tiêu rủi ro được lượng hóa rõ ràng, gắn với ngưỡng cảnh báo và hạn mức cụ thể, giúp công ty đánh giá chính

xác mức độ ảnh hưởng của từng loại rủi ro đến an toàn vốn, hiệu quả kinh doanh và khả năng chịu đựng rủi ro tổng thể. Việc đo lường rủi ro được tích hợp trực tiếp vào hệ thống công nghệ, tạo cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách và chiến lược kịp thời



## Giám sát và kiểm soát rủi ro

DNSE triển khai cơ chế giám sát rủi ro đa tầng, đa lớp với hệ thống chỉ số quản trị được xây dựng đồng bộ, bao gồm nhưng không giới hạn ở hạn mức rủi ro, hạn mức vốn, thẩm quyền phê duyệt, các chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo sớm và chỉ số xử lý rủi ro. Công tác giám sát được thực hiện liên tục ở tất cả các cấp độ quản lý và điều hành,

kết hợp giữa kiểm soát thủ công và kiểm soát tự động trên nền tảng công nghệ, nhằm đảm bảo các rủi ro phát sinh đều được kiểm soát trong phạm vi cho phép. Khung phân quyền phê duyệt và quản trị hạn mức được chuẩn hóa, giúp nâng cao tính minh bạch, nhất quán và hiệu quả trong kiểm soát rủi ro.



## Xử lý rủi ro

Khi rủi ro phát sinh, DNSE vận hành các kịch bản ứng phó và quy trình xử lý đã được xây dựng sẵn, cho phép triển khai biện pháp xử lý một cách nhanh chóng, kịp thời và phù hợp với từng tình huống cụ thể. Nhiều khâu xử lý rủi ro được tự động hóa, giúp giảm thiểu

tối đa độ trễ trong phản ứng và hạn chế tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Đồng thời, DNSE thường xuyên rà soát, cập nhật các phương án ứng phó nhằm nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống trước những cú sốc thị trường.



## Báo cáo rủi ro

Hệ thống báo cáo quản trị rủi ro tại DNSE trong năm 2025 tiếp tục được hoàn thiện theo hướng minh bạch, kịp thời và phục vụ trực tiếp cho công tác điều hành và ra quyết định chiến lược. Các đơn vị nghiệp vụ có trách nhiệm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và phù hợp của dữ liệu báo cáo theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan quản

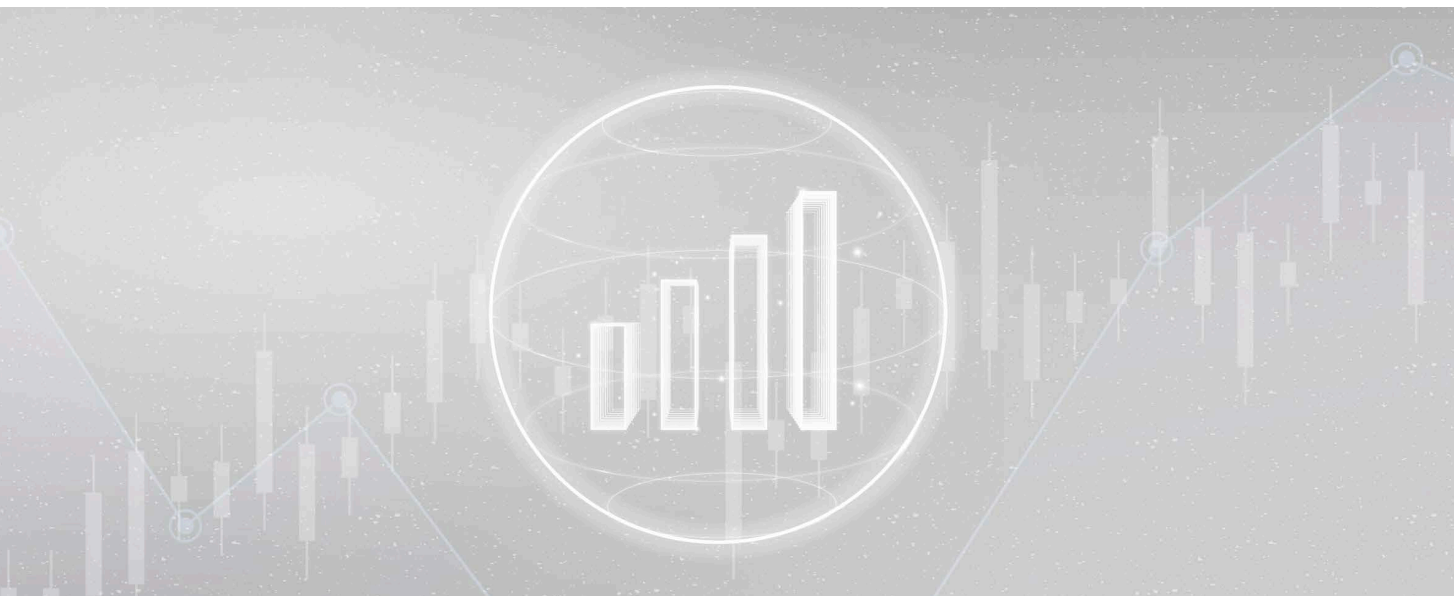
lý và quy định nội bộ của DNSE trong từng giai đoạn, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, hàng ngày và báo cáo đột xuất khi phát sinh sự kiện. Bộ phận Quản trị rủi ro thực hiện chức năng báo cáo độc lập, gửi Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị các báo cáo tổng hợp, chuyên đề và cảnh báo rủi ro theo quy định.



Nhờ việc không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo hướng chủ động và hiện đại, DNSE tiếp tục duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, nâng cao khả năng thích ứng trước biến động của thị trường, đồng thời bảo vệ hiệu quả lợi ích của khách hàng và cổ đông. Công tác quản trị rủi ro đã và đang trở thành một trong những trụ cột quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư và tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược tăng trưởng bền vững của DNSE trong giai đoạn tiếp theo.



# Hoạt động Quản trị rủi ro



## CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2026

Trong hoạt động kinh doanh của DNSE, các nhóm rủi ro trọng yếu tiếp tục được nhận diện và quản trị bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động và rủi ro bảo mật và an ninh thông tin. Trên cơ sở đó, DNSE xây dựng và

vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo hướng chủ động và linh hoạt, nhằm hạn chế tối đa tác động bất lợi của rủi ro đến hiệu quả hoạt động, đồng thời bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

## Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường tại DNSE phát sinh chủ yếu từ sự biến động về giá, thanh khoản và mức độ ổn định của các tài sản mà Công ty đang nắm giữ, đầu tư hoặc sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các dịch vụ tài chính. Trong năm 2025, rủi ro thị trường không chỉ đến từ các yếu tố kinh tế vĩ mô và chính sách điều hành, mà còn chịu tác động lớn từ sự dịch chuyển dòng tiền ngắn hạn, sự thay đổi trong khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư và mức độ tập trung vào từng nhóm cổ phiếu cụ thể.

Danh mục tài sản chịu ảnh hưởng của rủi ro thị trường tại DNSE bao gồm nhưng không giới hạn:

- Danh mục chứng khoán được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay và sản phẩm tài chính;
- Danh mục đầu tư tài chính và tự doanh của DNSE;
- Các tài sản và khoản đầu tư khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

### • Các biện pháp quản trị

#### Đối với nghiệp vụ đầu tư tiền gửi

Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi và quản lý nguồn vốn, DNSE duy trì cơ chế đánh giá, xếp hạng tín nhiệm định kỳ đối với các ngân hàng và tổ chức tài chính, đồng thời phân bổ dòng tiền theo nguyên tắc an toàn, đa dạng hóa và phù hợp với khẩu vị rủi ro của công ty.



#### Đối với nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ

#### Quản trị rủi ro theo danh mục và theo mã chứng khoán

DNSE triển khai cơ chế đánh giá rủi ro đa chiều cho từng danh mục và từng mã cổ phiếu, kết hợp giữa các yếu tố định lượng (biến động giá, thanh khoản, mức độ tập trung dư nợ) và định tính (chất lượng doanh nghiệp, thông tin thị trường), làm cơ sở cho việc thiết lập tỷ lệ cho vay và hạn mức rủi ro phù hợp;

#### Nâng cấp tiêu chí xây dựng danh mục cho vay giao dịch ký quỹ

Danh mục cổ phiếu được cấp margin được rà soát và điều chỉnh thường xuyên theo điều kiện thị trường, mức độ ổn định thanh khoản và xu hướng biến động giá. Quy trình xây dựng và phê duyệt danh mục được tách biệt khỏi hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tính độc lập trong quản trị rủi ro, đồng thời có cơ chế tham vấn để cân bằng giữa an toàn hệ thống và nhu cầu thị trường;

#### Giám sát theo thời gian thực và cảnh báo sớm

DNSE vận hành hệ thống giám sát tự động đối với biến động giá và thanh khoản của các cổ phiếu trong danh mục dư nợ. Các chỉ số cảnh báo sớm được thiết lập nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu suy giảm thanh khoản, biến động bất thường hoặc rủi ro tập trung, cho phép Công ty chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát trước khi rủi ro lan rộng;

#### Ứng dụng công nghệ trong xử lý rủi ro

Các ngưỡng hạn mức rủi ro, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo và chỉ số xử lý được tích hợp trực tiếp vào hệ thống công nghệ, giúp tự động hóa các biện pháp kiểm soát như điều chỉnh tỷ lệ cho vay, hạn chế giải ngân hoặc kích hoạt các kịch bản xử lý rủi ro khi cần thiết.



# Hoạt động Quản trị rủi ro

## CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2026

### Rủi ro tín dụng

• **Các biện pháp quản trị**

**Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ**

**Quản trị hạn mức tín dụng theo phân khúc khách hàng**

**Xây dựng mô hình quản trị tín dụng gắn liền với đặc thù tài sản bảo đảm**

**Chuẩn hóa pháp lý và quy trình tín dụng**

**Giám sát tài sản bảo đảm và dư nợ theo thời gian thực**

**Tách bạch nghiệp vụ xử lý rủi ro khỏi hoạt động kinh doanh**

**Quản lý rủi ro tập trung và giới hạn tín dụng**

Rủi ro tín dụng tại DNSE phát sinh khi khách hàng không thực hiện đầy đủ hoặc đúng hạn các nghĩa vụ tài chính theo cam kết, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm, hoặc khi giá trị và tính thanh khoản của tài sản bảo đảm suy giảm so với mức an toàn đã thiết lập. Trong năm 2025, rủi ro tín dụng không chỉ đến từ khả năng thanh toán của khách hàng, mà còn chịu ảnh hưởng lớn từ biến động thị trường, mức độ tập trung dư nợ và hành vi giao dịch trong các giai đoạn thị trường biến động mạnh.

DNSE xây dựng và vận hành hệ thống hạn mức cho vay phù hợp với từng nhóm khách hàng, dựa trên mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch, quy mô tài sản và hành vi sử dụng đòn bẩy. Khung phê duyệt tín dụng được phân định rõ trách nhiệm theo từng cấp thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc cho vay an toàn, đúng đối tượng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty;

DNSE tiếp tục hoàn thiện các mô hình đánh giá cổ phiếu và danh mục tài sản bảo đảm, làm cơ sở phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp với từng nhóm cổ phiếu, từng điều kiện thị trường và từng phân khúc khách hàng. Mỗi sản phẩm tín dụng đều được xây dựng kèm theo quy trình đề xuất, thẩm định và phê duyệt riêng, đảm bảo kiểm soát rủi ro xuyên suốt từ khâu thiết kế đến vận hành;

Hệ thống hợp đồng, điều khoản, biểu mẫu và tài liệu tín dụng được rà soát, cập nhật và chuẩn hóa thường xuyên, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý, đồng thời giảm thiểu rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình triển khai sản phẩm và xử lý nợ;

DNSE thực hiện theo dõi giá trị tài sản bảo đảm và dư nợ cho vay hàng ngày, kết hợp hệ thống cảnh báo sớm nhằm phát hiện các biến động bất thường về giá, thanh khoản hoặc mức độ tập trung Việc giám sát được triển khai đồng thời theo khách hàng, theo mã cổ phiếu và theo danh mục tổng thể, cho phép Công ty chủ động điều chỉnh hạn mức hoặc triển khai biện pháp kiểm soát kịp thời;

Công tác xử lý call margin và các biện pháp can thiệp tín dụng được tổ chức độc lập với bộ phận kinh doanh, nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch và kịp thời trong việc bảo vệ an toàn vốn của Công ty và khách hàng;

DNSE thiết lập tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, hạn mức tối đa đối với từng khách hàng và hạn mức tối đa đối với từng mã cổ phiếu, nhằm kiểm soát rủi ro tập trung và hạn chế tác động lan truyền khi thị trường biến động bất lợi;

Rủi ro tín dụng tại DNSE chủ yếu phát sinh trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Trước bối cảnh nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính ngày càng đa dạng và phân hóa theo từng nhóm khách hàng, DNSE tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro tín dụng theo hướng phân tầng – cá thể hóa – kiểm soát theo vòng đời từng khoản vay, nhằm đảm bảo an toàn hệ thống và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

### Rủi ro thanh khoản

• **Các biện pháp quản trị**

**Lập kế hoạch và phân bổ nguồn vốn theo từng hoạt động**

**Quản lý dòng tiền chủ động và linh hoạt**

**Đa dạng hóa và dự phòng nguồn vốn**

**Giám sát thanh khoản theo thời gian thực**

**Quản lý tính thanh khoản của tài sản**

**Tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính**

Rủi ro thanh khoản tại DNSE phát sinh khi Công ty không có đủ nguồn vốn khả dụng để đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ tài chính đến hạn, bao gồm nghĩa vụ thanh toán với khách hàng, đối tác và các tổ chức tín dụng.

DNSE xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho từng nghiệp vụ và từng nhóm sản phẩm, gắn với dự báo nhu cầu vốn và khẩu vị rủi ro của Công ty. Các hạn mức rủi ro thanh khoản được thiết lập cho từng hoạt động nhằm kiểm soát mức độ sử dụng vốn và hạn chế tình trạng mất cân đối dòng tiền;

Công ty tăng cường kiểm soát dòng tiền vào – ra trên toàn hệ thống, đảm bảo duy trì trạng thái thanh khoản an toàn. DNSE duy trì hạn mức tín dụng và hạn mức thấu chi tại các ngân hàng đối tác, tạo dư địa linh hoạt để đáp ứng các nhu cầu thanh toán phát sinh trong ngắn hạn;

DNSE xây dựng các kịch bản dự phòng thanh khoản cho nhiều trạng thái thị trường khác nhau, đồng thời chủ động tìm kiếm và mở rộng các nguồn tài chính thay thế nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn khi cần thiết, giảm sự phụ thuộc vào một nguồn vốn đơn lẻ;

Hoạt động kinh doanh và dòng tiền được theo dõi liên tục nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu gián đoạn hoặc mất cân đối. DNSE thực hiện cân đối và dự báo dòng tiền theo nhiều khung thời gian (ngày, tháng, quý, năm), giúp chủ động điều chỉnh kế hoạch vốn phù hợp với diễn biến thực tế;

DNSE theo dõi sát khả năng chuyển đổi thành tiền của các tài sản nắm giữ, đặc biệt là danh mục tài sản bảo đảm và các khoản đầu tư, nhằm đảm bảo có thể xử lý kịp thời trong trường hợp cần thiết để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán;

Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và các yêu cầu quản lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán, đồng thời chủ động triển khai các biện pháp điều chỉnh khi có dấu hiệu tiệm cận ngưỡng rủi ro, nhằm duy trì trạng thái tài chính lành mạnh và bền vững.

Trước bối cảnh nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn và đòn bẩy tài chính có xu hướng gia tăng, DNSE tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro thanh khoản theo hướng chủ động lập kế hoạch – giám sát theo thời gian thực – đa dạng hóa nguồn vốn, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán liên tục và ổn định trong mọi điều kiện thị trường.

# Hoạt động Quản trị rủi ro

## CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2026

### Rủi ro pháp lý

- **Các biện pháp quản trị**

**Tăng cường vai trò tư vấn và giám sát của bộ phận pháp chế**

**Cập nhật và thích ứng nhanh với thay đổi pháp lý**

**Xây dựng và vận hành hệ thống tuân thủ pháp lý toàn diện**

**Rà soát pháp lý đối với sản phẩm và hợp đồng**

**Thiết lập cơ chế xử lý nhanh các vấn đề pháp lý**

Rủi ro pháp lý tại DNSE phát sinh khi công ty không tuân thủ đầy đủ hoặc kịp thời các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động chứng khoán, tài chính và các lĩnh vực có liên quan, dẫn đến nguy cơ bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, phát sinh tranh chấp, khiếu kiện hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến tài sản, uy tín, thương hiệu và hoạt động kinh doanh của công ty. Trong năm 2025, rủi ro pháp lý không chỉ đến từ việc tuân thủ quy định hiện hành, mà còn gắn liền với

tốc độ thay đổi của khung pháp lý, sự phát triển nhanh của sản phẩm tài chính, công nghệ và mô hình kinh doanh mới.

Trước bối cảnh môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện và yêu cầu tuân thủ ngày càng cao, DNSE định hướng quản trị rủi ro pháp lý theo hướng chủ động phòng ngừa – đồng hành cùng kinh doanh – bảo vệ thương hiệu, coi tuân thủ pháp luật là nền tảng cho sự phát triển bền vững.

DNSE duy trì và nâng cao năng lực của bộ phận pháp chế trong việc theo dõi, nghiên cứu, phân tích và bình luận các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty. Bộ phận pháp chế đóng vai trò đầu mối phổ biến kịp thời các quy định mới, đồng thời tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy chế, quy định nội bộ và triển khai sản phẩm;

DNSE chủ động theo dõi, cập nhật các văn bản pháp luật, quy định, hướng dẫn từ cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan chức năng có liên quan, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng yếu như giao dịch ký quỹ, quản trị rủi ro, an toàn tài chính và bảo vệ nhà đầu tư. Việc cập nhật được thực hiện liên tục nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn phù hợp với khung pháp lý hiện hành;

DNSE hoàn thiện hệ thống kiểm soát tuân thủ với các quy trình, checklist và cơ chế kiểm tra định kỳ, giúp phát hiện sớm các rủi ro vi phạm và kịp thời triển khai biện pháp khắc phục. Công tác tuân thủ được lồng ghép vào quy trình vận hành hàng ngày của các bộ phận, nâng cao ý thức tuân thủ trên toàn hệ thống;

DNSE định kỳ thực hiện rà soát tính pháp lý của các sản phẩm, hợp đồng, điều khoản và biểu mẫu, đặc biệt đối với các sản phẩm mới hoặc sản phẩm có mức độ phức tạp cao. Việc rà soát này nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định rõ ràng, minh bạch, hạn chế tối đa nguy cơ tranh chấp và khiếu kiện phát sinh;

DNSE xây dựng các quy trình tiếp nhận, đánh giá và xử lý kịp thời các vấn đề pháp lý phát sinh, bao gồm khiếu nại của khách hàng, yêu cầu từ cơ quan quản lý và các tranh chấp tiềm ẩn. Cơ chế này giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo vệ lợi ích hợp pháp và hình ảnh thương hiệu của Công ty;



### Rủi ro hoạt động

- **Các biện pháp quản trị**

Rủi ro hoạt động phát sinh từ các yếu tố liên quan đến con người, quy trình nội bộ, hệ thống công nghệ hoặc các sự kiện bên ngoài, có thể dẫn đến gián đoạn hoạt động kinh doanh, suy giảm chất lượng dịch vụ hoặc phát sinh tổn thất tài chính cho DNSE. Trong bối cảnh công ty đẩy mạnh số hóa, tự động hóa và mở rộng quy mô hoạt động năm 2025, việc quản trị rủi ro hoạt động được xác định là một trụ cột quan trọng nhằm đảm bảo vận hành an toàn, ổn định và liên tục.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch và các nền tảng cốt lõi, đảm bảo khả năng vận hành ổn định, an toàn và có khả năng mở rộng theo quy mô tăng trưởng;

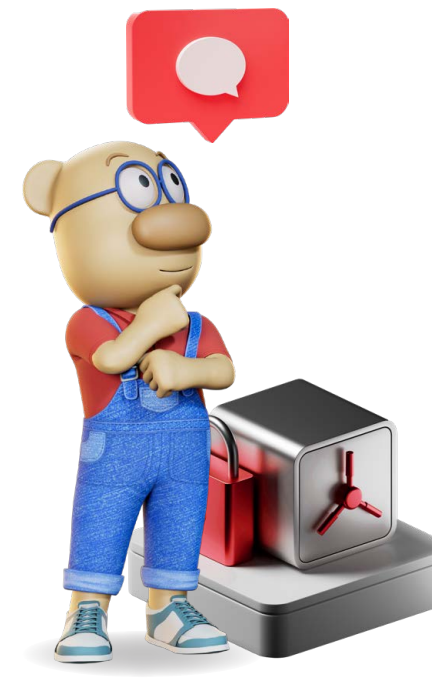
Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với hệ thống core, hệ thống đặt lệnh và các hệ thống hỗ trợ nghiệp vụ nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các rủi ro kỹ thuật tiềm ẩn;

Tăng cường đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn và ý thức tuân thủ cho cán bộ nhân viên, đặc biệt đối với các vị trí liên quan trực tiếp đến vận hành, công nghệ và quản trị rủi ro;

Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo hướng chuẩn hóa và số hóa, giảm thiểu rủi ro phát sinh từ sai sót nghiệp vụ và yếu tố con người;

Áp dụng nhất quán nguyên tắc kiểm tra chéo, đảm bảo sự tách bạch và độc lập giữa các khâu thực hiện, kiểm soát và phê duyệt trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ;

Định kỳ rà soát, cải tiến quy trình vận hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, giảm thiểu rủi ro gián đoạn và đảm bảo trải nghiệm dịch vụ ổn định cho khách hàng.





# Hoạt động Quản trị rủi ro

## CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2026

### Rủi ro bảo mật và an ninh thông tin

#### • Các biện pháp quản trị

#### eSENTIRE

tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, ngăn chặn và phản ứng nhanh với các tác nhân tấn công thông tin của DNSE

Tiên phong trong vấn đề bảo mật và an toàn thông tin từ 2022, trước cả khi các sự kiện chấn động về an toàn thông tin xảy ra tại Việt Nam trong năm 2023, DNSE đã luôn coi việc bảo đảm an toàn cho hệ thống công nghệ thông tin là nhiệm vụ sống còn trong quản trị doanh nghiệp. Việc này được DNSE chú trọng từ khi thiết bị hệ thống công nghệ thông tin, cả kiến trúc phần cứng lẫn phần mềm, để

giảm thiểu tối đa bề mặt mà tin tặc có thể tận dụng để tấn công và xâm nhập vào hệ thống. Nhận thức rõ tính chất phức tạp và khó lường của an ninh thông tin, DNSE không ngừng đầu tư và nâng cấp tính bảo mật hệ thống, đặc biệt trong bối cảnh tấn công mạng đang trở nên rất phức tạp với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI).

Triển khai vào năm 2024 và mở rộng trong năm 2025, eSentire MDR và CrowdStrike EDR tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ, ngăn chặn và phản ứng nhanh với các tác nhân tấn công thông tin của DNSE. Năm 2025, DNSE cũng tiến hành triển khai rộng rãi các bộ giải pháp EDR của CrowdStrike, Kaspersky cùng các nhà cung cấp tên tuổi khác cho toàn bộ thiết bị của toàn bộ cán bộ, nhân viên, vốn và mục tiêu tấn công xâm nhập phổ biến của tin tặc. Song song với đó, các giải pháp bảo mật và rà quét

email cùng với hệ thống mạng nội bộ VPN cũng được triển khai rộng rãi, giảm tối đa bề mặt tấn công khả dụng (attack surface). Trong các năm tiếp theo, DNSE sẽ không ngừng nâng cấp hệ thống an toàn thông tin để tiếp tục bảo vệ an toàn tuyệt đối cho tài sản và thông tin của Khách hàng.



## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2026

Bước sang năm 2026, DNSE tiếp tục định hướng quản trị rủi ro theo nguyên tắc chủ động - linh hoạt - đồng hành cùng tăng trưởng, đảm bảo cân bằng hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh doanh, mở rộng quy mô hoạt động và duy trì mức độ an toàn tài chính bền vững. Công ty tập trung nâng cao năng lực nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro trong bối cảnh thị trường tài chính - chứng khoán có nhiều biến động, yêu cầu quản trị ngày càng cao và sự cạnh tranh gia tăng.

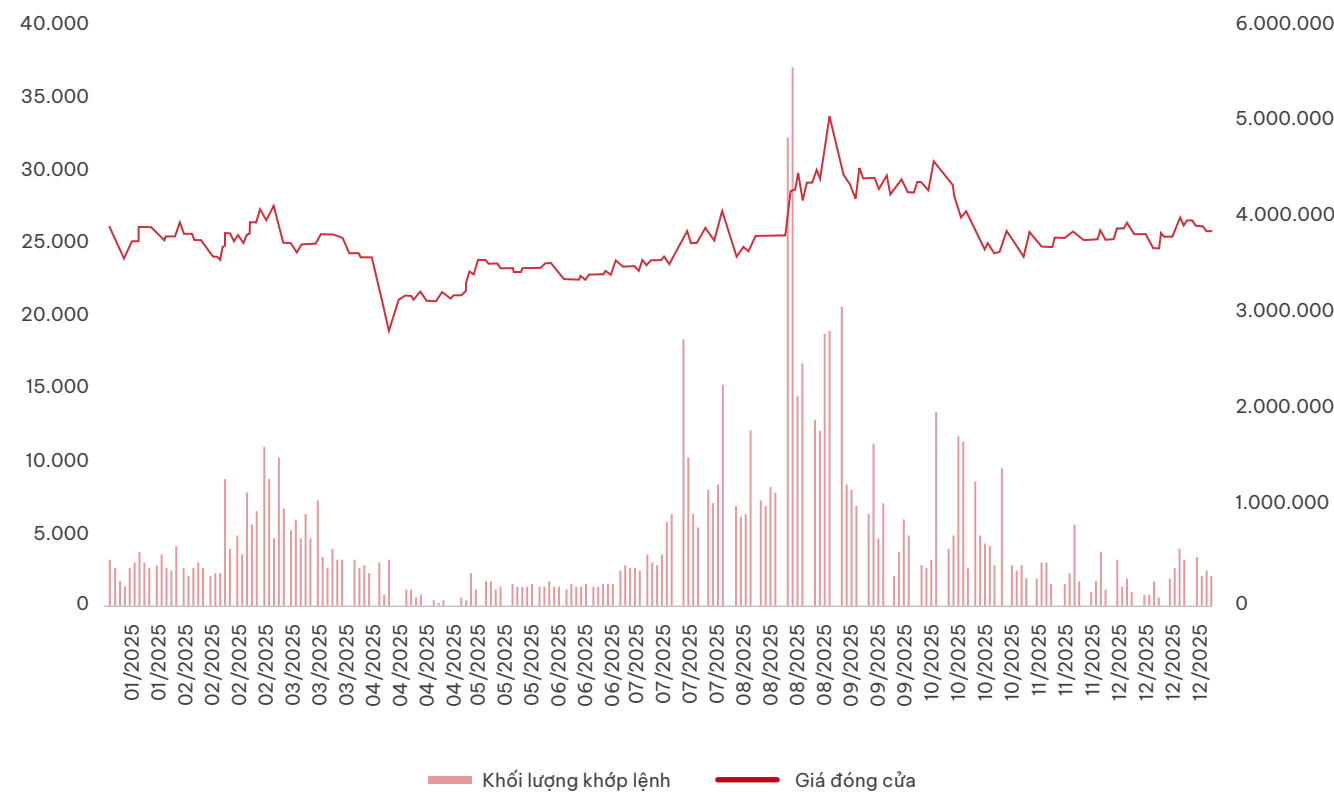
DNSE đặt mục tiêu duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, kiểm soát chặt chẽ chất lượng dư nợ, hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu và các tổn thất tài chính. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị rủi ro, công nghệ và vận hành; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống quản trị rủi ro tự động, phân tích dữ liệu và cảnh báo sớm nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, xử lý rủi ro một cách kịp thời và hiệu quả.

Trong năm 2026, DNSE ưu tiên hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro tổng thể theo hướng tích hợp sâu vào hoạt động kinh doanh, đặc biệt đối với các mảng trọng tâm như giao dịch ký quỹ, chứng khoán phái sinh và các sản phẩm tài chính ứng dụng công nghệ. Việc mở rộng hệ sinh thái sản phẩm tiếp tục được triển khai song song với việc xây dựng các khung kiểm soát rủi ro phù hợp cho từng nhóm sản phẩm, từng phân khúc khách hàng, đảm bảo tăng trưởng đi đôi với chất lượng và hiệu quả.

Thông qua việc nâng cao tính chủ động trong quản trị rủi ro, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị và không ngừng cải tiến quy trình, DNSE hướng tới mục tiêu xây dựng nền tảng hoạt động ổn định, minh bạch và bền vững, tạo tiền đề vững chắc cho chiến lược tăng trưởng dài hạn trong các năm tiếp theo.



# Thông tin Cổ phiếu DSE & Cơ cấu Cổ đông tại 31/12/2025



Hình 30: Diễn biến giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch năm 2025

Mã chứng khoán niêm yết: DSE

Sàn niêm yết:

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)

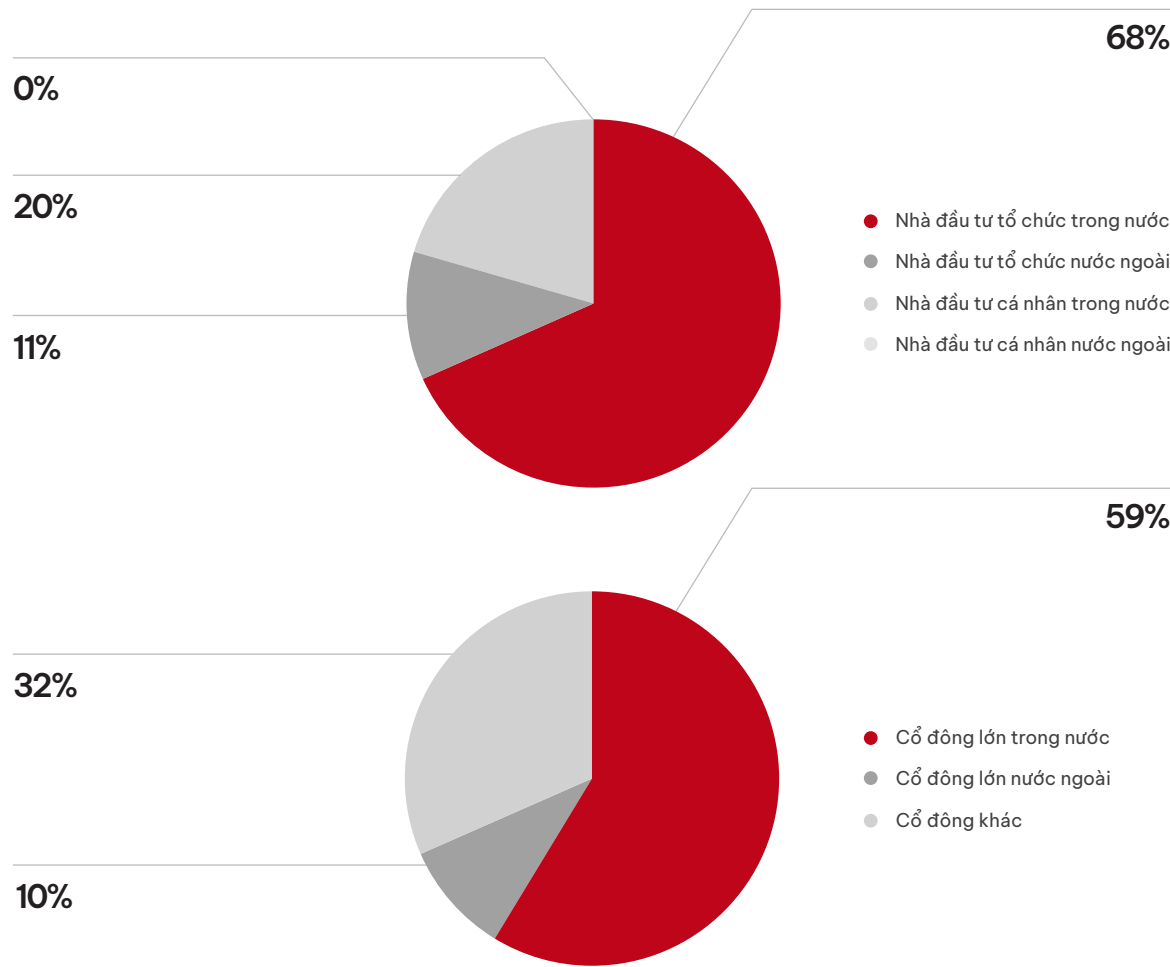
- Số lượng cổ phiếu phổ thông  
(Tại thời điểm 31/12/2025): 342.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
(Tại thời điểm 31/12/2025): 342.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ  
(Tại thời điểm 31/12/2025): 0 cổ phần
- Giá giao dịch  
(Tại thời điểm 31/12/2025): 26.100 VND

Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt: 5%  
(1 cổ phiếu nhận được 500 VND)

- Ngày chốt danh sách: 29/11/2024
- Ngày thực hiện thanh toán: 19/12/2024

Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt: 7%  
(1 cổ phiếu nhận được 700 VND)

- Ngày đăng ký cuối cùng: 08/01/2026
- Ngày thực hiện thanh toán: 25/02/2026



Hình 31: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2025

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN (Sở hữu từ 5% trở lên)

| STT       | Cổ đông                                       | Địa chỉ                                                         | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (*) |
|-----------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| 01        | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH ENCAPITAL | Số 46 phố Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 168.300.000       | 49,12%           |
| 02        | PYN ELITE FUND (NON-UCITS)                    | C/O PYN Fund Management LTD, PL 139 00101, Helsinki, Finland    | 33.280.900        | 9,71%            |
| 03        | CÔNG TY CỔ PHẦN ENCAPITAL HOLDINGS            | Số 46 phố Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 33.000.000        | 9,63%            |
| Tổng cộng |                                               |                                                                 | 234.752.300       | 68,52%           |

(\*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 342.600.000 cổ phiếu. Số liệu tại ngày 31/12/2025.



# Chương 07

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

150

Phát triển nhân lực

158

Trách nhiệm đối với  
xã hội, nhà nước và cổ đông





# Phát triển nhân lực



**Thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài**

**Xây dựng văn hóa tổ chức và môi trường làm việc hiệu suất cao, mang đậm DNA tiên phong – khác biệt**

**Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự và vận hành**

Những định hướng này tạo nền móng vững chắc để DNSE xây dựng đội ngũ nhân sự sở hữu năng lực vượt trội, sẵn sàng đồng hành cùng công ty trên hành trình phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Năm 2025, thị trường tài chính – chứng khoán toàn cầu và Việt Nam trải qua nhiều biến động mạnh cùng với lộ trình nâng hạng thị trường khiến mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục thích ứng, đổi mới và nâng cao năng lực thực thi. Với DNSE, con người được xác định là trung tâm của chiến lược phát triển bền vững. Theo đó, một đội ngũ vững chuyên môn, linh hoạt trước thay đổi và đồng lòng với mục tiêu chung chính là nền tảng để công ty tiếp tục tăng trưởng và đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào.

Trong năm 2025, DNSE tiếp tục triển khai các hoạt động nhân sự theo 3 định hướng:

Xây dựng đội ngũ nhân sự tinh gọn và chất lượng cao thông qua tuyển dụng có chọn lọc, đào tạo bài bản và phát triển nguồn nhân lực kế cận.

DNSE phát triển văn hóa tổ chức trên nền tảng tư duy tinh thần sẵn sàng tiên phong và không ngại khác biệt. Cùng với việc truyền thông nhất quán và thúc đẩy thực hành bộ quy tắc ứng xử DNSE trong toàn hệ thống, các hoạt động nội bộ sôi nổi được triển khai nhằm tăng cường gắn kết đội ngũ, khơi dậy tính chủ động, kỷ luật cao và hiệu suất vượt trội.

Tăng cường tự động hóa và sử dụng hiệu quả nguồn lực công nghệ, qua đó nâng cao năng lực thích ứng và tối ưu hiệu suất làm việc.



## THU HÚT VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI

**Chiến lược thu hút nhân tài chất lượng cao**

Trong năm 2025, DNSE phát triển nguồn nhân lực theo định hướng xây dựng đội ngũ tinh gọn, chất lượng cao. Công ty đã tuyển dụng hơn 61 nhân sự mới, chủ yếu là các vị trí then chốt và khối Công nghệ, với nhiều nhân sự giàu kinh nghiệm và tốt nghiệp từ các

trường đại học uy tín trong và ngoài nước. Đội ngũ nhân sự DNSE hiện có độ tuổi trung bình 28, được xem là độ tuổi vàng để phát huy năng lực chuyên môn, tư duy đổi mới và khát vọng khẳng định sự nghiệp.



# Phát triển nhân lực

## THU HÚT VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI

### Phát triển đội ngũ kế cận

Sau  
**3** vòng chọn lọc  
đầy thử thách

Hơn  
**230** hồ sơ ứng tuyển

**5** ứng viên  
nổi bật nhất  
đã được các mentor lựa chọn vào  
các vị trí cho khối Công nghệ.

DNSE chú trọng phát triển đội ngũ kế cận thông qua chương trình tuyển dụng nhân tài DNSE Talents Program. Đây là chương trình thu hút các nhân sự có nền tảng học vấn xuất sắc, mới tốt nghiệp từ các trường đại học hàng đầu về công nghệ, tài chính ở trong nước và quốc tế. Sau 3 vòng chọn lọc đầy thử thách, hơn 230 hồ sơ ứng tuyển, 5 ứng viên nổi bật nhất đã được các mentor lựa chọn vào các vị trí cho khối Công nghệ. Sự kết hợp giữa sức trẻ, tinh thần dẫn thân và nền tảng chuyên môn vững chắc giúp DNSE duy trì tốc độ học hỏi nhanh, khả năng thích ứng cao và sẵn sàng chinh phục những mục tiêu tăng trưởng dài hạn trong lĩnh vực fintech.

Song song với việc phát triển nội lực, DNSE chủ động mở rộng mạng lưới ứng viên tiềm năng thông qua các

hoạt động cộng đồng và hợp tác giáo dục, nhằm lan tỏa tinh thần “Dám ước mơ - Dám chinh phục” đến thế hệ trẻ. Năm 2025, DNSE đồng hành cùng AIESEC Vietnam trong cuộc thi Heading for the Future: Product Management 2025, qua đó truyền cảm hứng đổi mới, chia sẻ góc nhìn thực tiễn về mô hình product-led và vai trò chiến lược của Product Manager trong tài chính hiện đại. Bên cạnh đó, DNSE tiếp tục tăng cường kết nối với các trường đại học hàng đầu như Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông (Đại học Bách Khoa), Học viện Tài chính, RMIT Vietnam, British University Vietnam,... nhằm tạo cầu nối để sinh viên tiếp cận sớm môi trường fintech thực tế, từng bước hình thành nguồn nhân lực kế cận chất lượng cao cho tương lai.



Vòng đánh giá năng lực DNSE Talents Program



Các hoạt động đồng hành cùng cộng đồng sinh viên

## Chính sách giữ chân nhân sự tài năng

DNSE tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào nâng cao năng lực đội ngũ hiện hữu thông qua đào tạo liên tục. Trong năm, công ty đã triển khai 64 khóa đào tạo và các buổi chia sẻ nội bộ định kỳ, giúp cán bộ nhân viên cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng và nhanh chóng hòa nhập với văn hóa DNSE.

Bên cạnh đó, với mục tiêu trở thành bộ phận vững chắc cho các nhân tài fintech mang DNA khác biệt và tiên phong, DNSE xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh, minh bạch và nhân văn. Trong năm 2025, DNSE lên kế hoạch phát hành 12,6 triệu cổ phiếu ESOP và chia làm 2 đợt. Tháng 6/2025, DNSE đã hoàn tất việc phân phối 9,9 triệu cổ phiếu ESOP cho 176

người lao động. Đây không chỉ là sự ghi nhận những đóng góp của đội ngũ, mà còn là cam kết đồng hành lâu dài cùng các nhân tài. Chính sách đãi ngộ này vừa tạo sự gắn bó giữa công ty và nhân viên, thu hút nhân tài, vừa lan tỏa hình ảnh tích cực, mang giá trị văn hóa DNSE và tạo hiệu ứng tốt đẹp cả trong nội bộ lẫn ngoài công chúng.

Các chế độ lương thưởng linh hoạt cùng phúc lợi toàn diện như bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, thưởng Lễ Tết,... tạo nền tảng để nhân sự yên tâm phát triển và đồng hành lâu dài cùng công ty.

Công ty đã triển khai

**64** khóa đào tạo và các buổi chia sẻ nội bộ

Trong năm 2025, DNSE lên kế hoạch phát hành

**12,6** triệu cổ phiếu ESOP

Tháng 6/2025, DNSE đã hoàn tất việc phân phối

**9,9** triệu cổ phiếu ESOP

Khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý





# Phát triển nhân lực

## XÂY DỰNG VĂN HÓA TỔ CHỨC VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

### Xây dựng nền tảng văn hóa tổ chức

DNSE xác định văn hóa tổ chức là một trong những trụ cột quan trọng để vận hành doanh nghiệp hiệu quả và phát triển bền vững. Trong năm 2025, công ty tiếp tục đẩy mạnh truyền thông nội bộ và thúc đẩy thực

hành bộ quy tắc ứng xử DNSE nhằm lan tỏa 8 giá trị cốt lõi, các quy chuẩn hóa hành vi và nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động của mỗi cá nhân trong toàn hệ thống.

### Phát triển môi trường làm việc kỷ luật cao – hiệu suất vượt trội

DNSE xây dựng môi trường làm việc cởi mở và thoải mái, phù hợp với đội ngũ nhân sự trẻ trung, năng động, chủ yếu thuộc thế hệ 9x và Gen Z, đồng thời luôn đề cao tính kỷ luật và hiệu quả trong công việc. Không gian

làm việc được đầu tư theo hướng mở, truyền cảm hứng và tăng tính kết nối, tạo điều kiện để nhân sự làm việc linh hoạt, hiệu suất cao, phát huy tối đa năng lực nhưng vẫn tuân thủ các chuẩn mực chuyên nghiệp.



## Tăng cường gắn kết nội bộ thông qua các hoạt động đa dạng

Bên cạnh công việc chuyên môn, DNSE tăng cường gắn kết đội ngũ thông qua các hoạt động nội bộ như Team Building, Year End Party, hoạt động câu lạc bộ thể thao. Bên cạnh đó, DNSE Awards cũng được tổ chức thường niên để ghi nhận và tưởng

thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể tiêu biểu, đồng thời tri ân các cán bộ nhân viên gắn bó lâu năm. Điều này góp phần xây dựng môi trường làm việc nhân văn và thúc đẩy sự đồng hành bền vững của đội ngũ.



Chương trình Team Building 2025 “Performax Race” tại Đà Nẵng

## Khuyến khích hoạt động nhóm và tôn trọng sự đa dạng cá nhân

DNSE duy trì và hỗ trợ nhiều câu lạc bộ nội bộ như câu lạc bộ thể thao, chuyên môn và câu lạc bộ sở thích, tạo không gian để nhân viên kết nối, chia sẻ đam mê và rèn luyện sức khỏe. Những hoạt

động này không chỉ thúc đẩy tinh thần hợp tác mà còn góp phần nâng cao thể lực, tinh thần tích cực và hiệu quả làm việc của đội ngũ.





# Phát triển nhân lực

## XÂY DỰNG VĂN HÓA TỔ CHỨC VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

Thúc đẩy sáng tạo và cải tiến liên tục với tinh thần “Luôn làm tốt hơn”

DNSE thúc đẩy mạnh mẽ văn hóa sáng tạo và cải tiến liên tục với tinh thần “Luôn làm tốt hơn”, trao quyền chủ động cho các khối Công nghệ và Marketing trong việc phát triển sản phẩm và ý tưởng mới. Năm 2025, Codewars 2025 – “Hack the Product, Shape the Future” là sân chơi tiêu biểu dành cho đội ngũ Công nghệ, nơi các kỹ sư cùng “hack” giới hạn tư duy và kỹ thuật để đề xuất những giải pháp sản phẩm, hệ thống mang tính đột phá. Chương trình thu hút 80 nhân sự tham gia, với tổng giá trị giải thưởng lên đến 100 triệu đồng, tạo động lực mạnh mẽ để đổi mới và hiện thực hóa các ý tưởng có giá trị ứng dụng cao.

Song song đó, Creative Camp 2025 – “Think Big, Do WOW” là không gian sáng tạo dành cho khối Marketing – Truyền thông, quy tụ 40 nhân sự cùng thử thách tư duy chiến lược và khả năng triển khai thực tiễn. Từ chương trình, 5 ý tưởng truyền thông sáng tạo đã được hình thành, mang tinh thần táo bạo, khác biệt và bám sát mục tiêu kinh doanh. Thông qua các sân chơi này, DNSE không chỉ lan tỏa tinh thần dám nghĩ – dám làm – dám khác biệt, mà còn chuyển hóa sáng tạo thành hiệu quả thực tiễn, đóng góp trực tiếp vào hiệu suất vận hành và phát triển bền vững của doanh nghiệp.



## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH

Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động, DNSE đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong vận hành nội bộ, tập trung vào tự động hóa các quy trình nhân sự, đào tạo E-learning, tài chính – kế toán, quản lý dự án và hợp trực tuyến, ứng dụng N8N vào công việc, qua đó tối ưu nguồn lực, nâng cao hiệu suất và tăng cường tính linh hoạt trong làm việc. Việc số hóa toàn diện không chỉ cải thiện hiệu quả vận hành mà còn góp phần lan tỏa văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn đội ngũ.

Tháng 10/2025, năm thứ hai liên tiếp DNSE vinh dự đạt Chứng nhận Great Place to Work® tại Việt Nam, ghi nhận trên 5 phương diện: tin cậy, tôn trọng, công bằng, gắn bó và tự hào. Đây là dấu mốc khẳng định cam kết bền bỉ của DNSE trong việc xây dựng môi trường làm việc lý tưởng và là minh chứng cho niềm tin, sự gắn bó của đội ngũ nhân sự đối với công ty.



# GREAT PLACE TO WORK



# Trách nhiệm đối với xã hội, nhà nước và cổ đông

## TALENT PROGRAM

DNSE luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức kinh doanh và thực hiện minh bạch, kịp thời trong công bố thông tin, trách nhiệm tài chính với Nhà nước cũng như quan hệ với cổ đông, qua đó góp phần bảo đảm hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc đồng hành cùng thế hệ trẻ trên hành trình nghề nghiệp với các chương trình thực tập, cộng tác và kết nối với sinh viên các trường đại học cũng đã

thể hiện cam kết đem lại giá trị tích cực cho xã hội của DNSE. Trong đó, nổi bật là DNSE Talents Program – chương trình phát triển nguồn nhân lực trẻ tiềm năng, được thiết kế nhằm trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực tiễn và tư duy nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – công nghệ cho các sinh viên tài năng. DNSE Talents chính là nguồn nhân sự kế cận, góp phần xây dựng đội ngũ bền vững cho công ty trong dài hạn.

Bên cạnh đó, trong năm 2025, DNSE đã tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng:

10/2025

**Chương trình “Bố ở đảo xa – Con ở nhà có bạn” (Tháng 10/2025):**

Đây là chương trình trung thu do câu lạc bộ Tuổi trẻ vì biển đảo quê hương phối hợp cùng Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân tổ chức cho con em chiến sĩ. Cán bộ nhân viên DNSE đã quyên góp hơn 50 suất học bổng trị giá 30 triệu đồng dành tặng con em các cán bộ, chiến sĩ đang công tác nơi đảo xa. Hoạt động thể hiện tinh thần sẻ chia, tri ân những người lính biển và góp phần mang đến niềm vui cho các em nhỏ, đồng thời lan tỏa giá trị yêu nước, lòng biết ơn và tinh thần nhân văn trong cộng đồng DNSE.

11/2025

**Chương trình ủng hộ người dân vùng bão lũ miền Trung (Tháng 11/2025):**

Hướng về người dân chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão số 13, DNSE đã ủng hộ trực tiếp 200 triệu đồng cho người dân Quảng Nam. Số tiền ủng hộ được chuyển trực tiếp đến các gia đình bị thiệt hại, giúp người dân ổn định cuộc sống sau bão.



Những hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội của DNSE mà còn lan tỏa những giá trị nhân văn sâu sắc đến cộng đồng.

## Giải DNSE Open Pickleball Tournament 2025



Nhằm mục tiêu tôn vinh hành trình thể thao và tinh thần đầu tư bền bỉ, giải đấu DNSE Open Pickleball Tournament 2025 lần đầu tiên được tổ chức tại Hà Nội đã thu hút sự tham gia sôi nổi của gần 300 vận động viên.

Thông qua giải đấu, DNSE tạo ra một sân chơi giao lưu cởi mở, thân thiện, giúp gắn kết cộng đồng nhà đầu tư, cộng đồng pickleball, thể hiện văn hóa doanh nghiệp trẻ, hiện đại, sáng tạo.

Đồng thời, thông qua pickleball, một môn thể thao mới và thú vị, DNSE cũng mang đến tinh thần đổi mới, gắn kết nhận diện thương hiệu DNSE với các giải đấu thể thao năng động, mới mẻ. Sau thành công của mùa thi đấu đầu tiên, giải đấu dự kiến sẽ được tổ chức thường niên, kỳ vọng trở thành sự kiện thể thao hấp dẫn cho cộng đồng pickleball và cộng đồng nhà đầu tư.





# Chương 08

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

162

Thông tin về Công ty

163

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

164

Báo cáo kiểm toán độc lập

166

Báo cáo tình hình tài chính tại  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

172

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

174

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(Phương pháp gián tiếp)

178

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

180

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

# Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và Hoạt động**

62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007  
Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.  
Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 115/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2025.

**Quyết định Thành lập Chi nhánh**

132/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 3 năm 2021  
Quyết định Thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh mới nhất số 788/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 10 năm 2025.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp**

0102459106 ngày 30 tháng 10 năm 2007  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 10 năm 2025.

**Hội đồng Quản trị**

|                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Chủ tịch           |
| Ông Lê Anh Tuấn        | Phó Chủ tịch       |
| Bà Phạm Thị Thanh Hoa  | Thành viên         |
| Bà Nguyễn Thị Hà Ninh  | Thành viên         |
| Ông Bùi Anh Dũng       | Thành viên độc lập |

**Ban Kiểm soát**

|                      |            |
|----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Quỳnh Mai  | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Quang Sơn | Thành viên |
| Ông Trần Vĩnh Cửu    | Thành viên |

**Ban Tổng Giám đốc**

|                            |                                                                            |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Ngọc Linh        | Tổng Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật (từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)  |
| Bà Phạm Thị Thanh Hoa      | Tổng Giám đốc- Người đại diện theo pháp luật (từ ngày 30 tháng 6 năm 2025) |
| Ông Nguyễn Hoàng Việt      | Phó Tổng Giám đốc                                                          |
| Ông Phan Nguyễn Hữu Phương | Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh                                   |

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky  
63 – 65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1  
Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina)  
Số 62 Đường Hoàng Thế Thiện, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 70 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



**Nguyễn Ngọc Linh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2026



# Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần  
Chứng khoán DNSE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày XX tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến 70.

Trách nhiệm của  
Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của  
kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của  
kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00150-26-1



*Phạm Thị Thùy Linh*

Đoàn Thanh Toàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3073-2024-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2024-007-1

# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B01 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025 VND            | 1/1/2025 VND             |
|---------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>                  | <b>100</b> |             | <b>13.285.836.390.601</b> | <b>8.172.043.402.888</b> |
| <b>I. Tài sản tài chính</b>                                   | <b>110</b> |             | <b>13.275.582.299.859</b> | <b>8.165.535.289.615</b> |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                         | 111        | 5           | 510.578.822.461           | 1.093.162.138.811        |
| 1.1. Tiền                                                     | 111.1      |             | 510.578.822.461           | 943.162.138.811          |
| 1.2. Các khoản tương đương tiền                               | 111.2      |             | -                         | 150.000.000.000          |
| 2. Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi/lỗ   | 112        | 7(a)        | 2.085.470.807.782         | 167.084.604.843          |
| 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 113        | 7(b)        | 4.561.750.000.000         | 2.774.750.000.000        |
| 4. Các khoản cho vay                                          | 114        | 7(c)        | 5.832.191.123.312         | 3.881.585.476.070        |
| 6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp     | 116        | 7(d)        | (54.118.792.478)          | (42.162.233.378)         |
| 7. Các khoản phải thu                                         | 117        | 8           | 310.047.816.484           | 279.408.951.492          |
| 7.1 Phải thu bán các TSTC                                     | 117.1      |             | 9.976.453                 | 543.380.024              |
| 7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2      |             | 310.037.840.031           | 278.865.571.468          |
| 7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận              | 117.4      |             | 310.037.840.031           | 278.865.571.468          |
| 8. Trả trước cho người bán                                    | 118        | 9           | 17.148.648.042            | 5.398.019.316            |
| 9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp          | 119        | 8           | 7.415.147.069             | 1.776.882.726            |
| 12. Các khoản phải thu khác                                   | 122        | 8           | 5.224.279.832             | 4.619.337.217            |
| 13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu              | 129        |             | (125.552.645)             | (87.887.482)             |
| <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                              | <b>130</b> |             | <b>10.254.090.742</b>     | <b>6.508.113.273</b>     |
| 1. Tạm ứng                                                    | 131        |             | 3.285.603.265             | 1.786.932.505            |
| 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ                         | 132        |             | 69.012.000                | -                        |
| 3. Chi phí trả trước ngắn hạn                                 | 133        | 10(a)       | 6.660.602.677             | 4.610.307.968            |
| 4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn                 | 134        |             | 238.872.800               | 110.872.800              |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                 | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025 VND            | 1/1/2025 VND              |
|---------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)</b> | <b>200</b> |             | <b>1.853.390.314.304</b>  | <b>2.465.208.715.384</b>  |
| <b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>                     | <b>210</b> |             | <b>1.704.736.219.137</b>  | <b>2.328.606.423.400</b>  |
| 2. Các khoản đầu tư                                     | 212        |             | 1.704.736.219.137         | 2.328.606.423.400         |
| 2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 212.1      | 7(b)        | 1.704.736.219.137         | 2.328.606.423.400         |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                              | <b>220</b> |             | <b>105.801.085.387</b>    | <b>96.209.664.181</b>     |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                             | 221        | 11          | 12.306.667.280            | 11.829.030.347            |
| - Nguyên giá                                            | 222        |             | 28.899.990.147            | 23.334.856.971            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                | 223a       |             | (16.593.322.867)          | (11.505.826.624)          |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                       | 224        | 12          | 68.620.067.944            | 44.713.526.577            |
| - Nguyên giá                                            | 225        |             | 89.933.260.600            | 51.823.316.600            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                | 226a       |             | (21.313.192.656)          | (7.109.790.023)           |
| 3. Tài sản cố định vô hình                              | 227        | 13          | 24.874.350.163            | 39.667.107.257            |
| - Nguyên giá                                            | 228        |             | 78.603.673.614            | 77.273.623.614            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                | 229a       |             | (53.729.323.451)          | (37.606.516.357)          |
| <b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>              | <b>240</b> |             | <b>-</b>                  | <b>512.000.000</b>        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                          | <b>250</b> |             | <b>42.853.009.780</b>     | <b>39.880.627.803</b>     |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn            | 251        |             | 7.786.096.041             | 4.570.199.721             |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn                            | 252        | 10(b)       | 6.089.995.957             | 8.697.526.654             |
| 4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                       | 254        | 14          | 18.920.576.489            | 16.576.642.324            |
| 5. Tài sản dài hạn khác                                 | 255        |             | 10.056.341.293            | 10.036.259.104            |
| 5.1 Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh                    | 255.1      |             | 10.056.341.293            | 10.036.259.104            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                   | <b>270</b> |             | <b>15.139.226.704.905</b> | <b>10.637.252.118.272</b> |
|                                                         |            |             |                           |                           |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                        | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND  | 1/1/2025<br>VND   |
|------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|-------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ<br>(300 = 310 + 340)            | 300   |             | 10.836.896.893.910 | 6.607.451.933.915 |
| I. Nợ phải trả ngắn hạn                        | 310   |             | 9.511.869.492.871  | 6.589.049.715.018 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 311   |             | 9.321.821.230.041  | 6.505.929.479.835 |
| 1.1 Vay ngắn hạn                               | 312   | 15          | 9.302.172.219.387  | 6.494.297.154.123 |
| 1.2 Nợ thuê tài chính ngắn hạn                 | 313   | 16          | 19.649.010.654     | 11.632.325.712    |
| 6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán    | 318   | 17          | 21.777.353.213     | 7.136.073.928     |
| 8. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 320   |             | 3.980.779.630      | 1.797.067.584     |
| 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 322   | 18          | 34.318.412.305     | 25.652.481.098    |
| 11. Phải trả người lao động                    | 323   |             | 39.201.896.668     | 18.553.360.015    |
| 12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên     | 324   |             | 1.681.083.990      | 1.053.140.363     |
| 13. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 325   | 19          | 88.396.621.009     | 24.101.558.414    |
| 17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 329   |             | 691.897.619        | 4.826.335.385     |
| 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 331   |             | 218.396            | 218.396           |
| II. Nợ phải trả dài hạn                        | 340   |             | 1.325.027.401.039  | 18.402.218.897    |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 341   |             | 27.044.363.826     | 18.342.547.231    |
| 1.2 Nợ thuê tài chính dài hạn                  | 343   | 16          | 27.044.363.826     | 18.342.547.231    |
| 4. Trái phiếu phát hành dài hạn                | 346   | 20          | 1.297.852.793.502  | -                 |
| 14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 356   | 21          | 130.243.711        | 59.671.666        |

# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                        | Mã số  | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND  | 1/1/2025<br>VND    |
|------------------------------------------------|--------|-------------|--------------------|--------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU<br>(400 = 410)                  | 400    |             | 4.302.329.810.995  | 4.029.800.184.357  |
| I. Vốn chủ sở hữu                              | 410    |             | 4.302.329.810.995  | 6.589.049.715.018  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   | 411    |             | 3.872.725.725.300  | 3.872.725.725.300  |
| 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu                     | 411.1  | 22          | 3.426.000.000.000  | 3.300.000.000.000  |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết         | 411.1a |             | 3.426.000.000.000  | 3.300.000.000.000  |
| 1.2 Thặng dư vốn cổ phần                       | 411.2  |             | 446.725.725.300    | 572.725.725.300    |
| 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ              | 414    |             | 2.598.930.256      | 2.598.930.256      |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ  | 415    |             | -                  | 3.234.930.256      |
| 7. Lợi nhuận chưa phân phối                    | 417    |             | 427.005.155.439    | 151.240.598.545    |
| 7.1 Lợi nhuận đã thực hiện                     | 417.1  |             | 451.899.491.875    | 185.698.569.156    |
| 7.2 Lỗ chưa thực hiện                          | 417.2  |             | (24.894.336.436)   | (34.457.970.611)   |
| TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU<br>(440 = 300 + 400) | 440    |             | 15.139.226.704.905 | 10.637.252.118.272 |

# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| TÀI SẢN                                                                                                     | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND     | 1/1/2025 VND       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>                                   |       |             |                    |                    |
| 6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)                                                               | 006   | 22(a)       | 342.600.000        | 330.000.000        |
| 8. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của CTCK | 008   | 23(a)       | 2.005.950.830.000  | 285.955.300.000    |
| a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng                                                                       | 008.1 |             | 1.240.940.930.000  | 135.418.200.000    |
| c. TSTC giao dịch cầm cố                                                                                    | 008.3 |             | 665.000.000.000    | 150.000.000.000    |
| d. TSTC phong tỏa, tạm giữ                                                                                  | 008.4 |             | 100.000.000.000    | -                  |
| e. TSTC chờ thanh toán                                                                                      | 008.5 |             | 9.900.000          | 537.100.000        |
| 9. TSTC đã lưu ký giao dịch tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK                                             | 009   | 23(a)       | -                  | 1.000.000          |
| a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                                           | 009.1 |             | -                  | 1.000.000          |
| 10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK                                                                       | 010   | 23(c)       | 1.949.200.000      | 124.900.000        |
| 13. TSTC được hưởng quyền                                                                                   | 013   |             | 111.470.000        | -                  |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                      |       |             |                    |                    |
| 1. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư                                                  | 021   | 23(d)       | 18.471.405.767.510 | 16.734.762.040.000 |
| a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng                                                                       | 021.1 |             | 15.996.370.207.510 | 13.607.403.860.000 |
| b. TSTC hạn chế chuyển nhượng                                                                               | 021.2 |             | 533.682.280.000    | 2.491.165.540.000  |
| c. TSTC giao dịch cầm cố                                                                                    | 021.3 |             | 1.145.909.690.000  | 469.837.510.000    |
| d. TSTC phong tỏa, tạm giữ                                                                                  | 021.4 |             | 89.686.340.000     | -                  |
| e. TSTC chờ thanh toán                                                                                      | 021.5 |             | 705.757.250.000    | 166.355.130.000    |
| 2. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư                                                 | 022   | 23(e)       | 292.395.490.000    | 491.384.660.000    |
| a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                                           | 022.1 |             | 129.979.290.000    | 33.898.400.000     |
| b. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng                                         | 022.2 |             | 162.416.200.000    | 457.486.260.000    |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư                                                                  | 023   | 23(f)       | 436.299.670.000    | 193.294.460.000    |
| 6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư                                                        | 025   | 23(g)       | 282.334.370.000    | -                  |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| TÀI SẢN                                                                                            | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND    | 1/1/2025 VND      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 7. Tiền gửi của khách hàng                                                                         | 026   | 23(h)       | 3.156.682.016.387 | 1.384.800.822.128 |
| 7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý                 | 027   | 23(h)       | 2.729.901.997.439 | 941.995.361.434   |
| 7.1.1 Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Nhà đầu tư tại VSDC                                            | 027.1 | 23(h)       | 173.058.750.046   | 397.689.451.143   |
| 7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng                                         | 028   | 23(h)       | 59.401.011        | 7.102.118         |
| 7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán                                            | 029   | 23(h)       | 253.661.867.891   | 45.108.907.433    |
| a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước                       | 029.1 |             | 234.706.720.590   | 41.230.123.230    |
| b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài                       | 029.2 |             | 18.955.147.301    | 3.878.784.203     |
| 8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý             | 031   | 23(i)       | 3.156.682.016.387 | 1.384.800.822.128 |
| 8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 |             | 2.964.668.119.040 | 983.232.586.782   |
| 8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 |             | 18.955.147.301    | 3.878.784.203     |
| 8.3 Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC                                               | 031.3 |             | 173.058.750.046   | 397.689.451.143   |

Ngày 27 tháng 2 năm 2026

Người lập

Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt

Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Linh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



# Báo cáo kết quả hoạt động

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B02 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                                                                                           | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND          | 2024 VND        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-----------------|
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG                                                                                                            |       |             |                   |                 |
| 1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                                                    | 01    |             | 171.389.790.896   | 47.867.656.597  |
| a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                                                     | 01.1  | 24(a)       | 134.935.421.211   | 48.600.093.155  |
| b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                             | 01.2  | 24(b)       | 352.860.228       | (8.130.419)     |
| c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                                   | 01.3  | 24(c)       | 36.101.509.457    | (724.306.139)   |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                                                             | 02    | 24(c)       | 303.909.949.880   | 245.031.636.946 |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu                                                                                         | 03    | 24(c)       | 555.796.512.779   | 360.548.475.343 |
| 1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán                                                                                     | 06    | 24(d)       | 404.020.124.118   | 144.838.599.511 |
| 1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán                                                                             | 07    | 24(d)       | 2.918.036.504     | -               |
| 1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán                                                                                | 08    | 24(d)       | 926.275.651       | 682.848.455     |
| 1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                                                                                       | 09    | 24(d)       | 7.931.993.005     | 5.647.148.100   |
| 1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính                                                                                 | 10    | 24(d)       | 2.044.594.026     | -               |
| 1.11. Thu nhập hoạt động khác                                                                                                     | 11    | 24(d)       | 8.974.949.282     | 2.795.604.695   |
| Cộng doanh thu hoạt động                                                                                                          | 20    |             | 1.457.912.226.141 | 807.411.969.647 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG                                                                                                             |       |             |                   |                 |
| 2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                                                     | 21    |             | 25.209.471.055    | 41.077.932.588  |
| a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                                                      | 21.1  | 25          | 31.325.954.177    | 10.250.339.381  |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                                                | 21.2  | 24(b)       | (9.281.345.992)   | 28.257.710.347  |
| c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ                                                                                | 21.3  |             | 3.164.862.870     | 2.569.882.860   |
| 2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 24    | 26          | 362.988.310.695   | 182.560.836.396 |
| 2.6. Chi phí hoạt động tự doanh                                                                                                   | 26    |             | 502.650.000       | 60.494.071      |
| 2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán                                                                                       | 27    | 27          | 464.856.089.316   | 174.827.949.700 |
| 2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán                                                                     | 28    |             | 26.024.110        | 93.394.129      |
| 2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán                                                                                           | 29    |             | 2.994.470.327     | 2.477.929.071   |
| 2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                                                                                        | 30    | 28          | 11.570.439.978    | 10.877.141.831  |
| 2.12. Chi phí hoạt động khác                                                                                                      | 32    | 29          | 9.081.914.257     | 7.501.862.484   |
| Cộng chi phí hoạt động                                                                                                            | 40    |             | 877.229.369.738   | 419.477.540.270 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Báo cáo kết quả hoạt động

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                  | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND        | 2024 VND         |
|----------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|------------------|
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                       |       |             |                 |                  |
| 3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 41    | 30          | -               | 600.001.345      |
| 3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong năm          | 42    | 30          | 7.532.375.333   | 4.943.889.910    |
| 3.4. Doanh thu khác về đầu tư                            | 44    | 30          | -               | 21.698.630       |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính                       | 50    |             | 7.532.375.333   | 5.565.589.885    |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH                                    |       |             |                 |                  |
| 4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện  | 51    |             | -               | 917              |
| 4.2. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành           | 52    | 31          | 66.827.031.866  | 28.039.839.956   |
| 4.4. Chi phí tài chính khác                              | 55    |             | 732.493.502     | 11.262.863       |
| Cộng chi phí tài chính                                   | 60    |             | 67.559.525.368  | 28.051.103.736   |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN                  | 62    | 32          | 181.404.260.577 | 151.909.511.385  |
| VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)     | 70    |             | 339.251.445.791 | 213.539.404.141  |
| VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC                      |       |             |                 |                  |
| 8.1. Thu nhập khác                                       | 71    | 33          | 1.768.846.008   | 15.952.482.384   |
| 8.2. Chi phí khác                                        | 72    |             | 795.269.435     | 1.990.401.520    |
| Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)               | 80    |             | 973.576.573     | 13.962.080.864   |
| IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)     | 90    |             | 340.225.022.364 | 227.501.485.005  |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện                              | 91    |             | 330.590.816.144 | 255.767.325.771  |
| 9.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện                       | 92    |             | 9.634.206.220   | (28.265.840.766) |
| X. CHI PHÍ THUẾ TNDN                                     | 100   |             | 67.695.395.726  | 45.730.859.513   |
| 10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành                        | 100.1 | 34          | 67.624.823.681  | 45.732.485.597   |
| 10.2. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại               | 100.2 | 34          | 70.572.045      | (1.626.084)      |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)     | 200   |             | 272.529.626.638 | 181.770.625.492  |
| XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG             | 500   |             |                 | (trình bày lại)  |
| 13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)             | 501   | 35          | 748             | 513              |

Ngày 27 tháng 2 năm 2026

Người lập



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Linh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                                     | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND            | 2024 VND            |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                                  |       |             |                     |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                     | 01    |             | 340.225.022.364     | 227.501.485.005     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                 | 02    |             | (21.166.253.265)    | (81.873.953.603)    |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                  | 03    |             | 35.413.705.970      | 25.938.672.289      |
| - Các khoản dự phòng                                                        | 04    |             | 11.994.224.263      | (2.369.354.006)     |
| - Chi phí lãi vay                                                           | 06    |             | 66.827.031.866      | 28.039.839.956      |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư                                                   | 07    |             | (7.532.375.333)     | (4.592.359.891)     |
| - Dự thu tiền lãi                                                           | 08    |             | (127.868.840.031)   | (128.890.751.951)   |
| 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ                                             | 10    |             | (9.281.345.992)     | 28.257.710.347      |
| - Lỗ đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                    | 11    |             | (9.281.345.992)     | 28.257.710.347      |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ                                           | 18    |             | (352.860.228)       | 8.130.419           |
| - Lãi đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ               | 19    |             | (352.860.228)       | 8.130.419           |
| 5. Thay đổi vốn lưu động                                                    | 30    |             | (4.965.525.599.569) | (2.962.332.569.552) |
| - (Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                                | 31    |             | (1.908.751.996.719) | 103.234.236.076     |
| - Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                                | 32    |             | (1.163.129.795.737) | (1.608.174.714.411) |
| - Tăng các khoản cho vay                                                    | 33    |             | (1.950.605.647.242) | (1.398.516.845.823) |
| - Giảm phải thu bán các TSTC                                                | 35    |             | 533.403.571         | 344.606.744.126     |
| - Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC               | 36    |             | 96.696.571.468      | 55.209.967.751      |
| - Tăng các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp                      | 37    |             | (5.638.264.343)     | (662.598.622)       |
| - Tăng các khoản phải thu khác                                              | 39    |             | (515.683.221)       | (660.170.896)       |
| - (Tăng)/giảm các tài sản khác                                              | 40    |             | (1.567.682.760)     | 21.848.141.868      |
| - Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)                     | 41    |             | 350.994.211.432     | 184.930.190.402     |
| - Giảm/(tăng) chi phí trả trước                                             | 42    |             | 557.235.988         | (739.140.285)       |
| - Thuế TNDN đã nộp                                                          | 43    |             | (67.920.809.011)    | (61.873.991.382)    |
| - Lãi vay đã trả                                                            | 44    |             | (353.526.180.703)   | (206.451.440.563)   |
| - Tăng phải trả cho người bán                                               | 45    |             | 2.183.712.046       | 1.265.259.453       |
| - Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên                               | 46    |             | 627.943.627         | 526.800.428         |
| - Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | 47    |             | 8.961.916.537       | 11.516.009.880      |
| - Tăng phải trả người lao động                                              | 48    |             | 20.648.536.653      | 2.403.944.668       |
| - Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác                                       | 50    |             | 10.506.841.519      | (406.341.759.433)   |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                    | 52    |             | (5.579.912.674)     | (4.453.202.789)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                               | 60    |             | (4.656.101.036.690) | (2.788.439.197.384) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                                                      | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND             | 2024 VND             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ                                                      |       |             |                      |                      |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                                | 61    |             | (23.097.847.296)     | (16.127.020.068)     |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | 62    |             | -                    | 959.090.909          |
| 5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính                   | 65    |             | 7.532.375.333        | 4.943.889.910        |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                    | 70    |             | (15.565.471.963)     | (10.224.039.249)     |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                                                  |       |             |                      |                      |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                               | 71    |             | -                    | 872.684.150.000      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                        | 73    |             | 49.711.501.120.333   | 31.668.504.695.292   |
| 3.2. Tiền vay khác                                                                           | 73.2  |             | 49.711.501.120.333   | 31.668.504.695.292   |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                       | 74    |             | (45.605.773.261.567) | (28.817.263.595.216) |
| 4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác                                                            | 74.3  |             | (45.605.773.261.567) | (28.817.263.595.216) |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                                                        | 75    |             | (16.644.666.463)     | (7.375.785.089)      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                   | 76    |             | -                    | (330.000.000.000)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                 | 80    |             | 4.089.083.192.303    | 3.386.549.464.987    |
| IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)                                      | 90    |             | (582.583.316.350)    | 587.886.228.354      |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm                                                | 101   |             | 1.093.162.138.811    | 505.275.910.457      |
| Tiền                                                                                         | 101.1 |             | 943.162.138.811      | 505.275.910.457      |
| Các khoản tương đương tiền                                                                   | 101.2 |             | 150.000.000.000      | -                    |
| VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)                             | 103   | 5           | 510.578.822.461      | 1.093.162.138.811    |
| Tiền                                                                                         | 103.1 |             | 510.578.822.461      | 943.162.138.811      |
| Các khoản tương đương tiền                                                                   | 103.2 |             | -                    | 150.000.000.000      |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                                          | Mã số | 2025<br>VND           | 2024<br>VND           |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng                    |       |                       |                       |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                              | 01    | 136.782.998.179.722   | 74.694.636.947.976    |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                              | 02    | (135.961.310.488.262) | (71.625.186.817.994)  |
| 7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng              | 07    | 369.173.428.226.032   | 150.629.816.581.129   |
| 8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                       | 08    | (368.214.209.708.994) | (153.185.390.494.643) |
| 11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng                                | 11    | (9.025.014.239)       | (6.409.746.722)       |
| 14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                                   | 14    | 743.437.025.769       | 448.861.516.416       |
| 15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                   | 15    | (743.437.025.769)     | (448.861.662.016)     |
| Tăng tiền thuần trong năm                                                        | 20    | 1.771.881.194.259     | 507.466.324.146       |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng                    | 30    | 1.384.800.822.128     | 877.334.497.982       |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm:                                                      | 31    | 1.384.800.822.128     | 877.334.497.982       |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 32    | 941.995.361.434       | 698.351.886.798       |
| - Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC                              | 32.1  | 397.689.451.143       | 92.064.884.837        |
| - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng                         | 33    | 7.102.118             | 7.066.607             |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán                            | 34    | 45.108.907.433        | 86.910.659.740        |

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

| TÀI SẢN                                                                          | Mã số | 2025<br>VND       | 2024<br>VND       |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------|-------------------|
| III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)   | 40    | 3.156.682.016.387 | 1.384.800.822.128 |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm:                                                     | 41    | 3.156.682.016.387 | 1.384.800.822.128 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 42    | 2.729.901.997.439 | 941.995.361.434   |
| - Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC                              | 42.1  | 173.058.750.046   | 397.689.451.143   |
| - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng                         | 43    | 59.401.011        | 7.102.118         |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán                            | 44    | 253.661.867.891   | 45.108.907.433    |

Ngày 27 tháng 2 năm 2026

Người lập



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Linh  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B04 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

|                                               | Số dư đầu năm     |                   | 2024                |                         | 2025                 |                        | Số dư cuối năm    |                   |
|-----------------------------------------------|-------------------|-------------------|---------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------|-------------------|
|                                               | 1/1/2024<br>VND   | 1/1/2025<br>VND   | Tăng<br>VND         | (Giảm)<br>VND           | Tăng<br>VND          | (Giảm)<br>VND          | 31/12/2024<br>VND | 31/12/2025<br>VND |
| I. Biến động vốn chủ sở hữu                   |                   |                   |                     |                         |                      |                        |                   |                   |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 3.000.041.575.300 | 3.872.725.725.300 | 900.005.060.000 (i) | (27.320.910.000) (ii)   | 126.000.000.000 (iv) | (126.000.000.000) (iv) | 3.872.725.725.300 | 3.872.725.725.300 |
| 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu                    | 3.000.000.000.000 | 3.300.000.000.000 | 300.000.000.000     | -                       | 126.000.000.000      | -                      | 3.000.000.000.000 | 3.426.000.000.000 |
| 1.2 Thặng dư vốn cổ phần                      | 41.575.300        | 572.725.725.300   | 600.005.060.000     | (27.320.910.000)        | -                    | (126.000.000.000)      | 572.725.725.300   | 446.725.725.300   |
| 3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ             | 2.598.930.256     | 2.598.930.256     | -                   | -                       | -                    | -                      | 2.598.930.256     | 2.598.930.256     |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 3.234.930.256     | 3.234.930.256     | -                   | -                       | -                    | (3.234.930.256) (v)    | 3.234.930.256     | -                 |
| 8. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 299.469.973.053   | 151.240.598.545   | 210.034.840.174     | (358.264.214.682)       | 275.764.556.894      | -                      | 151.240.598.545   | 427.005.155.439   |
| 8.1. Lợi nhuận đã thực hiện                   | 305.663.728.982   | 185.698.569.156   | 210.034.840.174     | (330.000.000.000) (iii) | 266.200.922.719      | -                      | 185.698.569.156   | 451.899.491.875   |
| 8.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện            | (6.193.755.929)   | (34.457.970.611)  | -                   | (28.264.214.682)        | 9.563.634.175        | -                      | (34.457.970.611)  | (24.894.336.436)  |
| TỔNG CỘNG                                     | 3.305.345.408.865 | 4.029.800.184.357 | 1.110.039.900.174   | (385.585.124.682)       | 401.764.556.894      | (129.234.930.256)      | 4.029.800.184.357 | 4.302.329.810.995 |

(i) Tăng vốn theo kết quả của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

(ii) Đây là chi phí phát sinh trực tiếp của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

(iii) Đây là khoản chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

(iv) Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025.

xđồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Ngày 27 tháng 2 năm 2026

Người lập



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Linh  
Tổng Giám đốc



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

### (a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 115/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16 tháng 10 năm 2025.

Công ty được công nhận niêm yết và cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào các ngày 21 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 7 năm 2024, mã cổ phiếu là DSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63 – 65 Ngõ Thị Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2025: một (1) chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 24 tháng 10 năm 2025.

### (b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 3.426.000.000.000 VND (1/1/2025: 3.300.000.000.000 VND).

### (c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

### (d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 274 nhân viên (1/1/2025: 231 nhân viên).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

#### Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### (a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

#### (i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này

#### (ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

#### (iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

#### (iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

#### (v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

### (c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
  - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

### (e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i>                     | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|----------------------------------------------|---------------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30%                       |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm        | 50%                       |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm         | 70%                       |
| Trên ba (03) năm                             | 100%                      |

### (g) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i> | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|--------------------------|---------------------------|
| • Phương tiện vận chuyển | 6 năm                     |
| • Thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm                 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (h) Thuê tài sản

#### **(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

#### **(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

### (i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

### (j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

### (k) Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### (m) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) như sau:

|                                 | Tỷ lệ trích lập hàng năm | Số dư tối đa    |
|---------------------------------|--------------------------|-----------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: | 5% lợi nhuận sau thuế    | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính:         | 5% lợi nhuận sau thuế    | 10% vốn điều lệ |

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án về điều chỉnh việc sử dụng quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Theo đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã sử dụng số dư của quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ để bổ sung nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

### (n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (o) Doanh thu và thu nhập

#### **(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

### (p) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### (r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

### (s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### (t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

### (u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

### (v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước..

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| TÀI SẢN                                              | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND  | 1/1/2025<br>VND    |
|------------------------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền                   | (i)         | 510.578.822.461    | 1.093.162.138.811  |
| Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                   | (ii)        | 1.722.594.877.979  | 60.630.920.504     |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | (ii)        | 4.561.750.000.000  | 2.774.750.000.000  |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn  | (ii)        | 1.704.736.219.137  | 2.328.606.423.400  |
| Các khoản cho vay                                    | (iii)       | 5.832.191.123.312  | 3.881.585.476.070  |
| Các khoản phải thu                                   | (iii)       | 310.047.816.484    | 279.408.951.492    |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                   | (iii)       | 7.415.147.069      | 1.776.882.726      |
| Các khoản phải thu khác                              | (iii)       | 5.098.727.187      | 4.531.449.735      |
| Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                       | (iv)        | 18.920.576.489     | 16.576.642.324     |
| Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh                     | (iv)        | 10.056.341.293     | 10.036.259.104     |
|                                                      |             | 14.683.389.651.411 | 10.451.065.144.166 |

#### (i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng/doanh nghiệp có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (b) Rủi ro tín dụng

**(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

**(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu**

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                                            | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND  | Trong vòng 2-5 năm VND |
|--------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 9.321.821.230.041  | 9.323.565.696.661 (*)       | 9.323.565.696.661 (*) | -                      |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 21.777.353.213     | 21.777.353.213              | 21.777.353.213        | -                      |
| Phải trả người bán ngắn hạn                | 3.980.779.630      | 3.980.779.630               | 3.980.779.630         | -                      |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 88.396.621.009     | 88.396.621.009              | 88.396.621.009        | -                      |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 691.897.619        | 691.897.619                 | 691.897.619           | -                      |
| Trái phiếu phát hành dài hạn               | 1.297.852.793.502  | 1.490.115.068.493 (*)       | 81.615.068.493 (*)    | 1.408.500.000.000      |
| Nợ thuê tài chính dài hạn                  | 27.044.363.826     | 29.439.411.239 (*)          | - (*)                 | 29.439.411.239         |
|                                            | 10.761.565.038.840 | 10.957.966.827.864          | 9.520.027.416.625     | 1.437.939.411.239      |

(\*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ lãi dự trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, trái phiếu phát hành dài hạn, nợ thuê tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (c) Rủi ro thanh khoản

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

|                                            | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền theo hợp đồng VND | Trong vòng 1 năm VND  | Trong vòng 2-5 năm VND |
|--------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 6.505.929.479.835  | 6.506.629.355.617 (*)       | 6.506.629.355.617 (*) | -                      |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 7.136.073.928      | 7.136.073.928               | 7.136.073.928         | -                      |
| Phải trả người bán ngắn hạn                | 1.797.067.584      | 1.797.067.584               | 1.797.067.584         | -                      |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 24.101.558.414     | 24.101.558.414              | 24.101.558.414        | -                      |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 4.826.335.385      | 4.826.335.385               | 4.826.335.385         | -                      |
| Nợ thuê tài chính dài hạn                  | 18.342.547.231     | 18.795.294.926 (*)          | - (*)                 | 18.795.294.926         |
|                                            | 6.562.133.062.377  | 6.563.285.685.854           | 6.544.490.390.928     | 18.795.294.926         |

(\*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ dự thu lãi phải trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, nợ thuê tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

### (d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

#### (i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

#### (ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (d) Rủi ro thị trường

#### (ii) Rủi ro lãi suất

các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|                                                        | Giá trị ghi sổ      |                     |
|--------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
|                                                        | 31/12/2025 VND      | 1/1/2025 VND        |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>       |                     |                     |
| <b>Tài sản tài chính ngắn hạn</b>                      |                     |                     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                     | 510.578.822.461     | 1.093.162.138.811   |
| Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                     | 37.600.000.000      | -                   |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 4.561.750.000.000   | 2.774.750.000.000   |
| Các khoản cho vay                                      | 5.832.191.123.312   | 3.881.585.476.070   |
| <b>Tài sản tài chính dài hạn</b>                       |                     |                     |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 1.704.736.219.137   | 2.328.606.423.400   |
| Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                         | 18.920.576.489      | 16.576.642.324      |
| Quỹ Bù trừ chứng khoán phát sinh                       | 10.056.341.293      | 10.036.259.104      |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>                           |                     |                     |
| Vay ngắn hạn                                           | (9.302.172.219.387) | (6.494.297.154.123) |
|                                                        | 3.373.660.863.305   | 3.610.419.785.586   |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất không cố định</b> |                     |                     |
| <b>Tài sản tài chính ngắn hạn</b>                      |                     |                     |
| Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ                     | 1.684.994.877.979   | 60.630.920.504      |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>                           |                     |                     |
| Nợ thuê tài chính ngắn hạn                             | (19.649.010.654)    | (11.632.325.712)    |
| Nợ thuê tài chính dài hạn                              | (27.044.363.826)    | (18.342.547.231)    |
| Trái phiếu phát hành dài hạn                           | (1.297.852.793.502) | -                   |
|                                                        | 340.448.709.997     | 30.656.047.561      |

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 2.723.589.680 VND lợi nhuận thuần của Công ty. (1/1/2025: 272.282.522 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### (d) Rủi ro thị trường

#### (iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty tính rủi ro về giá cổ phiếu dựa trên giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ và mức biến động bình quân về các chỉ số giá thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức, vận hành (Upcom) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

| Năm  | Mức biến động bình quân về giá của các sản giao dịch | Giá gốc của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom cuối năm VND | Giá trị thị trường của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom cuối năm VND | Mức tăng lợi nhuận sau thuế theo mức biến động có lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND | Mức giảm lợi nhuận sau thuế theo mức biến động bất lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND |
|------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2025 | 4%                                                   | 378.305.514.451                                                          | 362.875.929.803                                                                     | 11.612.029.754                                                                           | (11.612.029.754)                                                                          |
| 2024 | 3%                                                   | 137.472.715.590                                                          | 106.453.684.339                                                                     | 2.554.888.424                                                                            | (2.554.888.424)                                                                           |

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                                     | 31/12/2025 VND  | 1/1/2025 VND      |
|-----------------------------------------------------|-----------------|-------------------|
| Tiền gửi ngân hàng                                  | 496.742.470.051 | 861.280.535.751   |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 13.836.352.410  | 81.881.603.060    |
| Các khoản tương đương tiền (*)                      | -               | 150.000.000.000   |
|                                                     | 510.578.822.461 | 1.093.162.138.811 |

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025, số dư này phản ánh hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,7%/năm, đã được dùng để thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại chính ngân hàng này.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|                  | 2025                                  |                                 | 2024                                  |                                 |
|------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
|                  | Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị | Giá trị giao dịch thực hiện VND | Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị | Giá trị giao dịch thực hiện VND |
| Của Công ty      | 631.198.074                           | 69.003.485.669.206              | 227.867.322                           | 43.119.914.785.900              |
| Cổ phiếu         | 82.602.573                            | 1.320.711.011.550               | 10.699.808                            | 236.770.068.570                 |
| Trái phiếu       | 527.451.462                           | 63.756.571.092.226              | 208.515.478                           | 26.720.170.142.871              |
| Giấy tờ có giá   | 16.843.004                            | 3.879.388.118.167               | 8.551.902                             | 16.161.973.063.639              |
| Chứng khoán khác | 4.301.035                             | 46.815.447.263                  | 100.134                               | 1.001.510.820                   |
| Của Nhà đầu tư   | 12.199.899.785                        | 281.469.581.683.647             | 7.065.794.985                         | 146.682.401.982.926             |
| Cổ phiếu         | 11.466.103.380                        | 272.389.202.905.210             | 6.701.326.260                         | 144.943.950.122.710             |
| Trái phiếu       | 68.609.361                            | 7.997.408.716.407               | 3.200.189                             | 1.325.385.055.516               |
| Chứng khoán khác | 665.187.044                           | 1.082.970.062.030               | 361.268.536                           | 413.066.804.700                 |
|                  |                                       | 350.473.067.352.853             |                                       | 189.802.316.768.826             |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

|                                               | 31/12/2025        |                     |                    | 1/1/2025        |                    |                    |
|-----------------------------------------------|-------------------|---------------------|--------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
|                                               | Giá gốc VND       | Giá trị hợp lý VND  | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND     | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch           | 371.477.124.752   | 355.944.573.593     | 355.944.573.593    | 135.468.827.029 | 104.307.358.219    | 104.307.358.219    |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam | 369.762.256.480   | 354.127.303.500     | 354.127.303.500    | 16.231.766      | 19.030.200         | 19.030.200         |
| Công ty Cổ phần Vinhomes                      | -                 | -                   | -                  | 42.925.920.000  | 40.000.000.000     | 40.000.000.000     |
| Các cổ phiếu khác                             | 1.714.868.272     | 1.817.270.093       | 1.817.270.093      | 92.526.675.263  | 64.288.328.019     | 64.288.328.019     |
| Trái phiếu niêm yết (i)                       | 872.928.186.606   | 863.593.678.529     | 863.593.678.529    | 64.010.188.198  | 60.630.920.504     | 60.630.920.504     |
| Trái phiếu chưa niêm yết (i)                  | 821.401.199.450   | 821.401.199.450 (*) | 821.401.199.450    | -               | -                  | -                  |
| Chứng chỉ quỹ niêm yết                        | 6.828.389.699     | 6.931.356.210       | 6.931.356.210      | 2.003.888.561   | 2.146.326.120      | 2.146.326.120      |
| Chứng chỉ tiền gửi                            | 37.600.000.000    | 37.600.000.000 (*)  | 37.600.000.000     | -               | -                  | -                  |
|                                               | 2.110.234.900.507 | 2.085.470.807.782   | 2.085.470.807.782  | 201.482.903.788 | 167.084.604.843    | 167.084.604.843    |

(\*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.  
(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các trái phiếu với tổng mệnh giá là 500.000.000.000 VND được dùng để cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                         | 31/12/2025        |                | 1/1/2025          |                |
|-----------------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
|                                         | Giá gốc           | Giá trị hợp lý | Giá gốc           | Giá trị hợp lý |
| Ngắn hạn                                | 4.561.750.000.000 | (*)            | 2.774.750.000.000 | (*)            |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i)                  | 4.461.750.000.000 |                | 2.574.750.000.000 |                |
| Chứng chỉ tiền gửi (ii)                 | 100.000.000.000   |                | 200.000.000.000   |                |
| Dài hạn                                 | 1.704.736.219.137 | (*)            | 2.328.606.423.400 | (*)            |
| Trái phiếu (iii)                        | 1.704.736.219.137 |                | 1.385.532.763.400 |                |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm (i)   | -                 |                | 144.000.000.000   |                |
| Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm | -                 |                | 799.073.660.000   |                |
|                                         | 6.266.486.219.137 |                | 5.103.356.423.400 |                |

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 6,55% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: từ 4,40% đến 7,30%).

(ii) Chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng phát hành, hưởng lãi suất năm 6,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: từ 4,20% đến 5,0%).

(iii) Số dư này bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 7 năm đến 8 năm có lãi suất năm từ 5,68% đến 5,88% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: kỳ hạn gốc từ 7 năm đến 10 năm có lãi suất năm từ 5,58% đến 11,00%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị ghi sổ là 3.966.750.000.000 VND (1/1/2025: 2.616.250.000.000 VND), các chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị ghi sổ là 100.000.000.000 VND (1/1/2025: 999.073.660.000 VND) và các trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700.000.000.000 VND (1/1/2025: 1.370.000.000.000 VND) được dùng để cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(c) Các khoản cho vay

|                                                  | 31/12/2025<br>VND |                | 1/1/2025<br>VND   |                |
|--------------------------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
|                                                  | Giá gốc           | Giá trị hợp lý | Giá gốc           | Giá trị hợp lý |
| Cho vay ký quỹ                                   | 5.248.085.441.739 | (*)            | 3.783.968.871.148 | (*)            |
| Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán | 584.105.681.573   | (*)            | 97.616.604.922    | (*)            |
|                                                  | 5.832.191.123.312 |                | 3.881.585.476.070 |                |

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản cho vay này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản cho vay này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản cho vay.

(d) Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

|                                                 | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|-------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (*) | 54.118.792.478    | 42.162.233.378  |

(\*) Toàn bộ các khoản cho vay bị suy giảm giá trị là các khoản cho vay đối với các cá nhân. Biến động dự phòng của các khoản cho vay trong năm như sau:

|                                                           | 2025<br>VND    | 2024<br>VND     |
|-----------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm                                             | 42.162.233.378 | 44.556.698.543  |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 26) | 11.956.559.100 | (2.394.465.165) |
| Số dư cuối năm                                            | 54.118.792.478 | 42.162.233.378  |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

|                                                                         | 31/12/2025<br>VND      | 1/1/2025<br>VND        |
|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Các khoản phải thu                                                      | 310.047.816.484        | 279.408.951.492        |
| <i>Phải thu bán các TSTC</i>                                            | <i>9.976.453</i>       | <i>543.380.024</i>     |
| <i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>        | <i>310.037.840.031</i> | <i>278.865.571.468</i> |
| <i>- Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi</i> | <i>126.268.974.794</i> | <i>104.733.271.572</i> |
| <i>- Dự thu lãi trái phiếu</i>                                          | <i>63.242.756.165</i>  | <i>45.241.547.945</i>  |
| <i>- Dự thu lãi hoạt động cho vay ký quỹ</i>                            | <i>119.317.362.827</i> | <i>128.854.072.055</i> |
| <i>- Dự thu tiền lãi từ hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>    | <i>1.208.746.245</i>   | <i>36.679.896</i>      |
| Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                            | 7.415.147.069          | 1.776.882.726          |
| <i>- Phải thu hoạt môi giới chứng khoán</i>                             | <i>1.615.488.822</i>   | <i>-</i>               |
| <i>- Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán</i>      | <i>1.000.000.000</i>   | <i>-</i>               |
| <i>- Phải thu hoạt động tư vấn</i>                                      | <i>1.919.053.429</i>   | <i>-</i>               |
| <i>- Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư</i>                             | <i>2.869.903.960</i>   | <i>1.776.882.726</i>   |
| <i>- Phải thu phí chuyển khoản chứng khoán</i>                          | <i>10.700.858</i>      | <i>-</i>               |
| Các khoản thu khác                                                      | 5.224.279.832          | 4.619.337.217          |
| <i>- Phải thu nhà đầu tư giao dịch phái sinh</i>                        | <i>5.159.687.299</i>   | <i>4.253.601.743</i>   |
| <i>- Phải thu phí giao dịch</i>                                         | <i>64.592.533</i>      | <i>365.735.474</i>     |
|                                                                         | 322.687.243.385        | 285.805.171.435        |

## 9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

|                                                             | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Thiết bị và Phát triển Công nghệ Trọng Điểm | 11.598.800.880    | -               |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT           | 3.489.167.648     | 2.485.103.200   |
| Công ty TNHH Pax Sky Sài Gòn                                | -                 | 1.685.056.730   |
| Trả trước cho người bán khác                                | 2.060.679.514     | 1.227.859.386   |
|                                                             | 17.148.648.042    | 5.398.019.316   |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

|                            | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Chi phí mua sắm nội thất   | 34.974.144        | 115.318.922     |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 495.000.409       | 135.237.065     |
| Chi phí trả trước khác     | 6.130.628.124     | 4.359.751.981   |
|                            | 6.660.602.677     | 4.610.307.968   |

### (b) Chi phí trả trước dài hạn

|                            | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Chi phí mua sắm nội thất   | 894.746.921       | 3.377.036.546   |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 3.030.404.466     | 1.538.656.205   |
| Chi phí trả trước khác     | 2.164.844.570     | 3.781.833.903   |
|                            | 6.089.995.957     | 8.697.526.654   |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                        | Phương tiện vận chuyển<br>VND | Thiết bị văn phòng<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| Nguyên giá             |                               |                           |                  |
| Số dư đầu năm          | 4.250.150.000                 | 19.084.706.971            | 23.334.856.971   |
| Mua trong năm          | -                             | 5.565.133.176             | 5.565.133.176    |
| Số dư cuối năm         | 4.250.150.000                 | 24.649.840.147            | 28.899.990.147   |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                               |                           |                  |
| Số dư đầu năm          | 2.283.347.521                 | 9.222.479.103             | 11.505.826.624   |
| Khấu hao trong năm     | 708.358.332                   | 4.379.137.911             | 5.087.496.243    |
| Số dư cuối năm         | 2.991.705.853                 | 13.601.617.014            | 16.593.322.867   |
| Giá trị còn lại        |                               |                           |                  |
| Số dư đầu năm          | 1.966.802.479                 | 9.862.227.868             | 11.829.030.347   |
| Số dư cuối năm         | 1.258.444.147                 | 11.048.223.133            | 12.306.667.280   |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 6.160 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 1.516 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

|                        | Phương tiện vận chuyển<br>VND | Thiết bị văn phòng<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| Nguyên giá             |                               |                           |                  |
| Số dư đầu năm          | 5.822.050.000                 | 13.696.891.767            | 19.518.941.767   |
| Mua trong năm          | -                             | 5.387.815.204             | 5.387.815.204    |
| Thanh lý trong năm     | (1.571.900.000)               | -                         | (1.571.900.000)  |
| Số dư cuối năm         | 4.250.150.000                 | 19.084.706.971            | 23.334.856.971   |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                               |                           |                  |
| Số dư đầu năm          | 1.584.848.804                 | 5.654.810.453             | 7.239.659.257    |
| Khấu hao trong năm     | 959.777.789                   | 3.567.668.650             | 4.527.446.439    |
| Thanh lý trong năm     | (261.279.072)                 | -                         | (261.279.072)    |
| Số dư cuối năm         | 2.283.347.521                 | 9.222.479.103             | 11.505.826.624   |
| Giá trị còn lại        |                               |                           |                  |
| Số dư đầu năm          | 4.237.201.196                 | 8.042.081.314             | 12.279.282.510   |
| Số dư cuối năm         | 1.966.802.479                 | 9.862.227.868             | 11.829.030.347   |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

|                        | Thiết bị máy chủ |                |
|------------------------|------------------|----------------|
|                        | 2025<br>VND      | 2024<br>VND    |
| Nguyên giá             |                  |                |
| Số dư đầu năm          | 51.823.316.600   | 20.991.823.600 |
| Tăng trong năm         | 38.109.944.000   | 30.831.493.000 |
| Số dư cuối năm         | 89.933.260.600   | 51.823.316.600 |
| Giá trị hao mòn lũy kế |                  |                |
| Số dư đầu năm          | 7.109.790.023    | 1.107.072.878  |
| Khấu hao trong năm     | 14.203.402.633   | 6.002.717.145  |
| Số dư cuối năm         | 21.313.192.656   | 7.109.790.023  |
| Giá trị còn lại        |                  |                |
| Số dư đầu năm          | 44.713.526.577   | 19.884.750.722 |
| Số dư cuối năm         | 68.620.067.944   | 44.713.526.577 |

Công ty thuê một số thiết bị máy chủ theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| Phần mềm máy vi tính                      |                |                |
|-------------------------------------------|----------------|----------------|
|                                           | 2025<br>VND    | 2024<br>VND    |
| Nguyên giá                                |                |                |
| Số dư đầu năm                             | 77.273.623.614 | 74.754.292.000 |
| Tăng trong năm                            | 818.050.000    | 2.519.331.614  |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 512.000.000    | -              |
| Số dư cuối năm                            | 78.603.673.614 | 77.273.623.614 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                    |                |                |
| Số dư đầu năm                             | 37.606.516.357 | 22.198.007.652 |
| Khấu hao trong năm                        | 16.122.807.094 | 15.408.508.705 |
| Số dư cuối năm                            | 53.729.323.451 | 37.606.516.357 |
| Giá trị còn lại                           |                |                |
| Số dư đầu năm                             | 39.667.107.257 | 52.556.284.348 |
| Số dư cuối năm                            | 24.874.350.163 | 39.667.107.257 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 11.266 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 9.061 triệu VND).

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

|                         | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|-------------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền nộp ban đầu        | 120.000.000       |                 |
| Tiền nộp bổ sung        | 12.703.905.696    | 11209001000     |
| Tiền lãi phân bổ lũy kế | 6.096.670.793     | 5.327.410.406   |
|                         | 18.920.576.489    | 16.576.642.324  |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 15. VAY NGẮN HẠN

|                                              | 1/1/2025<br>Giá trị ghi sổ<br>VND |                    | Biến động trong năm  |             | 31/12/2025<br>Giá trị ghi sổ<br>VND |
|----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------------|-------------|-------------------------------------|
|                                              |                                   | Tăng<br>VND        |                      | Giảm<br>VND |                                     |
| <b>Vay ngân hàng (i)</b>                     |                                   |                    |                      |             |                                     |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 2.556.892.186.800                 | 11.359.292.186.800 | (10.622.384.373.600) |             | 3.293.800.000.000                   |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam              | 395.000.000.000                   | 1.419.500.000.000  | (987.500.000.000)    |             | 827.000.000.000                     |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam         | -                                 | 1.575.000.000.000  | (810.000.000.000)    |             | 765.000.000.000                     |
| Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam             | -                                 | 1.280.000.000.000  | (690.000.000.000)    |             | 590.000.000.000                     |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong                    | 100.000.000.000                   | 1.500.000.000.000  | (1.250.000.000.000)  |             | 350.000.000.000                     |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam             | 200.000.000.000                   | 1.759.000.000.000  | (1.659.000.000.000)  |             | 300.000.000.000                     |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng          | 1.154.000.000.000                 | 970.000.000.000    | (1.924.000.000.000)  |             | 200.000.000.000                     |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam          | 765.000.000.000                   | 1.515.000.000.000  | (2.280.000.000.000)  |             | -                                   |
| Các tổ chức tín dụng khác                    | 647.500.000.000                   | 5.716.800.000.000  | (4.408.000.000.000)  |             | 1.956.300.000.000                   |
| <b>Vay khác (ii)</b>                         |                                   |                    |                      |             |                                     |
| Vay tổ chức                                  | 368.462.842.206                   | 14.163.942.397.399 | (14.109.579.184.201) |             | 422.826.055.404                     |
| Vay cá nhân                                  | 307.442.125.117                   | 7.135.442.291.447  | (6.845.638.252.581)  |             | 597.246.163.983                     |
|                                              | 6.494.297.154.123                 | 48.393.976.875.646 | (45.586.101.810.382) |             | 9.302.172.219.387                   |

(i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay tín dụng từ các ngân hàng chịu lãi suất năm từ 3,50% đến 8,60% (1/1/2025: từ 2,40% đến 6,50%), có tài sản bảo đảm là các khoản tiền và tương đương tiền/tiền gửi có kỳ hạn/chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu các ngân hàng với tổng giá trị ghi sổ là 6.266.750.000.000 VND (1/1/2025: 5.135.323.660.000 VND) (các Thuyết minh 5, 7(a) và 77(b)).

(ii) Các khoản vay khác từ các tổ chức và cá nhân chịu lãi suất năm từ 0,20% đến 9,47%, không có tài sản bảo đảm (1/1/2025: từ 0,20% đến 9,80%).

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 16. CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

|                             | 31/12/2025                                          |                      |                | 1/1/2025                                            |                      |                |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|----------------|-----------------------------------------------------|----------------------|----------------|
|                             | Tổng khoản thanh toán<br>tiền thuê tài chính<br>VND | Tiền lãi thuê<br>VND | Nợ gốc<br>VND  | Tổng khoản thanh toán<br>tiền thuê tài chính<br>VND | Tiền lãi thuê<br>VND | Nợ gốc<br>VND  |
| Trong vòng một năm          | 21.544.922.637                                      | 1.895.911.983        | 19.649.010.654 | 12.429.747.597                                      | 797.421.885          | 11.632.325.712 |
| Từ trên một năm đến năm năm | 29.439.411.241                                      | 2.395.047.415        | 27.044.363.826 | 18.795.294.926                                      | 452.747.695          | 18.342.547.231 |
|                             | 50.984.333.878                                      | 4.290.959.398        | 46.693.374.480 | 31.225.042.523                                      | 1.250.169.580        | 29.974.872.943 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

|                                                                | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|----------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán                              | 13.730.154.047    | 5.934.002.572   |
| Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và<br>Bù trừ chứng khoán Việt Nam | 8.047.199.166     | 1.202.071.356   |
|                                                                | 21.777.353.213    | 7.136.073.928   |

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                                      | 1/1/2025<br>VND | Số phải<br>nộp trong năm<br>VND | Số đã nộp/khấu trừ<br>trong năm<br>VND | 31/12/2025<br>VND |
|--------------------------------------|-----------------|---------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                | 157.892.014     | 1.521.327.342                   | (1.097.398.756)                        | 581.820.600       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp           | 8.469.486.450   | 67.624.823.681                  | (67.920.809.011)                       | 8.173.501.120     |
| Thuế thu nhập cá nhân                | 16.867.932.633  | 270.556.805.664                 | (261.941.555.434)                      | 25.483.182.863    |
| Trong đó:                            |                 |                                 |                                        |                   |
| Thuế thu nhập cá nhân của Nhà đầu tư | 13.674.700.074  | 246.392.513.534                 | (236.367.671.400)                      | 23.699.542.208    |
| Các loại thuế khác                   | 157.170.001     | 719.155.354                     | (796.417.633)                          | 79.907.722        |
|                                      | 25.652.481.098  | 340.422.112.041                 | (331.756.180.834)                      | 34.318.412.305    |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

|                                      | 1/1/2024<br>VND | Số phải<br>nộp trong năm<br>VND | Số đã nộp/khấu trừ<br>trong năm<br>VND | 31/12/2024<br>VND |
|--------------------------------------|-----------------|---------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                | 5.743.363       | 529.700.965                     | (377.552.314)                          | 157.892.014       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp           | 24.610.992.235  | 45.732.485.597                  | (61.873.991.382)                       | 8.469.486.450     |
| Thuế thu nhập cá nhân                | 5.621.377.859   | 189.164.478.953                 | (177.917.924.179)                      | 16.867.932.633    |
| Trong đó:                            |                 |                                 |                                        |                   |
| Thuế thu nhập cá nhân của Nhà đầu tư | 4.837.069.702   | 170.589.118.655                 | (161.751.488.283)                      | 13.674.700.074    |
| Các loại thuế khác                   | 39.863.546      | 1.316.179.100                   | (1.198.872.645)                        | 157.170.001       |
|                                      | 30.277.977.003  | 236.742.844.615                 | (241.368.340.520)                      | 25.652.481.098    |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                                 | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|
| Lãi dự trả cho các hợp đồng vay | 61.475.689.502    | 24.065.558.414  |
| Lãi dự trả trái phiếu phát hành | 26.884.931.507    | -               |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác  | 36.000.000        | 36.000.000      |
|                                 | 88.396.621.009    | 24.101.558.414  |

## 20. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH DÀI HẠN

|                                       | Loại<br>tiền | Lãi suất<br>năm | Năm<br>đáo hạn | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|---------------------------------------|--------------|-----------------|----------------|-------------------|-----------------|
| Trái phiếu phát hành<br>theo mệnh giá |              |                 |                |                   |                 |
| DSE125004                             | VND          | 8,50%           | 2027           | 300.000.000.000   | -               |
| DSE125018                             | VND          | 8,30%           | 2027           | 1.000.000.000.000 | -               |
| Chi phí phát hành                     |              |                 |                | (2.147.206.498)   | -               |
|                                       |              |                 |                | 1.297.852.793.502 | -               |

Trái phiếu Công ty phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, có kỳ hạn gốc là 24 tháng, kỳ trả lãi 6 tháng/lần. Trái phiếu Công ty phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trái phiếu Công ty phát hành có mệnh giá 56.237.000.000 VND được một bên liên quan là Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát) sở hữu.



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 21. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

|                                                                 | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:                                |                   |                 |
| Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 130.243.711       | 59.671.666      |

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

|                                                                 | 1/1/2025<br>VND | Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND | 31/12/2025<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------|
| Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 298.358.329     | 352.860.228                                                 | 651.218.557       |

|                                                                 | 1/1/2024<br>VND | Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND | 31/12/2024<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------|
| Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 306.488.748     | (8.130.419)                                                 | 298.358.329       |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 22. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

### (a) Vốn cổ phần

|                           | 31/12/2025  |                   | 1/1/2025    |                   |
|---------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
|                           | Số cổ phiếu | VND               | Số cổ phiếu | VND               |
| Vốn cổ phần được duyệt    | 342.600.000 | 3.426.000.000.000 | 330.000.000 | 3.300.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành  |             |                   |             |                   |
| Cổ phiếu phổ thông        | 342.600.000 | 3.426.000.000.000 | 330.000.000 | 3.300.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành |             |                   |             |                   |
| Cổ phiếu phổ thông        | 342.600.000 | 3.426.000.000.000 | 330.000.000 | 3.300.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### (b) Biến động vốn cổ phần

|                                                                      | 31/12/2025  |                   | 1/1/2025    |                   |
|----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
|                                                                      | Số cổ phiếu | VND               | Số cổ phiếu | VND               |
| Số dư đầu năm                                                        | 342.600.000 | 3.426.000.000.000 | 330.000.000 | 3.300.000.000.000 |
| Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (*) | 12.600.000  | 126.000.000.000   | -           | -                 |
| Cổ phiếu phát hành cho công chúng (**)                               | -           | -                 | 30.000.000  | 300.000.000.000   |
| Số dư cuối năm                                                       | 342.600.000 | 3.426.000.000.000 | 330.000.000 | 3.300.000.000.000 |

(\*) Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025.

(\*\*) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành cổ phiếu bằng hình thức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Nghị quyết số 02.1/2023/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông.

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 23. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty chứng khoán

|                                      | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng   | 1.240.940.930.000                          | 135.418.200.000                          |
| TSTC chờ thanh toán                  | 9.900.000                                  | 537.100.000                              |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố   | 665.000.000.000                            | 150.000.000.000                          |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 100.000.000.000                            | -                                        |
|                                      | 2.005.950.830.000                          | 285.955.300.000                          |

(b) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

|                                                                             | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | -                                          | 1.000.000                                |

(c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán

|            | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| Trái phiếu | 1.949.200.000                              | 124.900.000                              |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 23. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(d) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

|                                    | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng | 15.996.370.207.510                         | 13.607.403.860.000                       |
| TSTC hạn chế chuyển nhượng         | 533.682.280.000                            | 2.491.165.540.000                        |
| TSTC giao dịch cầm cố              | 1.145.909.690.000                          | 469.837.510.000                          |
| TSTC phong tỏa, tạm giữ            | 89.686.340.000                             | -                                        |
| TSTC chờ thanh toán                | 705.757.250.000                            | 166.355.130.000                          |
|                                    | 18.471.405.767.510                         | 16.734.762.040.000                       |

(e) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

|                                                                  | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng   | 129.979.290.000                            | 33.898.400.000                           |
| TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 162.416.200.000                            | 457.486.260.000                          |
|                                                                  | 292.395.490.000                            | 491.384.660.000                          |

(f) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

|            | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| Dưới 1 năm | 436.299.670.000                            | 193.294.460.000                          |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 23. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(g) TSTC được hưởng quyền của Nhà đầu tư

|                                      | 31/12/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND | 1/1/2025<br>Giá trị theo mệnh giá<br>VND |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|
| TSTC được hưởng quyền của Nhà đầu tư | 282.334.370.000                            | -                                        |

(h) Tiền gửi của khách hàng

|                                                                                                     | 31/12/2025<br>VND        | 1/1/2025<br>VND        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| 1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý                   | 2.729.901.997.439        | 941.995.361.434        |
| <i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i> | <i>2.729.901.997.439</i> | <i>941.995.361.434</i> |
| 2. Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC                                                | 173.058.750.046          | 397.689.451.143        |
| 3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng                                           | 59.401.011               | 7.102.118              |
| 4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư                               | 253.661.867.891          | 45.108.907.433         |
| <i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>             | <i>234.706.720.590</i>   | <i>41.230.123.230</i>  |
| <i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>             | <i>18.955.147.301</i>    | <i>3.878.784.203</i>   |
|                                                                                                     | 3.156.682.016.387        | 1.384.800.822.128      |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 23. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(i) Phải trả Nhà đầu tư

|                                                                                                                | 31/12/2025<br>VND        | 1/1/2025<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý: |                          |                        |
| <i>Của nhà đầu tư trong nước</i>                                                                               | <i>2.964.668.119.040</i> | <i>983.232.586.782</i> |
| <i>Của nhà đầu tư nước ngoài</i>                                                                               | <i>18.955.147.301</i>    | <i>3.878.784.203</i>   |
| <i>Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC</i>                                                        | <i>173.058.750.046</i>   | <i>397.689.451.143</i> |
|                                                                                                                | 3.156.682.016.387        | 1.384.800.822.128      |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(a) Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

| 2025 |                                | Số lượng bán<br>Đơn vị | Giá bán bình quân<br>VND | Tổng giá trị bán<br>VND | Giá vốn<br>VND     | Lãi bán các TSTC ghi nhận<br>thông qua lãi/lỗ<br>VND |
|------|--------------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|
|      | Cổ phiếu niêm yết              | 27.003.977             | 17.088                   | 461.450.916.860         | 404.741.404.268    | 56.709.512.592                                       |
|      | Chứng chỉ quỹ niêm yết         | 1.846.767              | 11.024                   | 20.358.511.376          | 19.618.743.890     | 739.767.486                                          |
|      | Chứng chỉ tiền gửi             | 8.421.612              | 255.063                  | 2.148.038.135.849       | 2.140.555.952.898  | 7.482.182.951                                        |
|      | Trái phiếu chưa niêm yết       | 1.003.870              | 2.979.942                | 2.991.473.972.859       | 2.985.575.280.972  | 5.898.691.887                                        |
|      | Trái phiếu niêm yết            | 145.302.851            | 104.499                  | 15.184.030.441.891      | 15.119.926.425.596 | 64.104.016.295                                       |
|      | Các công cụ phái sinh niêm yết | 5                      | 130.650.000              | 653.250.000             | 652.000.000        | 1.250.000                                            |
|      |                                |                        |                          | 20.806.005.228.835      | 20.671.069.807.624 | 134.935.421.211                                      |

| 2024 |                          | Số lượng bán<br>Đơn vị | Giá bán bình quân<br>VND | Tổng giá trị bán<br>VND | Giá vốn<br>VND     | Lãi bán các TSTC ghi nhận<br>thông qua lãi/lỗ<br>VND |
|------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|
|      | Cổ phiếu niêm yết        | 1.713.661              | 29.575                   | 50.681.883.420          | 47.936.891.334     | 2.744.992.086                                        |
|      | Chứng chỉ tiền gửi       | 35.208.301             | 182.054                  | 6.409.804.686.469       | 6.376.570.660.295  | 33.234.026.174                                       |
|      | Trái phiếu chưa niêm yết | 5.800.300              | 457.322                  | 2.652.602.467.420       | 2.641.505.059.590  | 11.097.407.830                                       |
|      | Trái phiếu niêm yết      | 39.373.039             | 114.683                  | 4.515.425.370.274       | 4.513.901.703.209  | 1.523.667.065                                        |
|      |                          |                        |                          | 13.628.514.407.583      | 13.579.914.314.428 | 48.600.093.155                                       |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

| 2025                                                               |                   |                                            |                                     |                                       |                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|                                                                    | Giá gốc VND       | Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND | Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND | Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND | Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm VND |
| Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ                        |                   |                                            |                                     |                                       |                                                                          |
| Cổ phiếu niêm yết                                                  | 371.477.124.752   | 355.944.573.593                            | (15.532.551.159)                    | (31.161.468.810)                      | 15.628.917.651                                                           |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam                      | 369.762.256.480   | 354.127.303.500                            | (15.634.952.980)                    | 2.798.434                             | (15.637.751.414)                                                         |
| Công ty Cổ phần Vinhomes                                           | -                 | -                                          | -                                   | (2.925.920.000)                       | 2.925.920.000                                                            |
| Các cổ phiếu khác                                                  | 1.714.868.272     | 1.817.270.093                              | 102.401.821                         | (28.238.347.244)                      | 28.340.749.065                                                           |
| Trái phiếu niêm yết                                                | 872.928.186.606   | 863.593.678.529                            | (9.334.508.077)                     | (3.379.267.694)                       | (5.955.240.383)                                                          |
| Trái phiếu chưa niêm yết                                           | 821.401.199.450   | 821.401.199.450                            | -                                   | -                                     | -                                                                        |
| Chứng chỉ quỹ niêm yết                                             | 6.828.389.699     | 6.931.356.210                              | 102.966.511                         | 142.437.559                           | (39.471.048)                                                             |
| Chứng chỉ tiền gửi                                                 | 37.600.000.000    | 37.600.000.000                             | -                                   | -                                     | -                                                                        |
|                                                                    | 2.110.234.900.507 | 2.085.470.807.782                          | (24.764.092.725)                    | (34.398.298.945)                      | 9.634.206.220                                                            |
| Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:                                    |                   |                                            |                                     |                                       |                                                                          |
| Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ |                   |                                            |                                     |                                       | 352.860.228                                                              |
| Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ |                   |                                            |                                     |                                       | (9.281.345.992)                                                          |
| Lãi chưa thực hiện trong năm                                       |                   |                                            |                                     |                                       | 9.634.206.220                                                            |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

### (b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

| 2024 |                                                                    | Giá gốc<br>VND         | Giá trị thị trường<br>hoặc giá trị hợp lý<br>VND | Chênh lệch<br>đánh giá lại năm nay<br>VND | Chênh lệch<br>đánh giá lại năm trước<br>VND | Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi<br>nhận thông qua lãi/lỗ trong năm<br>VND |
|------|--------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|      | Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ                        |                        |                                                  |                                           |                                             |                                                                                |
|      | <b>Cổ phiếu niêm yết</b>                                           | <b>135.468.827.029</b> | <b>104.307.358.219</b>                           | <b>(31.161.468.810)</b>                   | <b>(6.416.644.316)</b>                      | <b>(24.744.824.494)</b>                                                        |
|      | Công ty Cổ phần Vinhomes                                           | 42.925.920.000         | 40.000.000.000                                   | (2.925.920.000)                           | -                                           | (2.925.920.000)                                                                |
|      | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín                    | -                      | -                                                | -                                         | (5.642.553.788)                             | 5.642.553.788                                                                  |
|      | Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP                                   | -                      | -                                                | -                                         | (758.838.410)                               | 758.838.410                                                                    |
|      | Các cổ phiếu khác                                                  | 92.542.907.029         | 64.307.358.219                                   | (28.235.548.810)                          | (15.252.118)                                | (28.220.296.692)                                                               |
|      | <b>Trái phiếu niêm yết</b>                                         | <b>64.010.188.198</b>  | <b>60.630.920.504</b>                            | <b>(3.379.267.694)</b>                    | <b>-</b>                                    | <b>(3.379.267.694)</b>                                                         |
|      | <b>Chứng chỉ quỹ niêm yết</b>                                      | <b>2.003.888.561</b>   | <b>2.146.326.120</b>                             | <b>142.437.559</b>                        | <b>284.186.137</b>                          | <b>(141.748.578)</b>                                                           |
|      |                                                                    | <b>201.482.903.788</b> | <b>167.084.604.843</b>                           | <b>(34.398.298.945)</b>                   | <b>(6.132.458.179)</b>                      | <b>(28.265.840.766)</b>                                                        |
|      | <b>Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:</b>                             |                        |                                                  |                                           |                                             |                                                                                |
|      | Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ |                        |                                                  |                                           |                                             | (8.130.419)                                                                    |
|      | Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ |                        |                                                  |                                           |                                             | 28.257.710.347                                                                 |
|      | <b>Lỗ chưa thực hiện trong năm</b>                                 |                        |                                                  |                                           |                                             | <b>(28.265.840.766)</b>                                                        |

### (c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

|                                              | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ        | 36.101.509.457  | (724.306.139)   |
| - Cổ tức                                     | 2.825.981.500   | 11.450.601      |
| - Tiền lãi                                   | 33.275.527.957  | (735.756.740)   |
| Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 303.909.949.880 | 245.031.636.946 |
| Từ các khoản cho vay                         | 555.796.512.779 | 360.548.475.343 |
|                                              | 895.807.972.116 | 604.855.806.150 |

### (d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

|                                                            | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán                   | 404.020.124.118 | 144.838.599.511 |
| Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 2.918.036.504   | -               |
| Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán              | 926.275.651     | 682.848.455     |
| Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                     | 7.931.993.005   | 5.647.148.100   |
| Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính                       | 2.044.594.026   | -               |
| Thu nhập hoạt động khác                                    | 8.974.949.282   | 2.795.604.695   |
|                                                            | 426.815.972.586 | 153.964.200.761 |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 25. LỖ BÁN CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ

| 2025                     |                        |                          |                         |                    |                                   |
|--------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------------------|
|                          | Số lượng bán<br>Đơn vị | Giá bán bình quân<br>VND | Tổng giá trị bán<br>VND | Giá vốn<br>VND     | Lỗ bán chứng khoán năm nay<br>VND |
| Cổ phiếu niêm yết        | 8.190.430              | 13.310                   | 109.012.215.942         | 109.210.374.965    | (198.159.023)                     |
| Chứng chỉ quỹ niêm yết   | 100.000                | 9.991                    | 999.073.833             | 1.014.617.023      | (15.543.190)                      |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 250                    | 96.074.305               | 24.018.576.250          | 24.800.000.000     | (781.423.750)                     |
| Trái phiếu niêm yết      | 113.588.463            | 114.312                  | 12.984.505.916.190      | 13.014.836.744.404 | (30.330.828.214)                  |
|                          |                        |                          | 13.118.535.782.215      | 13.149.861.736.392 | (31.325.954.177)                  |

| 2024                     |                        |                          |                         |                    |                                   |
|--------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------------------|
|                          | Số lượng bán<br>Đơn vị | Giá bán bình quân<br>VND | Tổng giá trị bán<br>VND | Giá vốn<br>VND     | Lỗ bán chứng khoán năm nay<br>VND |
| Cổ phiếu niêm yết        | 1.761.581              | 28.880                   | 50.874.574.820          | 52.391.915.228     | (1.517.340.408)                   |
| Chứng chỉ tiền gửi       | 9.217.050              | 216.440                  | 1.994.938.899.936       | 2.000.209.293.550  | (5.270.393.614)                   |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 74.179.462             | 108.801                  | 8.070.827.089.987       | 8.074.289.695.346  | (3.462.605.359)                   |
|                          |                        |                          | 10.116.640.564.743      | 10.126.890.904.124 | (10.250.339.381)                  |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 26. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TSTC VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

|                                                   | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|---------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí đi vay của các khoản cho vay              | 351.031.751.595 | 184.955.301.561 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 7(d)) | 11.956.559.100  | (2.394.465.165) |
|                                                   | 362.988.310.695 | 182.560.836.396 |

## 27. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

|                                    | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Phí giao dịch chứng khoán môi giới | 195.747.550.421 | 56.274.089.044  |
| Chi phí hoa hồng môi giới          | 166.181.240.933 | 52.796.100.635  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 32.208.672.739  | 23.493.142.282  |
| Chi phí quản lý hoạt động môi giới | 23.997.948.678  | 20.909.149.632  |
| Chi phí công cụ dụng cụ            | 13.522.084.529  | 8.156.117.954   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 11.949.146.012  | 7.312.570.961   |
| Chi phí khác                       | 21.249.446.004  | 5.886.779.192   |
|                                    | 464.856.089.316 | 174.827.949.700 |

## 28. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

|                            | 2025<br>VND    | 2024<br>VND    |
|----------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí lưu ký trả VSDC    | 7.436.509.491  | 5.762.897.494  |
| Chi phí vị thế trả VSDC    | 1.692.279.450  | 3.144.649.800  |
| Phí quản lý tài sản ký quỹ | 2.441.651.037  | 1.969.594.537  |
|                            | 11.570.439.978 | 10.877.141.831 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

|                                                                    | 2025<br>VND   | 2024<br>VND   |
|--------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho tổ chức phát hành | 82.766.993    | 30.401.250    |
| Chi phí lương và các khoản khác theo lương                         | 7.278.792.205 | 6.062.527.963 |
| Chi phí khác                                                       | 1.720.355.059 | 1.408.933.271 |
|                                                                    | 9.081.914.257 | 7.501.862.484 |

## 30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                                     | 2025<br>VND   | 2024<br>VND   |
|-----------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn                 | 7.532.375.333 | 4.943.889.910 |
| Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | -             | 600.001.345   |
| Doanh thu khác về đầu tư                            | -             | 21.698.630    |
|                                                     | 7.532.375.333 | 5.565.589.885 |

## 31. CHI PHÍ LÃI VAY, LÃI TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

|                                                                | 2025<br>VND    | 2024<br>VND    |
|----------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí lãi vay                                                | 27.297.100.359 | 20.827.345.669 |
| Chi phí lãi trái phiếu phát hành                               | 39.529.931.507 | -              |
| Chi phí lãi liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản | -              | 7.212.494.287  |
|                                                                | 66.827.031.866 | 28.039.839.956 |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

|                                             | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|---------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Chi phí lương và các khoản khác theo lương  | 99.395.567.483  | 80.023.995.918  |
| Chi phí vật tư văn phòng và công cụ dụng cụ | 4.500.134.139   | 4.820.743.235   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định            | 3.205.033.231   | 2.445.530.007   |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí                 | 1.278.878.026   | 1.592.427.473   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 62.688.541.165  | 52.829.954.878  |
| Chi phí khác                                | 10.336.106.533  | 10.196.859.874  |
|                                             | 181.404.260.577 | 151.909.511.385 |

## 33. THU NHẬP KHÁC

|                                             | 2025<br>VND   | 2024<br>VND    |
|---------------------------------------------|---------------|----------------|
| Tiền phạt thu được từ đối tác               | 1.620.000.000 | 14.846.600.000 |
| Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -             | 959.090.909    |
| Các khoản khác                              | 148.846.008   | 146.791.475    |
|                                             | 1.768.846.008 | 15.952.482.384 |

## 34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

|                                                    | 2025<br>VND    | 2024<br>VND    |
|----------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                 |                |                |
| Năm hiện hành                                      | 67.624.823.681 | 45.730.615.901 |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước        | -              | 1.869.696      |
|                                                    | 67.624.823.681 | 45.732.485.597 |
| <b>Chi phí TNDN hoãn lại</b>                       |                |                |
| Chi phí/(lợi ích) phát sinh từ chênh lệch tạm thời | 70.572.045     | (1.626.084)    |
| Chi phí thuế TNDN                                  | 67.695.395.726 | 45.730.859.513 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

|                                             | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|---------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                | 340.225.022.364 | 227.501.485.005 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty        | 68.045.004.473  | 45.500.297.001  |
| Chi phí không được khấu trừ thuế            | 215.587.553     | 230.982.936     |
| Thu nhập không bị tính thuế                 | (565.196.300)   | (2.290.120)     |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước | -               | 1.869.696       |
|                                             | 67.695.395.726  | 45.730.859.513  |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

## 35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

|                           | 2025<br>VND     | 2024<br>VND     |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 272.529.626.638 | 181.770.625.492 |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

|                                                                                                        | 2025<br>Cổ phiếu | 2024<br>(trình bày lại)<br>Cổ phiếu | 2024<br>(theo báo cáo<br>trước đây)<br>Cổ phiếu |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông phát hành năm trước mang sang                                                       | 330.000.000      | 330.000.000                         | 330.000.000                                     |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ra công chúng trong năm 2024                             | -                | 26.885.246                          | 26.885.246                                      |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động trong năm 2025 | 5.974.521        | -                                   | -                                               |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm 2026                                           | 28.221.860       | 27.458.361                          | -                                               |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12                  | 364.196.381      | 354.343.607                         | 326.885.246                                     |

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                         | 2025 | 2024<br>(trình bày lại) | 2024<br>(theo báo cáo<br>trước đây) |
|-----------------------------------------|------|-------------------------|-------------------------------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 748  | 513                     | 556                                 |

Trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và, do đó, không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(d) Điều chỉnh lại số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và lịch thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là ngày 12 tháng 1 năm 2026 với tỷ lệ thực hiện là 4:1 (4 cổ phiếu tương ứng với 4 quyền mua sẽ được 1 cổ phiếu mới). Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT. Theo đó, Công ty sẽ dự kiến phát hành thêm 85.650.000 cổ phiếu, với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm 2024 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh lại như sau:

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

|                                                                                   | Số cổ phiếu phổ thông<br>bình quân gia quyền | Lãi cơ bản trên cổ phiếu<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
| Số báo cáo trước đây                                                              | 326.885.246                                  | 556                             |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 | 27.458.361                                   | (43)                            |
| Số điều chỉnh lại                                                                 | 354.343.607                                  | 513                             |

## 36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

|                                                                          | Số dư tại ngày    |                   |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                                                          | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND   |
| <b>Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)</b>  |                   |                   |
| Phải thu phí lưu ký                                                      | 9.455.751         | 617.333           |
| Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty | 448.264.343.414   | 7.335.629.357     |
| Trái phiếu phát hành dài hạn của Công ty                                 | 56.237.000.000    | -                 |
| Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty                                | 330.000.000.000   | 330.000.000.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)</b>       |                   |                   |
| Phải thu phí lưu ký                                                      | 9.171.126         | 3.033.553         |
| Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty | 45.904.744.682    | 443.457.804       |
| Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty                                | 1.683.000.000.000 | 1.683.000.000.000 |
| <b>Quý Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)</b>                                |                   |                   |
| Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty                                | 332.809.000.000   | 364.926.000.000   |
| <b>Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS</b>                         |                   |                   |
| Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty | 769.306.299       | 834.879.919       |
| Phải trả gốc và lãi vay ngắn hạn                                         | 5.802.818.034     | 2.043.058.579     |
| Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty                                | 73.459.420.000    | 3.906.020.000     |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

|                                                                                                                                                    | Giá trị giao dịch  |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
|                                                                                                                                                    | 2025 VND           | 2024 VND          |
| <b>Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)</b>                                                                                 |                    |                   |
| Cổ tức đã công bố và đã trả                                                                                                                        | -                  | 168.300.000.000   |
| Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ                                                                                                                   | 1.567.079.000      | 576.211.546       |
| Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán                                                                                                      | 107.986.838        | 25.497.438        |
| Doanh thu phí giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác                                                                                                | 569.975.533        | 17.194.616        |
| Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty                                                        | 3.285.059.609.838  | 1.252.838.209.761 |
| Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty                                                        | 3.239.598.322.960  | 1.252.450.664.616 |
| <b>Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)</b>                                                                            |                    |                   |
| Cổ tức đã công bố và đã trả                                                                                                                        | -                  | 33.000.000.000    |
| Chi phí dịch vụ tư vấn                                                                                                                             | -                  | 23.876.370.000    |
| Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán                                                                                                      | 452.913.139        | 51.755.536        |
| Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty                                                        | 10.184.740.926.916 | 1.921.819.755.536 |
| Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty                                                        | 9.743.812.212.859  | 1.914.518.127.608 |
| Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác                                                                                                    | 270.210.892        | 51.127.608        |
| Chi phí lãi trái phiếu                                                                                                                             | 3.152.820          | -                 |
| Phát hành trái phiếu cho bên liên quan                                                                                                             | 147.706.200.000    | -                 |
| <b>Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)</b>                                                                                                          |                    |                   |
| Cổ tức đã công bố và đã trả                                                                                                                        | -                  | 36.246.300.000    |
| Doanh thu phí giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác                                                                                                | 256.239.744        | 40.433.552        |
| <b>Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS</b>                                                                                                   |                    |                   |
| Cổ tức đã công bố và đã trả                                                                                                                        | -                  | 390.602.000       |
| Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán và lãi vay                                                                                           | 286.154.013        | 139.886.646       |
| Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty                                                        | 123.036.039.609    | 14.189.367.838    |
| Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty                                                        | 122.818.751.833    | 14.123.997.656    |
| Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty | -                  | 22.153.895        |
| Doanh thu phí giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác                                                                                                | 35.234.642         | 16.989.051        |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

|                                                     |                                                               | Giá trị giao dịch |               |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|
|                                                     |                                                               | 2025 VND          | 2024 VND      |
| <b>Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị</b> |                                                               |                   |               |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang                              | Chủ tịch                                                      | 1.350.000.000     | 1.350.000.000 |
| Ông Lê Anh Tuấn                                     | Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Chi nhánh                          | 1.350.000.000     | 1.350.000.000 |
| Bà Phạm Thị Thanh Hoa                               | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc                            | 100.000.000       | 100.000.000   |
| Bà Nguyễn Thị Hà Ninh                               | Thành viên                                                    | 100.000.000       | 100.000.000   |
| Ông Bùi Anh Dũng                                    | Thành viên độc lập                                            | 100.000.000       | 100.000.000   |
| <b>Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc</b>           |                                                               |                   |               |
| Bà Nguyễn Ngọc Linh                                 | Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2025)                              | 1.582.655.303     | -             |
| Bà Phạm Thị Thanh Hoa                               | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2025)       | 860.892.562       | 1.969.000.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Việt                               | Phó Tổng Giám đốc                                             | 1.926.000.000     | 988.818.182   |
| Ông Phan Nguyễn Hữu Phương                          | Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh                      | 720.750.000       | 880.364.087   |
| Ông Lê Anh Tuấn                                     | Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày 13/3/2024) | -                 | 452.694.805   |

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### (a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Tự doanh, môi giới – lưu ký, bảo lãnh – tư vấn và kinh doanh nguồn vốn.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                                                         | Tự doanh<br>VND | Môi giới – lưu ký<br>VND | Bảo lãnh – tư vấn<br>VND | Kinh doanh nguồn vốn<br>VND | Không phân bổ<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|---------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán     | 171.389.790.896 | 411.952.117.123          | 5.888.906.181            | 867.238.837.992             | 8.974.949.282        | 1.465.444.601.474 |
| Chi phí hoạt động trực tiếp                             | 25.712.121.055  | 476.426.529.294          | 3.020.494.437            | 430.547.836.063             | 9.081.914.257        | 944.788.895.106   |
| Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận                 | 21.215.976.542  | 50.994.673.647           | 728.975.132              | 107.353.645.434             | 1.110.989.822        | 181.404.260.577   |
| Lãi từ kết quả hoạt động khác                           | -               | -                        | -                        | -                           | 973.576.573          | 973.576.573       |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế | 124.461.693.299 | (115.469.085.818)        | 2.139.436.612            | 329.337.356.495             | (244.378.224)        | 340.225.022.364   |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                                     | Tự doanh<br>VND   | Môi giới – lưu ký<br>VND | Bảo lãnh – tư vấn<br>VND | Kinh doanh nguồn vốn<br>VND | Không phân bổ<br>VND | Tổng cộng<br>VND   |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|--------------------|
| Tài sản chia theo bộ phận           | 2.085.480.784.235 | 7.415.147.069            | -                        | 12.865.175.212.463          | -                    | 14.958.071.143.767 |
| Tài sản không chia theo bộ phận     | -                 | -                        | -                        | -                           | 181.155.561.138      | 181.155.561.138    |
| Tổng tài sản                        | 2.085.480.784.235 | 7.415.147.069            | -                        | 12.865.175.212.463          | 181.155.561.138      | 15.139.226.704.905 |
| Nợ phải trả chia theo bộ phận       | -                 | 22.469.250.832           | -                        | 10.735.079.008.378          | -                    | 10.757.548.259.210 |
| Nợ phải trả không chia theo bộ phận | -                 | -                        | -                        | -                           | 79.348.634.700       | 79.348.634.700     |
| Tổng nợ phải trả                    | -                 | 22.469.250.832           | -                        | 10.735.079.008.378          | 79.348.634.700       | 10.836.896.893.910 |



# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### (a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                                                         | Tự doanh VND    | Môi giới – lưu ký VND | Bảo lãnh – tư vấn VND | Kinh doanh nguồn vốn VND | Không phân bổ VND | Tổng cộng VND   |
|---------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------|-----------------|
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán     | 47.867.656.597  | 150.485.747.611       | 682.848.455           | 611.145.702.174          | 2.795.604.695     | 812.977.559.532 |
| Chi phí hoạt động trực tiếp                             | 41.138.426.659  | 185.705.091.531       | 2.571.323.200         | 210.611.940.132          | 7.501.862.484     | 447.528.644.006 |
| Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận                 | 8.944.345.683   | 28.119.123.489        | 127.594.143           | 114.196.073.328          | 522.374.742       | 151.909.511.385 |
| Lãi từ kết quả hoạt động khác                           | -               | -                     | -                     | -                        | 13.962.080.864    | 13.962.080.864  |
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế | (2.215.115.745) | (63.338.467.409)      | (2.016.068.888)       | 286.337.688.714          | 8.733.448.333     | 227.501.485.005 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

|                                     | Tự doanh VND    | Môi giới – lưu ký VND | Bảo lãnh – tư vấn VND | Kinh doanh nguồn vốn VND | Không phân bổ VND | Tổng cộng VND      |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------|--------------------|
| Tài sản chia theo bộ phận           | 167.627.984.867 | 1.776.882.726         | -                     | 10.314.807.376.371       | -                 | 10.484.212.243.964 |
| Tài sản không chia theo bộ phận     | -               | -                     | -                     | -                        | 153.039.874.308   | 153.039.874.308    |
| Tổng tài sản                        | 167.627.984.867 | 1.776.882.726         | -                     | 10.314.807.376.371       | 153.039.874.308   | 10.637.252.118.272 |
| Nợ phải trả chia theo bộ phận       | -               | 11.962.409.313        | -                     | 6.548.337.585.480        | -                 | 6.560.299.994.793  |
| Nợ phải trả không chia theo bộ phận | -               | -                     | -                     | -                        | 47.151.939.122    | 47.151.939.122     |
| Tổng nợ phải trả                    | -               | 11.962.409.313        | -                     | 6.548.337.585.480        | 47.151.939.122    | 6.607.451.933.915  |

### (b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

# Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

## 38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

|                  | 31/12/2025<br>VND | 1/1/2025<br>VND |
|------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng 1 năm | 13.754.630.208    | 11.449.986.360  |
| Từ 2 – 5 năm     | 24.184.968.434    | 31.852.700.140  |
|                  | 37.939.598.642    | 43.302.686.500  |

## 39. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## 40. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 7% mệnh giá (1 cổ phiếu nhận được 700 VND) với tổng số tiền là 239.820.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 38/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và lịch thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là ngày 12 tháng 1 năm 2026 với tỷ lệ thực hiện là 4:1 (4 cổ phiếu tương ứng với 4 quyền mua sẽ được 1 cổ phiếu mới). Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT. Theo đó, Công ty sẽ dự kiến phát hành thêm 85.650.000 cổ phiếu, với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 23 tháng 2 năm 2026, Công ty điều chỉnh thời gian chuyển nhượng quyền mua, thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, theo đó gia hạn thời gian đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu đến hết ngày 16 tháng 3 năm 2026, quy định trong Nghị quyết số 05/2026/NQ-DNSE-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Ngày 27 tháng 2 năm 2026

Người lập

Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt

Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Linh  
Tổng Giám đốc



